Đề cương nghiên cứu · Phiên bản cuối cùng V1.6

Nghiên cứu năng lực doanh nghiệp và quản trị vốn trong thời kỳ biến đổi công nghệ thông minh

Công nghệ thúc đẩy kinh doanh. Khoa học và công nghệ định hướng đổi mới.

蔚腾飞

ANDREW DAVID W.Y.

Ngày 26 tháng 11 năm 2026

Thư mục

Đường đọc của tác giả · So sánh hình ảnh và văn bản

01 Tổng quan nghiên cứu
02 Định vị nghiên cứu và các vấn đề cốt lõi
03 Cơ sở định vị và phân loại học thuật
04 Trọng tâm dài hạn: Các hình thức tổ chức phát triển như thế nào
05 Mô hình giải thích chung
06 Năm phương và mười lăm đường chính
07 A. Áp dụng công nghệ thông minh và tái cơ cấu tổ chức
08 B. Tích lũy và cập nhật năng lực của công ty
09 C. Giá trị khách hàng, cạnh tranh thị trường và thu được doanh thu
10 D. Đầu tư, tài trợ và phân bổ vốn
11 E. Phân bổ quyền, khuyến khích và quản trị hợp tác
12 Định vị và kiểm tra các đóng góp ban đầu
13 Ranh giới khái niệm về mối quan hệ vốn dài hạn và tài sản hoạt động
14 Thống nhất các chiều so sánh và cơ chế hoạt động
15 Thẻ nghiên cứu, chỉ số và bằng chứng
16 Làm thế nào công nghệ và sắp xếp tổ chức có thể dẫn đến cải tiến kinh doanh bền vững
17 Các điều kiện cấp vốn ảnh hưởng như thế nào đến việc tiếp tục, điều chỉnh và ngừng đầu tư năng lực?
18 Việc đóng góp, kiểm soát và sắp xếp lợi ích ảnh hưởng như thế nào đến vòng đầu tư tiếp theo
19 Xuất phát điểm hiện tại được tác giả xác nhận
20 Mối liên hệ giữa đồng xây dựng nghiên cứu khoa học, tài sản vận hành và lợi nhuận tái đầu tư
21 Thực tiễn nghiên cứu khoa học, cơ cấu hoạt động và tình trạng bằng chứng của Company Zero
22 Kết quả nghiên cứu và đánh giá thực tế
23 Điều hướng Phụ lục
24 Tài liệu đọc minh họa và có thể chỉnh sửa
25 Phân loại AOM và thư từ nghiên cứu
26 Mô hình sinh thái và tích lũy tổng thể
27 Bản thảo và giấy tờ gốc
28 Kế thừa liên tục các hướng dẫn và phương pháp hiện có
29 Một ngôn ngữ phân tích chung về vốn và tài chính
30 Giải pháp tổng hợp và cá nhân hóa WISERUNION
31 Danh mục sản phẩm polymer và cam kết nghiên cứu
32 Danh mục dịch vụ thống nhất và cam kết nghiên cứu
33 Nhà cung cấp, khu vực quốc gia và tổ chức chịu trách nhiệm
34 Hướng tham khảo giải pháp: đường dẫn vốn và kết nối thị trường
35 Hướng tham khảo giải pháp: vận hành và hợp tác số hóa
36 Điều kiện thăng tiến hành nghề tại Công ty Zero
37 Chỉ số và đánh giá nghiên cứu của công ty Zero
38 Mục lục nguồn · Nghiên cứu và phương pháp
39 Chỉ mục nguồn · Kinh doanh & Thực hành
40 Mục lục nguồn·Định vị học thuật và mô hình bổ sung
41 Chỉ mục nguồn · Đóng góp gốc và tài liệu so sánh
42 Hoàn thành văn bản tương đương kèm theo hình ảnh
43 Nghiên cứu và thực tiễn

Nhấp vào mục lục hoặc sử dụng dấu trang PDF để chuyển. Bản xem trước hình ảnh được định vị ở hình ảnh gốc trong văn bản. Để biết các tệp nguồn có thể chỉnh sửa, hãy xem gói đính kèm cuối cùng V1.6.

- **tác giả:** Andrew David W.Y.
- **Phiên bản:** V1.6 · Phiên bản cuối cùng của đề cương nghiên cứu
- **ID sửa đổi:** V1.6-F20261126-Đề cương nghiên cứu cuối cùng
- **Ngày phiên bản:** Ngày 26 tháng 11 năm 2026
- **Dự thảo cuối cùng:** Phiên bản sửa đổi nghiên cứu quản lý chiến lược V1.6 · 26 tháng 11 năm 2026
- **Mục đích:** Đề cương chung về nghiên cứu cá nhân, có tính đến việc xem xét và sử dụng của nhóm
- **Vị trí học thuật chính:** Một chương trình nghiên cứu liên ngành với Quản lý chiến lược AOM (STR) làm cơ sở học thuật chính
- **Mục tiêu thực tập:** Công ty Zero; trường hợp bên ngoài để so sánh và xác định ranh giới
- **Nguyên tắc khuyến mãi:** Tạm ứng theo điều kiện, bằng chứng và kết quả theo từng giai đoạn, không có thời hạn cố định

đường dẫn đọc

Đọc đầu tiên Tổng quan nghiên cứu và định vị nghiên cứu, nhìn lại Mô hình giải thích chung với Năm phương và mười lăm đường chính. Nếu bạn cần đi sâu hơn, hãy tiếp tục đọc đóng góp ban đầu、Phương pháp so sánh và nghiên cứu, ba chủ đề hàng đầu và sự kết nối thực tế của công ty zero; khi nghiên cứu con đường quan hệ vốn dài hạn, hãy nhập ranh giới khái niệm。

- **Ba chủ đề hàng đầu:** Lệnh thu thập chứng cứ · Công nghệ, tổ chức và năng lực · Đầu tư vốn và năng lực · Đóng góp, vốn sở hữu và đầu tư tiếp theo
- **Thẻ học nhóm:** Flagship 1·Các dự án vòng đầu tiên và điểm đến mua sắm · C2 · Các khoản thu, chi và lợi nhuận ròng
- **Đầu vào thực tập:**Xuất phát điểm hiện tại được tác giả xác nhận · Tái đầu tư tài sản hoạt động và lợi nhuận · Điều kiện thăng tiến thực tế
- **Định vị và Phụ lục:**định vị học thuật · Hỗ trợ AOM/SMS · Mô hình hiện có · Sản phẩm · dịch vụ · nhà cung cấp · giải pháp · Hồ sơ nghiên cứu và ví dụ
- **Hình ảnh và nguồn:**Danh mục hình ảnh · Văn bản tương đương với hình ảnh · Nguồn tác giả và phương pháp nghiên cứu · nguồn kinh doanh · nguồn học thuật · Đóng góp cho văn học so sánh

Để tìm thông tin về doanh nghiệp và nền tảng, bạn có thể truy cập trực tiếp vào phần phụ lục. Nếu bạn muốn xem Company Zero bắt đầu thu thập bằng chứng từ loại công việc nào, trước tiên bạn có thể đọc Trình tự thu thập chứng cứ cho ba chủ đề trọng tâm。

Tổng quan nghiên cứu

Biểu hiện công khai:**Công nghệ thúc đẩy kinh doanh. Khoa học và công nghệ định hướng đổi mới.** Đề xuất cấp trên:**Sự thích ứng của doanh nghiệp và sự khác biệt trong thay đổi công nghệ.**

> Trước biến đổi công nghệ, doanh nghiệp điều chỉnh mô hình kinh doanh, cách tổ chức và cơ chế vốn như thế nào để xây dựng và đổi mới năng lực, đồng thời tạo ra và thu nhận giá trị? Vì sao các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tương tự lại có kết quả kinh doanh dài hạn và lộ trình phát triển khác nhau?

Câu hỏi thể hiện tốt nhất dàn ý chung

Sau khi các công ty ngang hàng đều có thể có được những công nghệ tương tự, làm thế nào các công ty có thể phát huy năng lực của mình, giữ lại lợi nhuận trong cạnh tranh và tạo điều kiện cho vòng đầu tư tiếp theo? Trước tiên, hãy xem cách các công ty phải đối mặt với các nguồn cung cấp công nghệ tương tự lựa chọn, bao gồm áp dụng, trì hoãn hoặc tiếp tục các hoạt động ban đầu của họ. Sau đó so sánh các doanh nghiệp có điều kiện sử dụng thực tế tương tự nhau để xem phương pháp tổ chức và thu xếp vốn ảnh hưởng như thế nào đến kết quả hoạt động tiếp theo.

Lấy việc giao hàng của khách làm ví dụ, lần đầu tiên cái gì được cứu? Lần tới khi có nhiệm vụ tương tự đến, bạn vẫn có thể làm tốt chứ? Khách hàng đã chọn ai khi mua lại? Bằng cách kết nối những điều này, chúng ta có thể thấy rõ ai là người được hưởng lợi và công ty sẽ sử dụng những gì để hỗ trợ cho vòng đầu tư tiếp theo.

Con đường nghiên cứu tôi đã tích lũy được nhiều nhất

Làm thế nào để các bên liên quan tự nguyện mua lại và tiếp tục nắm giữ những lợi ích liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp? Trong những điều kiện nào thì sự sắp xếp như vậy sẽ thay đổi việc chia sẻ kiến thức, đầu tư tận tâm và tiếp tục hợp tác? Ví dụ: nếu đối tác chấm dứt dịch vụ thì các quyền và lợi ích có được trước đây sẽ tiếp tục được tôn trọng như đã thỏa thuận. Khi có cơ hội hợp tác tiếp theo, liệu anh ta có sẵn sàng đầu tư hơn hay sẽ giữ lại quyền lợi của mình và đầu tư sức lực vào nơi khác? Cả hai lựa chọn đều xứng đáng được giải thích.Cơ chế hình thành và bền vững của các mối quan hệ vốn lâu dài

Năm hướng nghiên cứu trả lời câu hỏi tổng thể từ những góc nhìn khác nhau. A xem xét việc áp dụng công nghệ thông minh và tái cơ cấu tổ chức, B xem xét tích lũy và đổi mới năng lực, C xem xét giá trị khách hàng, cạnh tranh và thu được doanh thu, D xem xét đầu tư, tài chính và phân bổ vốn, và E xem xét các quyền, ưu đãi và quản trị hợp tác. AI là công nghệ nhận thức và làm việc, còn blockchain là công nghệ thể chế. Vai trò tương ứng của họ phải được so sánh trong các nhiệm vụ và quy tắc cụ thể. Mỗi lý thuyết, phương pháp và sắp xếp thể chế được đề xuất đều có những điều kiện áp dụng.Năm phương và mười lăm đường chính · Mô hình giải thích chung

Công ty Zero là mục tiêu của việc luyện tập. Tôi ưu tiên việc giao hàng định kỳ cho khách hàng và việc xây dựng nội dung kiến thức cũng có thể cung cấp tài liệu chuyển giao và tái sử dụng. Tài liệu thay thế khi có quyết định về ngân sách. Trong quá trình chuẩn bị hệ thống đồng xây dựng, trước tiên hãy nghiên cứu khả năng phán đoán và sẵn sàng, chờ các quy định có hiệu lực, sau đó xem xét việc thực hiện thực tế và đầu tư tiếp theo. Dữ liệu bên ngoài của công ty và ngang hàng được sử dụng để so sánh sự khác biệt. Quan hệ vốn dài hạn và tài khoản vốn dài hạn là hai khoản đóng góp chính được đề xuất của tôi và bốn khoản đóng góp ứng cử viên còn lại được thử nghiệm riêng biệt. Về lâu dài, tôi lo ngại về việc hình thức tổ chức của doanh nghiệp và các bên liên quan có thể phát triển như thế nào trước những thay đổi về công nghệ thông minh và sắp xếp thể chế.

> **Người bạn biết là điểm khởi đầu của sự kết nối; những gì bạn có thể làm cùng nhau phụ thuộc vào cách tổ chức cộng tác.**

Định vị nghiên cứu và các vấn đề cốt lõi

biểu hiện công khai

> Công nghệ thúc đẩy kinh doanh. Khoa học và công nghệ định hướng đổi mới.

“Công nghệ” ở đây tập trung vào các ứng dụng cụ thể vào doanh nghiệp, trong khi “công nghệ” tập trung vào tác động rộng hơn của kiến thức khoa học và phát triển công nghệ. Công nghệ mang lại những khả năng và nhu cầu kinh doanh, sự cạnh tranh, tổ chức và thu xếp vốn ảnh hưởng đến việc áp dụng công nghệ và kết quả của nó; nghiên cứu cho phép không có thay đổi, thất bại và các con đường phát triển khác nhau, đồng thời không dự đoán rằng công nghệ chắc chắn sẽ cải thiện hoạt động.

đề xuất cấp trên

> Sự thích ứng của doanh nghiệp và sự khác biệt trong thay đổi công nghệ.

Chủ đề chung

Nghiên cứu năng lực doanh nghiệp và quản trị vốn trong thời kỳ biến đổi công nghệ thông minh

Câu hỏi nghiên cứu cốt lõi

> Trước biến đổi công nghệ, doanh nghiệp điều chỉnh mô hình kinh doanh, cách tổ chức và cơ chế vốn như thế nào để xây dựng và đổi mới năng lực, đồng thời tạo ra và thu nhận giá trị? Vì sao các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tương tự lại có kết quả kinh doanh dài hạn và lộ trình phát triển khác nhau?

Nghiên cứu này lấy doanh nghiệp làm đối tượng phân tích cốt lõi, so sánh cách doanh nghiệp điều chỉnh mô hình kinh doanh, phương pháp tổ chức và thu xếp vốn trước những thay đổi về công nghệ, đồng thời giải thích tại sao việc hình thành và đổi mới năng lực, tạo ra và mua lại giá trị cũng như kết quả hoạt động lâu dài và con đường phát triển lại khác nhau. Năm hướng và mười lăm chủ đề chính phối hợp với nhau để sắp xếp câu hỏi và nghiên cứu cụ thể có thể hỗ trợ, xác định hoặc phủ nhận những lời giải thích của ứng viên.

Mở rộng các vấn đề cốt lõi	nhiệm vụ nghiên cứu
Các công ty điều chỉnh mô hình kinh doanh, phương pháp tổ chức và thu xếp vốn như thế nào?	So sánh các yêu cầu, cạnh tranh, nhiệm vụ, hạn chế về công nghệ và nguồn lực, đồng thời quan sát các lựa chọn như áp dụng, kết hợp, thay thế truyền thống và không điều chỉnh.

Mở rộng các vấn đề cốt lõi	nhiệm vụ nghiên cứu
Các khả năng được hình thành và cập nhật như thế nào cũng như các giá trị được tạo ra và thu được như thế nào?	Theo dõi những thay đổi trong công việc và tổ chức, học tập và duy trì năng lực, cách sử dụng của khách hàng và các khoản thanh toán thực tế cũng như thu được giá trị tương ứng dưới sự cạnh tranh, quyền và phân bổ vốn.
Tại sao các công nghệ tương tự lại tương ứng với các kết quả và lộ trình dài hạn khác nhau?	So sánh các điều kiện, quy trình và kết quả liên thời gian và tổ chức, bao gồm các tình huống như mất năng lực, gián đoạn hợp tác, thất bại trong kinh doanh và không có thay đổi đáng kể, đồng thời xác định phạm vi áp dụng của giải thích.

Phát triển cụ thể các vấn đề cốt lõi: công nghệ tương tự và kết quả khác nhau

> Tại sao các công ty sử dụng công nghệ thông minh tương tự lại tạo ra kết quả hoạt động dài hạn khác nhau? Việc sắp xếp về tổ chức và vốn ảnh hưởng như thế nào đến việc tích lũy năng lực, ai cuối cùng sẽ nắm bắt được giá trị mới và sự phân bổ này ảnh hưởng như thế nào đến vòng đầu tư và hợp tác tiếp theo?

Câu hỏi hiện tại này tiếp tục mở rộng câu hỏi về "các công nghệ tương tự và kết quả khác nhau" trong câu hỏi chung, kết nối việc điều chỉnh tổ chức, tích lũy năng lực, thu được giá trị và vòng đầu tư tiếp theo. "Giá trị gia tăng" tiếp tục được sử dụng như một khái niệm phân tích và đo lường, và nó không thể được sử dụng để thu hẹp thu nhập được bao phủ bởi các hệ thống cụ thể chỉ còn thu nhập mới.

Các vấn đề hỗ trợ quan trọng: năng lực tổ chức và hình thành tài sản hoạt động

> Trong những điều kiện tổ chức và quản trị nào, kiến thức, năng lực chuyên môn, các mối quan hệ xã hội và nguồn vốn đã phân tán có thể được chuyển hóa thành năng lực và tài sản hoạt động mà doanh nghiệp có thể sử dụng bền vững? Lợi nhuận tương ứng có thể hỗ trợ việc đầu tư liên tục của người tham gia như thế nào?

Câu hỏi này nghiên cứu cách các yếu tố phân tán đi vào hoạt động thực tế và được sử dụng liên tục trong các nhiệm vụ, vai trò, phân công lao động, mối quan hệ sử dụng và sắp xếp tổ chức. Hiệu suất năng lực, ranh giới tài sản vận hành, chi phí đầu vào và lợi nhuận của người tham gia được kiểm tra riêng biệt để cung cấp hỗ trợ cho việc giải thích sự thích ứng và sự khác biệt của công ty.

Hướng nghiên cứu quan trọng: mối quan hệ giữa các bên liên quan và vốn dài hạn

> Làm thế nào các bên liên quan có thể có được và tiếp tục nắm giữ các lợi ích liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp dựa trên sự lựa chọn tự nguyện và các quy định của thể chế, hình thành các mối quan hệ vốn lâu dài? Mối quan hệ này ảnh hưởng đến hình thức tổ chức, tích lũy năng lực, phân phối thu nhập và hợp tác liên tục như thế nào và nó được kế thừa, hiện thực hóa và tiếp tục thông qua hoạt động vốn như thế nào?

Sự tích lũy này tiếp tục được đặt trong con đường quan hệ giữa các bên liên quan và vốn dài hạn, chủ yếu kết nối các quyền, ưu đãi và quản trị hợp tác của E với hoạt động vốn của D, đồng thời so sánh hậu quả của nó đối với việc tích lũy khả năng của B, việc tạo ra và mua lại giá trị của C cũng như phương pháp làm việc và tổ chức của A. Lý thuyết về vốn của các bên liên quan, quan hệ vốn dài hạn, tài khoản vốn dài hạn, NST, quản trị sinh thái và bốn thủ đô, v.v., được nghiên cứu dưới dạng giải thích lý thuyết, phương pháp, sắp xếp quản trị và con đường thực tiễn theo tính chất thực tế của chúng; năm hướng cũng phù hợp với những giải thích và sắp xếp có căn cứ khác.

Các mối quan hệ vốn dài hạn vẫn bị giới hạn ở những người tham gia độc lập chấp nhận và tiếp tục nắm giữ vốn cổ phần liên quan đến giá trị dài hạn và chiến lược vốn của công ty theo các thỏa thuận hiệu quả. Việc mua lại cổ phần, tiếp tục nắm giữ, hợp tác kinh doanh, hoạt động thực tế, chuyển nhượng và mua lại được quan sát riêng biệt; tiền lương thông thường, vật tư, tư cách thành viên trả phí và bản thân các dịch vụ thường xuyên không trở thành mối quan hệ vốn và cũng không được coi là giao dịch một lần. Để biết các định nghĩa và ranh giới cụ thể, xem Ranh giới khái niệm về mối quan hệ vốn dài hạn và tài sản hoạt động。

Khung diễn giải, điều kiện kỹ thuật và trình độ nghiên cứu

AI là công nghệ nhận thức và làm việc, còn blockchain là công nghệ tổ chức. Áp dụng so sánh, không áp dụng, áp dụng kết hợp hoặc thay thế truyền thống trong các chủ đề cụ thể, cũng như sự khác biệt về điều kiện đối với những lựa chọn này. Bản thân việc sử dụng công nghệ không chứng minh được sự hình thành năng lực, hiện thực hóa giá trị hoặc thiết lập các mối quan hệ vốn lâu dài.

Mô hình giải thích chung Nó dùng để giải thích cơ chế trong vấn đề nghiên cứu tổng quát, kết nối công nghệ, tổ chức, năng lực và vốn, tiếp tục sử dụng nội dung cơ chế hiện có. Để có cái nhìn tổng quan về nghiên cứu, xem Tổng quan nghiên cứu。

Đề xuất cấp cao hơn → tiêu đề chung → vấn đề cốt lõi → năm hướng cấp một → mười lăm dòng chính liên tục → chủ đề nghiên cứu cụ thể → lý thuyết, kế hoạch, phương pháp và bằng chứng.

Việc tích lũy nghiên cứu hiện tại được tổ chức theo vấn đề chung, và các tên ban đầu và thứ bậc của chủ đề chung, năm hướng và mười lăm dòng chính được duy trì. Các lý thuyết, mô hình, chương trình, phương pháp và công cụ đề xuất các giải thích phù hợp hoặc sắp xếp thực tế dựa trên các đặc tính thực tế, tiếp tục tiếp thu kết quả của các nhà nghiên cứu khác và tích lũy thông qua so sánh, trình diễn, thử nghiệm và sửa đổi. Hai đóng góp chính được đề xuất và bốn ứng cử viên phụ là sự kết hợp đóng góp được đề xuất của tôi. Mức độ ưu tiên, lập luận và trạng thái bằng chứng được giữ lại và không đại diện cho tất cả các nghiên cứu về đề cương chung.

Năm hướng trả lời những gì được nghiên cứu và năm khía cạnh của học viện, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh và vốn trả lời các hoạt động thực tế được tổ chức như thế nào. Cả hai không tương ứng một với một. Bốn hệ sinh thái tiếp tục tổ chức những người tham gia và các mối quan hệ, đồng thời bốn tài sản được sử dụng để giải thích logic nguyên tắc của các chiến lược vận hành và quản lý tài sản dài hạn. Mối quan tâm lâu dài là: hình thức tổ chức của doanh nghiệp và các bên liên quan có thể phát triển như thế nào trước những thay đổi về công nghệ thông minh và sắp xếp thể chế. Việc đặt câu hỏi này không giả định trước rằng một hình thức nhất định chắc chắn sẽ xuất hiện, cũng không thể khái quát hóa những giải thích ở cấp độ doanh nghiệp để giải thích cho toàn xã hội.

Phạm vi nghiên cứu và mục tiêu thực tiễn

Công ty Zero là nơi cung cấp thực tế tổng thể các kết quả nghiên cứu khoa học và là một tổ chức thực sự tiếp tục hoạt động, tạo thu nhập bên ngoài và thực hiện các hoạt động vốn. Kết quả nghiên cứu khoa học xuyên suốt từ hoạt động, tổ chức, thực hiện, nâng cao năng lực, phân bổ vốn và quản trị hợp tác xã; việc sử dụng, kết quả, những sai lệch và những vấn đề mới trong thực tiễn phản hồi lại nghiên cứu khoa học. Học thuật, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh và vốn tạo thành một cấu trúc hoạt động năm chiều được kết nối với nhau: lý thuyết và định hướng tổ chức, bản sắc tham gia cơ bản, nguồn lực xã hội và tổ chức, kinh doanh tạo ra lợi nhuận, hoạt động vốn và bốn chu kỳ vốn. Các hoạt động năm chiều được thực hiện bởi năm hướng nghiên cứu đã được thiết lập và mười lăm hướng chính, cả hai đều ở các cấp độ khác nhau.

Các doanh nghiệp, khách hàng, dự án hợp tác khác được sử dụng để cộng tác thực tế, các trường hợp, so sánh, xác định ranh giới và đầu vào, quyền lợi, kết quả của từng đối tượng được ghi nhận riêng.

Làm thế nào để thúc đẩy nghiên cứu phụ thuộc vào điều kiện nghiên cứu, tích lũy bằng chứng và kết quả giai đoạn. Không có giới hạn thời gian cố định. Đề xuất mô hình, xây dựng kế hoạch, thực tế triển khai, sử dụng kết quả và bằng chứng về hiệu quả được đăng ký riêng.

Cơ sở định vị và phân loại học thuật

Cơ sở học thuật chính

Nghiên cứu này dựa trên **Quản lý chiến lược (STR)** Là cơ sở học thuật chính, nó giao thoa giữa công nghệ và tổ chức kỹ thuật số, đổi mới công nghệ, lý thuyết tổ chức, thay đổi tổ chức, nhận thức và học tập, quản trị các bên liên quan, hành vi tổ chức và hợp tác hoạt động. Các lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn và luật tài chính là những ngành cần thiết liền kề với việc nghiên cứu hoạt động vốn.

Định vị này chủ yếu dựa trên tuyên bố hiện trường của AOM: STR tập trung vào lý do tại sao các công ty phát triển hiệu suất theo thời gian khác nhau trong các điều kiện khác nhau và bao gồm các vấn đề như nguồn lực và năng lực, ranh giới tổ chức, thực hiện chiến lược, quản trị, liên minh cũng như mua bán và sáp nhập. Xem Mô tả tên miền chính thức của AOM STR。

Vai trò và phạm vi áp dụng của phân loại

AOM và SMS là những cộng đồng học thuật quan trọng để nghiên cứu chiến lược và quản lý. Việc nhóm của họ giúp tìm kiếm tài liệu, đồng nghiệp và hội nghị, đồng thời cung cấp tài liệu tham khảo cho các cuộc trò chuyện nghiên cứu. Định nghĩa của lĩnh vực này thông qua tuyên bố công khai của xã hội; sự tương ứng giữa đề cương này và từng lĩnh vực là một đánh giá định vị dựa trên các vấn đề cốt lõi và mức độ phân tích, chứ không phải là chứng nhận của xã hội.

Nghiên cứu này tập trung vào chủ đề chung của riêng nó và sử dụng “năm hướng và mười lăm đường chính” để tổ chức các vấn đề. Nó liên quan đến nhiều lĩnh vực nghiên cứu quốc tế và không đóng vai trò như một sự phân loại thống nhất mà tất cả các học giả phải áp dụng.

cấp độ	Nhiệm vụ đảm nhận	Phương pháp cập nhật
Tiêu đề chung và các vấn đề cốt lõi	Xác định ranh giới của việc tìm hiểu và nghiên cứu chung	Duy trì tính liên tục và xem xét các vấn đề chính khi chúng thay đổi

cấp độ	Nhiệm vụ đảm nhận	Phương pháp cập nhật
Năm phương và mười lăm đường chính	Tài liệu tổ chức, chủ đề, thực tiễn và kết quả	Là một chỉ số ổn định, tiếp tục đi sâu
Lý thuyết và mô hình	Đưa ra những giải thích mang tính máy móc và những đề xuất có thể kiểm chứng được	So sánh với các giải thích khác và sửa đổi dựa trên bằng chứng
Giải pháp, phương pháp và công cụ	Chuyển các vấn đề thành các sắp xếp để thực hiện, tài liệu và phân tích	Kiểm tra, so sánh, cải tiến và giải thích các điều kiện áp dụng
Thực hành và bằng chứng	Xác minh đầu vào, hành động và kết quả thực sự xảy ra	hỗ trợ, hạn chế hoặc từ chối một bản án hiện có

báo cáo nghiên cứu tổng thể

Đề xuất cấp cao hơn của nghiên cứu này là:**Sự thích ứng của doanh nghiệp và sự khác biệt trong thay đổi công nghệ.**

Câu hỏi cốt lõi là: Trước những thay đổi về công nghệ, các công ty phải điều chỉnh mô hình kinh doanh, phương pháp tổ chức và thu xếp vốn như thế nào để hình thành và cập nhật năng lực, tạo ra và thu được giá trị? Tại sao các công ty sử dụng công nghệ tương tự lại có kết quả hoạt động và lộ trình phát triển dài hạn khác nhau?

Câu hỏi này nhằm giải thích vì sao kết quả hoạt động và con đường phát triển giữa các thời kỳ của doanh nghiệp lại khác nhau. Để đạt được mục tiêu này, nó liên kết việc áp dụng công nghệ, mô hình kinh doanh, tái cơ cấu tổ chức, tích lũy năng lực, thu thập giá trị và thu xếp vốn. Cơ sở học thuật chính vẫn là STR, và các bài viết cụ thể được chia thành các lĩnh vực như công nghệ và tổ chức, học tập, quản trị các bên liên quan và tài chính cần thiết theo các vấn đề trọng tâm và cấp độ phân tích. Điều được điều chỉnh ở đây là sự kết nối của các câu hỏi trong đề cương này và các mô tả lĩnh vực xã hội hiện tại, nguồn phân loại và phạm vi áp dụng vẫn được duy trì.

Làm thế nào các yếu tố phân tán có thể trở thành khả năng triển khai bền vững và tài sản vận hành vẫn là một câu hỏi hỗ trợ. Vốn của các bên liên quan, quan hệ vốn dài hạn, tài khoản vốn dài hạn, NST, quản trị sinh thái và bốn thủ đô, v.v., được sử dụng để giải thích lý thuyết, phương pháp, sắp xếp quản trị và lộ trình thực tế cụ thể theo tính chất thực tế của chúng. Vấn đề về mối quan hệ vốn dài hạn chủ yếu kết nối E và D, đồng thời so sánh hậu quả của nó đối với B, C và A. Các ranh giới khái niệm ban đầu và tích lũy nghiên cứu được giữ lại, các hướng khác cũng có thể có những vấn đề lý thuyết, cách giải thích và kết quả riêng.

Chủ đề cụ thể so sánh vai trò nhận thức và công việc của AI, vai trò thể chế và kỹ thuật của blockchain, đồng thời so sánh việc áp dụng, kết hợp, thay thế truyền thống và sự khác biệt về điều kiện. Hai đóng góp chính được đề xuất và bốn đóng góp phụ được đề xuất là sự kết hợp đóng góp được đề xuất của tôi, và các lập luận, ưu tiên và trạng thái bằng chứng được giữ lại; những tích lũy này không đại diện cho tất cả các nghiên cứu về đề cương chung, cũng như không thể xác định tính nguyên bản dựa trên điều này.

Quản trị sinh thái hiện có, SOP bốn chiều, khả năng vận hành AI, cơ chế vốn và công nghệ hệ thống blockchain là mô hình, phương pháp và điểm khởi đầu thực tế của nghiên cứu này. Nhiệm vụ và vai trò nhận thức của AI, vai trò thể chế và hợp tác của blockchain, kết nối CTO, OMT, STR, SIM và các lĩnh vực lân cận theo các vấn đề cụ thể, tên kỹ thuật không thể thay thế những đóng góp mang tính học thuật. Đóng góp cụ thể được thiết lập

thông qua các đề xuất, thiết kế so sánh, bằng chứng cơ chế, phương pháp hoặc thiết kế thể chế; mức tăng đề xuất và trạng thái hiện tại được hiển thị trong Định vị và kiểm tra các đóng góp ban đầu。

Phân loại học thuật và các bài viết cụ thể

Mỗi chủ đề nên ghi lại rõ ràng một câu hỏi nghiên cứu chính, làm rõ quan điểm học thuật chính và một số lĩnh vực liên ngành có cơ sở. Các bài viết cụ thể lựa chọn các lĩnh vực đối thoại dựa trên đóng góp về mặt lý luận và mức độ phân tích. Tên kỹ thuật, tên ngành hoặc tên công cụ không thể được sử dụng để thay thế trực tiếp các vấn đề học thuật.

Trọng tâm dài hạn: Các hình thức tổ chức phát triển như thế nào

Mối quan tâm lâu dài của nghiên cứu này là một câu hỏi mở: các hình thức tổ chức của doanh nghiệp và các bên liên quan có thể phát triển như thế nào dưới những thay đổi trong công nghệ thông minh và sắp xếp thể chế. Nghiên cứu bắt đầu từ mô hình kinh doanh, phong cách tổ chức và sắp xếp vốn của doanh nghiệp khi đối mặt với những thay đổi về công nghệ, đồng thời so sánh sự hình thành và đổi mới năng lực, việc tạo ra và mua lại giá trị cũng như kết quả hoạt động lâu dài và lộ trình phát triển để xem hình thức tổ chức tiếp tục, điều chỉnh hay thay đổi trong những điều kiện nào.

Trong các tổ chức cụ thể và quan hệ đối tác của họ, hãy kiểm tra cách công nghệ đi vào các nhiệm vụ, quy trình, nhận thức và cộng tác, những thay đổi nào được giữ lại và chuyển giao cũng như những thay đổi nào vẫn phụ thuộc vào con người, công nghệ hoặc mối quan hệ cụ thể. Công nghệ mang đến những khả năng và nhu cầu, sự cạnh tranh, các điều kiện về tổ chức và vốn cũng ảnh hưởng đến sự lựa chọn và kết quả. Việc áp dụng, kết hợp, thay thế truyền thống, không có sự thay đổi hoặc thất bại rõ ràng đều phải được quan sát. Không thể cho rằng các công nghệ tiên tiến hơn chắc chắn sẽ mang lại kết quả tốt hơn hoặc các hình thức tổ chức mới.

Các yếu tố phân tán được chuyển hóa thành năng lực và tài sản vận hành để cung cấp hỗ trợ. Mối quan hệ giữa các bên liên quan và vốn dài hạn là một con đường cụ thể và có thể so sánh được: cách những người tham gia tự nguyện chấp nhận và tiếp tục nắm giữ các lợi ích liên quan đến giá trị dài hạn và chiến lược vốn của công ty, cách thức tổ chức, năng lực, lợi nhuận và sự hợp tác thay đổi cũng như cách hoạt động vốn thực hiện, tôn vinh và tiếp tục các mối quan hệ này. Việc nắm giữ, hợp tác, lợi ích và hiệu suất tiếp tục được dung hòa riêng biệt và con đường này không thay thế sự so sánh với các thỏa thuận về tổ chức và vốn khác.

Vai trò nhận thức và công việc của AI và vai trò công nghệ thể chế của blockchain được so sánh dựa trên các chủ đề cụ thể, chẳng hạn như việc áp dụng, kết hợp, thay thế truyền thống và sự khác biệt về điều kiện; Bản thân việc sử dụng công nghệ không chứng minh sự hình thành các mối quan hệ vốn, cũng không chứng tỏ một hình thức tổ chức nào đó là ưu việt hơn.

Ở giai đoạn này, doanh nghiệp, nhiệm vụ thực tế và các mối quan hệ hợp tác có thể kiểm chứng vẫn là đối tượng phân tích chính, tuân theo năm hướng và mười lăm đường lối chính. Liệu những phát hiện cụ thể có thể giải thích những thay đổi rộng hơn trong các hình thức tổ chức hay không đòi hỏi phải chứng minh được phạm vi áp dụng; không thể suy luận rằng các hình thức tổ chức của con người chắc chắn sẽ thay đổi dựa trên thực tiễn của một tổ chức, cũng như không thể khẳng định rằng nghiên cứu này đã giải thích được toàn bộ xã hội.

Mô hình giải thích chung

> Những lựa chọn này thay đổi cách các công ty tích lũy năng lực khi áp dụng công nghệ, điều chỉnh cách làm việc, phân bổ vốn và kiểm soát như thế nào? Khách hàng nhận ra điều gì, lợi nhuận mà các công ty và những người tham gia khác đạt được là gì, họ gặp phải rủi ro gì và họ quyết định vòng đầu tư, hợp tác hoặc rút lui tiếp theo như thế nào?
>
> Trên con đường nghiên cứu mối quan hệ vốn dài hạn giữa các bên liên quan, tôi xem xét sâu hơn xem tài khoản vốn dài hạn hỗ trợ việc xác nhận, thực hiện và xem xét các quyền và lợi ích như thế nào. Khi cần xác minh nhiều bên, hãy so sánh blockchain với các phương pháp ghi khác để xem cách sắp xếp nào hoạt động trong các điều kiện cụ thể.

Hình R01 · Mô hình giải thích chung

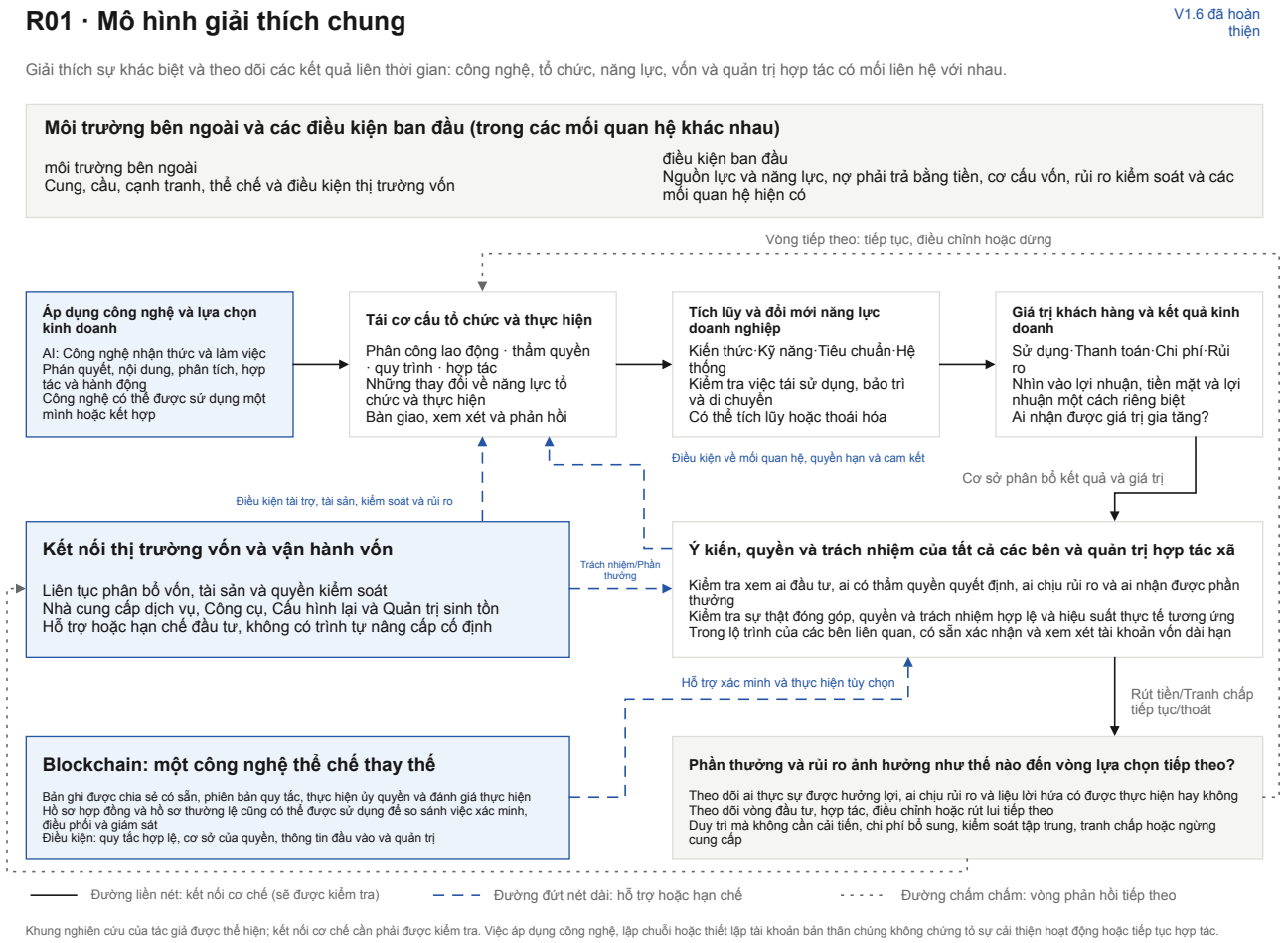

Công nghệ và sắp xếp tổ chức thay đổi năng lực của công ty như thế nào, làm thế nào để tất cả các bên có được lợi ích, chịu rủi ro và làm thế nào để họ quyết định vòng đầu tư, hợp tác hoặc rút lui tiếp theo? Hình này sử dụng các tài khoản vốn dài hạn để minh họa sự sắp xếp các quyền và trách nhiệm trên lộ trình của các bên liên quan.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Môi trường bên ngoài và các điều kiện ban đầu xuyên suốt từng mối quan hệ. Phải xem xét việc áp dụng công nghệ và lựa chọn vận hành ảnh hưởng như thế nào đến việc tích lũy hoặc suy giảm năng lực thông qua phân công lao động, quyền hạn, bàn giao và phản hồi, sau đó ảnh hưởng đến việc sử dụng, thanh toán và kết quả hoạt động của khách hàng. AI có thể tham gia vào việc phán đoán, nội dung, phân tích, cộng tác và hành động. Kết nối thị trường vốn và hoạt động vốn hỗ trợ hoặc hạn chế đầu tư thông qua việc phân bổ vốn, tài sản và quyền kiểm soát. Quan sát những gì mỗi bên đã đầu tư, ai có quyền đưa ra quyết định, ai chịu rủi ro và ai thực sự nhận được phần thưởng, đồng thời kiểm tra thông tin đóng góp, quyền và trách nhiệm thực tế cũng như hiệu suất thực tế tương ứng. Trên con đường quan hệ vốn lâu dài giữa các bên liên quan, tài khoản vốn dài hạn có thể được sử dụng để xác nhận và xem xét các quyền và hiệu quả hoạt động liên quan. So sánh các công nghệ của tổ chức bao gồm các bản ghi được chia sẻ trên blockchain, các phiên bản quy tắc, thực thi ủy quyền và đánh giá hiệu suất cũng như các bản ghi hợp đồng và thông lệ. Việc xác nhận, điều phối, giám sát và thực thi đều kiểm tra các quy tắc hợp lệ, cơ sở của quyền, thông tin đầu vào và điều kiện quản trị. AI và blockchain có thể được sử dụng độc lập, riêng lẻ hoặc kết hợp. Kết quả hoạt động, lợi nhuận và rủi ro được phản ánh trở lại vòng vốn tiếp theo và sắp xếp tổ chức, theo dõi các quyết định đầu tư, hợp tác, điều chỉnh hoặc rút lui của các bên và giữ lại các kết quả như không cải thiện, chi phí bổ sung, kiểm soát tập trung, tranh chấp hoặc đình chỉ.

Môi trường bên ngoài và điều kiện ban đầu

Môi trường bên ngoài: Cung công nghệ, nhu cầu của khách hàng, cạnh tranh thị trường sản phẩm và yếu tố, môi trường thể chế, cũng như nguồn tài chính sẵn có, giá vốn, định giá và thanh khoản trên thị trường vốn, yêu cầu của nhà đầu tư và điều kiện rút lui.

Điều kiện ban đầu: Các nguồn lực hiện có, năng lực tổ chức và cơ sở tài sản, dòng tiền và nợ phải trả, cơ cấu vốn và khả năng tài chính, quyền sở hữu, kiểm soát, chấp nhận rủi ro và các mối quan hệ hiện có với các bên liên quan.

Định vị nghiên cứu về AI và Blockchain

Nghiên cứu này tập trung vào cả công nghệ làm việc và công nghệ thể chế.**AI chủ yếu được sử dụng làm nghiên cứu công nghệ nhận thức và công việc; blockchain rõ ràng được sử dụng làm nghiên cứu công nghệ tổ chức.** Bộ phận này đề cập đến trọng tâm nghiên cứu. Việc sử dụng thực tế của hai loại công nghệ này có thể trùng lặp và chúng có thể được sử dụng độc lập hoặc kết hợp.

Định vị kỹ thuật	Nhiệm vụ trong nghiên cứu này	Cơ chế và điều kiện chính
AI: Công nghệ nhận thức và làm việc	Hỗ trợ phân tích, phán đoán, tạo nội dung, thực hiện nhiệm vụ, cộng tác và học tập, đồng thời nghiên cứu cách nó phù hợp với các quy trình, vai trò và đánh giá	Phán đoán và học hỏi, phân chia nhiệm vụ, tổ chức và phối hợp, sai lầm và tiếp quản; quan sát dựa trên dữ liệu, nhiệm vụ, quyền và khả năng của mọi người
Blockchain: Công nghệ thể chế	Tham gia xác nhận đóng góp của tổ chức, quyền và trách nhiệm, cộng tác và thực hiện bằng cách chia sẻ hồ sơ, phiên bản quy tắc, trạng thái thực thi được ủy quyền và truy xuất nguồn gốc giữa các thực thể	Xác minh, phối hợp, giám sát, cam kết và thực hiện; kết hợp với các sự kiện ngoài chuỗi, các quy tắc hiệu quả, cơ sở quyền, nguồn lực và quan sát quản trị

Định vị kỹ thuật	Nhiệm vụ trong nghiên cứu này	Cơ chế và điều kiện chính
Sự kết hợp của hai loại công nghệ	Nghiên cứu cách AI tham gia vào việc ra quyết định hoặc hành động, hồ sơ trách nhiệm và ủy quyền hỗ trợ kỹ thuật của tổ chức, cách chúng ảnh hưởng chung đến hoạt động và hợp tác	Làm rõ ai là người quyết định, ai thực hiện, ai xem xét và ai chịu trách nhiệm, đồng thời xem xét vai trò của các sắp xếp kỹ thuật, tổ chức và thể chế tương ứng.

“Công nghệ thể chế” nghiên cứu cách thức công nghệ tham gia vào việc điều phối kinh tế cũng như tổ chức và vận hành các quy định quản trị. Trong nghiên cứu này, blockchain không chỉ liên kết các tài khoản vốn dài hạn mà còn liên quan đến việc chuyển giao nhiệm vụ, quyền kiến thức và dữ liệu, hợp tác với nhà cung cấp, đánh giá đóng góp và kết nối quyền vốn. Việc áp dụng phương pháp thực hiện nào hay không phụ thuộc vào mối quan hệ cụ thể và kết quả so sánh.

Việc định vị blockchain như một công nghệ thể chế có nền tảng học thuật, xem Davidson, De Filippi và Potts (2018). Để biết về việc thay thế hoặc bổ sung vai trò quản trị của nó bằng quản trị hợp đồng và mối quan hệ cũng như các ranh giới áp dụng của nó, hãy xem Lumineau, Wang và Schilke (2021). Nghiên cứu này đặt ra các vấn đề về cơ chế và thiết kế cụ thể trên cơ sở này. [63, 66]

Cơ chế 1: Công nghệ thúc đẩy thay đổi phương pháp quản lý, tổ chức và điều hành

mức độ khả năng	Tầm cỡ nghiên cứu	Những quan sát chính
Công suất vận hành	Xác định giá trị tạo ra cho ai, lựa chọn mức độ kinh doanh và đầu tư	Đánh giá cơ hội, đánh đổi kinh doanh, giá trị khách hàng, nguồn lực và quyết định đầu tư
Quyền lực tổ chức	Triển khai các yêu cầu về kết quả vào các quy trình, trách nhiệm, ủy quyền và phân bổ nguồn lực để điều phối sự phụ thuộc lẫn nhau	Phân công lao động giữa người và máy, quyền ra quyết định, ranh giới tổ chức, nguồn lực sẵn có và hợp tác giữa các vai trò
Khả năng thực thi	Chuyển các quyết định thành việc phân phối đáng tin cậy, xử lý các sai lệch và phản hồi đầy đủ	Trì hoãn hành động, bàn giao, chất lượng, làm lại, chấp nhận, ngoại lệ và giải quyết vấn đề

Chuỗi nghiên cứu là:**Lựa chọn và áp dụng công nghệ → Thay đổi trong phân công lao động, thẩm quyền, quy trình, đánh giá và hợp tác → Thay đổi về năng lực tổ chức và thực thi → Tích lũy năng lực của doanh nghiệp → Giá trị của khách hàng và kết quả hoạt động.**

AI chủ yếu tham gia vào chuỗi này từ nhiệm vụ, phán đoán và hành động; blockchain, với tư cách là một công nghệ thể chế, tham gia từ việc chia sẻ thông tin, xác nhận quyền hạn, thực thi quy tắc và đánh giá hiệu suất. Cần phải phân biệt vai trò tương ứng của công nghệ và lựa chọn hệ thống tổ chức, sau đó nghiên cứu xem hai yếu tố này bổ sung cho nhau như thế nào.

Khi nghiên cứu các khả năng của doanh nghiệp, chúng tôi cũng cần xem liệu những cải tiến này có thể được lặp lại, duy trì, di chuyển và cập nhật giữa mọi người, nhiệm vụ, công cụ và khoảng thời gian hay không. Công nghệ có thể cải thiện việc thực hiện hoặc có thể làm tăng gánh nặng hoặc sự phụ thuộc trong phối hợp và kết quả sẽ cần được đánh giá dựa trên các điều kiện cụ thể và bằng chứng so sánh.

Cơ chế 2: Kết nối thị trường vốn và vận hành vốn

Hoạt động vốn đề cập đến một doanh nghiệp kết nối với thị trường vốn thông qua các thực thể, quyền tài chính, công cụ và cơ cấu giao dịch phù hợp dựa trên nền tảng hoạt động và nhu cầu phát triển, tổ chức vốn và nguồn lực, điều chỉnh tài sản và quyền kiểm soát, đồng thời liên tục xử lý lợi nhuận, rủi ro, quản trị và rút lui.

hàm trừu tượng	con đường hoặc phương tiện cụ thể	Cùng nhau giải thích các vấn đề trong mô hình
Người vận chuyển vốn và gia nhập thị trường	IPO, lộ trình niêm yết, mua lại đơn vị niêm yết, v.v.	Doanh nghiệp sử dụng đối tượng, điều kiện thể chế nào để kết nối với thị trường vốn?
Tổ chức công cụ tài chính và cơ cấu giao dịch	Vốn chủ sở hữu, nợ, quyền chuyển đổi và các thỏa thuận liên quan đến STO	Cách định cấu hình thời hạn, lợi nhuận, kiểm soát, trách nhiệm và rủi ro
Mua lại vốn và tái phân bổ nguồn lực	Tài trợ phát hành, sáp nhập và mua lại, giao dịch tài sản, v.v.	Nguồn vốn, tài sản hoặc quyền kiểm soát mà doanh nghiệp thực sự có được và cách thức đưa doanh nghiệp vào hoạt động
tiếp tục hoạt động vốn	Công bố thông tin, Quan hệ nhà đầu tư, Điều kiện thanh khoản, Hoàn trả, Quản lý phân phối và rút lui	Cách duy trì mối quan hệ vốn, thực hiện nghĩa vụ và hỗ trợ đầu tư tiếp theo

IPO, công cụ chứng khoán sau niêm yết và STO là các đường dẫn, cấu trúc và cách sắp xếp triển khai có thể được kết hợp và không tạo thành một trình tự nâng cấp cố định. Liệu nó có thể áp dụng được hay không cần được nghiên cứu dựa trên chủ đề, thị trường, các quyền cơ bản và các điều kiện thể chế tương ứng; việc niêm yết, phát hành, tiếp cận giao dịch và tài chính thực tế phải được tuân thủ riêng biệt.

Để biết thêm các nghĩa vụ sau niêm yết và các yêu cầu phát hành chứng khoán, xem Mô tả công ty đại chúng của SEC. Mã thông báo chứng khoán bao gồm hai cấp độ: quyền bảo mật cơ bản và triển khai kỹ thuật, xem Thông tư của Ủy ban Chứng khoán và Tương lai Hồng Kông về các hoạt động liên quan đến mã thông báo chứng khoán. Những tài liệu này được sử dụng để làm rõ các khái niệm và phân loại chứ không thúc đẩy một quy luật thị trường nhất định như một sự sắp xếp thống nhất cho tất cả các khu vực.

Logic bốn thủ đô trong chiến lược hoạt động lâu dài

Company Zero tuân theo logic chuyển đổi và luân chuyển lẫn nhau các nguồn lực, tài sản, vốn và quỹ để tổ chức quản lý tài sản và phát triển lâu dài. Hỗ trợ tiếp cận liên tục các nguồn tài nguyên chất lượng cao thông qua hoạt động vốn và các công cụ tài chính, tạo ra giá trị và hoàn vốn thông qua quản lý tài sản, sau đó hỗ trợ vòng thu mua, trồng trọt và vận hành tài nguyên tiếp theo.

Logic này được sử dụng để giải thích các chiến lược hoạt động dài hạn, xem xét cách kết nối cơ sở nguồn lực, quản lý tài sản, tổ chức vốn và lưu thông vốn. xem Một ngôn ngữ phân tích chung về vốn và tài chính và Hình R24。[67]

Cơ chế 3: Blockchain như một công nghệ thể chế hỗ trợ các mối quan hệ vốn lâu dài

Nhiệm vụ của "Vốn của các bên liên quan" trong mô hình này là nghiên cứu cách đầu tư liên tục của những người tham gia khác nhau có thể hình thành mối quan hệ vốn lâu dài bền vững thông qua xác nhận đóng góp,

sắp xếp quyền và hiệu suất thực tế.

Tài khoản vốn dài hạn Đây là hệ thống, vật mang công nghệ được nghiên cứu, thí điểm, dùng để kết nối liên tục các nội dung sau:

Cấp tài khoản	Nội dung liên quan	Căn cứ để xác minh
danh tính và các mối quan hệ	Đối tượng tham gia, thuộc hệ sinh thái, nhiều vai trò và mối quan hệ hợp tác	Nhận dạng, nhiệm vụ thực tế hoặc mối quan hệ giao dịch, phạm vi áp dụng
Đầu tư và đóng góp	Lao động, kiến thức, công nghệ, phản hồi của khách hàng, kênh, nguồn lực, vốn đầu tư và kết quả	Nguồn, bằng chứng, thẩm quyền xác nhận, xem xét và phản đối
Quyền và trách nhiệm	Tiền thù lao, thu nhập, quyền sử dụng, trình độ tham gia, trách nhiệm và rủi ro được thiết lập hoặc có điều kiện	Thỏa thuận có hiệu lực, Quy tắc áp dụng, Loại quyền và Đối tượng thực hiện
Thực hiện và quản trị	Thực hiện, giám sát, tranh chấp, sửa đổi, tiếp tục và rút tiền	Tình trạng thực hiện thực tế, ủy quyền, quyết định và hồ sơ thay đổi

Mục tiêu nghiên cứu bao gồm các bên liên quan khác nhau về nguồn lực, khách hàng, quản lý hoạt động và hệ sinh thái vốn. Cùng một thực thể có thể có nhiều vai trò và thù lao, hợp đồng, dịch vụ, ưu đãi, đầu tư và thỏa thuận quản trị được ghi nhận riêng biệt theo các mối quan hệ tương ứng của chúng.

Là một công nghệ tổ chức, blockchain được sử dụng để hỗ trợ truy xuất nguồn gốc và thực thi được ủy quyền các hồ sơ, phiên bản quy tắc và trạng thái hiệu suất cần thiết, đồng thời nghiên cứu cách nó thay đổi các phương pháp xác minh, phối hợp, giám sát và thực hiện giữa các thực thể. Tài khoản hoạt động thông qua đầu tư, hợp tác, đóng góp, phân phối, quản trị và rút lui; thực tế đóng góp, quyền hiệu lực, hiệu suất thực tế và kết quả hợp tác được xác minh riêng. Hồ sơ tài khoản không tự động tương đương với tài khoản chứng khoán, tiền phải trả hoặc vốn chủ sở hữu.

Nghiên cứu này có liên quan đến Thiết kế tài khoản vốn dài hạn WISERUNION Kết nối với nhau. Thiết kế công khai và việc thiết lập, kích hoạt, thực thi và hiệu ứng thực tế được đăng ký riêng.

Mối liên hệ giữa tài khoản vốn dài hạn và hoạt động vốn

Tài khoản vốn dài hạn ghi lại các mối quan hệ tham gia, cơ sở đóng góp, quyền, trách nhiệm và tình trạng thực hiện; hoạt động vốn nghiên cứu những thỏa thuận nào có thể được kết nối với các công cụ tài chính hoặc cơ cấu giao dịch dưới các đơn vị, quyền hiệu lực và điều kiện thị trường phù hợp.

Sau khi phát hành, tổ chức lại hoặc thay đổi quyền kiểm soát, hãy quay lại các tài khoản và quy tắc tương ứng để kiểm tra các lợi ích, trách nhiệm và mối quan hệ quản trị hiện hành. Hồ sơ tài khoản, sắp xếp chứng khoán, các khoản thu và thanh toán quỹ được xác nhận riêng biệt và được kết nối thông qua các quyền cụ thể và các sự kiện thực tế, đồng thời tất cả các mối quan hệ tham gia không được chứng khoán hóa một cách thống nhất.

Biểu thức văn bản minh họa

1. Những thay đổi về công nghệ và môi trường ảnh hưởng đến các lựa chọn kinh doanh, phân công lao động giữa con người và máy móc, ranh giới tổ chức, phương pháp ủy quyền và thực hiện.
2. Những thay đổi về tổ chức và thực hiện ảnh hưởng đến việc tích lũy hoặc suy thoái kiến thức, kỹ năng, tiêu chuẩn, hệ thống và khả năng hợp tác.

3. Khả năng chấp nhận thử thách nhu cầu của khách hàng, sự cạnh tranh, mọi chi phí và rủi ro, dẫn đến kết quả hoạt động khác nhau.
4. Các kết nối thị trường vốn và hoạt động vốn tiếp tục hỗ trợ hoặc hạn chế việc phân bổ nguồn lực, kiểm soát và chấp nhận rủi ro trước khi đầu tư, trong quá trình thực hiện và sau khi có kết quả.
5. Kết hợp cạnh tranh thị trường với các thỏa thuận hiệu quả, kiểm tra đầu vào, quyền ra quyết định, rủi ro và lợi nhuận thực tế của tất cả các bên, đồng thời theo dõi cách thực hiện các cam kết và xem xét tranh chấp. Trên con đường quan hệ vốn dài hạn của các bên liên quan, tài khoản vốn dài hạn có thể được sử dụng để ghi lại những đóng góp, quyền, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động.
6. Sự thỏa mãn, tin cậy, hợp tác và rút lui được đưa trở lại vòng đầu tư tiếp theo, điều chỉnh tổ chức, cập nhật năng lực và vận hành vốn.

Cùng nhau quan sát và kiểm tra ranh giới

- Phía doanh nghiệp theo dõi năng lực, tài sản, tiền mặt hoạt động, cơ cấu vốn và các thay đổi về kiểm soát; bên đóng góp theo dõi các khoản đầu tư, vốn chủ sở hữu hiện hành, trách nhiệm, rủi ro và lợi nhuận thực tế.
- Tích lũy năng lực, hình thành tài sản, thiết lập mối quan hệ vốn, nguồn vốn đến và hiện thực hóa lợi nhuận được ghi nhận riêng biệt; lợi nhuận kế toán, tiền mặt hoạt động, giá trị thị trường và lợi nhuận đầu tư được báo cáo riêng.
- Thu nhập tài chính doanh nghiệp, thu nhập chuyển nhượng nhà đầu tư, mua lại và các chi phí khác được ghi nhận tương ứng là đơn vị thanh toán và đích đến.
- So sánh các công cụ, công nghệ và sắp xếp thể chế khác nhau; trong khi vẫn giữ lại kết quả không cải tiến, chi phí bổ sung, kiểm soát tập trung, tranh chấp và ngừng cung cấp.

> Các kết nối trong hình là tất cả các mối quan hệ cần được kiểm tra. Trên chuỗi, khởi chạy hệ thống, hoàn thành phát hành, thiết lập tài khoản hoặc chấp nhận tài liệu không phải là bằng chứng duy nhất về năng lực tổ chức, kết quả hoạt động hoặc sự hợp tác liên tục.

Năm phương và mười lăm đường chính

Định hướng cấp độ đầu tiên	Dòng chính nghiên cứu liên tục	Phân công lao động cho vấn đề nghiên cứu tổng thể
A. Áp dụng công nghệ thông minh và tái cơ cấu tổ chức	Nhiệm vụ A1 và thích ứng công nghệ; Quy trình A2 và sự hợp tác giữa con người và máy móc; Sự phụ thuộc công nghệ A3 và ranh giới tổ chức	So sánh các điều kiện và kết quả của việc áp dụng công nghệ, thay thế truyền thống và tái cấu trúc tổ chức, đồng thời nghiên cứu các lựa chọn kinh doanh, năng lực tổ chức, khả năng thực thi và ranh giới hợp tác
B. Tích lũy và cập nhật năng lực của công ty	Kết tủa kiến thức B1 và chuyển đổi phản hồi; B2 học tập con người-máy móc và thay đổi kỹ năng; Khả năng duy trì và chuyển giao khả năng B3	Các điều kiện hình thành, duy trì, đổi mới hoặc mất năng lực nghiên cứu cũng như việc sử dụng và di chuyển xuyên thời gian

Định hướng cấp độ đầu tiên	Dòng chính nghiên cứu liên tục	Phân công lao động cho vấn đề nghiên cứu tổng thể
C. Giá trị khách hàng, cạnh tranh thị trường và thu được doanh thu	C1 thỏa mãn nhu cầu và thực hiện kinh doanh; Cạnh tranh C2 và thu được giá trị; C3 đo lường giá trị doanh nghiệp	Kiểm tra các điều kiện để đạt được giá trị trong việc nhận biết khách hàng, thực hiện kinh doanh và cạnh tranh, đồng thời phân biệt giữa việc tạo ra giá trị và thu được lợi ích
D. Đầu tư, tài trợ và phân bổ vốn	D1 năng động đầu tư và lựa chọn dự án; D2 phù hợp về tài chính và hạn chế về vốn; D3 kiểm soát vốn, rủi ro và thoát vốn	Giải thích cách kết nối thị trường vốn, tổ chức công cụ và hoạt động vốn tích cực ảnh hưởng đến sự phát triển
E. Phân bổ quyền, khuyến khích và quản trị hợp tác	Kiến thức, dữ liệu và quyền ra quyết định của E1; Ghi nhận đóng góp E2 và sắp xếp lợi ích; E3 cam kết liên tổ chức và điều chỉnh hệ thống	Nghiên cứu sự phân bổ chung các quyền, ưu đãi và quản trị hợp tác, đồng thời so sánh tác động của chúng đối với hành vi, hiệu suất và việc tiếp tục hoặc ngừng hợp tác

Hình R02 · Kiến trúc năm hướng và mười lăm đường chính

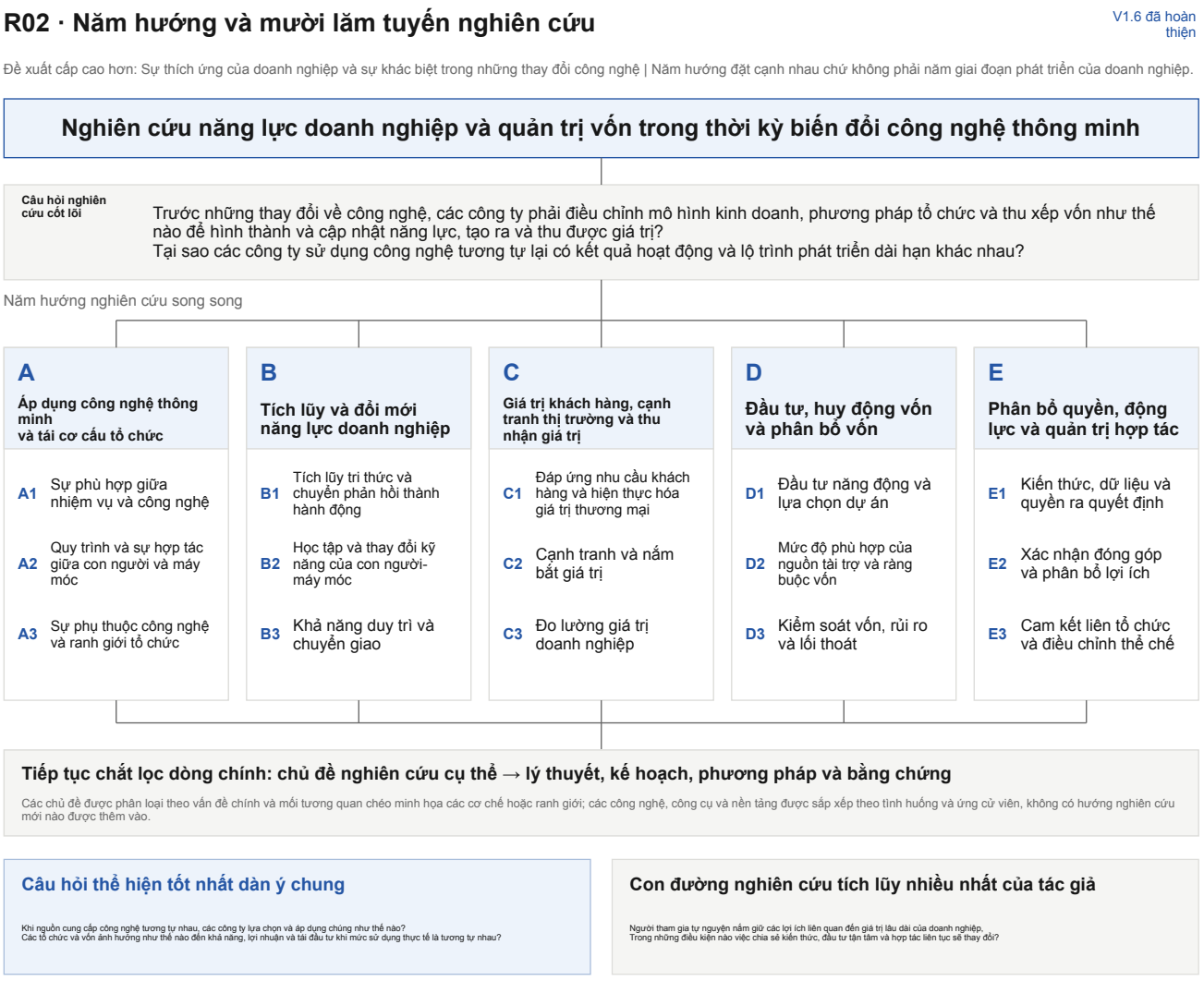

Có ba đường chính ở mỗi hướng trong năm hướng. Cột bên trái bên dưới hình làm giảm vấn đề tổng thể xuống hai mức độ so sánh và cột bên phải đưa ra lộ trình nghiên cứu cá nhân về quan hệ vốn dài hạn.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

mối quan hệ tổ chức giữa các hướng

A nghiên cứu công việc và những thay đổi về tổ chức, B nghiên cứu tích lũy năng lực theo thời gian, C nghiên cứu thử nghiệm thị trường và thu thập giá trị, D nghiên cứu đầu tư và vận hành vốn, E nghiên cứu các quyền, ưu đãi và hợp tác. Năm hướng liên thông với nhau, không đòi hỏi doanh nghiệp phải phát triển theo một trật tự cố định.

Việc xây dựng lại năng lực điều hành, năng lực tổ chức và khả năng thực thi chủ yếu kết nối A và B, đồng thời kiểm tra kết quả hoạt động thông qua C. Hoạt động thị trường vốn chủ yếu vào D và kết nối quyền và trách nhiệm của E. Con đường quan hệ vốn dài hạn và các bên liên quan chủ yếu kết nối E và D, đồng thời so sánh kết quả của nó đối với việc tích lũy năng lực B, việc tạo và mua lại giá trị C cũng như phương pháp tổ chức và công việc A; tài khoản vốn dài hạn là sự sắp xếp theo con đường này, được nghiên cứu theo bản chất thực tế của nó. Mỗi hướng cũng chứa đựng những giải thích lý thuyết, phương pháp và con đường thực tế khác.

quy tắc ghi công nghiên cứu

Mỗi chủ đề cần làm rõ những vấn đề chính và những hướng đi chính, đồng thời sử dụng các mối liên kết phụ để giải thích cơ chế hoặc ranh giới. C chủ yếu nghiên cứu việc hiện thực hóa và thu được giá trị của các doanh nghiệp đối mặt với khách hàng và thị trường sản phẩm, E chủ yếu nghiên cứu các quyền và trách nhiệm, động cơ và sự hợp tác giữa những người tham gia; tính thanh khoản của thị trường chứng khoán chủ yếu đóng vai trò là điều kiện về vốn của D.

Vai trò nhận thức và công việc của AI và vai trò công nghệ thể chế của blockchain có thể được kết nối theo năm hướng theo các vấn đề cụ thể: A nghiên cứu sự thích ứng của nó với các nhiệm vụ, quyền hạn và ranh giới tổ chức; B nghiên cứu việc ghi nhớ kiến thức, quy tắc và khả năng; C kiểm tra giá trị khách hàng và hoạt động; D nghiên cứu kết nối và phân bổ vốn; E nghiên cứu sự đóng góp, quyền lợi, sự thực hiện và hợp tác. Đối tượng so sánh việc áp dụng, kết hợp, thay thế truyền thống và sự khác biệt về điều kiện, đồng thời không cho rằng mỗi thực thể sử dụng cùng một công nghệ hoặc chấp nhận cùng một cách sắp xếp vốn làm tiền đề chung.

Tên của công nghệ, ngành công nghiệp, sản phẩm và dịch vụ được sử dụng để mô tả các tình huống và nhà cung cấp dịch vụ. Các lý thuyết và phương pháp được dùng để giải thích và kiểm tra, còn năm hướng và mười lăm đường chính được dùng để tổ chức các vấn đề và tích lũy.

A. Áp dụng công nghệ thông minh và tái cơ cấu tổ chức

Hướng này nghiên cứu vai trò nhận thức và công việc của AI cũng như vai trò công nghệ thể chế của blockchain để xem cách chúng thay đổi khả năng vận hành, tổ chức và thực thi thông qua lựa chọn nhiệm vụ, phân công lao động giữa người và máy, xác minh chung, quy trình, vị trí, quyền và ranh giới cộng tác. Đồng thời, so sánh cơ chế và hậu quả vận hành của sự thay đổi tổ chức.

Hình R03 · A. Áp dụng công nghệ thông minh và tái cơ cấu tổ chức



Sơ đồ khung nghiên cứu của tác giả; đường liền nét không có mũi tên: phân loại nghiên cứu; đường liền nét hai chiều: liên kết vấn đề; đường chấm màu xanh: kết nối giữa cơ chế được thử nghiệm và nghiên cứu đa hướng.

Dựa trên ba vấn đề liên quan đến nhau: điều chỉnh nhiệm vụ và công nghệ, quy trình và cộng tác giữa con người và máy móc, sự phụ thuộc vào công nghệ và ranh giới tổ chức, chúng tôi so sánh công nghệ và sắp xếp tổ chức, đồng thời quan sát sức mạnh tổ chức, khả năng thực thi và mối liên hệ dẫn đến khả năng B, giá trị C và quản trị E; nó không phải là ba giai đoạn cố định.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Hướng A nghiên cứu nhận thức và vai trò công việc của AI cũng như vai trò công nghệ thể chế của blockchain. Nó có thể được sử dụng độc lập, đơn lẻ hoặc kết hợp tùy theo nhiệm vụ và điều kiện. Hai cách sử dụng này có thể trùng lặp và cả hai phải được kết hợp với sự sắp xếp về mặt tổ chức và các quy tắc hiệu quả, cơ sở về quyền, thông tin đầu vào và quản trị. Nhiệm vụ A1 và khả năng thích ứng công nghệ nghiên cứu các nhiệm vụ thực tế, độ khó, rủi ro và quyền dữ liệu, đồng thời so sánh các quy trình thủ công, dựa trên quy tắc, AI và phương thức lệnh gọi triển khai; các nhiệm vụ đa tác nhân so sánh blockchain với các hệ thống tập trung hoặc chia sẻ khác và quan sát chất lượng, lỗi, tổng chi phí, tiếp quản thủ công và sử dụng thực tế. Nghiên cứu hợp tác quy trình A2 và con người-máy về phân chia trách nhiệm, ủy quyền, tính sẵn có của tài nguyên, kết nối con người-máy, chấp nhận bàn giao và phản hồi bất thường, lần lượt so sánh vai trò của công nghệ và điều chỉnh quy trình, quan sát và chờ đợi, làm lại, sử dụng hạ nguồn, thực hiện trách nhiệm và ra quyết định đối với hành động và giải quyết vấn đề. A3 So sánh sự phụ thuộc về công nghệ và ranh giới tổ chức với việc tự xây dựng, mua, truy cập nền tảng và cộng tác chuyên nghiệp, theo dõi mô hình, dữ liệu, phần mềm và cơ sở hạ tầng phụ thuộc, quan sát kiến thức và kiểm soát quy tắc, giao diện, thương lượng, chi phí

chuyển đổi, tính liên tục, quyền truy cập kiến thức quan trọng, cũng như những người tham gia blockchain, điều kiện di chuyển và thoát. Ba dòng chính có liên quan với nhau và không theo một thứ tự cố định. Sức mạnh tổ chức và khả năng thực hiện được quan sát riêng biệt. Những thay đổi về tổ chức không thể chỉ được thể hiện bằng tần suất sử dụng AI hoặc tốc độ tạo ra; những kết quả bất lợi như tăng thêm lao động, chất lượng giảm sút, gánh nặng bảo trì và sự phụ thuộc sẽ được giữ lại. Công nghệ tổ chức cũng ghi lại loại chuỗi, người tham gia, quyền, phương thức đồng thuận hoặc xác minh, phiên bản quy tắc và giao diện trên chuỗi và ngoài chuỗi. Nó không giả định trước rằng trên chuỗi nhất thiết phải hợp lệ. Tiếp tục kiểm tra các mối liên hệ với việc tích lũy và cập nhật năng lực của doanh nghiệp B, cạnh tranh trên thị trường giá trị khách hàng C và thu được doanh thu, cũng như các khuyến khích phân bổ quyền và quản trị hợp tác của E. Các đường không có mũi tên biểu thị các phân loại nghiên cứu, các đường hai chiều biểu thị các mối liên hệ của vấn đề và các đường chấm màu xanh lam biểu thị các cơ chế cần kiểm tra và các kết nối nghiên cứu xuyên hướng. Hướng nghiên cứu khác với năm khía cạnh hoạt động.

A1 Nhiệm vụ và thích ứng công nghệ

Phạm vi nghiên cứu: Bắt đầu từ nhiệm vụ thực tế, kiểm tra xem khả năng kỹ thuật, dữ liệu và điều kiện cấp phép có phù hợp hay không, đồng thời ghi lại mô hình, phương thức triển khai, gọi và sử dụng tương ứng.

Chủ đề ứng viên: Dưới những mức độ phức tạp và rủi ro khác nhau của nhiệm vụ, loại chất lượng và tổng chi phí nào sẽ được tạo ra bởi AI, các quy tắc và thủ tục cũng như lao động tương ứng?

Nghiên cứu mở ra: Các mô hình nguồn mở, dịch vụ API bên ngoài và các sắp xếp kết hợp thay đổi độ tin cậy, yêu cầu đánh giá và chi phí tổng thể cho các nhiệm vụ tương tự như thế nào? Đối với các nhiệm vụ liên quan đến xác nhận nhiều tác nhân, các quy tắc và hiệu suất được chia sẻ, các điều kiện áp dụng và chi phí hoàn chỉnh của blockchain, các hệ thống tập trung và chia sẻ khác là gì?

Đã đảm nhận: Hệ thống tái thiết năng lực kinh doanh AI của doanh nghiệp, SOP bốn chiều, SOP tới Skill; các kịch bản kinh doanh, vận hành, quản lý, quản trị, tiếp thị và dịch vụ.

Những quan sát chính: Độ khó của nhiệm vụ, chất lượng, tổng chi phí, sai sót, rủi ro và tiếp quản; tiếp xúc với nhiệm vụ, cường độ sử dụng thực tế và xem xét thủ công.

Định vị AOM: Nó chủ yếu kết nối với CTO; khi công nghệ số đi vào công việc tổ chức, CTO chủ yếu kết nối; việc áp dụng đổi mới kết nối với TIM, chất lượng vận hành và chi phí kết nối với OSCM. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

Quy trình A2 và sự hợp tác giữa con người và máy móc

Phạm vi nghiên cứu: Đưa những thay đổi về tổ chức vào công việc cụ thể của việc phân công lao động giữa con người và máy móc, trách nhiệm, ủy quyền, nguồn lực sẵn có, bàn giao, chấp nhận và phản hồi.

Chủ đề ứng viên: Những tác động tương ứng của AI và điều chỉnh quy trình là gì? Có cải tiến bổ sung nào khi kết hợp cả hai không?

Nghiên cứu mở ra: Những thay đổi nào về trách nhiệm và quyền hạn đã thay đổi sự phối hợp và thực hiện khi công nghệ được đưa vào sử dụng? Làm thế nào để các phán đoán và hành động của AI cũng như xác nhận và ủy quyền được blockchain hỗ trợ kết nối với trách nhiệm của con người? Những thay đổi này ảnh hưởng như thế nào đến việc sử dụng và duy trì trải nghiệm ở giai đoạn tiếp theo?

Đã đảm nhận: Trách nhiệm công việc, sổ tay công việc, kỹ năng và bàn giao phán quyết kép; tư vấn kỹ thuật và triển khai tùy chỉnh, vận hành và bảo trì nền tảng cũng như phân phối nội dung thực tế. Các quy trình cộng tác và ủy quyền liên quan đến tài khoản vốn dài hạn được coi là sự sắp xếp tổ chức có thể quan sát được.

Những quan sát chính: Chờ đợi, làm lại, bàn giao, sử dụng tiếp theo và thực hiện trách nhiệm; độ trễ thời gian từ khi ra quyết định đến hành động, nguồn lực sẵn có, thay đổi quyền hạn và giải quyết vấn đề.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với CTO; công việc và cộng tác kỹ thuật số chủ yếu kết nối với CTO; thay đổi tổ chức kết nối với ODC, thiết kế công việc và nhóm kết nối với OB và quy trình phân phối kết nối với OSCM. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

A3 Sự phụ thuộc vào công nghệ và ranh giới tổ chức

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu cách tự xây dựng, mua sắm, truy cập nền tảng và cộng tác chuyên nghiệp thay đổi ranh giới doanh nghiệp, kiểm soát kiến thức và sự phụ thuộc vào bên ngoài.

Chủ đề ứng viên: Khả năng thay thế của dịch vụ mô hình ảnh hưởng như thế nào đến việc kiểm soát kiến thức, chi phí chuyển đổi và tính liên tục trong kinh doanh?

Nghiên cứu mở ra: Việc phụ thuộc vào các mô hình, dữ liệu, phần mềm và dịch vụ chuyên nghiệp bên ngoài ảnh hưởng như thế nào đến việc thương lượng, tính liên tục và khả năng duy trì? Việc lựa chọn cơ sở hạ tầng blockchain, xác minh và người tham gia quản trị thay đổi ranh giới tổ chức, kiểm soát quy tắc cũng như điều kiện di chuyển và thoát như thế nào?

Đã đảm nhận: Sinh thái tài nguyên, khả năng cộng tác bên ngoài, hệ thống tùy chỉnh và giao diện đa hệ thống.

Những quan sát chính: Khả năng thay thế, kiểm soát dữ liệu và kiến thức, chi phí chuyển đổi và tính liên tục; phụ thuộc giao diện, hạn chế thoát, thương lượng và khả năng tiếp cận kiến thức chính.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với STR; tự xây dựng, hợp tác bên ngoài và tác động của ranh giới đến chiến lược kết nối với STR; sự phụ thuộc của tổ chức kết nối với OMT và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số kết nối với CTO. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

ranh giới nghiên cứu

Mức độ mở, triển khai, gọi mô hình, sử dụng thực tế và điều kiện nhiệm vụ phải được ghi chép riêng; công nghệ của tổ chức cũng phải ghi lại loại chuỗi, người tham gia, quyền, phương pháp đồng thuận hoặc xác minh, phiên bản quy tắc, giao diện trên chuỗi và ngoài chuỗi cũng như cách sử dụng thực tế. Khi xem xét sự thay đổi của tổ chức, bạn cần xem xét thẩm quyền ra quyết định, sự phối hợp và thực thi cùng một lúc, không chỉ ở tần suất sử dụng AI hay tốc độ tạo ra nó.

B. Tích lũy và cập nhật năng lực của công ty

Trước những thay đổi về công nghệ, hướng này nghiên cứu cách doanh nghiệp hình thành, duy trì và cập nhật năng lực trong quá trình làm việc, học tập và điều chỉnh tổ chức, đồng thời giải thích tại sao con đường tích lũy và phát triển năng lực lại khác nhau trong các điều kiện kỹ thuật tương tự. Làm thế nào để kiến thức phân tán, năng lực chuyên môn và nguồn lực hợp tác có thể được triển khai thông qua các tổ chức và trở thành năng lực bền vững vẫn là một vấn đề hỗ trợ. Việc học hỏi của con người, kiến thức của tổ chức và kết quả của thể chế được quan sát riêng biệt, đồng thời hoạt động liên tục, tính bền vững của bảo trì, sự lặp lại giữa các cá nhân,

chuyển giao công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ được đánh giá riêng biệt; các khả năng cũng có thể tồn tại ổn định trong sự bổ sung hoặc mối quan hệ hợp tác giữa con người và máy móc cụ thể.

> **Việc đã làm được lần này không có nghĩa là lần sau cũng có thể làm được.**

Hình R04 · B. Tích lũy và cập nhật năng lực của công ty



B1 xem xét việc chuyển đổi phản hồi thành các quy tắc và hành động, B2 phân biệt giữa việc học tập của con người và phân phối kiến thức của tổ chức, còn B3 lần lượt đánh giá hoạt động liên tục, bảo trì, tái diễn giữa các cá nhân, di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ. Ba dòng chính có liên quan với nhau chứ không phải là các giai đoạn cố định; tính bổ sung ổn định và khả năng cụ thể của mối quan hệ được đánh giá dựa trên các điều kiện.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

B1 Kết tủa kiến thức và chuyển đổi phản hồi

Phạm vi nghiên cứu: Ở đây cần phân biệt ba quy trình: diễn giải và ghi nhớ kiến thức, kế thừa các quy tắc và thói quen, và phản hồi trong chương trình nghị sự chiến lược và phân bổ nguồn lực.

Chủ đề ứng viên: Quy trình triển khai phản hồi để thực sự thay đổi các SOP, kỹ năng, ngân sách hoặc tiêu chuẩn công việc là gì?

Nghiên cứu mở ra: Làm thế nào để tiến hành giải thích, xem xét, sửa đổi quy tắc và hành động thực tế trong việc thực hiện nhiệm vụ, sử dụng của khách hàng, chấp nhận và phản hồi bất thường? Tài khoản dài hạn có thể được sử dụng làm nguồn phản hồi về một số chủ đề và vai trò của nó phải được so sánh với các hồ sơ và thỏa thuận hợp tác khác. Nguồn gốc và phiên bản được hỗ trợ bởi blockchain có giúp kiến thức dễ dàng xem xét, chuyển giao và biến thành hành động hơn không? Ai có thẩm quyền và nguồn lực để thúc đẩy sự thay đổi?

Đã đảm nhận: Hành động-kết quả-lượng mưa, Bài III, cơ sở tri thức, phản hồi và phương pháp cập nhật phiên bản. Các tài khoản dài hạn, đánh giá đóng góp và hồ sơ thực hiện đóng vai trò là cơ sở phản hồi đầu vào và lập phiên bản.

Những quan sát chính: Tiếp nhận phản hồi, nhập chương trình nghị sự, chấp nhận nguồn lực, thực hiện thay đổi và sử dụng thực tế; tỷ lệ chuyển đổi phản hồi, cơ sở áp dụng, thẩm quyền quyết định, phiên bản quy tắc và kết quả thực hiện.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với MOC/STR (theo câu hỏi); học tập, sự chú ý, diễn giải và trí nhớ kết nối với MOC; phản hồi về chương trình nghị sự chiến lược, ngân sách và phân bổ nguồn lực kết nối với STR; các tổ chức và thói quen kết nối với OMT. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

B2 Học tập và thay đổi kỹ năng của con người-máy tính

Phạm vi nghiên cứu: Một mặt, quan sát các kỹ năng, khả năng phán đoán và học hỏi của con người, mặt khác, quan sát việc phân bổ kiến thức và trách nhiệm trong tổ chức thay đổi như thế nào sau sự tham gia của AI.

Chủ đề ứng viên: Sự sắp xếp nhiệm vụ nào thúc đẩy việc học tập của nhân viên và sự sắp xếp nào gây ra sự suy thoái hoặc phụ thuộc vào phán đoán?

Nghiên cứu mở ra: Sự khác biệt trong khả năng phán đoán và năng lực độc lập giữa các nhân viên thay đổi như thế nào nếu các cơ chế đánh giá, tiếp quản, đào tạo và chia sẻ kiến thức là khác nhau?

Đã đảm nhận: Cơ sở kiến thức, đào tạo, đánh giá thủ công và thiết kế tiếp quản để con người và AI cùng làm việc.

Những quan sát chính: Phán quyết độc lập, chuyển giao hiệu suất nhiệm vụ, tốc độ học tập và sự phụ thuộc thay đổi; hiệu suất hoàn thành độc lập, độ chính xác của phán đoán, phân phối kỹ năng và chia sẻ kiến thức.

Định vị AOM: Nó chủ yếu kết nối với OB; hành vi của con người, nhóm và học tập kết nối với OB; phát triển kỹ năng và nhân sự kết nối với nhân sự và cơ chế phán đoán nhận thức kết nối với MOC. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

B3 Khả năng duy trì và chuyển giao năng lực

Phạm vi nghiên cứu: Trong các điều kiện rõ ràng về nhân sự, công nghệ, mối quan hệ và nguồn lực, hãy quan sát hoạt động liên tục và duy trì năng lực, đồng thời kiểm tra sự tái diễn giữa các cá nhân, sự di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ tương ứng. Việc tách rời khỏi các công cụ hoặc các mối quan hệ không phải là điều kiện cần thiết thống nhất để hình thành hoặc duy trì mọi khả năng.

Chủ đề ứng viên: Những sự sắp xếp nào có thể cho phép vận hành liên tục các năng lực và đầu tư bảo trì hợp lý; khi cần thay đổi con người, mô hình hoặc nhà cung cấp dịch vụ, hiệu suất nào có thể được giữ lại và hiệu suất nào dựa trên sự bổ sung hoặc điều kiện hợp tác ban đầu?

Nghiên cứu mở ra: Kiến thức, quy trình, phân tích vốn và kinh nghiệm cộng tác nào của Company Zero có thể được sử dụng nhiều lần trong điều kiện ban đầu và cần đầu tư gì để duy trì? So sánh hiệu suất lặp lại và chi phí chuyển đổi trong các kịch bản chuyển đổi hoặc chuyển đổi công nghệ hiện hành. Khi quan hệ đối tác thay đổi, hãy xem sự phụ thuộc ảnh hưởng như thế nào đến phạm vi và tính bền vững của năng lực. Liệu các hồ sơ, quy tắc và tài khoản được chia sẻ có thể tiếp tục được diễn giải, xem xét và hỗ trợ để triển khai hay không cũng phải được tuân thủ dựa trên các điều kiện di chuyển và sử dụng thực tế.

Đã đảm nhận: Chấp nhận kép cải tiến kinh doanh và tích lũy năng lực; Trạm kiến thức cá nhân Zhixing, hướng dẫn sử dụng, kỹ năng, bảo trì và bàn giao.

Những quan sát chính: Đưa ra các đánh giá dựa trên năm khía cạnh sau đây và không thay thế bất kỳ mục nào bằng mục khác.

Khía cạnh đánh giá	Nội dung quan sát
Chạy liên tục	Có thể đạt được hiệu suất đáng tin cậy nhiều lần theo thời gian với các nhiệm vụ và điều kiện hỗ trợ được chỉ định.
Duy trì tính bền vững	Liệu việc cập nhật, sửa lỗi, hỗ trợ nhân sự và đầu tư tài chính có thể được duy trì hay không.
Sự tái xuất hiện giữa mọi người	Sau khi bàn giao, các điều kiện học tập và hỗ trợ được làm rõ, liệu nhân sự phù hợp khác có thể được tái sử dụng hay không; giữ lại phần dành riêng cho nhân sự.
di cư công nghệ	Khi có nhu cầu di chuyển thực sự hoặc các điều kiện kiểm tra tương ứng, hiệu suất và chi phí sau khi thay thế mô hình, công cụ, nhà cung cấp dịch vụ hoặc hệ thống.
sự phụ thuộc quan hệ	Những khả năng nào yêu cầu sự hợp tác, ủy quyền, kiến thức hoặc nguồn lực bổ sung cụ thể; hậu quả của việc duy trì và thay đổi mối quan hệ là gì.

Sự bổ sung ổn định giữa con người và máy móc và khả năng cụ thể của mối quan hệ có thể được đánh giá theo điều kiện của chúng và hoạt động liên tục nhưng di chuyển hạn chế có thể được thiết lập cùng một lúc. Liệu kiến thức hoặc quy trình có hình thành nên khả năng doanh nghiệp có thể sử dụng được hay không phụ thuộc vào bằng chứng về việc tái sử dụng và bảo trì thực tế.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với STR; tính liên tục của khả năng và hiệu suất được kết nối với STR; bộ nhớ tổ chức, cập nhật công nghệ và luồng nhân sự được giao nhau theo các vấn đề. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

ranh giới nghiên cứu

Các tài liệu kiến thức, mã, tài khoản và hướng dẫn sử dụng là những vật mang kiến thức có thể có và khả năng không thể được xác định trực tiếp dựa trên số lượng. Các điều kiện áp dụng và kết quả của các chiều đánh giá khác nhau được ghi lại riêng biệt; phản hồi từ Bài III và các câu hỏi hành động chiến lược được ưu tiên trong STR.

C. Giá trị khách hàng, cạnh tranh thị trường và thu được doanh thu

Hướng này nghiên cứu cách các công ty điều chỉnh mô hình kinh doanh, dịch vụ khách hàng và phương pháp cạnh tranh trước những thay đổi công nghệ, khả năng của họ cũng như các sắp xếp tổ chức và thể chế liên quan được khách hàng và thị trường công nhận như thế nào, cũng như cách thức nhận ra và nắm bắt giá trị được tạo ra giữa các công ty, khách hàng, nhà cung cấp, nền tảng và những người tham gia khác.

> **Sự sẵn sàng chi trả của khách hàng, lợi nhuận của công ty và phần thưởng của người tham gia có liên quan nhưng lại mang lại những kết quả khác nhau.**

Hình R05 · C. Giá trị khách hàng, cạnh tranh trên thị trường và thu được doanh thu

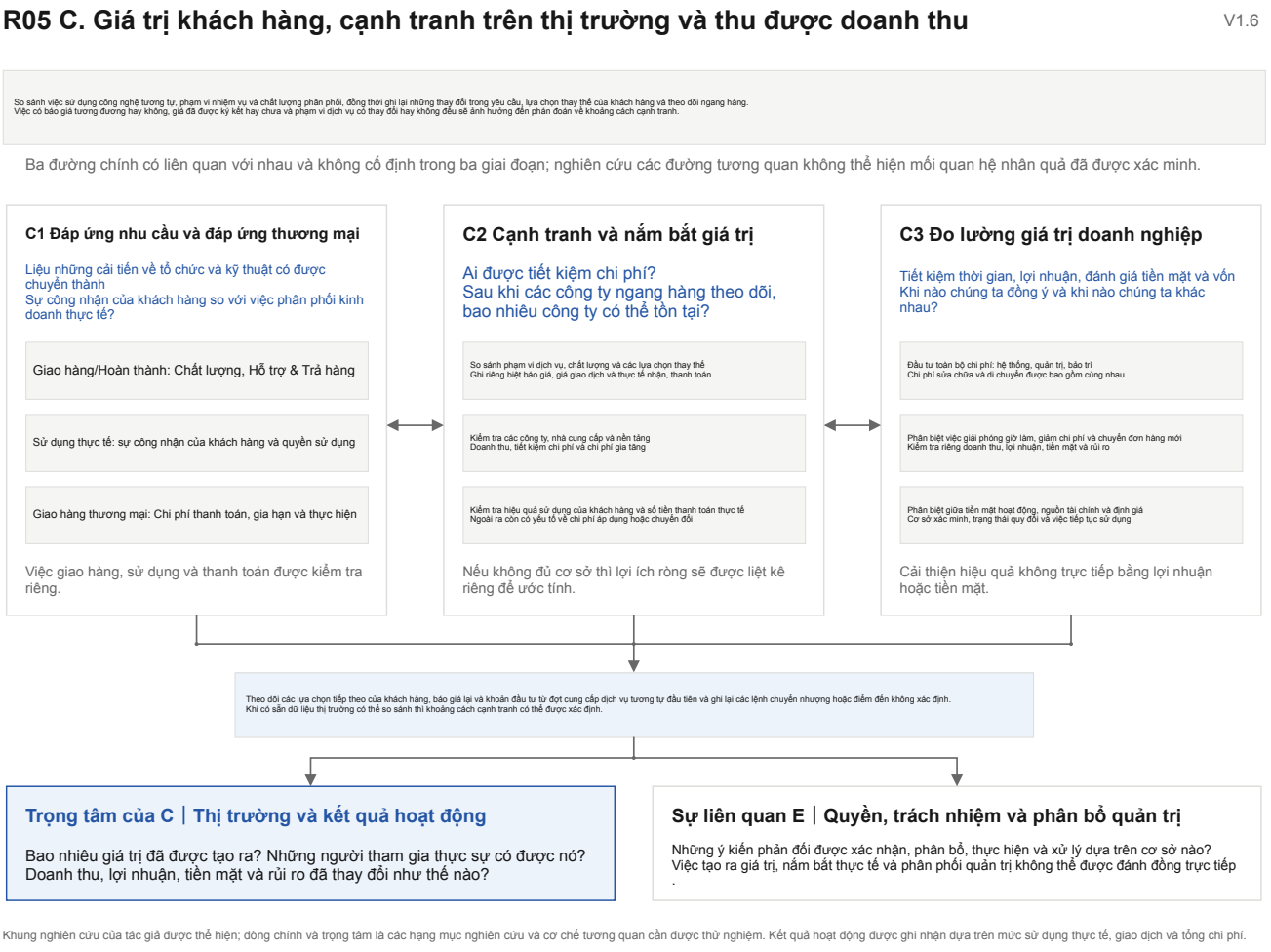

Kiểm tra việc sử dụng của khách hàng, giá cả cũng như các khoản thu và thanh toán thực tế trong cùng một đợt dự án, sau đó xác định lợi ích ròng dựa trên các giao dịch có thể so sánh, hiệu quả sử dụng và chi phí của tất cả các bên.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Trước tiên, hãy so sánh việc sử dụng công nghệ, phạm vi nhiệm vụ và chất lượng phân phối, xác minh những thay đổi trong yêu cầu, các dịch vụ thay thế có sẵn cho khách hàng và theo dõi ngang hàng. C1 theo dõi việc phân phối, sử dụng, thanh toán và gia hạn. C2 So sánh phạm vi, chất lượng dịch vụ và các lựa chọn thay thế, đồng thời ghi lại báo giá, giá giao dịch và số tiền nhận và thanh toán thực tế tương ứng. Đối với các doanh nghiệp, nhà cung cấp và nền tảng, hãy kiểm tra sự thay đổi về doanh thu, mức tiết kiệm chi phí và chi phí mới của họ. Đối với khách hàng, hãy kiểm tra kết quả sử dụng, khoản thanh toán thực tế và chi phí áp dụng hoặc chuyển đổi. Đối với các đơn vị không có đủ cơ sở, lợi ích ròng sẽ được liệt kê riêng để ước tính. C3 phân biệt giữa việc giải phóng giờ làm việc, giảm chi phí và đơn đặt hàng mới cho việc điều chuyển nhân sự, bao gồm chi phí hệ thống, quản trị, bảo trì, sửa lỗi và di chuyển, đồng thời kiểm tra doanh thu, lợi nhuận, tiền mặt, rủi ro và định giá tương ứng. Ba dòng chính có liên quan đến nhau. Theo dõi các lựa chọn mua hàng tiếp theo, báo giá lại và đầu tư từ đợt cung cấp dịch vụ tương tự đầu tiên, đồng thời ghi lại các lệnh chuyển nhượng và điểm đến chưa xác định tương ứng. Khoảng cách cạnh tranh được đánh giá dựa trên dữ liệu thị trường có thể so sánh được. C nghiên cứu kết quả hoạt động và cạnh tranh, còn E nghiên cứu việc phân bổ quyền, trách nhiệm và quản trị.

C1 Đáp ứng nhu cầu và đáp ứng thương mại

Phạm vi nghiên cứu: Kết nối những thay đổi về tổ chức và công nghệ với việc sử dụng, thanh toán, thực hiện và các mối quan hệ đang diễn ra của khách hàng, đồng thời phân biệt chiến lược của công ty với các vấn đề thuần túy của người tiêu dùng.

Chủ đề ứng viên: Những cải tiến về khả năng đáp ứng, cá nhân hóa hoặc chất lượng có dẫn đến những thay đổi trong việc mua hàng, gia hạn và thanh toán thực tế không?

Nghiên cứu mở ra: Chọn một loại dịch vụ và kết nối các điểm giữa phương thức phân phối, cách sử dụng và thanh toán thực tế của khách hàng. Liệu khách hàng có lựa chọn công ty này vào lần tới không? Nếu hợp đồng được gia hạn, hãy kiểm tra mọi thay đổi về yêu cầu, phạm vi dịch vụ và điều kiện kết thúc. Quyền lợi dịch vụ và thỏa thuận hợp tác trong các tài khoản dài hạn cũng có thể so sánh được.

Đã đảm nhận: Hệ sinh thái khách hàng, lập kế hoạch sản phẩm và thương hiệu, dịch vụ tiếp thị, mô hình kinh doanh gốc AI, thương mại kỹ thuật số và hoạt động xuyên biên giới.

Những quan sát chính: Sử dụng, chuyển đổi, thanh toán, gia hạn, hoàn trả, hỗ trợ khách hàng và thực hiện hợp đồng; việc sử dụng thực tế của khách hàng, sự ghi nhận giá trị, quyền sử dụng và chi phí thực hiện hợp đồng.

Định vị AOM: Chủ yếu liên quan đến STR (các vấn đề chiến lược); mô hình kinh doanh và kết quả cạnh tranh gắn liền với STR; chất lượng bàn giao kết nối OSCM, thương mại hóa công nghệ kết nối TIM; các vấn đề tiêu dùng thuần túy liên quan đến tiếp thị. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

C2 Cạnh tranh và nắm bắt giá trị

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu mối quan hệ giữa việc tạo ra giá trị, giá cả và thương lượng, phí nền tảng và việc nắm bắt giá trị của nhiều bên.

Chủ đề ứng viên: Tại sao việc giảm chi phí tương tự đôi khi tạo ra lợi nhuận doanh nghiệp và đôi khi chủ yếu được phản ánh ở lợi ích giảm giá của khách hàng hoặc phí nền tảng?

Nghiên cứu mở ra: Khi các công ty ngang hàng có thể áp dụng các công nghệ tương tự, liệu khách hàng có thể chuyển sang nhà cung cấp khác không? Cần bao nhiêu lần chuyển giao, xác nhận lại và chạy lại để chuyển về quá khứ? Theo dõi lần mua hàng tiếp theo của bạn cùng mối quan hệ khách hàng. Khi xảy ra báo giá lại hoặc gia hạn hợp đồng, hãy so sánh các khoản thu, thanh toán và chi phí thực tế của công ty cho vòng hiện tại với báo giá ngang hàng có sẵn, điều kiện giao dịch thực tế và phí nền tảng, đồng thời so sánh thu nhập của dự án đã thay đổi như thế nào. Lợi nhuận thực tế mà các đối tác và nhà đầu tư thu được sẽ được xác minh riêng theo thỏa thuận và hiệu suất tương ứng của họ.

Đã đảm nhận: Đánh giá cao doanh số bán hàng và doanh thu, nền tảng và sự cộng tác trong ngành, các mối quan hệ giữa kênh và thương hiệu; Bài II cung cấp một góc nhìn phù hợp về các vấn đề phân phối.

Những quan sát chính: Báo giá, chiết khấu, giao dịch và hoàn trả cho vòng này và vòng tiếp theo, các lựa chọn thay thế thực tế có sẵn cho khách hàng, theo dõi ngang hàng, phí nền tảng và nhà cung cấp. Ghi lại phạm vi giao hàng, chất lượng và các điều khoản dịch vụ, cho biết mức giá nào có thể so sánh trực tiếp và mức giá nào chỉ có thể được sử dụng làm đầu mối.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với STR; cạnh tranh, thương lượng và mua lại giá trị chủ yếu liên quan đến STR; hệ thống thị trường và quyền lực được kết nối với OMT, trách nhiệm và sự công bằng của các bên liên quan được kết nối với SIM. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

Thẻ học tập C2 · Mỗi bên thực sự đạt được bao nhiêu

Những gì cần kiểm tra	Cách ghi lại và đánh giá
đường cơ sở	Giao dịch thực tế trong 2 đợt trước và sau khi lựa chọn cùng một dịch vụ hoặc các lựa chọn thay thế mà khách hàng thực sự có sẵn tại thời điểm đó. Nêu rõ phạm vi, số lượng, chất lượng, thời hạn và chi phí chuyển đổi. Báo giá thay thế được liệt kê và giao dịch thực tế được ghi lại riêng.
Giá cả và thanh toán	Xác minh các khoản giảm giá, giá đóng cửa, phí nền tảng, doanh thu của nhà cung cấp cũng như các khoản thu và thanh toán thực tế từ báo giá, hợp đồng, hóa đơn và biên lai thanh toán. Người trả tiền và người được trả tiền được liệt kê theo giao dịch và khoản thanh toán giống nhau chỉ được đăng ký một lần.
lợi ích ròng cho tất cả các bên	Các doanh nghiệp, nhà cung cấp và nền tảng so sánh sự thay đổi về doanh thu, mức tiết kiệm chi phí thực tế và các chi phí giao hàng mới, bảo trì và các chi phí khác tương ứng. Phía khách hàng đưa ra đánh giá dựa trên hiệu quả sử dụng, khoản thanh toán thực tế và chi phí áp dụng hoặc chuyển đổi. Khi phạm vi, chất lượng và kết quả sử dụng có thể so sánh được thì có thể ước tính được số tiền tiết kiệm được cho khách hàng từ việc giảm giá.
Khi không có đủ dữ liệu	Nêu số tiền đã được xác minh và cơ sở còn thiếu. Ví dụ: hai vòng thanh toán có thể xác minh mức phí nền tảng đã tăng lên bao nhiêu. Trong trường hợp không có cơ sở chi phí tương ứng, lợi ích ròng của nền tảng sẽ được ghi nhận là “tạm thời không thể ước tính”; khi chỉ có một hóa đơn thì chỉ báo số tiền.

C3 Đo lường giá trị doanh nghiệp

Phạm vi nghiên cứu: Thiết lập các liên kết có thể kiểm chứng được giữa các nhiệm vụ, quy trình, hoạt động và kết quả vốn, quan sát hiệu quả, nắm bắt giá trị và kết quả tiền mặt một cách riêng biệt.

Chủ đề ứng viên: Khi nào tiết kiệm thời gian, cải thiện giao hàng, lợi nhuận và kết quả tiền mặt phù hợp hay khác nhau?

Nghiên cứu mở ra: Số giờ rảnh rỗi đã đi đâu? Công ty có thể trả ít phí gia công hơn, hoặc có thể trả lương ban đầu, hoặc chuyển người đó sang hạng mục tính phí khác. Tính toán dựa trên chi tiêu thực tế và nơi ở của nhân sự, đồng thời ghi riêng thu nhập và chi phí của các dự án mới. Chúng ta hãy xem tiền mặt từ hoạt động kinh doanh thay đổi như thế nào và trong những điều kiện nào nó khác với các khoản thu tài chính và đánh giá thị trường vốn.

Đã đảm nhận: Kết nối hiệu suất SOP bốn chiều, chấp nhận kép AI, phân tích chu kỳ kinh doanh và thu hồi chi phí.

Những quan sát chính: Tất cả chi phí, thu nhập, lợi nhuận, tiền mặt, rủi ro và việc sử dụng liên tục; toàn bộ chi phí đầu tư, hoạt động và phân loại tiền mặt, cơ sở định giá và trạng thái rút tiền.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với STR; hoạt động và hiệu suất cạnh tranh chủ yếu được kết nối với STR; chất lượng, hiệu quả hoạt động được kết nối với OSCM; khi chính phương thức đó tạo thành một đóng góp, nó sẽ được kết nối với trường phương thức. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

ranh giới nghiên cứu

Kết quả phân phối, sử dụng, thanh toán và vận hành phải được xem riêng biệt, đồng thời quan sát nhu cầu, cạnh tranh và những thay đổi khác trong cùng thời kỳ. Hồ sơ quan hệ khách hàng trong tài khoản không tự động cho biết giá trị khách hàng hoặc doanh thu đã được cải thiện.

Mối liên hệ giữa công nghệ thể chế và giá trị doanh nghiệp

Là một công nghệ tổ chức, liệu blockchain có làm giảm chi phí xác minh, điều phối, giám sát và thực hiện của khách hàng hoặc đối tác hay không và liệu nó có cải thiện giá trị sử dụng, thanh toán hoặc hợp tác thực tế hay không, phải được đưa vào so sánh hoạt động tương ứng. Tất cả các chi phí hệ thống, quản trị, bảo trì, sửa lỗi và di chuyển đều được bao gồm, đồng thời giá trị khách hàng và doanh thu có được dựa trên việc sử dụng thực tế và xác nhận giao dịch.

D. Đầu tư, tài trợ và phân bổ vốn

Nghiên cứu cách các công ty phát triển thông qua đầu tư năng động, kết nối thị trường vốn, công cụ tài chính và cơ cấu giao dịch, phân bổ vốn và tổ chức quản trị tồn tại. IPO, phát hành chứng khoán sau niêm yết, STO, mua bán và sáp nhập, tái cơ cấu và thoái vốn được so sánh như các lộ trình có điều kiện.

> **Sau khi huy động được tiền, bạn vẫn cần tạo ra lý do đáng để tiếp tục đầu tư.**

Hình R06·D. Đầu tư, tài chính và phân bổ vốn

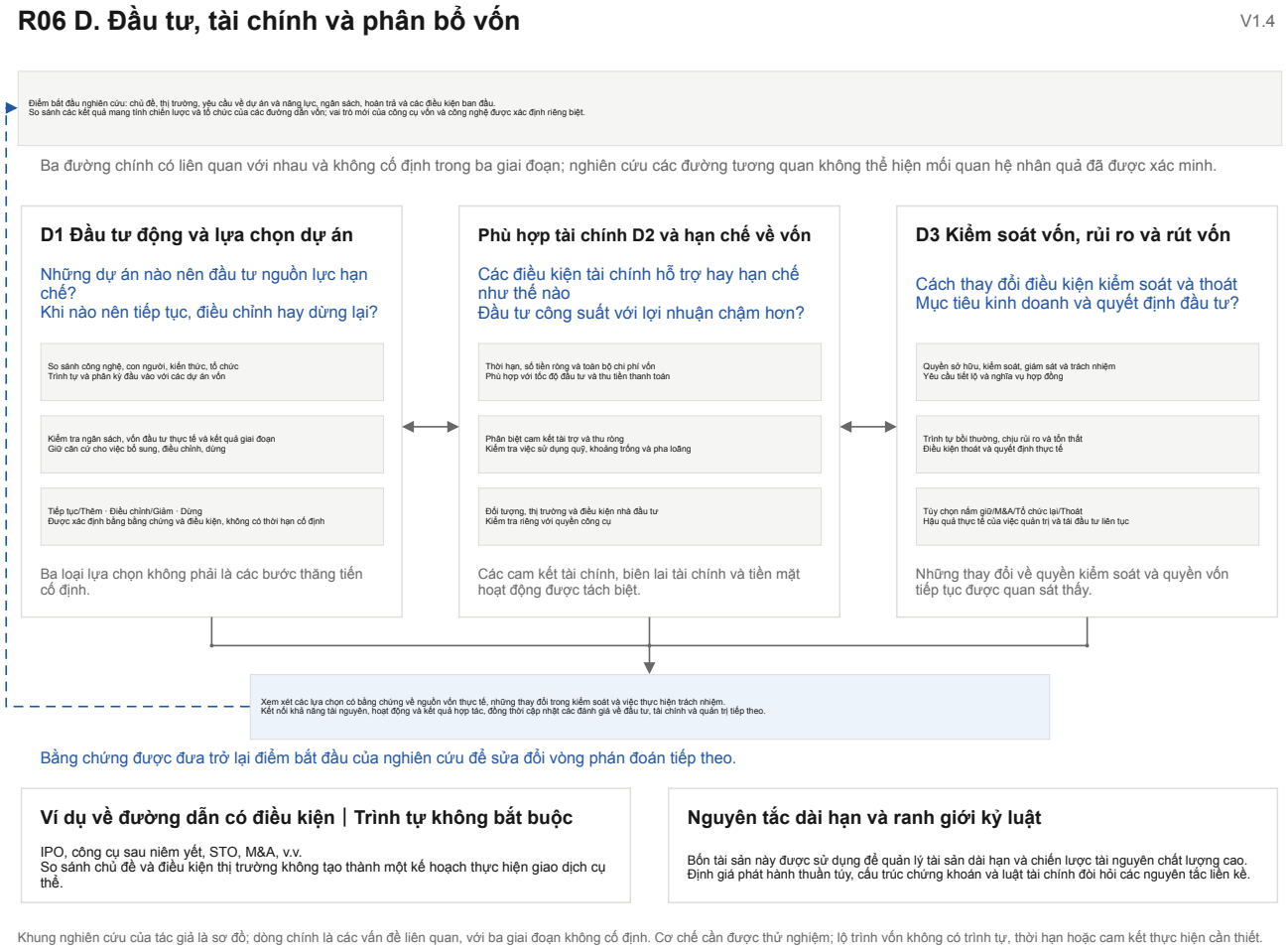

Trình tự đầu tư và điều chỉnh và ngừng liên tục, điều kiện tài chính và hạn chế về vốn, rủi ro kiểm soát vốn và rút lui tạo thành các vấn đề nghiên cứu có liên quan đến nhau. Cập nhật phán quyết bằng số tiền thực tế, bằng chứng kiểm soát và hiệu quả hoạt động; công cụ chỉ là ví dụ có điều kiện và việc giữ vững bốn thủ đô là nguyên tắc chiến lược lâu dài.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Bắt đầu từ đối tượng, thị trường, dự án và nhu cầu năng lực, ngân sách, thu thanh toán và các điều kiện ban đầu. D1 Đầu tư động và lựa chọn dự án so sánh công nghệ, nhân sự, kiến thức, tổ chức và trình tự vốn của dự án, giai đoạn đầu tư, bổ sung, điều chỉnh và dừng, kiểm tra ngân sách, đầu tư thực tế và kết quả giai đoạn; tiếp tục, điều chỉnh và dừng là những lựa chọn dựa trên phán đoán có điều kiện và không phải là những bước cố định. D2 Đối sánh tài chính và hạn chế về vốn kiểm tra sự phù hợp của thời hạn vốn, số tiền ròng, tất cả chi phí vốn với tốc độ đầu tư và hoàn trả, phân biệt các cam kết tài chính và doanh thu ròng, đồng thời kiểm tra việc sử dụng, chênh lệch, pha loãng, thị trường chính và điều kiện của nhà đầu tư cũng như quyền công cụ. D3 Kiểm soát vốn, Rủi ro và Thoát khỏi kiểm tra quyền sở hữu, kiểm soát, giám sát, trách nhiệm, tiết lộ nghĩa vụ hợp đồng, thứ tự thanh toán, giả định tổn thất, điều kiện thoát và ra quyết định thực tế, kết nối các hậu quả của việc nắm giữ, sáp nhập và mua lại, rút lui và quản trị và tái đầu tư liên tục sau đó. Ba tuyến chính được kết nối với nhau chứ không phải là ba giai đoạn cố định. Kinh phí thực tế, những thay đổi trong kiểm soát và việc thực hiện các quyền và trách nhiệm chứng minh điểm bắt đầu nghiên cứu phản hồi, sửa đổi vòng đánh giá tiếp theo và kết nối khả năng nguồn lực, hoạt động và kết quả hợp tác. IPO, các công cụ

áp dụng sau niêm yết, STO, sáp nhập và mua lại, v.v. chỉ là những ví dụ so sánh có điều kiện. Không có trình tự, thời hạn hoặc cam kết thực hiện cần thiết và chúng không cấu thành kế hoạch thực hiện giao dịch. Bốn thủ đô là những nguyên tắc chiến lược để quản lý tài sản dài hạn và thu thập các nguồn lực chất lượng cao. Định giá phát hành thuần túy, cơ cấu chứng khoán và luật tài chính đòi hỏi các nguyên tắc liền kề; Con đường vốn và vai trò mới của công nghệ được so sánh riêng biệt và hiệu quả của cơ chế cần được kiểm tra.

D1 Đầu tư động và lựa chọn dự án

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu trình tự, giai đoạn đầu tư, bổ sung, điều chỉnh, dừng các dự án công nghệ, nhân sự, tri thức, tổ chức và vốn.

Chủ đề ứng viên: Làm cách nào để sắp xếp các khoản đầu tư vào đào tạo, dữ liệu, quy trình và mô hình? Khi nào đầu tư theo từng giai đoạn tốt hơn đầu tư một lần?

Nghiên cứu mở ra: Khi áp dụng các lộ trình hoạt động vốn khác nhau, làm thế nào để điều chỉnh việc xây dựng năng lực, hội nhập ngành và danh mục dự án của công ty dựa trên bằng chứng?

Đã đảm nhận: Bốn nguồn vốn và lưu thông kép, hoạt động công nghiệp và sức mạnh tổng hợp vốn, mô hình kinh doanh và kinh doanh, phân tích cơ chế vốn và logic chiến lược dài hạn để liên tục có được nguồn lực chất lượng cao thông qua hoạt động vốn để hỗ trợ hoạt động tài sản; nó cũng bao gồm chiến lược vốn và lập kế hoạch lộ trình niêm yết, danh mục đầu tư kinh doanh và kế hoạch hội nhập ngành.

Những quan sát chính: Ngân sách, đầu tư thực tế, kết quả giai đoạn, các nút điều chỉnh và dừng; phương án ứng viên, cơ sở phân bổ vốn, danh mục đầu tư và các sự kiện ra quyết định.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với STR; phân bổ, lựa chọn và điều chỉnh nguồn lực động chủ yếu dựa trên STR; đầu tư công nghệ và đổi mới được kết nối với TIM. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

Phù hợp tài chính D2 và hạn chế về vốn

Phạm vi nghiên cứu: Kết hợp vào nghiên cứu các nhà cung cấp vốn và gia nhập thị trường, lựa chọn cơ cấu và công cụ tài chính, nguồn tài trợ và kết hợp chi phí kỳ hạn.

Chủ đề ứng viên: Những hạn chế về tiền mặt và thời gian đáo hạn tài chính có làm thay đổi việc đầu tư vào năng lực vô hình với lợi nhuận chậm hơn không?

Nghiên cứu mở ra: IPO, các công cụ chứng khoán hiện hành sau niêm yết, STO hoặc các phương thức khác thay đổi thời hạn cấp vốn, số tiền ròng, chi phí, điều kiện của nhà đầu tư và năng lực đầu tư như thế nào?

Đã đảm nhận: So sánh chín chiều các đường dẫn vốn, tài trợ quốc tế, tư vấn vốn; Điều kiện thanh khoản tại Giấy IV đưa ra các vấn đề liên quan. So sánh các con đường và cấu trúc kết nối IPO, các công cụ tài trợ sau niêm yết và STO với các nhà đầu tư.

Những quan sát chính: Lượng vốn đến ròng, tổng chi phí vốn, thời hạn, khoảng cách trả nợ và cấp vốn; các thực thể và điều kiện thị trường, quyền sử dụng công cụ, cam kết tài chính và lượng đến thực tế, pha loãng và sử dụng vốn.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với STR (thư từ một phần); được kết nối với STR khi các điều kiện tài chính ảnh hưởng đến chiến lược và đầu tư năng lực; giá phát hành thuần túy, cơ cấu chứng khoán và giám sát không thể được phân loại hoàn toàn vào AOM. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

D3 Kiểm soát vốn, rủi ro và rút vốn

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu quyền sở hữu, kiểm soát, giám sát, trách nhiệm và rủi ro trước và sau hoạt động vốn, cũng như các hoạt động mua bán và sáp nhập, tổ chức lại, nắm giữ và lựa chọn rút lui.

Chủ đề ứng viên: Các điều khoản kiểm soát, mức độ rủi ro và yêu cầu rút lui thay đổi việc tiếp tục, cắt giảm hoặc chấm dứt dự án như thế nào?

Nghiên cứu mở ra: Việc niêm yết, chào bán chứng khoán, STO hoặc các thỏa thuận tái cơ cấu thay đổi các yêu cầu kiểm soát và quản trị hiện tại cũng như tác động đến mục tiêu hoạt động và quyết định đầu tư như thế nào?

Đã đảm nhận: Niêm yết các hoạt động mua bán và sáp nhập, mua lại đơn vị, chứng khoán và kết nối thị trường, IR, kế hoạch vốn hóa và thoái vốn. Quản trị liên tục thị trường vốn, quan hệ nhà đầu tư, mua bán và sáp nhập, cũng như kết nối quyền và trách nhiệm trong các tài khoản dài hạn.

Những quan sát chính: Kiểm soát các điều khoản, lệnh thanh toán, tổn thất, điều kiện thoát và các quyết định thực tế; thay đổi kiểm soát, công bố thông tin và nghĩa vụ hợp đồng, giả định thua lỗ, rút lui và tái đầu tư.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với STR; Quản trị, kiểm soát và các hậu quả chiến lược của việc thoát khỏi STR; Các thể chế và cơ cấu kiểm soát đối với OMT, Trách nhiệm và các vấn đề quy phạm đối với SIM. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

ranh giới nghiên cứu

Hoạt động vốn bao gồm kết nối thị trường, công cụ và cơ cấu giao dịch, phân bổ nguồn lực và quản trị liên tục. AOM chủ yếu nghiên cứu các hậu quả về mặt chiến lược và tổ chức; định giá phát hành thuần túy, cơ cấu chứng khoán và luật tài chính đòi hỏi các nguyên tắc liền kề. Không có một trình tự cần thiết nào cho các lộ trình vốn, cũng như không có một lộ trình nhất định nào được liệt kê như một cam kết cho sự tiến bộ trong nghiên cứu.

Mối liên hệ giữa công nghệ thể chế và thu xếp vốn

Khi blockchain hỗ trợ hồ sơ chứng khoán hoặc tài sản, phiên bản quy tắc, ủy quyền và thực hiện quyền, cần phải tuân thủ các quyền cơ bản, triển khai kỹ thuật, quỹ thực tế và điều kiện thị trường tương ứng. Công nghệ thể chế không chỉ phục vụ hoạt động vốn mà còn được sử dụng trong các mối quan hệ kinh doanh và hợp tác mà không cần phát hành chứng khoán; Bản thân con đường vốn và vai trò mới của công nghệ được so sánh riêng biệt.

Bốn logic vốn và chiến lược hoạt động dài hạn

Company Zero sử dụng logic của bốn nguồn vốn để giải thích cách cơ sở nguồn lực, quản lý tài sản, tổ chức vốn và hoàn vốn hỗ trợ lẫn nhau. Hoạt động vốn và các công cụ tài chính nhằm mục đích liên tục có được nguồn lực chất lượng cao và hoạt động lâu dài. Là một nguyên tắc hoạt động tổng thể, chúng được kết nối với các vấn đề đầu tư, tài chính và phân bổ vốn cụ thể được nghiên cứu theo hướng này. [67]

E. Phân bổ quyền, khuyến khích và quản trị hợp tác

Hướng này nghiên cứu kiến thức, dữ liệu và quyền ra quyết định, ghi nhận đóng góp và khuyến khích doanh thu, cam kết xuyên tổ chức và thỏa thuận hợp tác thay đổi như thế nào khi doanh nghiệp phản ứng với những thay đổi công nghệ và cách thức những thỏa thuận này ảnh hưởng đến việc điều chỉnh tổ chức, tích lũy năng lực, đạt được giá trị và hậu quả hợp tác. Hợp đồng, các mối quan hệ, quy trình tổ chức và hệ thống số phải được so sánh theo từng vấn đề cụ thể; các mối quan hệ và tài khoản vốn dài hạn là những giải thích lý thuyết cụ thể, các cơ chế quản trị và các lộ trình thực tế có thể được nghiên cứu.

Các vấn đề quan trọng trên con đường quan hệ vốn dài hạn vẫn còn:**Làm thế nào các bên liên quan có thể có được và tiếp tục nắm giữ các lợi ích liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp dựa trên sự lựa chọn tự nguyện và các quy định của thể chế, hình thành các mối quan hệ vốn lâu dài? Mối quan hệ này ảnh hưởng đến hình thức tổ chức, tích lũy năng lực, phân phối thu nhập và hợp tác liên tục như thế nào và nó được kế thừa, hiện thực hóa và tiếp tục thông qua hoạt động vốn như thế nào?** Con đường này chủ yếu kết nối E và D, và so sánh hậu quả của nó trên B, C và A. Nó không dẫn hay cạn kiệt hướng và đường nét chung này. Kiến thức phân tán, năng lực chuyên môn, các mối quan hệ xã hội và nguồn vốn hình thành năng lực doanh nghiệp và tài sản hoạt động như thế nào sẽ tiếp tục được nghiên cứu như những vấn đề hỗ trợ. AI và blockchain là những tình huống, điều kiện tổ chức và phương tiện thực hiện và không phải là điều kiện tiên quyết cần thiết để thiết lập các mối quan hệ vốn chung.

Tiền lương thường xuyên, nguồn cung cấp dài hạn, tư cách thành viên trả phí và các mối quan hệ dịch vụ đang diễn ra không tạo thành những gì mà nghiên cứu này gọi là mối quan hệ vốn dài hạn và do đó không được coi là giao dịch một lần. Hệ thống sắp xếp quyền vốn tương ứng cho các vai trò khác nhau; người tham gia có thể độc lập lựa chọn có chấp nhận và tiếp tục giữ mối quan hệ quyền vốn hay không. Mối quan hệ về quyền vốn có thể được áp dụng cho vai trò ban đầu và nội dung, nhà cung cấp dịch vụ, đăng ký và hiệu suất thực tế của nó được xác nhận riêng.

> **Hồ sơ rõ ràng, việc các quyền có được thiết lập hay không và liệu những lời hứa có được thực hiện hay không cần phải được trả lời riêng.**

Hình R07 · E. Phân bổ quyền, khuyến khích và quản trị hợp tác

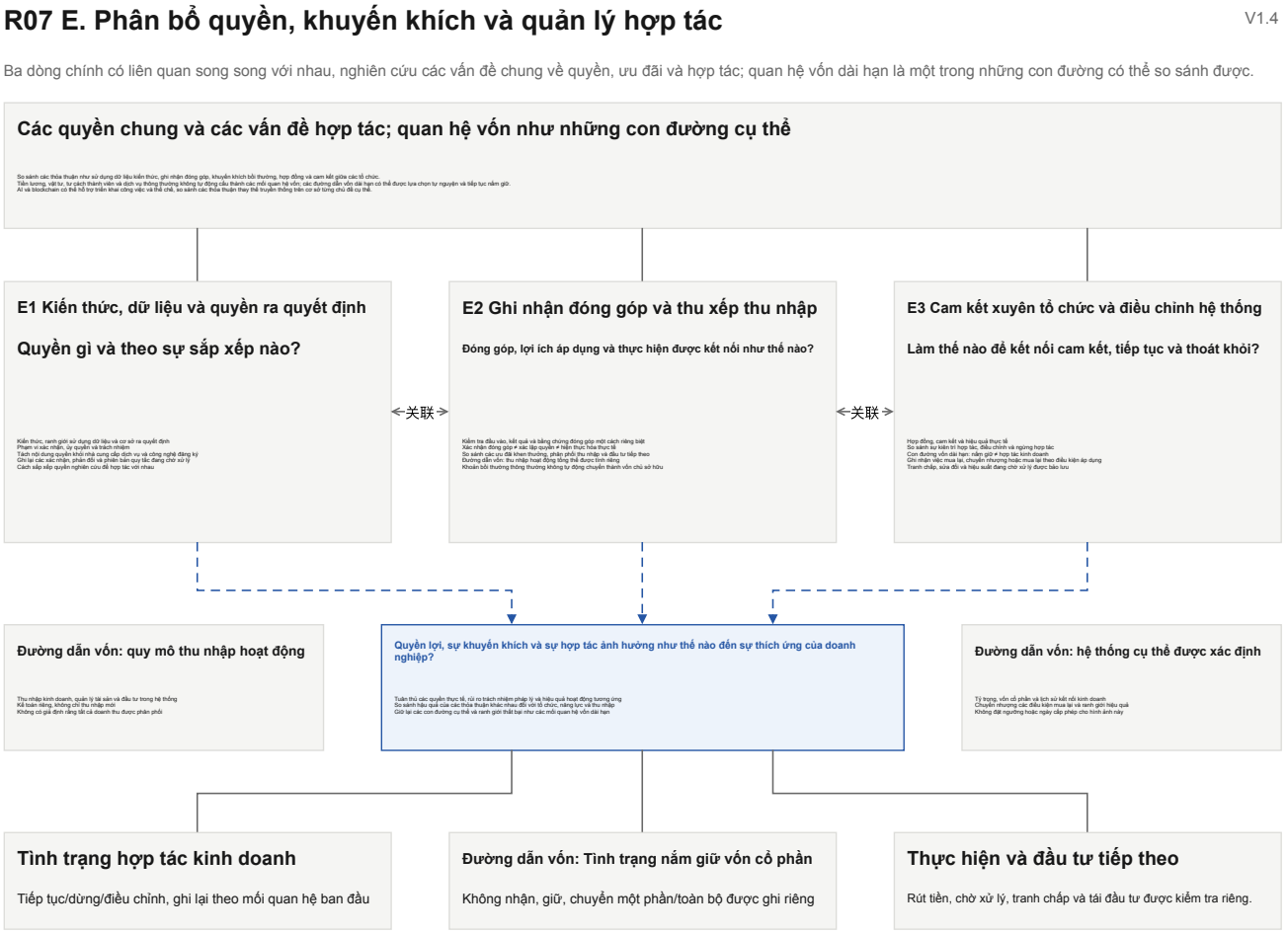

Sơ đồ trình bày khung nghiên cứu của tác giả; dòng không có mũi tên: phân loại vấn đề/quan sát; đường hai chiều: liên kết vấn đề; đường chấm màu xanh lam: kết nối cần kiểm tra, không biểu thị sự hình thành công bằng hoặc hợp tác.

Dữ liệu kiến thức E1 và quyền ra quyết định, sự công nhận đóng góp và sắp xếp lợi ích của E2 cũng như cam kết xuyên tổ chức và điều chỉnh hệ thống của E3 được đặt cạnh nhau để nghiên cứu các vấn đề về quyền, ưu đãi và hợp tác chung cũng như kiểm tra mối liên hệ của chúng với khả năng thích ứng của doanh nghiệp. Các mối quan hệ vốn dài hạn là một trong những con đường cụ thể và việc nắm giữ cổ phần, hợp tác kinh doanh và thực hiện của họ vẫn được quan sát riêng biệt.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

Hình R08 · Blockchain là công nghệ thể chế: đánh giá chung về các quy tắc và việc thực hiện



Thiết kế hệ thống và chuỗi khối đạt được cấu hình và cộng tác chung, đồng thời tác động đến các cam kết đáng tin cậy và hợp tác lâu dài thông qua các cơ chế xác minh, điều phối, giám sát và thực hiện được thử nghiệm; các sự kiện ngoài chuỗi, cơ sở quyền, ủy quyền quỹ và quản trị được kiểm tra từng cái một, đồng thời các hệ thống và công nghệ được đánh giá riêng biệt bằng cách sử dụng hai so sánh.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Lớp thiết kế hệ thống làm rõ vai trò nhận dạng, thẩm quyền xác nhận và xem xét, cơ sở để thiết lập các quyền, rủi ro trách nhiệm pháp lý và phản đối, thủ tục sửa đổi và rút lui; lớp triển khai chuỗi khối cung cấp các bản ghi chia sẻ giữa các chủ đề, phiên bản quy tắc, khả năng truy xuất nguồn gốc hiệu suất và thực thi trong phạm vi ủy quyền hiệu quả, đồng thời các thay đổi cũng như hoạt động và bảo trì kỹ thuật cũng cần phải được quản lý. Hai lớp cùng cấu hình các thỏa thuận hợp tác cụ thể và công nghệ không thay thế cơ sở quyền hiệu quả. Trong điều kiện các sự kiện ngoài chuỗi có thể kiểm chứng, các thỏa thuận và cơ sở quyền hiệu quả, nguồn tài chính và ủy quyền thực hiện, duy trì quản trị liên tục và sửa lỗi, hãy nghiên cứu xem có nên thay đổi phương pháp xác minh, điều phối, giám sát và thực hiện hay không và bằng cách nào. Bốn cơ chế này được đặt cạnh nhau và không tạo thành một chuỗi nâng cấp công nghệ. Tuân thủ các cam kết đáng tin cậy, thực hiện thực tế, tiếp tục và đầu tư, đồng thời duy trì các tranh chấp, tăng chi phí, không thay đổi và đình chỉ; khi có thiếu sót hoặc tranh chấp, hãy sửa các dữ kiện đầu vào, kiểm tra cơ sở quyền, xem xét các quy tắc hoặc tạm dừng và cấu hình lại sau khi sửa đổi. Tất cả các mũi tên cơ chế đều cần phải được thử nghiệm và nó

không cho rằng chuỗi sẽ đáng tin cậy, hợp pháp, công bằng hoặc hợp tác hiệu quả. So sánh A so sánh blockchain với các hệ thống hồ sơ khác theo các quy tắc và khuyến khích cố định, đồng thời quan sát việc xem xét, sửa lỗi, hiệu suất và chi phí bảo trì; So sánh B so sánh các xác nhận, quyền và thỏa thuận thực hiện khác nhau theo công nghệ cố định và quan sát sự rõ ràng về quyền và trách nhiệm, tranh chấp cũng như sự hợp tác sau đó. Bản thân việc thiết kế tài khoản không chứng minh được việc thiết lập cơ chế hợp tác.

Mối quan hệ giữa thiết kế thể chế và thực hiện kỹ thuật

Thiết kế hệ thống xác định rõ ràng danh tính, xác nhận thẩm quyền, quyền và trách nhiệm, thực hiện, phản đối và thoát ra; lớp triển khai blockchain hỗ trợ các bản ghi được chia sẻ, phiên bản quy tắc, thực thi được ủy quyền và truy xuất nguồn gốc. Nghiên cứu kết nối hai lớp với các quy trình xác minh, điều phối, giám sát và thực hiện, quan sát những thay đổi trong các cam kết đáng tin cậy và hợp tác sau đó.

Kết quả thực tế cũng phụ thuộc vào các thỏa thuận hợp lệ, dữ kiện ngoài chuỗi, quỹ và nguồn lực, quyết định của con người và cách quản lý tranh chấp. Vai trò của blockchain và vai trò của các quy tắc thể chế cần được đánh giá riêng biệt và so sánh với các hợp đồng, quản trị quan hệ và các hệ thống thông tin khác. [63, 66]

E1 Kiến thức, dữ liệu và quyền ra quyết định

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu vai trò nhận dạng, việc sử dụng dữ liệu và kiến thức, thẩm quyền ra quyết định và xác nhận, ủy quyền và trách nhiệm trong hợp tác doanh nghiệp; tài khoản vốn dài hạn là một trong những cách sắp xếp có thể được nghiên cứu.

Chủ đề ứng viên: Quyền sử dụng kiến thức, quyền ra quyết định và trách nhiệm nên được phân bổ như thế nào để tạo điều kiện hợp tác và loại bỏ những khoảng trống trong trách nhiệm?

Nghiên cứu mở ra: Làm thế nào để các hợp đồng, quy trình tổ chức và thỏa thuận hợp tác kỹ thuật số khác nhau kết nối các sự kiện, thẩm quyền hiệu quả và các quy tắc có thể thi hành? Khi sử dụng tài khoản blockchain hoặc tài khoản dài hạn, hãy so sánh tác động cụ thể của các kết nối trên chuỗi và ngoài chuỗi, thay đổi quy tắc và xem xét các phản đối.

Đã đảm nhận: Bốn quản trị sinh thái, ủy quyền trách nhiệm công việc, ví doanh nghiệp, DApp tùy chỉnh và công nghệ hệ thống chuỗi khối. Vai trò, quy tắc, ủy quyền và thiết kế trạng thái của tài khoản vốn dài hạn.

Những quan sát chính: Quyền sử dụng, hồ sơ quyết định, trách nhiệm, phản đối và sửa chữa; vai trò tài khoản, ranh giới dữ liệu, chuỗi ủy quyền, trách nhiệm xác nhận và hồ sơ sửa đổi.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với OMT; hệ thống tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu dựa trên OMT; quản trị kỹ thuật số, sở hữu trí tuệ và kiểm soát tài nguyên chiến lược giao nhau theo các vấn đề. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

E2 Ghi nhận đóng góp và thu xếp thu nhập

Phạm vi nghiên cứu: Theo dõi cơ sở đóng góp và đầu vào của người tham gia, thù lao và khuyến khích thu nhập, quyền và lợi ích hiện hành, trách nhiệm rủi ro, phân bổ và hiệu suất thực tế, đồng thời so sánh các hậu quả về mặt tổ chức và hoạt động của các thỏa thuận khác nhau.

Chủ đề ứng viên: Sau khi xem xét độc lập bằng chứng đóng góp, việc phân bổ có thay đổi không và liệu nó có ảnh hưởng đến việc đầu tư tri thức tiếp theo không?

Nghiên cứu mở ra: Việc ghi nhận những đóng góp, khuyến khích khen thưởng và sắp xếp thu nhập khác nhau ảnh hưởng như thế nào đến sự công bằng, sự tin cậy, hiệu suất thực tế và khoản đầu tư tiếp theo? Tài khoản vốn dài hạn là một trong những con đường cụ thể. Vai trò của việc xác nhận và sắp xếp vốn chủ sở hữu của nó được nghiên cứu. Xác nhận đóng góp, xác lập quyền và hiệu suất thực tế được quan sát riêng. Sau khi đường dẫn này chính thức đi vào hoạt động, hệ thống bao gồm thu nhập hoạt động tổng thể cũng như các quyền và trách nhiệm liên quan trong phạm vi hệ thống, bao gồm hoạt động kinh doanh, quản lý tài sản, đầu tư và thu nhập khác, và được hạch toán riêng và không bị thu hẹp chỉ ở thu nhập mới; doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư được kiểm tra riêng và tất cả doanh thu không được coi là được sử dụng để phân phối. Giá trị gia tăng vẫn có thể được sử dụng như một khái niệm phân tích và đo lường.

Đã đảm nhận: Giấy I, II; ghi nhận và xem xét đóng góp, thực hiện vốn chủ sở hữu và mô hình quan hệ vốn dài hạn. Công nhận và thiết kế thực hiện tài khoản vốn dài hạn của các bên liên quan và các quyền và lợi ích khác nhau.

Những quan sát chính: Đóng góp thực tế, đánh giá, phân phối, ý thức công bằng và đầu tư thực tế tiếp theo; các quyền và lợi ích được xác nhận và xác lập, tình trạng thực hiện, mức độ chịu rủi ro và khoản đầu tư thực tế tiếp theo.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với SIM; sự đóng góp đa bên, công bằng và trách nhiệm chủ yếu liên quan đến SIM; cảm giác công bằng, tin cậy và đóng góp tự nguyện được kết nối với OB và hệ thống lương thưởng cho nhân viên được kết nối với bộ phận nhân sự. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

E3 Cam kết xuyên tổ chức và điều chỉnh hệ thống

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu các hợp đồng xuyên tổ chức, các thỏa thuận về mối quan hệ, hồ sơ chung, cam kết, tranh chấp, điều chỉnh và thoát khỏi hệ thống; các mối quan hệ và tài khoản vốn dài hạn là một trong những con đường cụ thể.

Chủ đề ứng viên: Các cam kết thanh toán, hồ sơ chung và thủ tục tranh chấp ảnh hưởng như thế nào đến cam kết, hiệu quả hoạt động và việc tiếp tục hợp tác của nhà cung cấp?

Nghiên cứu mở ra: So sánh cách các hợp đồng, mối quan hệ và các thỏa thuận thể chế khác nhau hỗ trợ hoặc hạn chế các cam kết, việc thực hiện và tiếp tục hợp tác trong khi vẫn duy trì các tình huống tranh chấp và đình chỉ. Khi sử dụng tài khoản dài hạn hoặc khi sử dụng hồ sơ, quy tắc và giám sát được blockchain hỗ trợ, hãy kiểm tra tác động cụ thể của chúng. Việc nắm giữ cổ phần và hợp tác kinh doanh trong lộ trình vốn dài hạn được theo dõi riêng biệt và các trạng thái như trạng thái vẫn được giữ khi ngừng kinh doanh, trạng thái tiếp tục hoạt động nhưng đã chuyển nhượng quyền lợi, chuyển nhượng một phần và chờ triển khai sau đó sẽ được nghiên cứu, sau đó nghiên cứu mối quan hệ của chúng với đầu tư và hợp tác tiếp theo. Việc nắm giữ không được sử dụng để tự động cho rằng sự hợp tác vẫn tiếp tục.

Đã đảm nhận: Bài IV, các mối quan hệ vốn dài hạn, hợp tác kênh và nhà cung cấp, và các hoạt động sinh thái ngành công nghiệp cộng đồng. Cam kết tài khoản vốn dài hạn, tranh cãi, thay đổi quy tắc và thiết kế lối thoát tiếp theo.

Những quan sát chính: Thỏa thuận cấp vốn hoặc đặt hàng, các cam kết có thể kiểm chứng, thực hiện hợp đồng, gia hạn và chấm dứt hợp đồng; điều chỉnh quy tắc, giải quyết tranh chấp, tiếp tục hợp tác, gia hạn, thay đổi và rút lui đầu tư.

Định vị AOM: Chủ yếu kết nối với STR; kết quả chiến lược của cam kết và hợp tác xuyên tổ chức kết nối với STR; hiệu suất của nhà cung cấp kết nối với OSCM, đồng thời việc hình thành và điều chỉnh quy tắc kết nối với OMT. Xem Bảng điều kiện và quyền lợi chính。

ranh giới nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu bao gồm tất cả các loại mối quan hệ với các bên liên quan và lợi ích được ghi nhận riêng biệt dựa trên đầu vào và các thỏa thuận hiệu quả. Hồ sơ chuỗi khối, quyền được xác nhận, quyền hợp lệ và hiệu suất thực tế được xác minh riêng; sự hợp tác liên tục phải được xác minh bằng các hành động tiếp theo.

Cổ tức, vốn chủ sở hữu, cổ phiếu và các thỏa thuận liên quan đến STO được thể hiện riêng biệt theo nội dung quyền, nhà cung cấp dịch vụ, công nghệ đăng ký và lối ra. Tỷ lệ cụ thể, vốn chủ sở hữu hiện có, các mối quan hệ kinh doanh trước đây, ranh giới hiệu quả, các điều kiện chuyển nhượng và mua lại đều do hệ điều hành chính thức xác định; Đề cương nghiên cứu này không bao gồm các thỏa thuận chuyển đổi tự động, chuyển nhượng miễn phí hoặc mua lại bất cứ lúc nào và cũng không xây dựng kế hoạch giao dịch hoặc phát hành của riêng mình.

Định vị và kiểm tra các đóng góp ban đầu

Định vị đóng góp

Chương này giải thích đóng góp được đề xuất của tác giả theo đề xuất cấp cao hơn về “Sự thích ứng và khác biệt hóa của doanh nghiệp trong những thay đổi công nghệ” và tập trung vào các vấn đề cốt lõi chung sau:

> Trước biến đổi công nghệ, doanh nghiệp điều chỉnh mô hình kinh doanh, cách tổ chức và cơ chế vốn như thế nào để xây dựng và đổi mới năng lực, đồng thời tạo ra và thu nhận giá trị? Vì sao các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tương tự lại có kết quả kinh doanh dài hạn và lộ trình phát triển khác nhau?

Định vị nghiên cứu và phân cấp vấn đề Giải thích mối liên hệ giữa bài toán tổng quát và từng hướng đi.

Danh mục đóng góp giả của tôi vẫn có hai đóng góp giả chính có liên quan với nhau:**Cơ chế hình thành và bền vững của các mối quan hệ vốn lâu dài** và **Thiết kế thể chế và cơ chế quản trị tài khoản vốn dài hạn cho các bên liên quan**. Thay đổi về tổ chức và thực hiện, vận hành vốn tích cực, chấp nhận kép và so sánh theo chiều dọc tiếp tục là những ứng cử viên cho bốn hỗ trợ. Họ không chỉ có thể kết nối với hai đóng góp chính mà còn trả lời các câu hỏi về áp dụng công nghệ, cập nhật năng lực, hiện thực hóa giá trị và thu xếp vốn tương ứng. Sáu đóng góp này không bao trùm hết tất cả các nghiên cứu trong đề cương chung, cũng như không phải tất cả các hướng đều lấy quan hệ vốn dài hạn làm cơ chế giải thích duy nhất hay tiền đề chung.

Những đóng góp về mặt lý thuyết trả lời câu hỏi tại sao các hiện tượng lại xảy ra, chúng trải qua những quá trình nào và chúng được thiết lập trong những điều kiện nào; Đóng góp thiết kế thể chế trả lời cách tổ chức các vai trò, quy tắc, quyền và hiệu quả hoạt động. Cả hai lập luận riêng rằng bản thân thiết kế tài khoản không đóng vai trò là bằng chứng cho việc thiết lập lý thuyết và các tuyên bố về mặt lý thuyết không thay thế việc đánh giá tác động của thiết kế.

Lý thuyết vốn của các bên liên quan và quan hệ vốn dài hạn thực hiện các giải thích lý thuyết về các con đường cụ thể. Các tài khoản vốn dài hạn, NST, quản trị sinh thái và bốn thủ đô đi vào cấp độ phương pháp, sắp xếp

quản trị và các lộ trình thực tế theo tính chất thực tế của chúng. Tất cả chúng không được coi là công cụ, cũng không dẫn dắt mọi hướng. Các câu hỏi nghiên cứu quan trọng cho con đường này vẫn là:

> Làm thế nào các bên liên quan có thể có được và tiếp tục nắm giữ các lợi ích liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp dựa trên sự lựa chọn tự nguyện và các quy định của thể chế, hình thành các mối quan hệ vốn lâu dài? Mối quan hệ này ảnh hưởng đến hình thức tổ chức, tích lũy năng lực, phân phối thu nhập và hợp tác liên tục như thế nào và nó được kế thừa, hiện thực hóa và tiếp tục thông qua hoạt động vốn như thế nào?

Câu hỏi này chủ yếu kết nối E và D và so sánh hậu quả của nó đối với B, C và A. Làm thế nào để giữ lại kiến thức phân tán, năng lực chuyên môn, mối quan hệ xã hội và năng lực hình thức vốn của công ty cũng như tài sản hoạt động làm câu hỏi hỗ trợ. AI là công nghệ nhận thức và làm việc, còn blockchain là công nghệ thể chế; các chủ đề cụ thể so sánh việc áp dụng, kết hợp, thay thế truyền thống và sự khác biệt về điều kiện. Nó không giả định trước rằng việc áp dụng công nghệ hoặc các mối quan hệ vốn lâu dài chắc chắn sẽ dẫn đến những cải tiến về hoạt động.

Mối quan tâm lâu dài của nghiên cứu này là:**Các hình thức tổ chức của doanh nghiệp và các bên liên quan có thể phát triển như thế nào dưới những thay đổi về công nghệ thông minh và sắp xếp thể chế.** Cuộc điều tra này vẫn lấy doanh nghiệp và các mối quan hệ hợp tác cụ thể làm đối tượng quan sát hiện tại và không đưa ra dự đoán về diễn biến tất yếu hay kết quả chung.

Chương này làm rõ các điều kiện tăng cường nghiên cứu và thành lập cần được ủng hộ. Hiện tại, việc định vị sơ bộ tài liệu của tác giả và loạt nghiên cứu liên quan đầu tiên đã được hoàn thành. Dựa trên điều này, việc đánh giá tính mới có hệ thống của toàn bộ lĩnh vực vẫn chưa được hoàn thành và đóng góp đề xuất cũng chưa được liệt kê như một kết luận đã được hỗ trợ về mặt thực nghiệm.

Hình R09 · Đóng góp và bằng chứng gốc

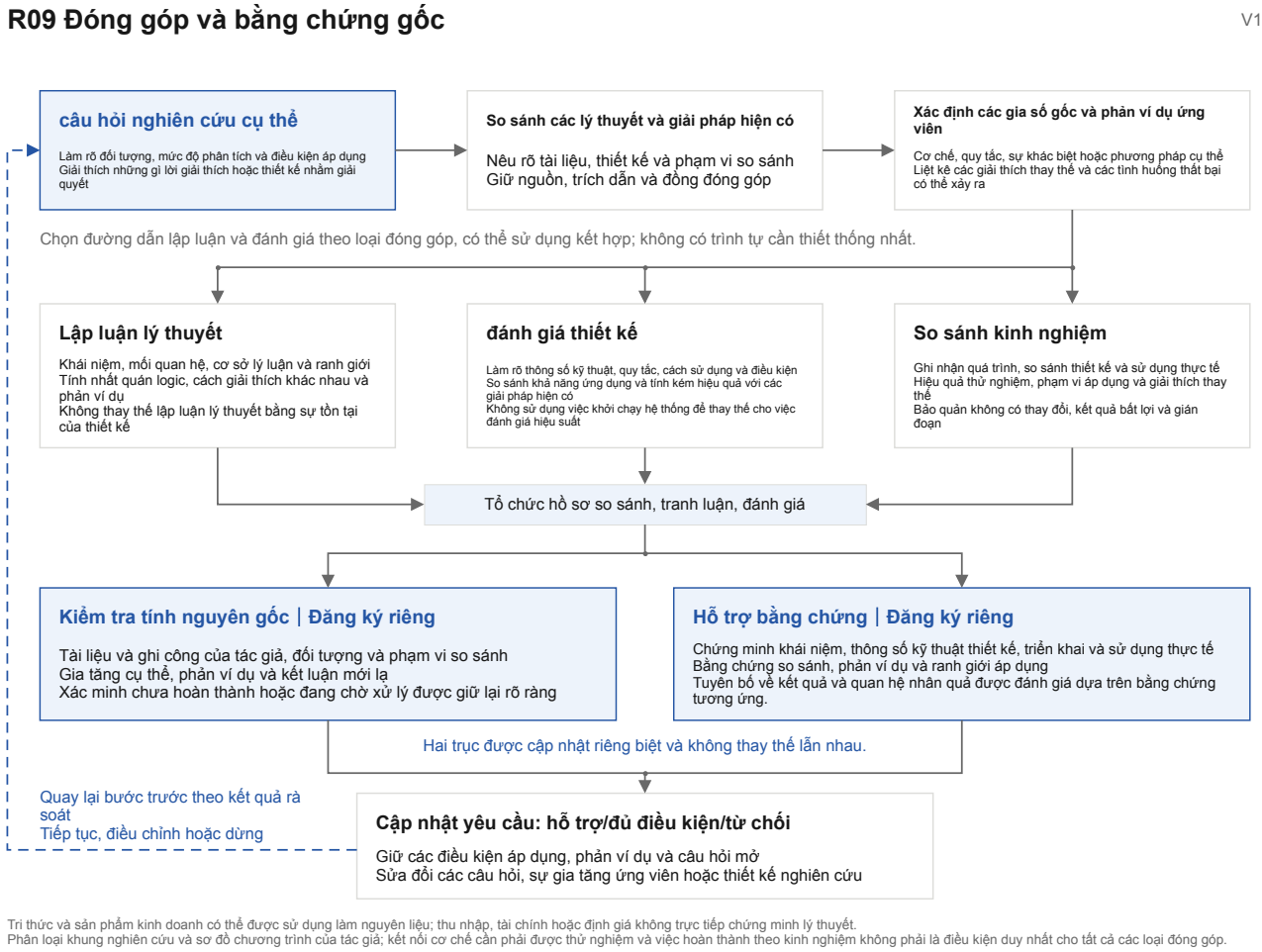

Bắt đầu từ việc so sánh các vấn đề cụ thể và nghiên cứu hiện tại, chúng tôi làm rõ các ứng cử viên và phản ví dụ, chọn lập luận lý thuyết, đánh giá thiết kế và đường dẫn so sánh thực nghiệm theo các loại đóng góp, cập nhật lần lượt kiểm tra tính nguyên gốc và trạng thái hỗ trợ bằng chứng, sau đó hỗ trợ, xác định chất lượng hoặc từ chối tuyên bố và sửa đổi nó.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Đầu tiên, làm rõ đối tượng, cấp độ, điều kiện của vấn đề nghiên cứu cụ thể, sau đó so sánh các lý thuyết và giải pháp hiện có, đồng thời chỉ ra cơ sở lý thuyết, phạm vi, nguồn và những đóng góp chung; các gia tăng ban đầu của ứng cử viên phải nằm trong các cơ chế, quy tắc, sự khác biệt hoặc phương pháp cụ thể và liệt kê các phản ví dụ, các giải thích thay thế và các kịch bản thất bại. Tùy thuộc vào loại đóng góp, lập luận lý thuyết, đánh giá thiết kế và đường so sánh thực nghiệm có thể được sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp và không có thứ tự thống nhất. Trình diễn lý thuyết kiểm tra các khái niệm, mối quan hệ, lý do hành động, logic và ranh giới; đánh giá thiết kế làm rõ các thông số kỹ thuật, quy tắc và cách sử dụng, đồng thời so sánh chúng với các giải pháp hiện có; so sánh thực nghiệm sử dụng hồ sơ quy trình, so sánh thiết kế và sử dụng thực tế, đồng thời không giữ lại những thay đổi, kết quả bất lợi và gián đoạn. Sau khi phân loại các bản ghi so sánh, lập luận và đánh giá, hai trục xác minh tính nguyên gốc và hỗ trợ bằng chứng được cập nhật tương ứng: tài liệu và ghi công của tác giả trong sổ đăng ký cũ, đối tượng và phạm vi so sánh, kết luận gia tăng và tính mới, và được bảo lưu rõ ràng ở trạng thái chưa hoàn thành hoặc đang chờ xử lý; phần sau đăng ký trình diễn khái niệm, thiết kế, triển khai, sử dụng thực tế, bằng chứng so sánh, các ví dụ phản biện và ranh giới, cũng như

các tác động và tuyên bố nhân quả được đánh giá theo bằng chứng tương ứng. Hai trục không thay thế nhau. Theo đó, đề xuất có thể được ủng hộ, đủ điều kiện hoặc bị từ chối, và câu hỏi, mức tăng ứng viên hoặc thiết kế nghiên cứu có thể được sửa đổi. Quay lại link trước để tiếp tục, điều chỉnh hoặc dừng tùy theo điều kiện. Tri thức và sản phẩm kinh doanh có thể được sử dụng làm nguyên liệu và thu nhập, tài chính hoặc định giá không trực tiếp chứng minh lý thuyết; không phải tất cả các loại đóng góp đều yêu cầu hoàn thành theo kinh nghiệm là điều kiện duy nhất.

Tiêu chí đánh giá đóng góp gốc

Để đề xuất một đóng góp, hãy giải thích những gì được bổ sung so với kiến thức hoặc thiết kế hiện có và tại sao những nội dung bổ sung này lại có giá trị giải thích, nghiên cứu hoặc thực tiễn. Những đóng góp về mặt lý thuyết có thể được thiết lập bằng cách làm rõ các khái niệm, cơ chế, logic và ranh giới; tác động nhân quả và phạm vi áp dụng yêu cầu thử nghiệm bằng chứng tương ứng. Hai loại bản án được ghi riêng biệt.

Ba tài liệu tham khảo được sử dụng ở đây:

- Lý thuyết cần giải thích rõ ràng đối tượng, mối quan hệ giữa các yếu tố, lý do hành động và ranh giới, xem Whetten（1989）。
- Những đóng góp liên quan đến cả tính độc đáo và tính ứng dụng mang tính học thuật hoặc thực tế; cả những đóng góp gia tăng và những cách diễn giải mới lớn hơn cần phải được định vị, xem Corley và Gioia (2011)。
- Các hệ thống, hệ thống và phương pháp có thể đóng góp vào kiến thức thiết kế nhưng chúng cần giải thích sự gia tăng, đánh giá và các điều kiện áp dụng liên quan đến các vấn đề và giải pháp hiện có. Xem Gregor và Hevner (2013)。

Năm hướng và mười lăm tuyến chính được sử dụng để tổ chức các vấn đề nghiên cứu; AI, IPO, STO, blockchain, v.v. minh họa các tình huống nghiên cứu, lộ trình hoặc công nghệ triển khai. Tính độc đáo phải dựa trên những giải thích cụ thể, các quy tắc thể chế, phương pháp hoặc khám phá. Nó không thể chỉ phụ thuộc vào việc danh mục có đầy đủ hay không, có tên mới hay không hoặc liệu một công nghệ nhất định có được sử dụng hay không.

Các tác giả đã tích lũy và có thể tiếp tục đưa ra yêu cầu

Đã tích lũy	Những gì hiện có thể được nêu	Cần phải nói gì để hình thành thêm sự đóng góp học thuật?
Hệ sinh thái các bên liên quan và mô hình quản trị bốn hệ sinh thái	Một khuôn khổ được đặt tên đại diện cho các tác nhân tổ chức, các mối quan hệ, hoạt động giá trị và các vấn đề quản trị	So với các bên liên quan hiện tại, khuôn khổ sinh thái và tổ chức, những khác biệt, cơ chế, kỳ vọng hoặc ranh giới mới nào được bổ sung?
SOP bốn chiều, trách nhiệm công việc, hướng dẫn sử dụng và phương pháp bàn giao	Có các phương pháp thể hiện hiệu quả hoạt động, công việc, chức năng, hành động và trách nhiệm công việc.	Cách nâng cao kiến thức thiết kế có thể hành động, đo lường được hoặc có thể tái sử dụng liên quan đến các quy trình, thói quen và phương pháp quản lý hiệu suất

Đã tích lũy	Những gì hiện có thể được nêu	Cần phải nói gì để hình thành thêm sự đóng góp học thuật?
Hệ thống tái thiết năng lực kinh doanh AI của doanh nghiệp và sự chấp nhận kép	Các khuôn khổ và phương pháp hiện có về công nghệ, tổ chức, thực hiện, phân phối và tích lũy năng lực	Những cơ chế trung gian và điều kiện duy trì nào nằm ngoài khả năng giải thích về sự bổ sung công nghệ đã được thiết lập và sự học hỏi của tổ chức, và những chỉ số nào có cách sử dụng đáng tin cậy
Lý thuyết về vốn của các bên liên quan và mô hình quan hệ vốn dài hạn	Có những bản thảo và cơ chế thể hiện sự đồng sáng tạo, đóng góp, quyền và sự hợp tác.	Cách xác định quan hệ vốn và những gì được thêm vào hợp đồng quan hệ, quản trị các bên liên quan và giải thích khuyến khích
Tài khoản vốn dài hạn và thiết kế công nghệ hệ thống blockchain	Đề xuất thiết kế liên kết vai trò, đóng góp, trách nhiệm, hiệu quả hoạt động và quản trị	Những quy tắc và giao diện nào tạo ra sự khác biệt có thể quan sát được và mỗi công nghệ và thể chế bổ sung thêm những gì?
Công cụ logic, lộ trình và so sánh vốn	Các giải pháp, công cụ và ví dụ về tổ chức vốn và phân tích dự án đều có sẵn	Làm thế nào để vượt ra ngoài phân tích tài chính, cơ cấu vốn và đầu tư chung để giải thích những thay đổi về khả năng hoạt động và quan hệ đối tác
Các bài báo gốc, trang web và thực tiễn cộng tác kiến thức	Trình diễn tiêu chuẩn, thiết kế nghiên cứu và một số tài liệu quy trình thực tế có sẵn	Thiết lập các lập luận lý thuyết, thiết kế có thể xem xét lại hoặc bằng chứng mới tương ứng, giữ lại các tác giả, trích dẫn và bộ phận cộng tác

Sự hình thành và thể hiện chất liệu của tác giả, tính mới so với văn học hiện có, ứng dụng và tác dụng thực tiễn phải được xác định riêng. Các đồng tác giả, lý thuyết, kỹ thuật và tài liệu tham khảo của bên thứ ba giữ lại các nguồn tương ứng của họ và các tài liệu tổng hợp riêng lẻ không thể được sử dụng để thay thế việc xác minh ghi công đóng góp.

Đóng góp 1: Cơ chế hình thành và bền vững của các mối quan hệ vốn lâu dài

Loại và trạng thái: Đóng góp lý thuyết chính được thiết lập; chủ yếu kết nối E2 và E3, tương quan B, C và D. AOM chủ yếu kết nối SIM, OMT và STR, cơ chế hành vi công bằng, tin cậy và đóng góp tiếp theo kết nối OB.

Mức tăng đề xuất: Quan sát thực tế về đầu tư và góp vốn, thẩm quyền xác nhận, mua lại vốn cổ phần hiện hành liên quan đến chiến lược vốn và giá trị dài hạn của công ty, lựa chọn của người tham gia về việc có chấp nhận và tiếp tục nắm giữ hay không, hiệu suất thực tế, rút vốn cổ phần và đầu tư tiếp theo, đồng thời giải thích các mối quan hệ vốn dài hạn được hình thành, duy trì hoặc thay đổi như thế nào. Phân biệt giữa năng lực bền vững và tài sản hoạt động của doanh nghiệp, trách nhiệm liên thời gian của những người tham gia và có thể được thực hiện theo thỏa thuận cũng như liệu hợp tác kinh doanh có tiếp tục hay không, đồng thời nghiên cứu hậu quả của việc đồng bộ hóa hoặc không đồng bộ giữa ba bên. Sự sắp xếp vốn chủ sở hữu được áp dụng cho vai trò ban đầu và việc mua lại vốn chủ sở hữu không được tự động giả định dựa trên danh tính của vai trò và việc nắm giữ vốn chủ sở hữu cũng không giống như việc tiếp tục cung cấp hoạt động kinh doanh.

Hình R10 · Đóng góp 1: Cơ chế hình thành và bền vững của các mối quan hệ vốn lâu dài

Sơ đồ thể hiện các điểm đóng góp đề xuất: Phân biệt giữa việc thực hiện vốn chủ sở hữu hiện tại và lợi tức đầu tư tiếp theo. Khi người tham gia có thể giữ lại các quyền và lợi ích của mình và kết thúc đợt dịch vụ hiện tại, hãy so sánh hai cách giải thích rằng việc thực hiện sẽ nâng cao độ tin cậy của lời hứa và lợi nhuận chưa biết từ các khoản đầu tư mới làm giảm sự sẵn lòng đầu tư và theo dõi hành vi thực tế khi có cơ hội.



Sau khi kết thúc kinh doanh, các khoản lãi hiện có có thể tiếp tục được rút ra thành tiền mặt theo hợp đồng. Hình này ghi lại các khả năng mà doanh nghiệp để lại cũng như trạng thái nắm giữ, hợp tác và đáp ứng của những người tham gia tương ứng, sau đó sử dụng hai dự đoán để giải thích khoản đầu tư tận tâm vào cơ hội thực tế tiếp theo. Con đường này chủ yếu kết nối E và D, đồng thời quan sát các kết quả liên quan của B, C và A.

Tham khảo so sánh: Các bên liên quan tạo ra giá trị chung, hành động tập thể và quản trị; hợp đồng quan hệ và khả năng tổ chức

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

Định nghĩa công việc và ranh giới vai trò: Mối quan hệ vốn dài hạn được thảo luận trong nghiên cứu này xoay quanh khoản đầu tư và lợi nhuận trong tương lai có thể hỗ trợ cho hoạt động đồng sáng tạo tiếp theo, đồng thời sắp xếp các quyền và trách nhiệm tương ứng liên quan đến giá trị dài hạn và chiến lược vốn của công ty bên cạnh vai trò tham gia ban đầu. Người tham gia có thể chọn có chấp nhận và tiếp tục giữ nó hay không, đồng thời xử lý việc thực hiện và thoát theo các thỏa thuận hiệu quả. Tiền lương thường xuyên, nguồn cung cấp dài hạn, tư cách thành viên trả phí và các mối quan hệ dịch vụ đang diễn ra không tạo thành các mối quan hệ vốn dài hạn được thảo luận ở đây; mỗi giao dịch đều có giá trị liên tục và quản trị và do đó không thể được coi chung là giao dịch một lần. Sự tồn tại của một mối quan hệ, sự tồn tại của một tài khoản hoặc việc ghi nhận khoản đóng góp là không đủ để xác định một cách độc lập mối quan hệ vốn hoặc lãi vốn.

Vốn chủ sở hữu được thảo luận ở đây liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp và chiến lược vốn; chỉ thanh toán trả chậm, tiền lương dài hạn hoặc thù lao dịch vụ liên tục không được tự động đưa vào vì tồn tại các khoản lợi nhuận trong tương lai. Các so sánh sau đây về việc nắm giữ, rút lui và lựa chọn kinh doanh đều sử dụng phạm vi vốn chủ sở hữu này.

Việc nắm giữ cổ phần, hợp tác kinh doanh và năng lực của công ty được tách biệt:

Trạng thái cần được quan sát riêng	Kết luận không thể suy ra trực tiếp
Có được và tiếp tục nắm giữ các quyền và lợi ích tương ứng, đồng thời tiếp tục hợp tác kinh doanh	Việc xác nhận các thoả thuận về vốn chủ sở hữu không thể dẫn đến việc tiếp tục đầu tư chỉ vì cả hai đều tồn tại cùng một lúc.
Vẫn giữ vốn nhưng chấm dứt hợp tác kinh doanh ban đầu	Sự gián đoạn kinh doanh không thể tự động được coi là sự biến mất của vốn chủ sở hữu hoặc sự kết thúc của tất cả các mối quan hệ vốn.
Hợp tác kinh doanh vẫn tiếp tục nhưng quyền đã được chuyển giao hoặc thu hồi theo thỏa thuận	Tính liên tục trong kinh doanh không thể được tự động ghi là vẫn giữ vốn chủ sở hữu ban đầu.
Chuyển giao một phần, giữ lại một phần quyền hoặc chờ thực hiện	Không thể bao gồm tất cả các quyền và trách nhiệm chỉ bằng một trạng thái "Đã thoát/Chưa thoát"

Doanh nghiệp có thể duy trì năng lực nhưng hợp tác kinh doanh bị gián đoạn hoặc có thể tiếp tục hình thành năng lực trong điều kiện có sự bổ sung giữa con người và máy móc ổn định hoặc các điều kiện đặc thù về mối quan hệ. Vốn sở hữu, việc thực hiện quyền và trách nhiệm, hành vi hợp tác và những thay đổi về năng lực được ghi lại riêng biệt và việc đánh giá mối tương quan giữa chúng cần có thời gian, sự so sánh và những giải thích khác nhau.

Phạm vi của hệ thống thu nhập và người vận chuyển quyền: Hệ thống được đề xuất hướng đến thu nhập tổng thể cũng như các quyền và trách nhiệm liên quan trong phạm vi hệ thống sau khi vận hành chính thức, bao gồm hoạt động kinh doanh, quản lý tài sản, đầu tư và thu nhập khác và hạch toán chúng một cách riêng biệt, không chỉ đối với thu nhập mới. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư được kiểm tra riêng và tất cả doanh thu không thể được coi là có thể phân phối hoặc được coi là được thanh toán đầy đủ; giá trị gia tăng vẫn có thể được sử dụng để phân tích và đo lường. Tỷ lệ cụ thể, vốn chủ sở hữu hiện có, kết nối kinh doanh lịch sử và ranh giới hiệu lực sẽ được xác định bởi hệ thống tiếp theo. Chương này không chắc chắn về các điều khoản hoặc ngày hoạt động này.

Vốn chủ sở hữu có thể được kết nối với cổ tức, vốn chủ sở hữu, cổ phiếu và các thỏa thuận liên quan đến STO, nhưng phải phân biệt nội dung quyền, nhà cung cấp dịch vụ, công nghệ đăng ký và phương thức thoát. Việc chuyển nhượng, mua lại và các điều kiện liên quan sẽ được xác định bởi hệ thống tiếp theo và không có chuyển đổi tự động cài sẵn, chuyển nhượng miễn phí hoặc mua lại vô điều kiện bất cứ lúc nào. Các khái niệm hoạt động không thay thế việc xác định kế toán, pháp lý hoặc phân loại các quyền bảo đảm cũng như không hình thành nên giao dịch hoặc đề xuất chào bán trong chương này.

Các tiêu chuẩn nghiên cứu và so sánh hiện có: Quản trị các bên liên quan đã nghiên cứu hành động tập thể và các hình thức quản trị trong việc tạo ra giá trị chung; nghiên cứu hợp đồng quan hệ đã kết nối các cam kết, hợp tác và khả năng tổ chức. Nghiên cứu này cần xác định từng bước những giải thích này mà không cần định dạng lại “sự hợp tác của các bên liên quan” hoặc “cam kết lâu dài đóng một vai trò” như những phát hiện mới. Các đối tác đối thoại ban đầu bao gồm Bridoux và Stoelhorst (2022)và Vượn và Henderson (2012)。

Việc kinh doanh đã dừng lại nhưng các quyền và lợi ích đã có vẫn được tôn trọng như đã hứa. Liệu người tham gia có tiếp tục đầu tư vào doanh nghiệp này khi có cơ hội lần sau không?

Giả sử một đối tác hoàn thành đơn đặt hàng ban đầu. Đơn hàng tiếp theo yêu cầu anh phải dành thời gian đào tạo đội ngũ giao hàng của công ty và kinh nghiệm này chủ yếu được sử dụng trong quá trình hợp tác giữa hai bên. Có hai cách giải thích đáng so sánh cho khoản đầu tư mới này.

- **Việc thực hiện khiến lời hứa trở nên đáng tin cậy hơn.** Kể cả khi đơn hàng trước đó đã chấm dứt, công ty vẫn tôn trọng các quyền và lợi ích hiện có theo thỏa thuận. Nếu việc bố trí thù lao cho lần đầu tư tiếp theo như nhau, so với trường hợp không có cơ sở thực hiện, thấy việc thực hiện có thể khiến đối tác tin tưởng vào cam kết mới hơn và sẵn sàng đầu tư thêm thời gian đào tạo.
- **Các khoản đầu tư mới vẫn cần phải được hạch toán.** Nếu các quyền và lợi ích ban đầu đã được thực hiện một cách đáng tin cậy và không cần phải tiếp tục nắm giữ để tiếp tục nhận đơn đặt hàng, thì việc đào tạo sẽ mất bao nhiêu thời gian và khoản đóng góp bổ sung này sẽ được khen thưởng như thế nào sẽ ảnh hưởng đến sự lựa chọn của anh ta. So với tình huống lợi nhuận mới rõ ràng và được mong đợi, nếu lợi nhuận mới không rõ ràng và có sẵn các dự án khác, anh ta có thể giữ lại vốn chủ sở hữu ban đầu và giảm hoặc từ bỏ khoản đầu tư mới vào công ty.

Cả hai cách giải thích đều xem xét sự đầu tư tận tâm thực tế vào cơ hội tiếp theo. Một sự kết hợp đã có thành tích hoạt động nhưng vẫn chưa rõ lợi nhuận mới đặc biệt đáng được quan sát. Bạn có thể thay đổi cơ sở thực hiện và các thỏa thuận hoàn trả mới trong kịch bản tương ứng hoặc tìm các tình huống có thể so sánh được trong hợp tác thực tế để kiểm tra mức thù lao cho vai trò ban đầu, giá trị vốn chủ sở hữu ban đầu, điều kiện dự án và các cơ hội khác. Hai tác động có thể xảy ra cùng một lúc. Chỉ nhìn có người tiếp tục nhận lệnh cũng không rõ là ai đã ra tay.

Các điều kiện khác cần được kiểm tra

- Các khoản đóng góp chỉ được ghi nhận khi có thể dự kiến được các quyền và lợi ích tương ứng liên quan đến giá trị dài hạn và chiến lược vốn của doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động thực tế dựa trên đó. Có thể tác động đến việc chấp nhận, nắm giữ và tái đầu tư thông qua kỳ vọng lợi nhuận trong tương lai; nếu nó chỉ tăng hồ sơ mà không thay đổi những kỳ vọng hoặc hành vi này thì việc giải thích về cơ chế này sẽ bị hạn chế.
- Việc thỏa thuận vốn cổ phần có thể hỗ trợ việc tiếp tục kinh doanh hay không còn phụ thuộc vào mối liên hệ cụ thể giữa việc nắm giữ vốn cổ phần và việc tiếp tục kinh doanh cũng như các điều kiện hợp tác khác.

Tình huống mà thu nhập từ vốn chủ sở hữu có thể tiếp tục tồn tại sau khi hoạt động kinh doanh ngừng hoạt động và tình huống hoạt động kinh doanh tiếp tục sau khi thoát khỏi vốn chủ sở hữu nên được so sánh tương ứng và "dài hạn" không nên hiểu trực tiếp là hợp tác cố định hoặc nắm giữ bắt buộc.

- Việc phân phối, giữ lại và tái đầu tư trong giai đoạn hiện tại có thể có những tác động khác nhau đến lợi nhuận của người tham gia và khả năng tiếp theo của công ty; vai trò của hệ thống thu nhập tổng thể cần được giải thích cùng với các hoạt động, quản lý tài sản, kết quả đầu tư và điều kiện thực hiện. Nó không giả định trước rằng việc phân bổ nhiều hơn hoặc nắm giữ lâu hơn nhất thiết phải tốt hơn.

Để được chứng minh và thử nghiệm: Trong các điều kiện như đầu tư tận tâm, sự phụ thuộc lẫn nhau hoặc việc thu hồi tiền mặt bị trì hoãn, việc mua lại cổ phần, quyền chọn nắm giữ, lợi nhuận kỳ vọng và hiệu suất thực tế có ảnh hưởng tương ứng đến việc chia sẻ kiến thức, tái đầu tư và tiếp tục kinh doanh hay không; việc chuyển giao, thu hồi một phần và thay đổi quyền kiểm soát sẽ thay đổi các quyền, trách nhiệm và điều kiện thực hiện còn lại như thế nào. Các so sánh như "không nhận lợi ích nhưng vẫn tiếp tục kinh doanh", "giữ lợi ích nhưng ngừng hợp tác" và hành vi không thay đổi của hệ thống được giữ lại để kiểm tra xem liệu các lựa chọn tham gia, mối quan hệ ban đầu, triển vọng kinh doanh và các phần thưởng khác có thể giải thích kết quả hay không.

Phản ví dụ và ranh giới: Khi hồ sơ đầy đủ hơn nhưng việc phân bổ và các hành động tiếp theo không thay đổi thì giải trình về việc hạn chế khả năng hiển thị thông tin; khi quyền rõ ràng nhưng chưa được thực hiện thì xác định nguồn vốn, ủy quyền và liên kết trách nhiệm; khi quyền và lợi ích vẫn được giữ nhưng việc hợp tác kinh doanh bị gián đoạn thì việc tiếp tục quyền không thể coi là việc tiếp tục hợp tác. Việc duy trì năng lực của doanh nghiệp không chứng tỏ người tham gia vẫn có lợi ích. Các phần của hợp đồng chung, quyền sở hữu hiện có hoặc lý thuyết quản trị quan hệ có đủ giải thích để thu hẹp yêu cầu đóng góp cho phù hợp.

Tình trạng hiện tại: Hiện đã có bản thảo sách, biểu thức cơ chế và thiết kế trên giấy; Các đối tượng so sánh sơ bộ đã được liệt kê, các so sánh tài liệu đặc biệt và các minh chứng lý thuyết hoàn chỉnh cần được hoàn thiện, các cơ chế và tác động thực tế có liên quan cần được thử nghiệm.

Đóng góp 2: Thiết kế thể chế tài khoản vốn dài hạn cho các bên liên quan

Loại và trạng thái: Đóng góp thiết kế thể chế chính sẽ được thiết lập; chủ yếu kết nối E1-E3 và liên kết A2, A3 và D. AOM chủ yếu giao tiếp với OMT, SIM, CTO và STR.

Mức tăng đề xuất: Với tiền đề là tài khoản có thể ghi lại hai mức hiệu suất thường xuyên và vốn chủ sở hữu, nhiều danh tính, đầu vào không đồng nhất, bằng chứng đóng góp, thẩm quyền xác nhận, phiên bản quy tắc, mua lại vốn chủ sở hữu tương ứng, các tùy chọn chấp nhận và nắm giữ, thay đổi một phần và rút tiền, và hiệu suất đang chờ xử lý được tổ chức thành một giao diện tổ chức được liên kết bền vững. Tiền thù lao thông thường được tách biệt khỏi vốn chủ sở hữu, hợp tác kinh doanh, nắm giữ cổ phần và những thay đổi về năng lực của công ty được quan sát riêng biệt và tất cả các hồ sơ tài khoản không được hiểu thống nhất là các mối quan hệ vốn.

Hình R11 · Đóng góp 2: Thiết kế thể chế tài khoản vốn dài hạn

Sơ đồ thể hiện các điểm đóng góp đề xuất: Liên tục liên kết nhiều vai trò với các khoản đầu tư không đồng nhất, mua lại cổ phần, nắm giữ/rút vốn độc lập, các khoản thu nhập hoạt động tổng thể, các phiên bản quy tắc và việc triển khai đang chờ xử lý; phân biệt giữa vốn chủ sở hữu và quỹ đạo kinh doanh, đồng thời giữ lại hoạt động kinh doanh lịch sử và các điều kiện cụ thể để xác định.

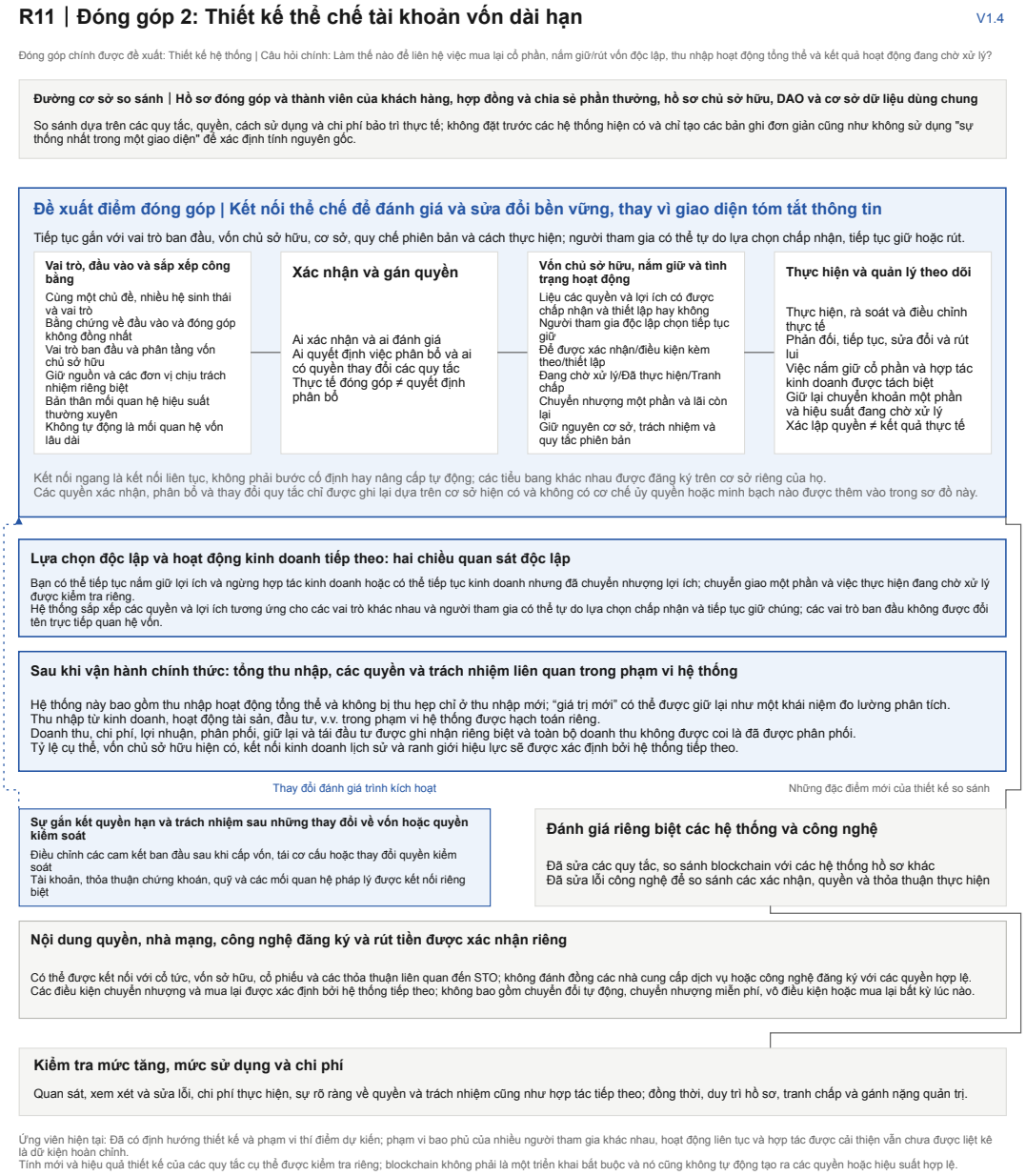

Vị trí tăng dần của hệ thống được đề xuất nằm ở các vai trò liên quan liên tục, mua lại cổ phần, nắm giữ và rút vốn độc lập, thực hiện và phiên bản quy tắc; nắm giữ cổ phần và hợp tác kinh doanh được quan sát riêng biệt. Sau khi vận hành chính thức, tổng thu nhập cũng như các quyền và trách nhiệm liên quan trong phạm vi hệ thống sẽ được bảo đảm. Thương mại, vận hành tài sản, đầu tư và thu nhập khác được hạch toán riêng và doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư được phân biệt.

Tham khảo so sánh: Hồ sơ thành viên và quan hệ khách hàng; sổ cái đóng góp; hợp đồng và chia sẻ thù lao; người giữ hồ sơ; quản trị DAO; cơ sở dữ liệu dùng chung; dựa trên các quy tắc, quyền, cách sử dụng và so sánh chi phí thực tế, không thể cho rằng một số loại giải pháp nhất định chỉ có chức năng đơn giản. ;

Lumineau, Wang và Schilke (2021); So sánh việc thực hiện kỹ thuật theo các quy định và ưu đãi giống nhau; So sánh các thỏa thuận xác nhận, thẩm quyền và thực hiện trong cùng một công nghệ

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

Những thiết kế cần so sánh: Hồ sơ thành viên và mối quan hệ khách hàng, sổ cái đóng góp, thỏa thuận bồi thường hoặc chia sẻ, hồ sơ chủ sở hữu, quản lý hợp đồng và mối quan hệ, quản trị DAO và cơ sở dữ liệu dùng chung. Nó tập trung hơn vào các quy tắc và cách sử dụng thực tế. Nó không cho rằng một loại hệ thống hiện có nhất định chỉ có các chức năng đơn giản, cũng không chỉ xác định tính nguyên gốc dựa trên "sự thống nhất trong một giao diện".

Vị trí cụ thể của phần tăng hệ thống:

- Liên quan đến các hệ sinh thái và vai trò khác nhau của cùng một chủ thể, đồng thời vẫn giữ các loại quyền, trách nhiệm và chủ thể thực thi khác nhau.
- Tách biệt các dữ kiện đóng góp khỏi các quyết định phân bổ và giải thích ai xác nhận, ai xem xét và ai có thẩm quyền thay đổi các quy tắc.
- Ghi lại các thỏa thuận sẽ được xác nhận, có điều kiện, được thiết lập, sẽ được thực hiện, thực hiện hoặc tranh chấp tương ứng, đồng thời giữ lại cơ sở và phiên bản.
- Theo các thỏa thuận hiệu quả, việc mua lại, chấp nhận và tiếp tục nắm giữ lợi ích, tiếp tục kinh doanh, chuyển nhượng một phần hoặc rút lui và thực hiện đang chờ xử lý có liên quan tương ứng và các loại quyền và trách nhiệm khác nhau không được đưa vào thang trạng thái tự động.
- Phản hồi phản đối, hiệu suất, ủy quyền, tiếp tục kinh doanh và rút quyền đối với các mối quan hệ tương ứng để kiểm tra xem hệ thống có thay đổi hành vi hay không.
- Ghi lại thu nhập kinh doanh, hoạt động tài sản và đầu tư trong phạm vi hệ thống, cũng như cơ sở về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư. The specific proportion, existing equity and historical business connection will be determined later.
- Sau khi thay đổi cơ cấu vốn, tài trợ, tổ chức lại hoặc kiểm soát, kiểm tra các cam kết, quyền và trách nhiệm hiện hành; accounts are linked to securities, funds and legal relationships respectively.

Hệ thống và công nghệ được đánh giá riêng biệt: Under the same rules and incentives, compare what blockchain adds to other record systems; under the same technical conditions, compare the effects of different confirmations, permissions, and fulfillment arrangements. Quan sát các đánh giá, chỉnh sửa, chi phí thực hiện, sự rõ ràng về trách nhiệm và sự tham gia tiếp theo, đồng thời ghi lại các gánh nặng về bảo trì, tranh chấp và quản trị. Đã có những nghiên cứu so sánh blockchain với quản lý hợp đồng và mối quan hệ. Nghiên cứu này cần xác định các quy định mới cụ thể và hậu quả của chúng. Xem Lumineau, Wang và Schilke (2021)。

Tình trạng hiện tại: The design direction and proposed pilot scope of accounts and related rules are already in place; phạm vi bảo hiểm của nhiều người tham gia khác nhau, hoạt động tiếp tục hoặc hợp tác được cải thiện vẫn chưa được liệt kê là dữ kiện hoàn chỉnh. The novelty and effect of the specific design are checked separately.

Đóng góp 3: Cơ chế mà công nghệ, tổ chức và việc thực thi ảnh hưởng đến việc duy trì khả năng

loại: Mechanism explanation and boundary contribution candidates; chủ yếu kết nối A1, A2, B1-B3, nghiên cứu phân phối khách hàng liên quan đến C1, C2, C3; kết nối CTO, ODC, MOC, OB và STR.

Mức tăng đề xuất: Xác định các quy trình trung gian như thẩm quyền ra quyết định, tính sẵn có của tài nguyên, chuyển giao vai trò chéo, phản hồi bất thường và cập nhật kinh nghiệm, lần lượt nghiên cứu vai trò nhận thức và công việc của AI cũng như vai trò công nghệ thể chế của blockchain và giải thích khi nào cần cải thiện khả năng chuyển sang sử dụng bền vững trong các điều kiện về nhân sự, công cụ và mối quan hệ rõ ràng. Sức mạnh tổ chức, sức mạnh thực thi và năng lực của doanh nghiệp được quan sát riêng biệt, đồng thời hoạt động liên tục và duy trì năng lực, tính bền vững trong bảo trì, sự lặp lại giữa các cá nhân, sự di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ được đánh giá riêng biệt và chúng không phải là các ngưỡng thống nhất cho nhau.

Hình R12 · Đóng góp 3: Cơ chế tổ chức và thực thi ảnh hưởng như thế nào đến việc duy trì năng lực

Sơ đồ thể hiện các điểm đóng góp đề xuất: Các quy trình trung gian như quyền định vị, nguồn lực đến, chuyển giao vai trò chéo, phản hồi bất thường và cập nhật kinh nghiệm giải thích các điều kiện cụ thể cho sự bền bỉ và duy trì khả năng; sức mạnh tổ chức, sức mạnh thực thi và năng lực của công ty được quan sát riêng biệt. Năm đánh giá năng lực không thay thế lẫn nhau. Stable human-machine complementarity and relationship-specific capabilities are judged according to conditions.

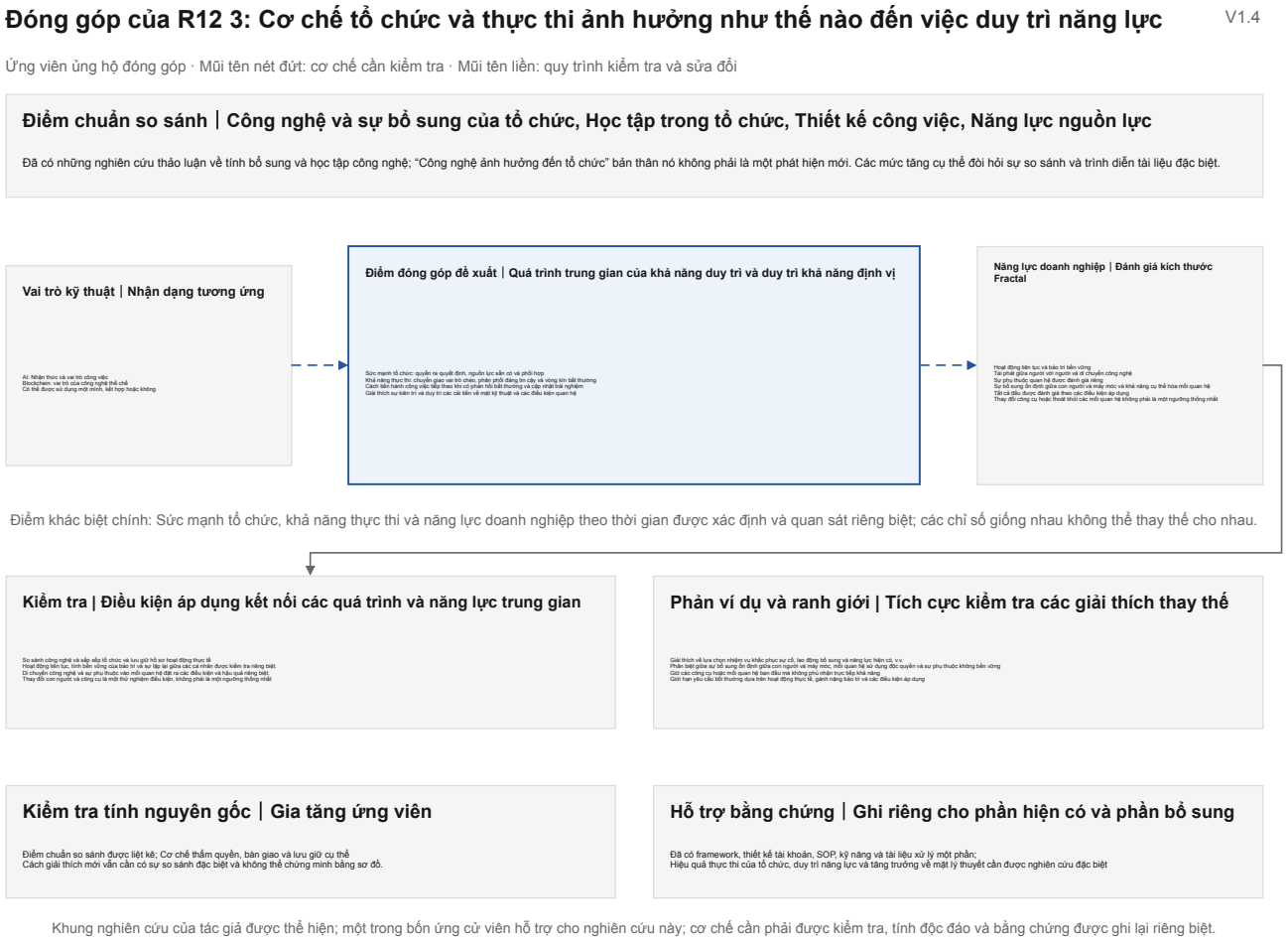

Khung nghiên cứu của tác giả được thể hiện; một trong bốn ứng cử viên hỗ trợ cho nghiên cứu này; cơ chế cần phải được kiểm tra, tính độc đáo và bằng chứng được ghi lại riêng biệt.

Ứng viên hỗ trợ đóng góp: Dựa trên nghiên cứu hiện có về tính bổ sung công nghệ, học tập của tổ chức, v.v., dự kiến sẽ xác định các quy trình trung gian như quyền hạn, nguồn lực, chuyển giao, phản hồi bất thường và cập nhật kinh nghiệm; đánh giá hoạt động liên tục của các khả năng, tính bền vững của bảo trì, sự lặp lại giữa các cá nhân, sự di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ tương ứng, đồng thời không sử dụng các công cụ thay đổi hoặc tách khỏi các mối quan hệ như một ngưỡng thống nhất.

Tham khảo so sánh: Nghiên cứu về công nghệ và sự bổ sung của tổ chức, học tập của tổ chức, thiết kế công việc và khả năng nguồn lực; Những giải thích hiện tại về tính bổ sung và học tập công nghệ không bị phủ nhận hoặc đơn giản hóa vì không có chức năng liên quan.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

Điểm chuẩn: Nghiên cứu về sự bổ sung về công nghệ và tổ chức, học tập của tổ chức, thiết kế công việc và khả năng nguồn lực. Có nghiên cứu rõ ràng về nhu cầu đầu tư bổ sung vô hình vào AI, ví dụ: Brynjolfsson, Rock & Syverson (2021); Nghiên cứu này phải giải quyết các vấn đề gia tăng trong các cơ chế chuyển giao, cấp phép hoặc lưu giữ cụ thể và không thể coi "tổ chức tác động công nghệ" rộng rãi như một phát hiện mới.

Bằng chứng và phản ví dụ: So sánh công nghệ và sắp xếp tổ chức, ghi lại quy trình và quan sát hoạt động tiếp theo được sử dụng để tiến hành các thử nghiệm lặp lại giữa các cá nhân, chuyển giao công nghệ hoặc thay đổi điều kiện mối quan hệ dựa trên các câu hỏi nghiên cứu. Những cải tiến có thể được giải thích bằng cách lựa chọn nhiệm vụ, lao động bổ sung hoặc khả năng sẵn có không được quy cho cơ chế đề xuất. Khi nó chỉ có hiệu lực theo công cụ hoặc mối quan hệ ban đầu thì phải giải thích sự phụ thuộc và phạm vi áp dụng; khi chi phí bảo trì không bền vững hoặc việc vận hành liên tục không thành công thì yêu cầu giữ lại sẽ bị hạn chế. Sự bổ sung ổn định giữa con người và máy móc hoặc khả năng cụ thể của mối quan hệ có thể tồn tại. Tuy nhiên, nếu quá trình di chuyển không thành công hoặc mối quan hệ bị tách rời thì mối quan hệ đó sẽ không hợp lệ. Điều này không phủ nhận các khả năng chỉ trong các điều kiện ban đầu.

Quan sát phân biệt giữa duy trì và di chuyển:

Khía cạnh đánh giá	Vấn đề về thư từ
Hoạt động liên tục và duy trì năng lực	Trong các điều kiện về nguồn lực và mối quan hệ đã chỉ định, nó có thể được gọi liên tục trong các nhiệm vụ và giai đoạn tiếp theo không?
Duy trì tính bền vững	Chi phí cập nhật, xem xét, sửa chữa và bảo trì có phù hợp không, hay nó phụ thuộc vào lao động bổ sung không có giấy tờ?
Sự tái xuất hiện giữa mọi người	Hiệu suất nào có thể được duy trì sau khi thay đổi người thực hiện hoặc bàn giao, và có thể dựa vào sự đào tạo và hỗ trợ nào?
di cư công nghệ	Những gì có thể được di chuyển khi thay đổi mô hình, công cụ hoặc nhà cung cấp cũng như ranh giới về chi phí và hiệu suất là gì?
sự phụ thuộc quan hệ	Những khả năng nào dựa trên sự hợp tác cụ thể, tài nguyên bổ sung hoặc thói quen chung và chúng thay đổi như thế nào khi mối quan hệ thay đổi?

Các khía cạnh trên trả lời các câu hỏi khác nhau và không yêu cầu mỗi khả năng tồn tại độc lập với các công cụ hoặc mối quan hệ hiện có.

Tình trạng hiện tại: Hiện đã có khung AI, công nghệ hệ thống blockchain và thiết kế tài khoản, SOP, kỹ năng và tài liệu quy trình làm việc địa phương; những tác động về mặt tổ chức và thực thi có thể so sánh được, việc duy trì năng lực và tăng trưởng về mặt lý thuyết vẫn cần được nghiên cứu cụ thể.

Đóng góp 4: Tác động hai chiều của vận hành vốn chủ động và nâng cao năng lực

loại: Ứng cử viên cho cơ chế lý thuyết và đóng góp ranh giới; chủ yếu kết nối D1-D3, liên quan đến B, C và E; với STR là điểm kết nối AOM chính, cấu trúc và hệ thống tài chính thuần túy kết nối các ngành liền kề.

Mức tăng đề xuất: So sánh việc gia nhập thị trường vốn, các điều khoản về công cụ, yêu cầu quản trị về kiểm soát và công bố thông tin, cách thay đổi đầu tư năng lực, điều chỉnh tổ chức và hợp tác liên tục thông qua các thỏa thuận về nguồn lực và trách nhiệm; và sau đó nghiên cứu cách thức phản hồi bằng chứng hoạt động và tình trạng hoạt động cho việc lựa chọn vốn tiếp theo.

Hình R13 · Đóng góp 4: Tác động hai chiều của vận hành vốn và xây dựng năng lực

Sơ đồ thể hiện các điểm đóng góp đề xuất: Xác định tác động của việc tiếp cận vốn, các điều khoản và yêu cầu công bố thông tin kiểm soát đối với việc đầu tư năng lực và hợp tác tổ chức thông qua các thỏa thuận về nguồn lực và trách nhiệm, đồng thời xác định cơ chế ngược lại của bằng chứng hoạt động và hiệu suất đối với việc lựa chọn vốn tiếp theo.

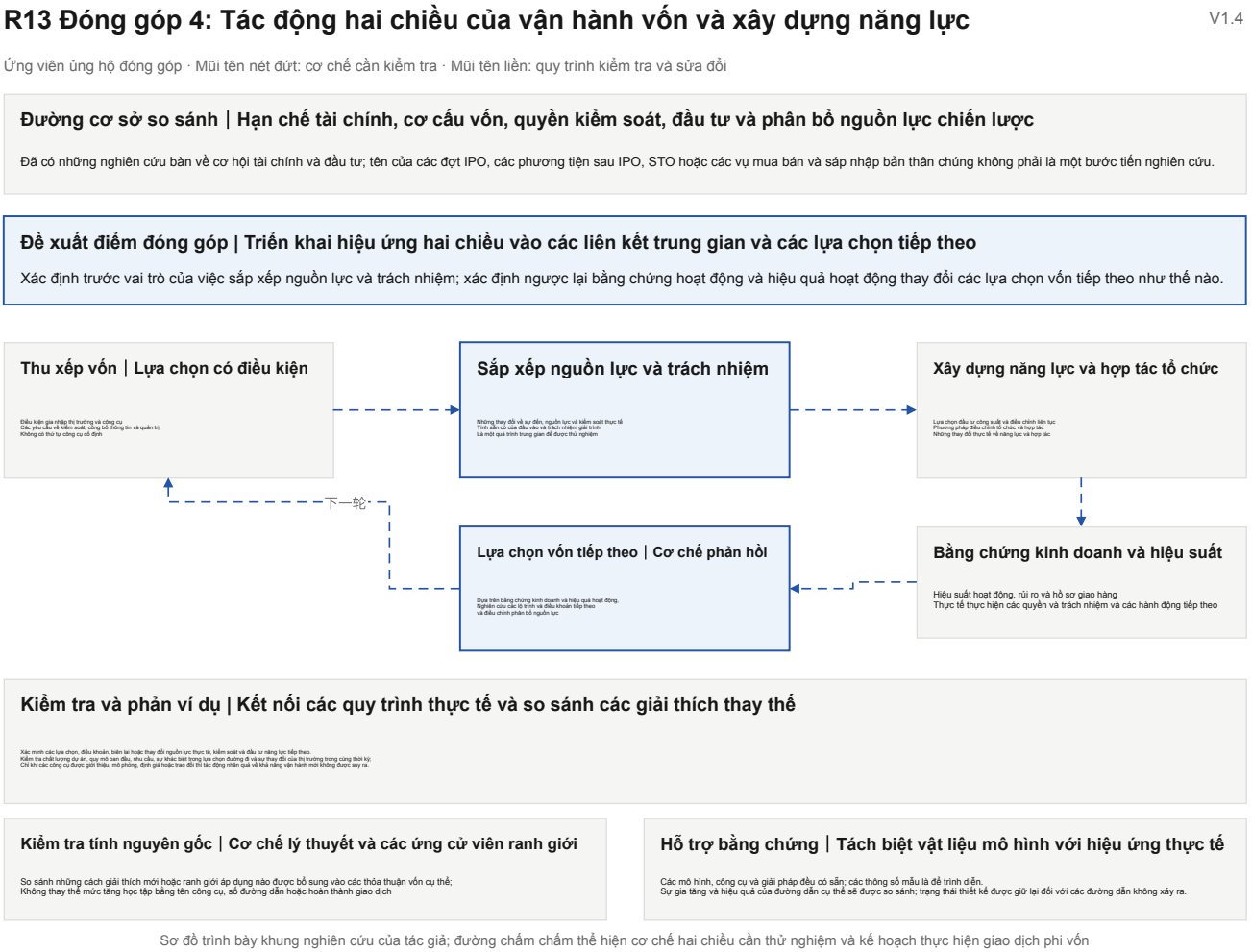

Sơ đồ trình bày khung nghiên cứu của tác giả; đường chấm chấm thể hiện cơ chế hai chiều cần thử nghiệm và kế hoạch thực hiện giao dịch phi vốn

Hỗ trợ các ứng viên đóng góp: So sánh cách thức sắp xếp vốn ảnh hưởng đến đầu tư năng lực, sự liên kết của tổ chức và sự hợp tác thông qua các nguồn lực và trách nhiệm, đồng thời kiểm tra xem bằng chứng hoạt động và hiệu suất phản hồi như thế nào đến các lựa chọn vốn tiếp theo.

Tham khảo so sánh: Nghiên cứu các hạn chế về tài chính, cơ cấu vốn, quyền kiểm soát, đầu tư và phân bổ nguồn lực chiến lược; kết nối tài chính-đầu tư hiện tại được sử dụng làm chuẩn mực và không khẳng định rằng các lý thuyết khác không có kết nối hai chiều.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Lấy các hạn chế về tài chính, cơ cấu vốn, quyền kiểm soát, đầu tư và phân bổ nguồn lực chiến lược làm chuẩn mực so sánh, bản thân tên của công cụ vốn không cấu thành một khoản tăng thêm. Nó được lên kế hoạch để xác định trong tương lai việc gia nhập thị trường, các điều khoản về công cụ, các yêu cầu quản trị về kiểm soát và công bố thông tin, cách tác động đến đầu tư năng lực, điều chỉnh tổ chức và hợp tác liên tục thông qua các sắp xếp nguồn lực và trách nhiệm thực tế; và sau đó xác định ngược lại bằng chứng kinh doanh và việc triển khai thực tế ảnh hưởng như thế nào đến các lộ trình, điều khoản và phân bổ nguồn lực tiếp theo, đồng thời quay lại vòng thu xếp vốn tiếp theo. Nhập quá trình kết nối với các lựa chọn thực tế, điều khoản, thay đổi về nơi đến hoặc nguồn lực, khả năng kiểm soát và theo dõi, đồng thời kiểm tra chất lượng dự án, quy mô ban đầu, nhu cầu thị trường, lựa chọn đường dẫn và thay đổi thị trường trong cùng thời kỳ. Chỉ giới thiệu công cụ, kế hoạch mô phỏng, định giá hoặc thay đổi giao dịch mới không suy ra được tác động nhân quả của khả năng vận hành. Hiện đã có các mô hình, công cụ và giải pháp, các tham số ví dụ vẫn để trình diễn và thiết kế hoặc kịch bản của đường dẫn không xảy ra vẫn được giữ lại; cần phải so sánh mức tăng cơ chế cụ thể và hiệu quả thực tế, đồng thời tách biệt việc kiểm tra tính nguyên bản và hỗ trợ bằng chứng.

Điểm chuẩn: Nghiên cứu về hạn chế tài chính, cơ cấu vốn, quyền kiểm soát, đầu tư và phân bổ nguồn lực chiến lược. Mối quan hệ giữa sắp xếp tài chính và cơ hội đầu tư đã được nghiên cứu trong tài chính doanh nghiệp, ví dụ: Myers（1977）. Việc chỉ định IPO, phương tiện chứng khoán sau IPO, STO hoặc M&A bản thân nó không phải là một bước tiến nghiên cứu.

Bằng chứng và phản ví dụ: Đầu tư vào quá trình kết nối với các tùy chọn, điều khoản, thay đổi về nguồn hàng hoặc nguồn lực thực tế, khả năng kiểm soát và theo dõi. Kiểm tra chất lượng dự án, quy mô ban đầu, nhu cầu thị trường và các phương án tham gia; khi chỉ có phần giới thiệu công cụ, kế hoạch mô phỏng, định giá hoặc thay đổi giao dịch thì tác động nhân quả về khả năng vận hành sẽ không được xác nhận tương ứng.

Tình trạng hiện tại: Các mô hình vốn, công cụ và tài liệu giải pháp đã có sẵn; các tham số ví dụ vẫn mang tính minh họa. Hiệu quả gia tăng về mặt học thuật và thực tế của các lộ trình vốn cụ thể vẫn được so sánh, còn các lộ trình không diễn ra vẫn chỉ là những thiết kế hoặc kịch bản.

Đóng góp 5: Phương pháp chấp nhận kép để cải thiện hoạt động kinh doanh và duy trì năng lực

loại: Ứng viên đóng góp kiến thức về phương pháp và thiết kế; chủ yếu kết nối vào A2, B1, B3, C3, các dự án của khách hàng liên quan đến C1, C2, vấn đề quản trị liên quan đến E; lắp ghép với CTO, OMT, STR, các vấn đề vận hành được kết nối với OSCM.

Mức tăng đề xuất: Thông qua SOP bốn chiều, trách nhiệm công việc và hướng dẫn sử dụng, bàn giao kết quả và hồ sơ tái sử dụng sau đó, việc cải tiến hoạt động hoặc phân phối hiện tại cũng như hoạt động liên tục và duy trì năng lực trong các điều kiện rõ ràng đều được chấp nhận riêng biệt; bảo trì, tái diễn giữa các cá nhân, di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ sau đó được báo cáo riêng. Kết nối các kết quả hoàn thành thực hiện, chấp nhận, sử dụng tiếp theo và vận hành để tạo thành một tầm cỡ quan sát có thể xem xét được và không đặt sự thay đổi công cụ hoặc tách khỏi mối quan hệ như một điều kiện đạt thống nhất.

Hình R14 · Đóng góp thứ năm: Phương pháp chấp nhận kép để cải thiện hoạt động và duy trì năng lực

Sơ đồ thể hiện các điểm đóng góp đề xuất: Kết nối việc thực hiện, bàn giao, sử dụng thực tế, kết quả vận hành và các hồ sơ tái sử dụng và bảo trì tiếp theo, đồng thời tách biệt việc chấp nhận chuyển giao hoặc cải tiến vận hành hiện tại khỏi khả năng tiếp tục sẵn có theo các điều kiện; đánh giá riêng biệt hoạt động liên tục, tính bền vững của bảo trì, sự lặp lại giữa các cá nhân, sự di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ, đồng thời lập kế hoạch hình thành một tầm cỡ quan sát có thể được xem xét và sử dụng một cách đáng tin cậy.

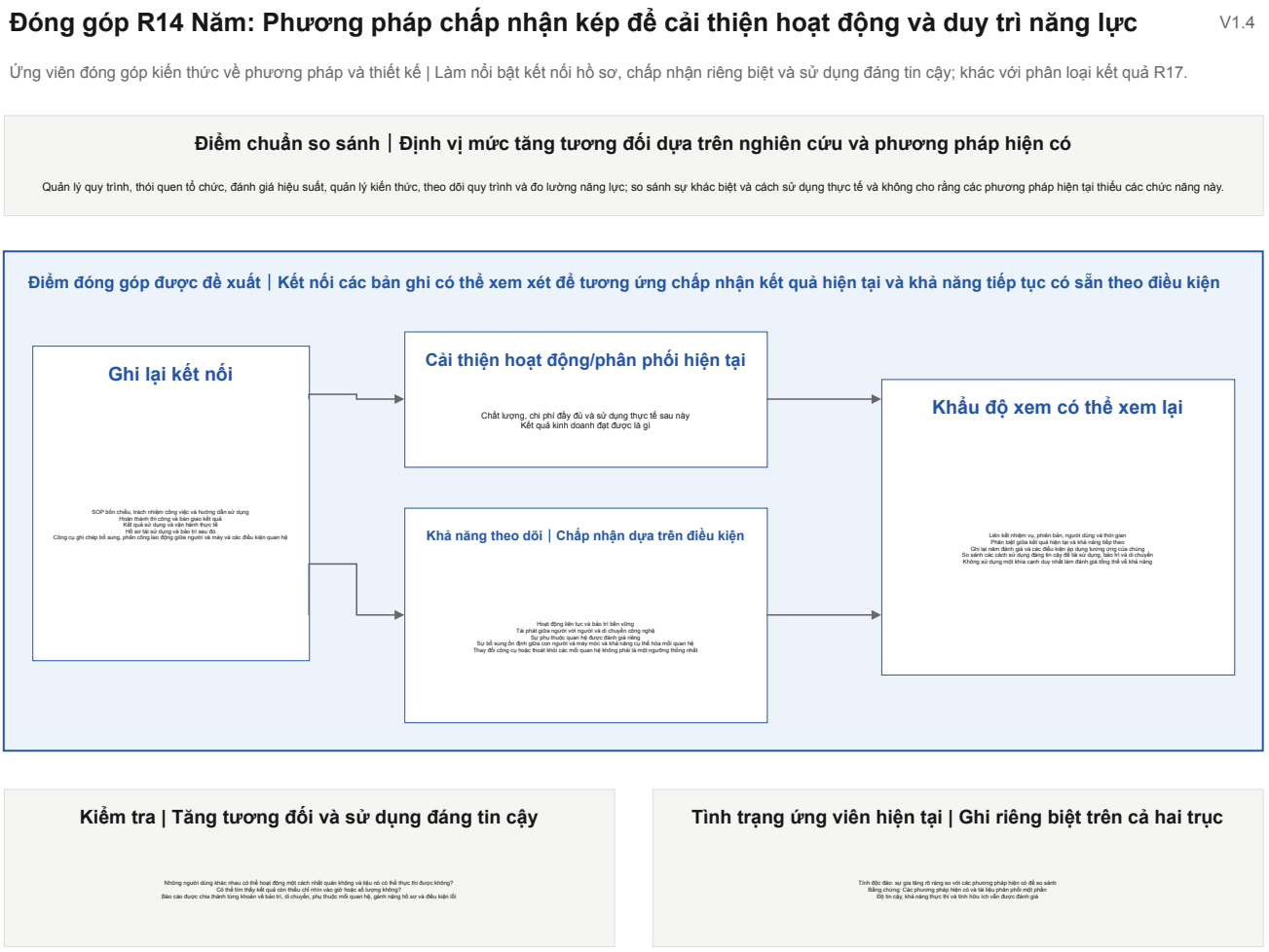

Dự kiến sẽ sử dụng SOP bốn chiều, trách nhiệm công việc và hướng dẫn sử dụng, bàn giao và tái sử dụng hồ sơ bảo trì để kết nối việc thực hiện, sử dụng thực tế và kết quả vận hành; Các khả năng tiếp theo hoặc cải tiến hoạt động và phân phối hiện tại luôn sẵn có tùy theo điều kiện sẽ được chấp nhận tương ứng và năm khía cạnh năng lực sẽ được đánh giá riêng biệt để kiểm tra mức độ gia tăng và mức độ sử dụng đáng tin cậy của các phương pháp hiện có.

Tham khảo so sánh: Quản lý quy trình hiện tại, quy trình tổ chức, đánh giá hiệu suất, quản lý kiến thức, theo dõi quy trình và đo lường năng lực; dựa trên sự khác biệt thực tế và so sánh mục đích, so sánh bốn nhóm/2×2 và đo lường chung là các phương pháp hiện có.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

Điểm chuẩn: Có quản lý quy trình, thói quen tổ chức, đánh giá hiệu suất, quản lý kiến thức, theo dõi quy trình và đo lường năng lực. Tên của sự chấp nhận kép hoặc một bộ hồ sơ không chỉ chứng tỏ tính mới; nó chỉ ra sự khác biệt, phép đo đáng tin cậy hoặc nguyên tắc thiết kế có thể áp dụng mà nó bổ sung.

Bằng chứng và phản ví dụ: Kiểm tra xem những người dùng khác nhau có thể hoạt động một cách nhất quán hay không, liệu có tìm thấy kết quả về số giờ hoặc số lượng công việc bị thiếu hay không và liệu có thể xác định được hoạt động liên tục, chi phí bảo trì, tái diễn giữa các cá nhân, di chuyển công nghệ và các mối quan hệ phụ thuộc hay không. Báo cáo gánh nặng hồ sơ, lỗi đo lường và kích thước không có bằng chứng và không thay thế tất cả các đánh giá về khả năng bằng một bài kiểm tra di chuyển duy nhất. Việc so sánh bốn nhóm và kỹ thuật đo lường chung đã được sử dụng làm phương pháp nghiên cứu đã được thiết lập và không có thiết kế nghiên cứu ban đầu nào được ủng hộ trên cơ sở này.

Tình trạng hiện tại: Các phương pháp hiện có và sản phẩm chuyển giao một phần; cần đánh giá mức tăng rõ ràng, khả năng thực thi, độ tin cậy và tiện ích so với các phương pháp hiện có.

Đóng góp 6: Bằng chứng theo chiều dọc và ranh giới thất bại

loại: Ứng viên cho những đóng góp thực nghiệm và ranh giới; chạy qua 5 hướng, chủ yếu kết nối STR, OMT, CTO hoặc SIM theo cơ chế cụ thể.

Mức tăng đề xuất: Sử dụng các nhiệm vụ thực tế, quyết định về vốn và mối quan hệ hợp tác của Company Zero để kết nối các thay đổi về kỹ thuật và tổ chức, duy trì năng lực, thực hiện các quyền và trách nhiệm cũng như các hành động tiếp theo, không giữ lại cải tiến, chi phí bảo trì, tranh chấp và gián đoạn, đồng thời hình thành bằng chứng quy trình có thể xem xét và ranh giới áp dụng.

Hình R15 · Đóng góp thứ sáu: Bằng chứng theo chiều dọc và ranh giới thất bại

Sơ đồ thể hiện các điểm đóng góp đề xuất: Kết nối các nhiệm vụ thực tế, các quyết định về vốn và những thay đổi mang tính thời gian trong các mối quan hệ hợp tác, duy trì năng lực, thực hiện các quyền và trách nhiệm cũng như các hành vi tiếp theo với các quỹ đạo bất lợi để hình thành bằng chứng quy trình có thể xem xét được và xác định các bước tăng trưởng cụ thể trong ranh giới phán đoán và ứng dụng của các cơ chế hiện có.

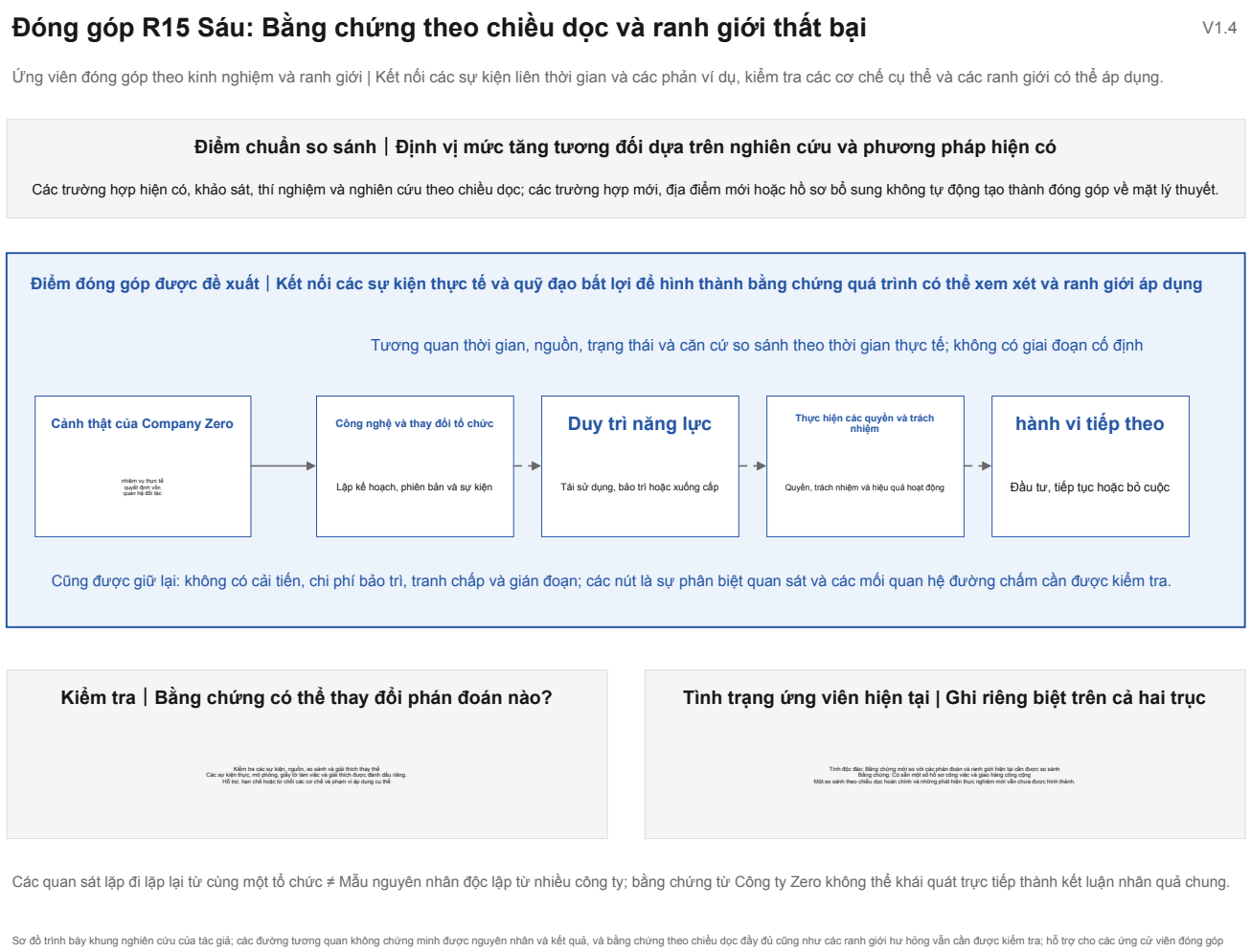

Nó được lên kế hoạch để kết nối các sự kiện liên thời gian trong các nhiệm vụ thực tế, quyết định về vốn và mối quan hệ hợp tác của Company Zero thành bằng chứng quy trình có thể xem xét lại, duy trì sự thiếu cải tiến, chi phí bảo trì, tranh chấp và gián đoạn, đồng thời kiểm tra mức tăng tương đối của các phán đoán hiện có, sự hiểu biết về cơ chế và các ranh giới áp dụng.

Tham khảo so sánh: Đã có những trường hợp, khảo sát, thí nghiệm và nghiên cứu dài hạn trên thực địa; địa điểm mới, trường hợp mới và nhiều hồ sơ hơn không hẳn là những lý thuyết mới.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Sử dụng các trường hợp, khảo sát, thí nghiệm và nghiên cứu theo chiều dọc hiện có làm tiêu chuẩn so sánh trung lập. Điểm đóng góp được đề xuất của hộp màu xanh là liên kết thời gian, nguồn, trạng thái và cơ sở so sánh trong các nhiệm vụ thực tế và quyết định về vốn của Công ty Zero với mối quan hệ hợp tác, kết nối những thay đổi về tổ chức kỹ thuật, duy trì năng lực, thực hiện các quyền và trách nhiệm cũng như các hành động tiếp theo, đồng thời giữ lại các quỹ đạo không thuận lợi như không cải tiến, chi phí bảo trì,

tranh chấp và gián đoạn để hình thành bằng chứng quy trình có thể xem xét và các ranh giới có thể áp dụng. Các nút được phân biệt bằng quan sát và có liên quan dựa trên chuỗi sự kiện thực tế thay vì các giai đoạn cố định; mối quan hệ đường chấm chấm cần phải được kiểm tra và quá trình này không được vẽ ra như một chuỗi nhân quả đã được thiết lập. Khi đánh giá, kiểm tra nguồn, sự kiện, so sánh và giải thích thay thế, hãy phân biệt giữa các sự kiện thực tế, mô phỏng, tài liệu làm việc và giải thích, đồng thời kiểm tra cơ chế và phạm vi áp dụng nào mà bằng chứng ủng hộ, giới hạn hoặc phủ nhận. Số ca bệnh hoặc hồ sơ mới không tự động tạo thành đóng góp về mặt lý thuyết. Trục tính nguyên gốc cần so sánh những phán đoán hoặc ranh giới hiện tại nào đã bị thay đổi bởi bằng chứng mới; trục bằng chứng đã có một số hồ sơ công việc và phân phối công khai, đồng thời một so sánh theo chiều dọc hoàn chỉnh và những phát hiện thực nghiệm mới vẫn chưa được hình thành. Các quan sát lặp đi lặp lại trong cùng một tổ chức không tạo thành các mẫu nguyên nhân độc lập cho nhiều công ty và bằng chứng từ Công ty Zero không thể được khái quát hóa trực tiếp thành các kết luận nhân quả chung.

Điểm chuẩn: Đã có những trường hợp, khảo sát, thí nghiệm và nghiên cứu theo chiều dọc trong các lĩnh vực liên quan. Các trường hợp mới, địa điểm mới hoặc hồ sơ bổ sung không tự động tạo thành đóng góp về mặt lý thuyết và yêu cầu giải thích về những phán đoán hiện có, cách hiểu cơ học hoặc ranh giới áp dụng mà chúng thay đổi.

Bằng chứng và phản ví dụ: Xác định các sự kiện, trạng thái, nguồn, so sánh và giải thích thay thế. Phân biệt giữa các sự kiện thực tế, mô phỏng, giấy tờ làm việc và diễn giải; những quan sát lặp đi lặp lại trong cùng một tổ chức được diễn giải ở cấp độ tương ứng. Các vai trò khác nhau của tác giả, nhóm con người và công cụ AI được ghi lại riêng biệt và sự cộng tác giữa nhiều nhóm trong AI không được coi là nhiều mẫu nghiên cứu độc lập của con người. Các phản ví dụ, không có thay đổi hoặc kết quả bất lợi có thể tạo thành bằng chứng ranh giới.

Tình trạng hiện tại: Một số hồ sơ công việc và phân phối công cộng đã có sẵn và những so sánh theo chiều dọc hoàn chỉnh cũng như những phát hiện thực nghiệm mới vẫn chưa được hình thành. Bằng chứng từ Company Zero không trực tiếp khái quát hóa các kết luận nhân quả chung cho tất cả các công ty.

Sự tương ứng giữa những đóng góp và hướng nghiên cứu và các chủ đề hàng đầu

đóng góp của ứng cử viên	Hướng chính và tuyến chính	Chủ yếu đảm nhận
Đóng góp 1: Cơ chế hình thành và bền vững các mối quan hệ vốn dài hạn	E2, E3, liên kết B, C, D	Flagship Ba; Vốn các bên liên quan và cơ chế liên quan của 4 bài báo
Đóng góp 2: Thiết kế hệ thống tài khoản vốn dài hạn	E1—E3, liên kết với A2, A3, D	Flagship Ba; Tài khoản, Quyền, Quy tắc, Thực hiện và Đánh giá
Đóng góp thứ ba: Thay đổi về tổ chức và điều hành, Cơ chế duy trì năng lực	A1, A2, B1-B3, liên quan đến C1, C2, C3	Flagship một. Sử dụng lần phân phối tương tự tiếp theo để kiểm tra khả năng giữ lại và sử dụng điểm đến mua hàng, giao dịch và chi phí đã được xác minh để quan sát số doanh thu mà công ty có thể giữ lại.
Đóng góp 4: Tác động hai chiều của vận hành vốn và xây dựng năng lực	D1—D3, liên kết với B, C, E	Chủ lực 2; Đường dẫn vốn, điều khoản và quyết định thực tế

đóng góp của ứng cử viên	Hướng chính và tuyến chính	Chủ yếu đảm nhận
Đóng góp thứ năm: Phương pháp chấp nhận và quan sát kép	A2, B1, B3, C3, liên quan đến C1, C2, E	Flagship One và các chủ đề áp dụng khác. Kiểm tra và chấp nhận cải tiến hoạt động và duy trì năng lực tương ứng, sau đó kết nối các dự án của khách hàng với so sánh thị trường.
Đóng góp thứ sáu: Bằng chứng theo chiều dọc và ranh giới thất bại	Phân bổ theo cơ chế cụ thể	Ba Flagship và Kỷ lục Thực hành Zero của Công ty

Hai đóng góp được đề xuất vẫn tập trung vào việc giải thích và thiết kế hệ thống. Bốn ứng cử viên hỗ trợ lần lượt nghiên cứu việc thực hiện tổ chức, phản hồi vốn, phương pháp và bằng chứng theo chiều dọc. Họ cũng trực tiếp trả lời các câu hỏi về sự thích ứng và sự khác biệt của doanh nghiệp trong đề cương chung chứ không chỉ dành cho các mối quan hệ vốn lâu dài. Mỗi mục có thể chia sẻ tài liệu nhưng cần phải giải thích rõ ràng những gì đang được trình diễn và cùng một tài liệu không thể được tính lặp đi lặp lại là nhiều khám phá độc lập.

C1 và C2 tham gia so sánh dự án một khách hàng hàng đầu. Nguyên đóng góp thứ ba và thứ năm lần lượt trả lời cách giữ chân và cách đo lường khả năng. Sau khi các đồng nghiệp có thể thực hiện các chuyển giao hàng tương tự, ai vẫn có thể nhận được đơn đặt hàng và phần thưởng tùy thuộc vào lựa chọn thực tế của khách hàng. Các nhà nghiên cứu có thể liên kết hai loại vật liệu với cùng một dự án và sau đó theo dõi xem số tiền thu được có thực sự chảy vào khoản đầu tư tiếp theo hay không.

Lô văn học so sánh đầu tiên và phần tăng thêm được thử nghiệm

Bảng dưới đây trước hết nhằm mục đích tiến hành so sánh trên phạm vi rộng và chưa phải là một bản đánh giá tài liệu hoàn chỉnh cũng như không thể hiện việc xác định các khoảng trống nghiên cứu. Thông tin thư mục và tóm tắt công khai đã được kiểm tra; cụ thể những gì đã được thêm vào, bạn vẫn cần phải đọc toàn bộ văn bản có liên quan, theo dõi tài liệu tiếp theo và sau đó trình bày từng mục một.

văn học so sánh	Đã có điểm chuẩn nghiên cứu	Điều cần giải thích thêm trong nghiên cứu này
Bridoux và Stoelhorst (2022), Quản trị các bên liên quan	Hành động tập thể và các thỏa thuận quản trị trong việc tạo ra giá trị chung	Sự khác biệt giữa các quá trình xác nhận, thiết lập quyền, hiệu suất thực tế và tái đầu tư, cũng như ranh giới của các mối quan hệ vốn lâu dài
Gibbons và Henderson (2012), Hợp đồng quan hệ và năng lực tổ chức	Mối liên hệ giữa hợp đồng quan hệ và năng lực tổ chức	Việc hình thành năng lực doanh nghiệp và trách nhiệm liên thời gian của người tham gia được đồng bộ hóa hay không đồng bộ như thế nào và những gì được thêm vào thiết kế tài khoản?
Lumineau, Wang và Schilke (2021), Quản trị Blockchain	Blockchain và các cơ chế quản trị hợp tác khác	Các quy tắc thể chế cụ thể cho nhiều vai trò, xác nhận quyền hạn, các quyền không đồng nhất, hiệu quả hoạt động, phản đối và rút lui
Brynjolfsson, Rock & Syverson (2021), Đường cong J Năng suất	Công nghệ chung và đầu vào bổ sung vô hình	Cơ chế trung gian cụ thể về tổ chức và thực hiện, duy trì và duy trì năng lực, gắn kết với quyền và trách nhiệm lâu dài

văn học so sánh	Đã có điểm chuẩn nghiên cứu	Điều cần giải thích thêm trong nghiên cứu này
Myers（1977），Determinants of Corporate Borrowing	Mối quan hệ giữa tài chính, cơ cấu vốn và cơ hội đầu tư	Các cơ chế hoặc ranh giới mới về năng lực đầu vào, sự hợp tác và hiệu suất theo các thỏa thuận vận hành vốn cụ thể

Teece (1986) đã phân tích các điều kiện bắt chước và tài sản bổ sung ảnh hưởng như thế nào đến việc quy kết lợi ích đổi mới. Coff (1999) giải thích thêm rằng khả năng thương lượng của những người tham gia ảnh hưởng đến lợi ích mà một công ty có thể thấy trên sổ sách của mình. Sau hai nghiên cứu này, tôi muốn theo dõi khả năng phân phối, doanh thu thực tế sau khi báo giá lại và lựa chọn đầu tư tiếp theo trong cùng một loạt dự án của khách hàng, đồng thời so sánh các điều kiện mà cả ba được kết nối với nhau. Mối liên hệ này là câu hỏi cần được xem xét.Văn bản gốc Teece · Coff văn bản gốc

So sánh bổ sung gần nhất: quyền, khả năng gọi tài nguyên và tính đặc hiệu của mối quan hệ

Bốn so sánh sau đây tập trung vào tính công bằng, khả năng gọi được nguồn lực và tính đặc thù của mối quan hệ. Thông tin thư mục và tóm tắt của các nguồn chính đã được kiểm tra, nhưng điều này không có nghĩa là việc so sánh có hệ thống toàn văn hoặc đánh giá tính mới toàn cầu đã được hoàn thành.

Đối tượng so sánh nguồn chính	Ghi nhận do các giải thích hiện có	Cần tăng số lượng ứng viên để so sánh thêm trong nghiên cứu này
Rajan và Zingales (1998), Quyền lực trong lý thuyết doanh nghiệp [71]	Các thỏa thuận, đầu tư dành riêng và khuyến khích để có quyền tiếp cận các nguồn tài nguyên quan trọng đã được thảo luận. Sự sẵn có của các nguồn lực hoặc vai trò của các quyền không thể được coi là những khám phá mới.	Việc mua lại, nắm giữ và lựa chọn doanh nghiệp đa vai trò liên quan như thế nào đến các cuộc gọi nguồn lực thực tế và lợi nhuận sau đó?
Blair và Stout (1999), Lý thuyết sản xuất nhóm của Luật doanh nghiệp [72]	Đầu vào chuyên dụng, đầu ra không thể phân chia và phân bổ thù lao đã được thảo luận, đồng thời giải thích các đầu vào và thu nhập chung.	Cơ chế và ranh giới cụ thể của sự mất đồng bộ đang diễn ra giữa việc nắm giữ vốn cổ phần, hiệu quả hoạt động thực tế và hoạt động kinh doanh trong hệ thống thu nhập tổng thể
Hart và Moore (1990), Quyền tài sản và bản chất của doanh nghiệp [73]	Tác động của việc kiểm soát tài sản và thay đổi quyền sở hữu đối với các ưu đãi đầu tư đã được nghiên cứu và tất cả các thỏa thuận về thu nhập không được đánh đồng với quyền sở hữu tài sản.	Sau khi nội dung quyền, nhà cung cấp dịch vụ, hồ sơ và rút tiền một phần được xử lý riêng, giải thích hoặc mục đích thiết kế nào sẽ được thêm vào hệ thống tài khoản?
Dyer và Singh (1998), Quan điểm quan hệ [74]	Các tài sản dành riêng cho mối quan hệ, thói quen chia sẻ kiến thức, nguồn lực bổ sung và quản trị đã được thảo luận và các khả năng có thể được đưa vào các mối quan hệ	Các phương pháp cụ thể hoặc mức tăng ranh giới khi đánh giá riêng việc duy trì năng lực trong các điều kiện quan hệ và mối quan hệ chéo hoặc chuyển giao công nghệ là gì?

Tài liệu này cung cấp những giải thích đã được xác lập, đòi hỏi phải có sự so sánh công bằng và không chứng minh rằng nghiên cứu này vượt xa những giải thích đó. Trong phần tiếp theo, chúng ta cần tập trung vào các

mệnh đề và giao diện thiết kế cụ thể, giải thích từng điểm trùng lặp và khác biệt, đồng thời kiểm tra các phản ví dụ. Những phần có thể được giải thích bằng các giải thích hiện tại sẽ được giảm bớt tương ứng.

> **Tính độc đáo phụ thuộc vào những gì được thêm vào và bằng chứng phụ thuộc vào mức độ hỗ trợ của nó.**

Hai loại trạng thái được ghi riêng biệt

Trục phán đoán	Ghi lại nội dung	Trạng thái của phiên bản này
Kiểm tra tính nguyên bản	Tài liệu và nguồn của tác giả, đối tượng so sánh, tăng dần rõ ràng, phạm vi so sánh và kết luận văn học đặc biệt	Sự tích lũy của tác giả đã được sàng lọc và xếp vào nhóm đối tượng so sánh đầu tiên; việc xác nhận tính mới của hệ thống bao gồm các lĩnh vực liên quan vẫn chưa được hoàn thành.
hỗ trợ bằng chứng	Chứng minh khái niệm, thông số kỹ thuật thiết kế, triển khai, sử dụng thực tế, bằng chứng so sánh, phản ví dụ và ranh giới khả năng áp dụng	Mỗi hạng mục chủ yếu dựa trên mẫu mã, thiết kế và một số vật liệu gia công; các tác động nhân quả có liên quan và những đóng góp thực nghiệm đầy đủ cần phải được kiểm tra.

Một khi bản thảo được viết và xuất bản, hoặc khi hệ thống được khởi chạy và triển khai, bản thân nó không chứng tỏ được tính mới; việc hoàn thành việc định vị tài liệu không thay thế việc kiểm tra tính hiệu quả. Các khái niệm và thiết kế có thể hình thành những đóng góp tương ứng sau khi được chứng minh và so sánh rõ ràng, và việc hoàn thành việc trình diễn không phải là điều kiện duy nhất cho tất cả các loại đóng góp.

Thẻ ghi chép đóng góp gốc

trường	Làm rõ nội dung
Yêu cầu đóng góp	Một câu mô tả lời giải thích, thiết kế, phương pháp hoặc khám phá được đề xuất
Loại đóng góp	Cơ chế lý thuyết, thiết kế thể chế, đo lường phương pháp luận, bằng chứng thực nghiệm hoặc ranh giới
đường cơ sở	Tài liệu cụ thể, giải thích hiện tại hoặc thiết kế thực tế, chỉ ra phạm vi so sánh
mức tăng cụ thể	Những mối quan hệ, quy tắc, sự khác biệt, chỉ số hoặc ranh giới áp dụng nào được thay đổi?
Điều kiện áp dụng	Đối tượng, cấp độ phân tích, điều kiện cần thiết và các kịch bản hư hỏng có thể xảy ra
Kiểm tra và phản ví dụ	Những lập luận và bằng chứng nào là cần thiết và kết quả nào sẽ hạn chế hoặc bác bỏ tuyên bố đó?
Tác giả thu thập bằng chứng	Bản thảo, số liệu, công cụ, phiên bản, hồ sơ sản xuất, trích dẫn và đóng góp chung

trường	Làm rõ nội dung
Hai loại trạng thái	Ghi lại việc xác minh tính nguyên gốc và hỗ trợ bằng chứng một cách riêng biệt, không thay thế trục này bằng trục khác

Tuyên bố đóng góp có thể được sử dụng trong phần giới thiệu nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung vào sự thích ứng và sự khác biệt của doanh nghiệp trước những thay đổi công nghệ, xem xét mối liên hệ giữa các mô hình kinh doanh, phương pháp tổ chức và thu xếp vốn với việc hình thành và đổi mới năng lực, tạo ra và mua lại giá trị cũng như sự khác biệt trong kết quả hoạt động dài hạn và con đường phát triển. Dưới vấn đề chung này, tác giả tiếp tục đề xuất hai đóng góp chính được đề xuất: hình thành các mối quan hệ vốn dài hạn và thiết kế hệ thống tài khoản vốn bền vững và dài hạn. Là một con đường nghiên cứu và giải thích lý thuyết cụ thể, mối quan hệ giữa các bên liên quan và vốn dài hạn chủ yếu kết nối E và D, đồng thời so sánh tổ chức, năng lực và kết quả hoạt động của chúng. Cơ chế tổ chức và thực thi, phản hồi về hoạt động vốn, chấp nhận kép về cải tiến hoạt động và duy trì năng lực, cùng bằng chứng theo chiều dọc tiếp tục là ứng cử viên cho bốn hỗ trợ, đồng thời cũng trả lời trực tiếp các câu hỏi theo từng hướng của đề cương chung. Việc mua lại, chấp nhận và tiếp tục nắm giữ, thực hiện, thu hồi và hợp tác kinh doanh cổ phần được quan sát riêng biệt; tổng thu nhập từ kinh doanh, hoạt động tài sản và đầu tư trong phạm vi hệ thống được hạch toán riêng và các điều khoản cụ thể vẫn đang được xác định. Khả năng duy trì, duy trì, tái diễn giữa các cá nhân, chuyển giao công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ cũng được đánh giá riêng.

Phần giới thiệu này mô tả đóng góp nghiên cứu được đề xuất. Các tuyên bố cụ thể sẽ tiếp tục được cập nhật với các so sánh tài liệu, lập luận lý thuyết, đánh giá thiết kế và bằng chứng thực tế.

Ranh giới khái niệm về mối quan hệ vốn dài hạn và tài sản hoạt động

Phần này giải thích định nghĩa phân tích và ranh giới của đường dẫn mối quan hệ giữa các bên liên quan và vốn dài hạn, chủ yếu kết nối E và D, đồng thời cũng được sử dụng để so sánh các hệ quả của nó trên B, C và A. Các định nghĩa đường dẫn này không phải là tiền đề chung cho tất cả các hướng nghiên cứu. Phần này tiếp quản hiện tại Bốn khái niệm về vốn, không thay thế các hợp đồng cụ thể, xác nhận kế toán, xác định quyền pháp lý hoặc quyền bảo mật.

Định nghĩa và nhận dạng đối tượng

khái niệm	Ý nghĩa của nghiên cứu này	Không khởi chạy bất cứ điều gì trực tiếp
Yếu tố phân tán	Kiến thức, khả năng chuyên môn, các mối quan hệ xã hội và kinh phí được phân bổ giữa những người và tổ chức khác nhau tham gia vào các hoạt động theo mong muốn, nhiệm vụ thực tế và sự sắp xếp hiệu quả.	Được bao gồm, thiết lập liên lạc hoặc sẵn sàng tham gia không có nghĩa là bạn đã được ủy quyền, sẵn sàng hoặc hoàn thành khoản đầu tư của mình; người và tổ chức duy trì bản sắc độc lập của họ.

khái niệm	Ý nghĩa của nghiên cứu này	Không khởi chạy bất cứ điều gì trực tiếp
Triển khai bền vững năng lực doanh nghiệp	Khả năng của doanh nghiệp trong việc tiếp tục tổ chức và sử dụng trong những điều kiện rõ ràng và chịu mức đầu tư bảo trì tương ứng. Hoạt động liên tục, tính bền vững của bảo trì, sự lặp lại giữa các cá nhân, sự di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ được đánh giá riêng biệt.	Mỗi khả năng không bắt buộc phải được thiết lập nếu không có các công cụ hoặc mối quan hệ cụ thể; Có thể tồn tại sự bổ sung ổn định giữa con người và máy móc cũng như các khả năng dành riêng cho mối quan hệ, đồng thời các sự phụ thuộc và hạn chế phải rõ ràng.
tài sản hoạt động	Các tài nguyên và quyền có ranh giới kiểm soát hoặc sử dụng có thể xác định được, tạo thành một giá trị kinh tế nhất định và được sử dụng cho các hoạt động. Nghiên cứu theo dõi sự hình thành, sử dụng và bảo trì thực tế của nó.	Danh tiếng nghề nghiệp, danh sách nhân vật hay quan hệ xã hội không thuộc về doanh nghiệp chỉ vì chúng được ghi lại; báo cáo tài sản trong phân tích hoạt động không tự động hình thành tài sản kế toán hoặc chứng khoán có thể phát hành.
Quan hệ vốn dài hạn	Nghiên cứu này đề cập đến sự chấp nhận độc lập của người tham gia và việc tiếp tục nắm giữ cổ phần liên quan đến chiến lược vốn và giá trị dài hạn của công ty dựa trên các thỏa thuận hiệu quả để hỗ trợ các khoản đầu tư đồng sáng tạo tiếp theo và tổ chức mối quan hệ giữa lợi nhuận, trách nhiệm, rủi ro và lựa chọn hợp tác theo thời gian. Sự sắp xếp vốn chủ sở hữu này có thể được áp dụng cho vai trò ban đầu.	Thời hạn, mức thù lao cố định, hồ sơ đóng góp một lần, sự tồn tại của tài khoản hoặc việc thực hiện kỹ thuật không đủ để được ghi nhận riêng; việc trả lương hoặc thanh toán trả chậm không trở thành sự công bằng như vậy do việc thu nợ liên thời gian. Các mối quan hệ kinh doanh thông thường và các mối quan hệ vốn sở hữu nên được quan sát riêng biệt.

Ví dụ về ranh giới tích cực và tiêu cực

Sau đây là một ví dụ giả định về phân tích khái niệm để minh họa những gì cần được kiểm tra. Điều đó không có nghĩa là hệ thống đồng xây dựng hiện tại hoặc các quyền và lợi ích cụ thể đã có hiệu lực.

tình huống	Phán đoán mang tính khái niệm và những ranh giới cần được quan sát
Nhân viên nhận lương dài hạn, nhà cung cấp tiếp tục cung cấp hàng hóa, hoặc thành viên thanh toán và sử dụng dịch vụ theo lịch trình; không có cơ sở nào khác để chấp nhận và nắm giữ các quyền và lợi ích liên quan đến chiến lược vốn và giá trị lâu dài của công ty.	Đây có thể là các mối quan hệ lao động, giao dịch, thành viên hoặc dịch vụ đang diễn ra. Chúng không thể chỉ được xác định là “dài hạn” trong cái mà nghiên cứu này gọi là các mối quan hệ vốn, cũng như không thể gọi tất cả chúng đều là các giao dịch một lần.
Cùng một nhân viên, khách hàng hoặc nhà cung cấp chấp nhận và tiếp tục nắm giữ các lợi ích liên quan đến chiến lược vốn và giá trị dài hạn của công ty theo các thỏa thuận hiệu quả, đồng thời đảm nhận các trách nhiệm hoặc rủi ro đã thỏa thuận.	Đây là một tình huống tích cực có thể được đưa vào phân tích các mối quan hệ vốn dài hạn; tiếp tục kiểm tra riêng nội dung, căn cứ, thực tế nắm giữ và thực hiện quyền. Do đó, mức lương, thỏa thuận tiêu dùng hoặc cung ứng ban đầu sẽ không được tự động chuyển đổi.

tình huống	Phán đoán mang tính khái niệm và những ranh giới cần được quan sát
Các bên tham gia đã ngừng hợp tác kinh doanh nhưng các quyền lợi trên vẫn được giữ theo thỏa thuận hợp lệ.	Việc chấm dứt quan hệ kinh doanh không trực tiếp đồng nghĩa với việc chấm dứt quan hệ cổ phần; việc nắm giữ, các quyền, trách nhiệm hiện hành và việc thực hiện được ghi lại riêng biệt và liệu có tiếp tục cung cấp dịch vụ hay không không phải là sự thay thế cho phán quyết.
Nếu các quy định tiếp theo cho phép và việc chuyển nhượng vốn cổ phần nói trên thực sự được hoàn thành, những người tham gia sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh ban đầu; hoặc chỉ chuyển nhượng một phần vốn chủ sở hữu mà vẫn còn việc phải thực hiện.	Việc tiếp tục kinh doanh không trực tiếp có nghĩa là tiếp tục mối quan hệ nắm giữ ban đầu; phân biệt giữa phần được chuyển giao và phần vẫn nắm giữ, nghĩa vụ kinh doanh ban đầu và phần thực hiện đang chờ xử lý. Không có giả định về việc chuyển nhượng tự do, mua lại bất cứ lúc nào hoặc đồng thời chấm dứt mọi trách nhiệm pháp lý.
Các doanh nghiệp dựa vào sự hợp tác ổn định giữa con người và máy móc hoặc các mối quan hệ đối tác cụ thể để phân phối liên tục và hiệu suất sẽ giảm khi họ thay đổi công cụ hoặc cắt đứt mối quan hệ.	Khả năng trong điều kiện ban đầu không thể bị từ chối chỉ dựa trên sự suy giảm sau khi thay thế; đồng thời, cần đánh giá chi phí duy trì, sự tái diễn giữa các cá nhân, sự di cư và sự phụ thuộc vào mối quan hệ để làm rõ các ranh giới áp dụng của nó. Việc duy trì năng lực không trực tiếp chứng minh rằng quyền và trách nhiệm của người tham gia đã được thực hiện đầy đủ.

> **Khi ngừng kinh doanh, quyền và lợi ích có được giữ lại, trách nhiệm có được giải quyết hay không tùy thuộc vào sự thoả thuận.**

Thu nhập hoạt động, quyền và lối ra được kiểm tra riêng

Sau khi vận hành chính thức, hệ thống được đề xuất sẽ hướng tới thu nhập hoạt động tổng thể cũng như các quyền và trách nhiệm liên quan, bao gồm thu nhập thương mại, vận hành tài sản, đầu tư và thu nhập khác trong phạm vi hệ thống và sẽ được hạch toán riêng theo nguồn cũng như các quyền và trách nhiệm tương ứng, và sẽ không bị thu hẹp thành chỉ chia sẻ thu nhập mới. Thu nhập hoạt động phải được phân biệt với chi phí, lợi nhuận, phân phối thực tế, giữ lại công ty và tái đầu tư; bao trùm toàn bộ hoạt động không có nghĩa là toàn bộ doanh thu được chia và tỷ lệ cũng không được xác định tương ứng. Tỷ lệ cụ thể, vốn chủ sở hữu hiện có, kết nối kinh doanh trước đây và ranh giới hiệu quả vẫn sẽ được xác định bởi các hệ thống tiếp theo.

Nội dung quyền, nhà cung cấp dịch vụ cam kết, công nghệ đăng ký và điều kiện thoát được tách biệt: cổ tức liên quan đến thu nhập và việc thực hiện, vốn sở hữu, cổ phiếu và các thỏa thuận liên quan đến STO phải kiểm tra các quyền cơ bản cụ thể và cơ sở áp dụng; các bản ghi hoặc biểu thức kỹ thuật không làm cho chúng tự động thay thế được cho nhau. Người tham gia có thể chọn chấp nhận và tiếp tục giữ. Việc chuyển nhượng thực tế, chuyển nhượng một phần, mua lại và thực hiện đang chờ xử lý sẽ được giám sát riêng theo các thỏa thuận hiệu quả. Không có chuyển đổi tự động được xác định trước, chuyển nhượng hoặc mua lại vô điều kiện bất cứ lúc nào. Không có kế hoạch phát hành, giao dịch, phân phối hoặc ngưỡng quản trị nào được thiết lập ở đây.

Thống nhất các chiều so sánh và cơ chế hoạt động

So sánh kích thước	Cùng nhau ghi lại nội dung
mức độ phân tích	Nhiệm vụ, con người, nhóm hoặc quy trình, dự án, doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các tổ chức. Nêu rõ nhân sự, quy trình, dự án, đối tượng liên quan đến vụ việc và làm rõ các đơn vị so sánh, mức độ kết luận.
tiếp xúc với công nghệ	Khả năng, phiên bản, cường độ sử dụng, phạm vi nhiệm vụ, khả năng truy cập dữ liệu, tích hợp hệ thống và xem xét thủ công của AI; loại chuỗi của blockchain, người tham gia, quyền, xác minh, phiên bản quy tắc, giao diện trên chuỗi và ngoài chuỗi cũng như mức độ phù hợp thực tế.
Điều kiện tổ chức và vốn	Quản lý và kỹ năng, sự trưởng thành của quy trình, tiền mặt và tính thanh khoản, nguồn vốn và thời hạn đầu tư.
Thị trường, quyền lợi và môi trường thời gian	Nhu cầu, cạnh tranh, thương lượng, sở hữu trí tuệ, hệ thống; giai đoạn tiếp nhận, học tập, vận hành ổn định, cập nhật và thoát.

Cơ chế kiểm tra ưu tiên

Ưu tiên thử nghiệm các cơ chế như học tập, phối hợp, kiểm soát, xác minh thông tin, giám sát và thực hiện, thương lượng và khuyến khích cũng như chia sẻ rủi ro. Mỗi chủ đề đầu tiên tập trung vào một hoặc hai cơ chế và giải thích cách quan sát các quá trình trung gian.

Lý thuyết và giải thích thay thế

Học tập của tổ chức, nguồn lực và năng lực, chi phí giao dịch, hợp đồng quan hệ, tài chính doanh nghiệp và lý thuyết các bên liên quan được sử dụng để giải thích các cơ chế khác nhau. Những giải thích khác như sự khác biệt trong lựa chọn, chất lượng quản lý, thay đổi thị trường, năng lực trước đây và đầu vào hiện tại cũng được xem xét.

Khi nghiên cứu sự khác biệt giữa các công ty ngang hàng, trước tiên hãy giải thích công ty hoặc doanh nghiệp nào đang đấu tranh cho cùng một loại khách hàng, khách hàng có những lựa chọn nào và việc đấu thầu hoặc gia hạn hợp đồng nào họ thực sự có thể thay đổi lựa chọn của mình. Các hồ sơ qua lại của chính công ty có thể minh họa các hoạt động đã thay đổi như thế nào. Các báo giá có thể so sánh được từ các khách hàng tương tự, điều kiện giao hàng từ các nhà cung cấp thay thế hoặc kết quả giao dịch sau khi được các đối tác ngang hàng theo dõi có thể giúp xác định liệu khoảng cách có tiếp tục hay không. Khi so sánh, hãy kiểm tra phạm vi dịch vụ, chất lượng, yêu cầu và thời hạn hợp đồng.

thời gian và ranh giới

Ghi lại các giai đoạn trước khi áp dụng, bắt đầu và ổn định, sau đó theo dõi các cập nhật cần thiết, thay đổi điều kiện và sự kiện kết thúc. Khả năng, mối quan hệ khách hàng và thỏa thuận tài chính có thể thay đổi vào những thời điểm khác nhau; xem đánh giá năm chiều về khả năng B3。

Các quan sát lồng nhau và kết luận

Một phần nội dung, quá trình thực hiện nhiệm vụ, sự kiện phân phối hoặc sửa đổi đều có thể được lồng trong cùng một người, nhóm hoặc quy trình, dự án và doanh nghiệp. Khi có sự hợp tác giữa các tổ chức, hãy ghi lại các chủ đề và mối quan hệ của cả hai bên một cách riêng biệt. Thẻ nghiên cứu cần nêu rõ đồng thời đơn vị quan sát, đơn vị so sánh và mức độ suy luận, đồng thời giữ lại nguồn, thời gian, phiên bản và ghi công để tạo điều kiện xem xét các thay đổi trong cùng một mối quan hệ.

Nhiều nhiệm vụ, nhiều phiên bản hoặc nhiều tháng trong cùng một tổ chức là những quan sát lặp đi lặp lại hoặc lồng nhau và không thể được coi trực tiếp như nhiều doanh nghiệp độc lập. Để nâng cao chất lượng của một nhiệm vụ, trước tiên phải hình thành các kết luận ở cấp độ nhiệm vụ; Để đánh giá quy trình hoặc khả năng của doanh nghiệp, cũng cần có bằng chứng về hoạt động liên tục, bảo trì và các cuộc gọi của tổ chức trong phạm vi tương ứng. Để đưa ra các tuyên bố mang tính hoạt động hoặc nhân quả, cũng cần phải có những so sánh thích hợp. Vai trò của tác giả, nhóm con người và công cụ AI được ghi lại riêng biệt; Hợp tác nhiều nhóm AI là một sự sắp xếp công việc và không tương đương với nhiều mẫu nghiên cứu độc lập của con người.

> “Sử dụng công nghệ tương tự” được đánh giá dựa trên các điều kiện tiếp xúc có thể quan sát được. Cùng một thương hiệu công nghệ, việc mở tài khoản hoặc khởi chạy hệ thống không đủ để chỉ ra một cách độc lập rằng việc sử dụng thực tế là tương tự nhau.

Yêu cầu so sánh đối với cơ chế mới

- Sự thay đổi của tổ chức ghi lại rõ ràng những thay đổi trong phân công lao động, phân quyền, nguồn lực, bàn giao, đánh giá và phản hồi, so sánh tác động của chúng với tác động của chính công nghệ.
- Hoạt động vốn cũng ghi lại việc lựa chọn đường vào, điều kiện hoạt động ban đầu, công cụ và điều khoản, những thay đổi về nguồn lực thực tế và các chiến lược tiếp theo; kiểm tra sự khác biệt trong lựa chọn và sự thay đổi của thị trường trong cùng thời kỳ.
- Các tài khoản vốn dài hạn so sánh việc xác nhận, xem xét, ủy quyền, thực hiện và dàn xếp tranh chấp, ghi lại các lựa chọn tham gia và các mối quan hệ ban đầu, đồng thời tránh giải thích trực tiếp sự tồn tại của tài khoản là một hiệu ứng hợp tác.

Các quan sát được xác định bởi các sự kiện kinh doanh, các thay đổi trạng thái và các quy trình tiếp theo cần thiết và không có khoảng thời gian thực hiện cố định nào được đặt trước.

So sánh hai loại công nghệ thể chế

Đặt ra các quy tắc, ưu đãi và điều kiện tham gia càng giống nhau càng tốt, sau đó so sánh sự khác biệt giữa blockchain và việc triển khai hồ sơ tập trung hoặc chia sẻ khác; tạo ra các điều kiện kỹ thuật có thể so sánh được nhất có thể, sau đó so sánh sự khác biệt về các quy tắc xác nhận, quyền, quyền, hiệu suất và tranh chấp. Cũng có thể có sự tương tác giữa công nghệ và thể chế, cần được kiểm tra dựa trên thiết kế thực tế và giải thích những yếu tố nào chưa thể tách rời.

Đồng thời xem xét chi phí xác minh và phối hợp, lỗi và sửa chữa, tranh chấp, thực hiện, gánh nặng đầu tư và bảo trì tiếp theo. Những đánh giá này phải được đưa ra dựa trên các quy trình và so sánh thực tế, chứ không thể suy luận trực tiếp dựa trên chuỗi, thực thi tự động hoặc khởi chạy hệ thống.

Thẻ nghiên cứu, chỉ số và bằng chứng

trường thẻ học tập	Làm rõ nội dung
01 đối tượng	Nghiên cứu ai và cái gì làm việc, nhiệm vụ, quy trình, dự án hoặc quan hệ đối tác; xác định những người và tổ chức mà họ gắn bó.
02 Hiện tượng cần giải thích	Những khác biệt hoặc thay đổi nào cần được giải thích và những gì còn thiếu trong các giải thích hiện có.
03 So sánh sự sắp xếp	Hãy viết rõ ràng bạn đang so sánh với ai, ở sự kiện nào và trong điều kiện nào. Khi nghiên cứu khoảng cách cạnh tranh, hãy liệt kê các nhà cung cấp hoặc giải pháp thực tế mà khách hàng có thể lựa chọn, cũng như thời gian báo giá lại, gia hạn hoặc theo dõi ngang hàng. nhấn tầm cỡ thống nhất Nêu đơn vị quan sát, đơn vị so sánh và mức độ kết luận.
04 Cơ chế tác dụng	Quá trình trung gian nào kết nối sự sắp xếp với kết quả.
05 Chỉ Số Kết Quả	Chất lượng, tổng chi phí, khách hàng, năng lực, tiền mặt hoặc hành vi hợp tác; khả năng thiết lập các chỉ số có thể áp dụng dựa trên hoạt động liên tục, bảo trì, lặp lại giữa các cá nhân, di chuyển và sự phụ thuộc vào mối quan hệ.
06 phạm vi thời gian	Phạm vi quan sát cần thiết được xác định theo các sự kiện áp dụng, học hỏi, ổn định, cập nhật và thoát và không có khoảng thời gian cố định nào được đặt trước.
07 Bằng chứng và nhận dạng	Nguồn dữ liệu, phương pháp phân bổ hoặc lựa chọn, cách giải thích thay thế và những hạn chế.
08 Điều kiện từ chối	Kết quả nào làm suy yếu, hạn chế hoặc phủ nhận lời giải thích dự kiến.

Phân tầng chỉ số chung

Nhiệm vụ: Chất lượng, giờ, lỗi, làm lại và đánh giá. **Quy trình và khả năng:** Chờ đợi, bàn giao, sử dụng hạ nguồn; gánh nặng vận hành và bảo trì đang diễn ra, sự lặp lại giữa các cá nhân, di chuyển công nghệ hiện hành và sự phụ thuộc vào mối quan hệ. Mỗi chiều giữ lại các điều kiện áp dụng, mức hỗ trợ và các vấn đề mở tương ứng. **Hoạt động và vốn:** Thanh toán của khách hàng, lợi nhuận, tiền mặt, đầu tư, chi phí vốn và rủi ro. **Quản trị và hợp tác:** Xem xét, thực hiện quyền, đầu tư bổ sung, gia hạn hợp đồng, tranh chấp và rút lui.

> Phân biệt giữa hoàn thành, chấp nhận, sử dụng thực tế, thay đổi hoạt động và tác động nhân quả. Mỗi bản ghi đều giữ nguyên nguồn, thời gian, phiên bản, trách nhiệm xác nhận và các vấn đề còn tồn đọng; tầm cỡ chỉ báo được xác định trước khi so sánh.

Lĩnh vực định vị học thuật của môn học

Thẻ nghiên cứu cũng phải chỉ ra hướng chính và tuyến chính, các trường AOM chính, nút giao thông có điều kiện, các ngành liền kề và lý do định vị. Các lý thuyết, sơ đồ, phương pháp và công cụ được liệt kê riêng biệt, đồng thời các câu hỏi nghiên cứu, phương pháp thực hiện và bằng chứng kết quả cũng được mô tả riêng.

Ghi chú về đóng góp ban đầu

Mỗi thẻ nghiên cứu cũng được liên kết với một tuyên bố đóng góp rõ ràng, ghi lại tài liệu so sánh, các bước tăng trưởng cụ thể, các điều kiện áp dụng và phản ví dụ, đồng thời ghi lại việc xác minh tính nguyên gốc và trạng thái hỗ trợ bằng chứng một cách riêng biệt. Để biết cỡ nòng cụ thể, xem Thẻ ghi chép đóng góp gốc。

Mối liên hệ giữa quá trình đánh giá và kiểm tra nghiên cứu

Hình R20 Kiểm tra giá trị người dùng và đóng góp tham gia tương ứng;Hình R17 Kiểm tra riêng cải tiến hoạt động hiện tại và khả năng duy trì khả năng theo thời gian. Hai bộ phán đoán trả lời các câu hỏi khác nhau và có thể liên quan đến cùng một dự án và kết quả, nhưng mỗi bộ phán đoán đều đưa ra kết luận dựa trên bằng chứng tương ứng. Quá trình nghiệm thu và kiểm tra cơ chế học thuật cũng tiếp tục bị tách biệt.

Bắt đầu thu thập bằng chứng từ đâu cho ba chủ đề hàng đầu?

Hãy bắt đầu với việc giao hàng cho khách hàng mà Company Zero đang thực hiện. Mỗi nghiên cứu về ngân sách và vốn chủ sở hữu đều có những điều kiện khởi đầu riêng. Khi các điều kiện được đáp ứng, chúng có thể được ghi lại đồng thời.Hình R29 · Trình tự thu thập chứng cứ cho ba chủ đề chính

Nghiên cứu trọng điểm	Nó bắt đầu từ sự kiện nào?	Sự kiện nào tiếp theo	Bộ tài liệu này có thể trả lời điều gì?
1. Công nghệ, tổ chức và năng lực	Chọn trước các danh mục dịch vụ khách hàng có thể lặp lại và đưa chúng vào toàn bộ dự án ngay từ vòng giao hàng đầu tiên, ghi lại các tiêu chuẩn chất lượng, định giá hợp đồng, phân công lao động, cơ sở và chi phí.	Theo dõi lần giao hàng tương tự tiếp theo, hướng mua hàng của khách hàng và khoản đầu tư tiếp theo. Lưu giữ hồ sơ về các mặt hàng chưa hết hạn, giao dịch mua bị hủy, không được mời, giá thầu không thành công, giao dịch đã hoàn thành và điểm đến không xác định.	Kiểm tra xem các khả năng có thể được tái sử dụng hay không. Trước tiên, hãy xác minh các giao dịch và chi phí, sau đó ước tính lợi ích ròng của tất cả các bên và so sánh khoảng cách cạnh tranh khi có đủ bằng chứng.
2. Đầu tư vốn và năng lực	Khi có một quyết định ngân sách thực sự được đưa ra, hãy giữ cùng một loạt các lựa chọn thay thế, số tiền sẵn có và các đánh giá hiện tại cùng nhau.	Ghi lại những dự án nào đã được phê duyệt, bị trì hoãn, bị bỏ rơi hoặc bị từ chối, sau đó theo dõi những thay đổi về đầu tư và năng lực thực tế.	Cách các nhà quản lý lựa chọn dự án. Để đánh giá vai trò của nguồn vốn, cũng cần phải phân biệt giữa triển vọng dự án và điều kiện cấp vốn.
3. Đóng góp, vốn chủ sở hữu và tái đầu tư	Sử dụng nghiên cứu so sánh kịch bản và phán đoán trong quá trình chuẩn bị hệ thống. Sau khi các quy tắc có hiệu lực, các lời mời, lựa chọn và thực hiện các quyền lợi được đảm bảo sẽ được ghi lại, bắt đầu từ những người đủ điều kiện.	Lần tới khi có sự hợp tác tùy chọn, hãy quan sát xem ai đầu tư lại và họ đầu tư gì, đồng thời ghi lại tình hình giữ quyền và ngừng dịch vụ.	Các tình huống kiểm tra khả năng phán đoán, còn các cơ hội và hành động thực tế kiểm tra hành vi. Hai loại nghiên cứu được báo cáo riêng biệt.

Làm thế nào công nghệ và sắp xếp tổ chức có thể dẫn đến cải tiến kinh doanh bền vững

Phần này nghiên cứu cách lựa chọn công nghệ và điều chỉnh tổ chức, cập nhật năng lực và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động cũng như lý do tại sao việc áp dụng các công nghệ tương tự có thể dẫn đến các kết quả dài hạn khác nhau, để trả lời phần này của câu hỏi tổng thể. So sánh cụ thể vai trò, tính bổ sung và tính bền vững của nhu cầu kinh doanh và điều kiện nhiệm vụ, phương pháp tổ chức, công nghệ và sắp xếp thể chế, quan sát cải tiến hoạt động và duy trì năng lực, đồng thời không giữ lại sự thay đổi, thất bại và các con đường phát triển khác nhau. Các mối quan hệ vốn dài hạn và các thỏa thuận quản trị có liên quan có thể được sử dụng làm con đường so sánh trong các chủ đề cụ thể.

Phần này chủ yếu kết nối A, B và C. Khi có sự hợp tác, chúng ta sẽ nghiên cứu xác nhận, thẩm quyền và hiệu suất trong E. Company Zero đã có hai loại công việc thực tế: giao hàng cho khách hàng và xây dựng nội dung kiến thức. Flagship One ưu tiên loại dịch vụ có thể được cung cấp nhiều lần, đăng ký toàn bộ lô dự án đủ điều kiện ngay từ đợt giao hàng đầu tiên và theo dõi nơi ở của lần mua hàng tiếp theo của khách hàng. Việc xây dựng nội dung tri thức tiếp tục cung cấp các tài liệu để chuyển giao, tái sử dụng và bảo trì và cũng có thể được nghiên cứu độc lập.

Hai loại lối vào công việc thực tế

lối vào nơi làm việc	đối tượng quan sát có thể xác định	Các bản ghi và vấn đề có thể kết nối
Xây dựng nội dung kiến thức	Một phần nội dung, một bản chỉnh sửa và quá trình phân loại, kiểm tra, bàn giao và sử dụng sau này.	Nguồn và phiên bản, tác phẩm của tác giả và nhóm con người, sự tham gia vào các công cụ AI, phản hồi sử dụng; liệu kết quả có thể được sử dụng và duy trì liên tục trong các điều kiện rõ ràng hay không.
Giao hàng thương mại của khách hàng	Trong số các loại dịch vụ được lựa chọn trước, điểm giao hàng đầu tiên và điểm đến mua sắm tiếp theo của toàn bộ lô dự án của khách hàng.	Nhu cầu, chất lượng, sử dụng công nghệ, bàn giao, chi phí, sử dụng thực tế và giá cả. Khi việc giao hàng tương tự diễn ra, chúng sẽ được kiểm tra và tái sử dụng, đồng thời sự lựa chọn của khách hàng, lệnh chuyển giao dựa trên bằng chứng, báo giá thực tế, giao dịch và khoản đầu tư tiếp theo cũng được ghi lại.

Bắt đầu bằng cách chọn loại phân phối có ngưỡng chất lượng và phạm vi rõ ràng, chẳng hạn như dịch vụ doanh nghiệp định kỳ. Lưu hồ sơ công việc, hợp đồng và thông tin kế toán ở vòng đầu tiên, sau đó cập nhật nơi ở của khách hàng dựa trên bằng chứng thực tế có sẵn. Công việc tri thức nội bộ được đánh giá dựa trên việc sử dụng và bảo trì thực tế. Khi hai loại công việc có điều kiện tương đương nhau, chúng ta có thể thảo luận xem chúng có thể chứng thực cho nhau hay không.

Thẻ nghiên cứu Flagship One · Theo dõi lựa chọn tiếp theo của khách hàng kể từ lần giao hàng đầu tiên

Khi nào cần nhớ	Ghi lại những gì
được đưa vào lần đầu tiên	Xác định trước các loại dịch vụ có thể được cung cấp nhiều lần, phạm vi bao gồm và các đợt quan sát sẽ bắt đầu. Quá trình đăng ký bắt đầu bằng việc giao hàng lần đầu tiên từng dự án của khách hàng đủ điều kiện, giữ lại toàn bộ lô dự án. Ở vòng đầu tiên, hãy viết ra các nhiệm vụ, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng, chi phí và thời gian mua hàng dự kiến tiếp theo.
Trở lại chuyến thăm cho lần mua hàng tiếp theo	Ghi riêng theo căn cứ xác thực: chưa đến thời điểm mua hàng, xác nhận không có lần mua tiếp theo hoặc nhu cầu bị hủy, khách hàng mua nhưng không mời công ty, công ty tham gia đấu thầu nhưng thua, công ty kết thúc giao dịch, không rõ đích đến. Nếu việc chuyển giao cho các nhà cung cấp khác đã được xác nhận, hãy cho biết cơ sở của việc chuyển giao và liệu công ty có được mời vào thời điểm đó hay không.
Xem xét bằng chứng và kết quả	Cho biết ngày và cơ sở cho mỗi lần cập nhật trạng thái, có thể được xác minh bằng xác nhận của khách hàng, lời mời, báo giá, quyết định mua hàng hoặc hợp đồng. Nếu thiếu trích dẫn hoặc không thể liên hệ được, hãy giữ lại mục gốc và đánh dấu các trường liên quan là "Không xác định" và nêu rõ lý do. Các đơn hàng chuyển nhượng đã được xác nhận sẽ được đưa vào kết quả cuộc thi và các dự án khác không xác định điểm đến sẽ không được coi là đơn hàng bị mất hoặc không có thu nhập.

Hình R16 · Cơ chế năng lực-công nghệ-tổ chức-tổ chức

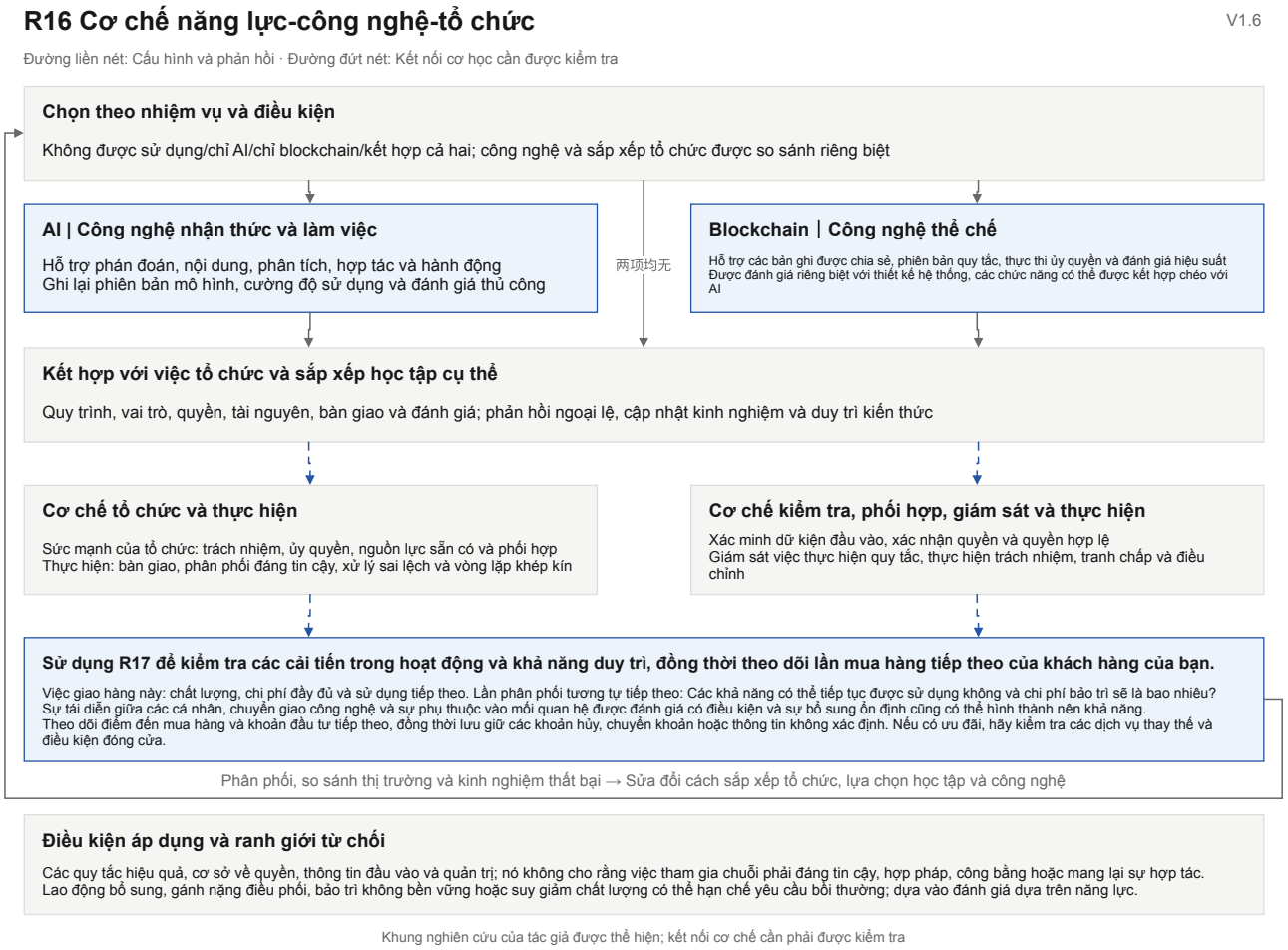

Chọn AI, blockchain và sự kết hợp của chúng theo nhiệm vụ, đồng thời so sánh mức độ tác động của sắp xếp tổ chức và học tập đến khả năng. Các dự án của khách hàng theo dõi lần mua hàng tiếp theo sẽ đi đến đâu. Khi có báo giá, hãy so sánh các lựa chọn thay thế và điều kiện chốt của khách hàng.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

Hai loại công nghệ, cùng một vấn đề kinh doanh và năng lực

Công nghệ và sắp xếp	Ảnh hưởng đến công việc cụ thể	Kết quả cần giải thích
Sự hợp tác giữa AI và con người-máy móc	Phân tích thay đổi, phán đoán, tạo, thực hiện và học hỏi, phân bổ lại nhiệm vụ và xem xét thủ công	Chất lượng, chi phí đầy đủ, sử dụng tiếp theo, đánh giá độc lập và duy trì năng lực
Blockchain như một công nghệ thể chế	Thay đổi xác minh được chia sẻ, xác nhận quyền, phiên bản quy tắc, thực thi ủy quyền và đánh giá thực hiện	Điều phối và giám sát chi phí, làm rõ quyền và trách nhiệm, tranh chấp, thực hiện và hợp tác liên tục
Sự phù hợp về tổ chức và hệ thống	Làm rõ trách nhiệm công việc, quy trình, nguồn lực, bàn giao, xác nhận, phản đối và duy trì kiến thức	Liệu những thay đổi do công nghệ tạo ra có thể được thực hiện một cách đáng tin cậy và trở thành khả năng hợp tác và vận hành bền vững không?

Công nghệ có thể không được sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp. Giải thích những khả năng nào cần thiết cho các vấn đề cụ thể và sau đó thiết lập các so sánh phù hợp mà không yêu cầu sử dụng cả AI và blockchain cho mọi nhiệm vụ.

Đã có điểm xuất phát và sự kết hợp thiết thực

SOP bốn chiều, hệ thống tái thiết năng lực quản lý AI doanh nghiệp, SOP để tích lũy Kỹ năng, hành động và năng lực; công nghệ hệ thống blockchain, tài khoản vốn dài hạn, đánh giá đóng góp và thiết kế thực hiện quy tắc; tổ chức tri thức, nền tảng kinh doanh số, dịch vụ thương hiệu, triển khai công nghệ và vận hành, bảo trì. Bài viết III cung cấp cơ chế tiếp nhận phản hồi để thay đổi các tiêu chuẩn và sắp xếp nguồn lực.

AI so với tổ chức công việc

	Sắp xếp công việc hiện có	Tăng cường sắp xếp bảo trì kiến thức và quy trình
Không sử dụng AI	① Đường cơ sở của quy trình hiện tại	② Quy trình và sắp xếp tổ chức
Áp dụng AI	③ Tích hợp AI vào các quy trình hiện có	④ Sự kết hợp giữa AI và sắp xếp tổ chức

Đầu tiên, xác định trách nhiệm công việc, bàn giao, nghiệm thu hoặc bảo trì kiến thức nào đã thay đổi. Khi điều kiện cho phép, hãy sử dụng bốn bộ so sánh để xác định tác động của AI, các điều chỉnh về tổ chức và sự kết hợp của chúng. Nếu nhiều nhóm chia sẻ cùng một nền tảng kiến thức, hãy ghi lại thời điểm các phương pháp thực hành mới được phổ biến sang các nhóm khác và ưu tiên các quy trình công việc tương đối độc lập để so sánh.

So sánh giữa blockchain và các sắp xếp thể chế

Chọn mối quan hệ kinh doanh với xác nhận của nhiều bên, quy tắc chung, ủy quyền hoặc hiệu suất bị trì hoãn. Khi các quy tắc và ưu đãi có thể so sánh được, hãy so sánh blockchain với các phương pháp ghi và thực thi khác; khi các điều kiện kỹ thuật có thể so sánh được, hãy so sánh các quy tắc xác nhận, thẩm quyền, đánh giá, tranh chấp và thực hiện khác nhau. Việc AI có tham gia hay không sẽ được ghi lại riêng. Khi cần nghiên cứu hiệu ứng kết hợp sẽ thiết kế các so sánh tương ứng.

Tập trung vào cách thức thực tế đóng góp và hiệu suất đi vào quyết định, ai có quyền xác nhận và thay đổi các quy tắc, cách sửa lỗi và phản đối, liệu nguồn lực và kinh phí có đủ để thực hiện hay không và liệu những người tham gia thực tế có thay đổi hợp tác hoặc đầu tư hay chọn rút lui hay không.

Quan sát và nhận dạng

Trước tiên, hãy đồng ý về phạm vi phân phối, ngưỡng chất lượng và mức độ chi phí, sau đó so sánh thời gian chờ đợi, làm lại, xác minh, tranh chấp, đổi quà và việc sử dụng thực tế ở hạ lưu của các nhiệm vụ tương tự. Phiên bản mô hình tài liệu, cường độ sử dụng, kinh nghiệm nhân sự, lao động bổ sung và những thay đổi đương thời. Chọn phân bổ ngẫu nhiên, thí điểm theo từng giai đoạn hoặc nhóm so sánh tùy theo điều kiện thực tế.Khẩu độ xem lồng nhau Giải thích kết luận nào mà những quan sát này ủng hộ.

Thực hiện một so sánh giả định về mặt giá cả. Cả hai dịch vụ đều sử dụng AI tương tự nhau, tương đương nhau về phạm vi và chất lượng, đồng thời cả hai đều tiết kiệm thời gian làm việc. Nếu một dự án có giá cố định trả ít phí gia công hơn, công ty có thể giữ lại nhiều doanh thu hơn sau khi trừ các chi phí mới như mô hình,

đánh giá và bảo trì. Các dự án tính phí theo số giờ làm việc thực tế, hóa đơn của khách hàng có thể được giảm theo số giờ làm việc. Để xem công ty đã nhận được những gì, cũng cần kiểm tra xem những người bị bỏ trống đã đi đâu, họ có nhận được đơn hàng mới hay không và chi phí của các đơn hàng mới là bao nhiêu. Bản thân việc lựa chọn hợp đồng cũng có thể liên quan đến độ khó của nhiệm vụ và khả năng thương lượng của khách hàng, điều này cần được ghi lại khi so sánh.

Lần tới khi quá trình chuyển giao tương tự diễn ra, hãy xem liệu phương pháp ban đầu có thể được sử dụng lại hay không, liệu chất lượng tương tự có thể đạt được sau khi chuyển giao hay không và mức độ bảo trì thực sự cần thiết là bao nhiêu. Khi khách hàng nhận được báo giá thay thế hoặc đấu thầu lại, hãy ghi lại phạm vi và điều kiện của báo giá từ cả hai bên, ai là người cuối cùng được chọn và giao dịch đã hoàn tất ở mức giá nào. Khi các đối thủ cạnh tranh dễ dàng bắt chước và khách hàng dễ dàng chuyển đổi nhà cung cấp thì khoảng cách về giá ban đầu có thể nhanh chóng được thu hẹp. Nếu một công ty có thể tiếp tục cung cấp dịch vụ giao hàng trọn gói mà các công ty cùng ngành khó có thể bắt chước, thì khách hàng cũng có thể chấp nhận mức giá ban đầu. Tình huống nào là đúng phụ thuộc vào sự lựa chọn thực sự. Cuối cùng, hãy so sánh giữa khoản hoàn trả thực tế và lợi ích của dự án với quyết định tiếp theo về nhân sự, ngân sách hoặc đầu tư bảo trì và hỏi những thay đổi nào ảnh hưởng đến quyết định.

Hình R17·Sự chấp nhận kép về cải tiến kinh doanh và duy trì năng lực

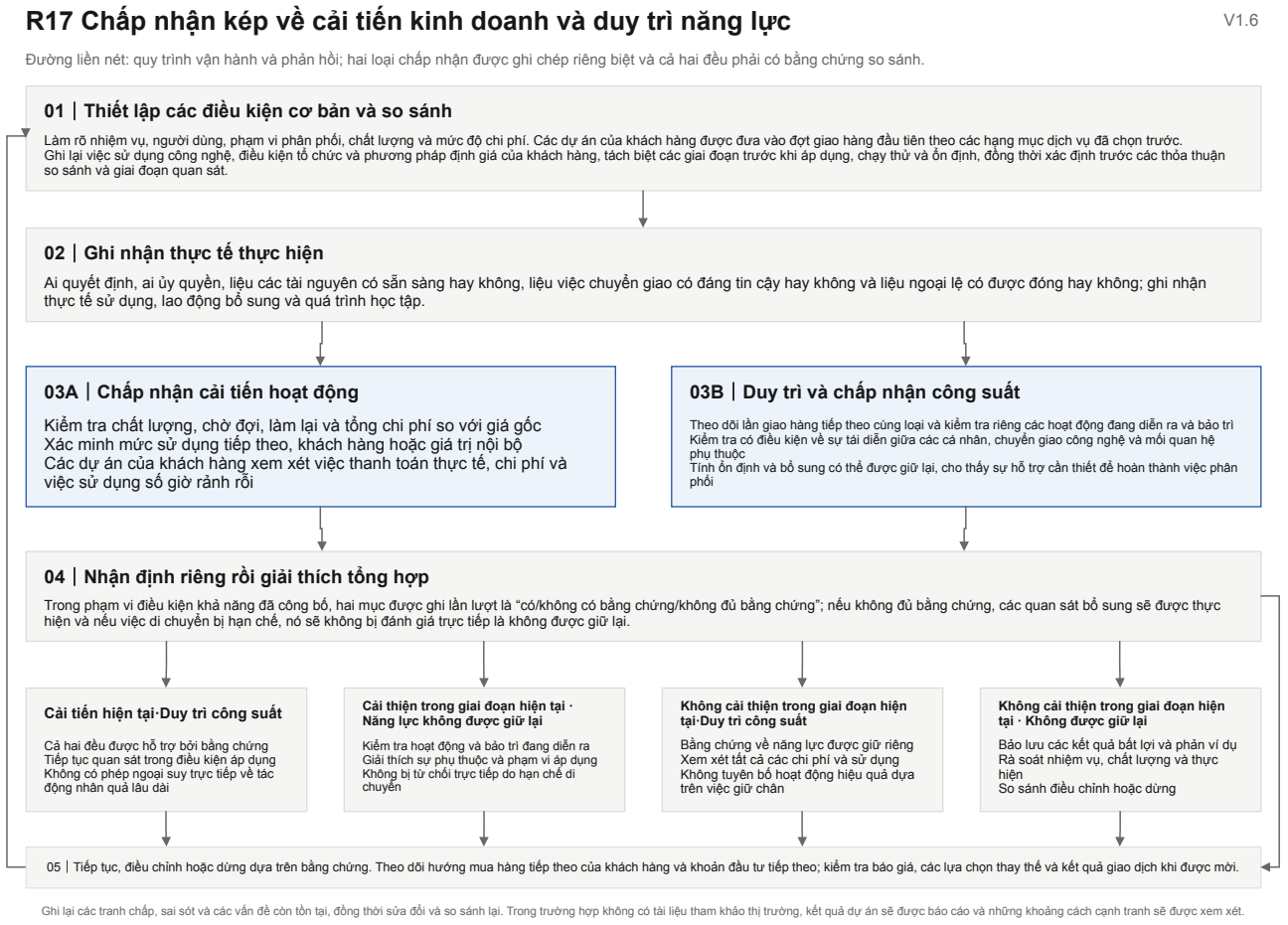

Trước tiên, hãy xác minh riêng việc cải tiến hoạt động hiện tại và khả năng duy trì công suất trong lần phân phối tương tự tiếp theo. Các dự án của khách hàng tiếp tục theo dõi điểm đến mua hàng tiếp theo và khoản đầu tư tiếp theo, sau đó kiểm tra báo giá, các lựa chọn thay thế và kết quả giao dịch khi được mời.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

Chấp nhận kép về cải tiến kinh doanh và duy trì năng lực

Sự chấp nhận hiện tại sẽ xem xét chất lượng giao hàng, việc sử dụng thực tế, tổng chi phí và kết quả hoạt động; các khả năng tiếp theo sẽ được đánh giá dựa trên hoạt động liên tục, tính bền vững của bảo trì, sự lặp lại giữa các cá nhân, di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ. Trước tiên, hãy giải thích khả năng phụ thuộc vào những điều kiện nào và những khía cạnh nào đã sẵn sàng để thử nghiệm, sau đó đánh giá xem nó được hỗ trợ, không được hỗ trợ hay được hỗ trợ không đầy đủ trong phạm vi này. Không sử dụng các công cụ thay đổi hoặc phá vỡ mối quan hệ như một ngưỡng thống nhất. Có thể giai đoạn hiện tại đã có tiến bộ nhưng khả năng sử dụng liên tục chưa hình thành; cũng có thể khả năng vẫn duy trì trong điều kiện ổn định, bổ sung nhưng sự di chuyển còn hạn chế; cũng có thể khả năng đã hình thành nhưng giá trị khách hàng chưa được hiện thực hóa. Những lý do cho những kết quả này phải được giải thích riêng biệt.

Quyền phủ quyết và ranh giới

Nếu cải tiến chỉ đến từ việc không tính đến lao động bổ sung, bảo trì không bền vững, lựa chọn nhiệm vụ hoặc suy giảm chất lượng, hãy hạn chế giải thích hiệu quả và tích lũy năng lực tương ứng. Nếu chỉ tìm thấy tác động của các quy trình, các cải tiến của tổ chức sẽ được báo cáo riêng; nếu chỉ tìm thấy những tác động ngắn hạn của công cụ thì chỉ những tác động ngắn hạn mới được báo cáo. Tính bổ sung của các công cụ ổn định hoặc sự phụ thuộc vào các mối quan hệ cụ thể sẽ không bị phủ quyết, tính bền vững và khả năng chuyển giao sẽ được đánh giá riêng biệt. Khi hồ sơ đầy đủ hơn nhưng không có thay đổi nào về quyền, trách nhiệm, hiệu quả thực hiện và các hành động tiếp theo thì phạm vi giải thích về công nghệ của tổ chức cũng sẽ bị hạn chế.

Nếu khách hàng trực tiếp đến công ty khác để mua hàng, kết quả cạnh tranh sẽ được ghi nhận nếu có bằng chứng, kể cả khi công ty đó không báo giá khác. Nếu không biết nơi đến, hãy giữ lại món đồ đó và ghi lại những thông tin còn thiếu. Để xác định khoảng cách lớn đến mức nào và kéo dài bao lâu, cũng cần kiểm tra phạm vi, chất lượng, giá cả và chi phí có thể so sánh được.

> Đầu ra của giai đoạn bao gồm đường cơ sở nhiệm vụ và kế hoạch so sánh, hồ sơ đầy đủ về chi phí và giá cả của dự án, phiên bản kiến thức và quy tắc, lần giao hàng tương tự tiếp theo, điểm đến mua sắm của khách hàng và hồ sơ báo giá thực tế cũng như hồ sơ quyết định giải thích lý do cho khoản đầu tư tiếp theo.

Kiểm tra trực tiếp năng lực tổ chức và thực thi

Khi so sánh, người ta cũng ghi lại ai là người đưa ra quyết định, ai đã ủy quyền, liệu các nguồn lực có sẵn hay không, việc bàn giao có đáng tin cậy hay không, xác nhận có cơ sở hay không và liệu các ngoại lệ và tranh chấp có được giải quyết hay không. Sử dụng những thay đổi về tổ chức và cách thực thi làm cơ chế để quan sát việc sử dụng thực tế ở hạ nguồn, giá trị nội bộ hoặc khách hàng, việc bảo trì và khả năng duy trì.

Định vị học thuật chủ yếu là CTO, ODC và STR; các quy tắc thể chế và sự cộng tác giữa các chủ đề kết nối OMT và SIM, đồng thời sự đánh giá của con người và quy trình nhóm giao nhau giữa OB và MOC theo các vấn đề.

Các điều kiện cấp vốn ảnh hưởng như thế nào đến việc tiếp tục, điều chỉnh và ngừng đầu tư năng lực?

Phần này chủ yếu kết nối B, C và D để trả lời câu hỏi chung về cách thức thu xếp vốn hỗ trợ hoặc hạn chế sự thích ứng của doanh nghiệp, đổi mới năng lực và lộ trình phát triển. Nghiên cứu cụ thể các kết nối thị trường vốn, công cụ tài chính và cơ cấu giao dịch, phân bổ vốn, quyền kiểm soát và phản hồi giai đoạn ảnh hưởng như thế nào đến việc lựa chọn, tiếp tục, điều chỉnh và ngừng đầu tư năng lực. Các mối quan hệ vốn dài hạn và các cam kết hoàn trả của chúng có thể được sử dụng như một cách tiếp cận so sánh với các chủ đề liên quan và có thể được nghiên cứu tách biệt với các thỏa thuận tài trợ, quyền và trách nhiệm khác.

Hình R18·Đầu tư công suất và phản hồi vốn

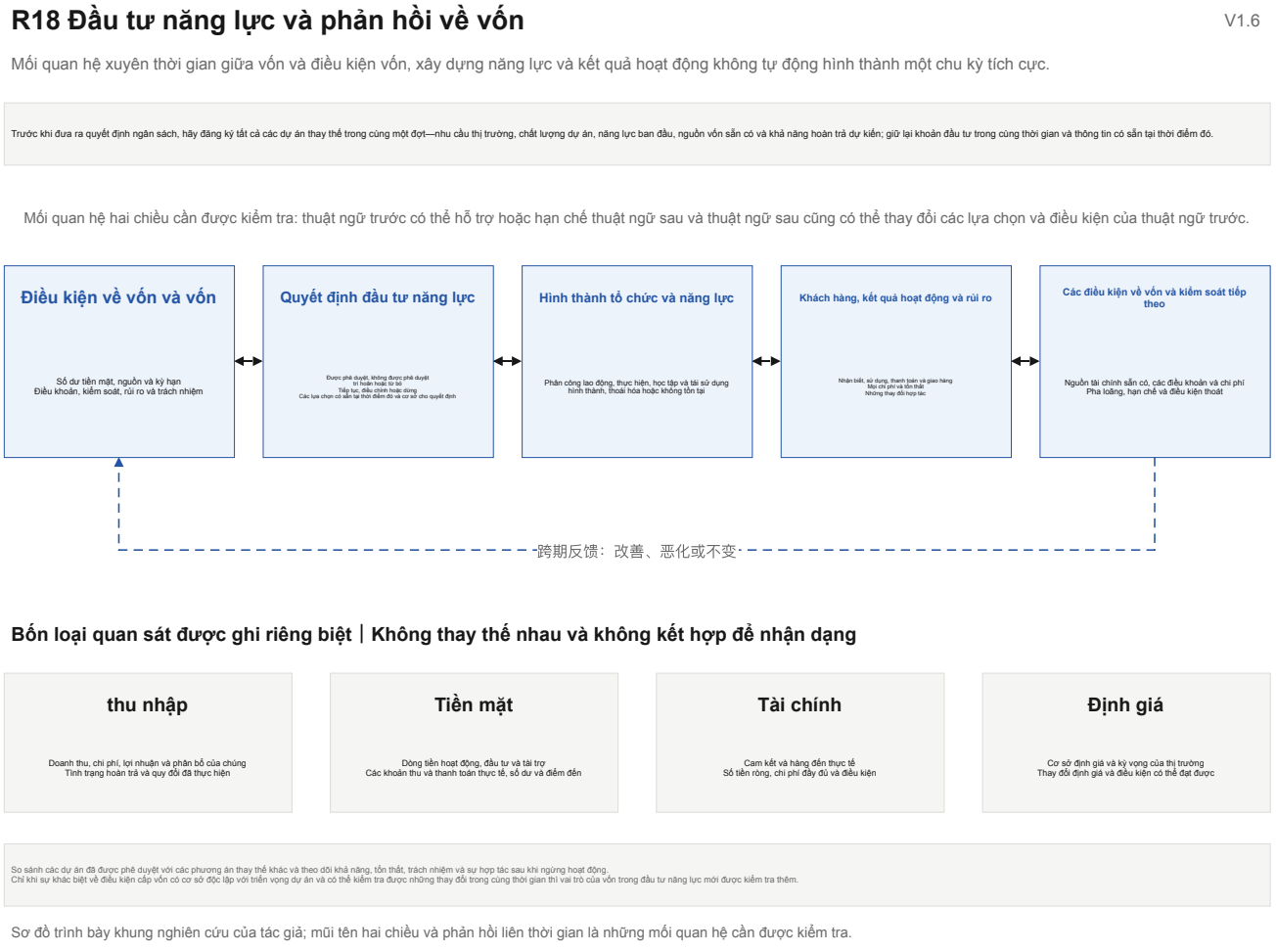

Sơ đồ trình bày khung nghiên cứu của tác giả; mũi tên hai chiều và phản hồi liên thời gian là những mối quan hệ cần được kiểm tra.

Theo dõi các lựa chọn ngân sách và những thay đổi tiếp theo từ cùng một loạt các lựa chọn thay thế. So sánh mối liên hệ hai chiều giữa vốn, năng lực và kết quả hoạt động, đồng thời kiểm tra thu nhập, tiền mặt, tài chính và định giá một cách riêng biệt.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Danh sách trên là cùng một loạt các dự án thay thế cần được đăng ký trước khi đưa ra quyết định, cũng như nhu cầu thị trường, chất lượng, công suất ban đầu, nguồn vốn sẵn có, khoản hoàn trả dự kiến và khoản đầu tư đồng thời. Năm nút ở giữa là nguồn vốn và điều kiện vốn, quyết định đầu tư năng lực, hình thành tổ chức và năng lực, kết quả và rủi ro hoạt động của khách hàng, cũng như các điều kiện kiểm soát

và vốn tiếp theo. Các kết nối hai chiều và phản hồi liên thời gian thể hiện các mối quan hệ cần được kiểm tra. Các phương án đầu tư bao gồm phê duyệt, không chấp thuận, gia hạn, từ bỏ và tiếp tục, điều chỉnh và ngừng sau khi thực hiện. Quan sát thu nhập, tiền mặt, tài chính và định giá tương ứng bên dưới, phân biệt giữa cam kết và biên lai, định giá và các điều kiện có thể đạt được. So sánh các dự án đã được phê duyệt với các phương án thay thế khác và theo dõi năng lực, tổn thất, trách nhiệm và sự hợp tác sau khi ngừng hoạt động. Vai trò của nguồn tài trợ chỉ có thể được kiểm tra sâu hơn khi sự khác biệt về điều kiện tài trợ có cơ sở độc lập với triển vọng của dự án và những thay đổi trong cùng thời kỳ có thể được điều tra.

Đã có điểm xuất phát và sự kết hợp thiết thực

Bốn nguồn vốn và lưu thông kép, mô hình cơ chế vốn, so sánh chín chiều về đường dẫn vốn, hoạt động công nghiệp và sức mạnh tổng hợp vốn; thiết kế mô hình kinh doanh và kinh tế, chiến lược vốn và lập kế hoạch lộ trình niêm yết, tư vấn tài chính và dịch vụ quan hệ nhà đầu tư. Tiếp cận hệ thống chứng khoán và tài sản theo điều kiện của dự án.

Phiên ghi âm	vật liệu cốt lõi
Khi nhập giải pháp thay thế	Trước khi quyết định ngân sách, hãy đăng ký tất cả các hạng mục thực sự được thảo luận trong đợt này. Lưu lại các mục tiêu kinh doanh hiện tại, nhu cầu của khách hàng, chất lượng và cơ sở dự án, khả năng ban đầu, nguồn vốn sẵn có, ngân sách, nguồn lực, thời hạn, điều khoản và khoản hoàn trả dự kiến.
thời gian thực hiện	Đầu tư thực tế, các khoản thu và chi, tiến độ xây dựng năng lực, phản hồi sử dụng của khách hàng hoặc nội bộ và số dư tiền mặt.
nút quyết định	Ghi lại các dự án đã được phê duyệt, bị từ chối, bị trì hoãn và tự nguyện từ bỏ tương ứng, cũng như lý do tương ứng của chúng. Đối với những gì đã được triển khai, ai sẽ quyết định khi nào nên tiếp tục, thêm, bớt hoặc dừng dựa trên các phương án có sẵn và thông tin tại thời điểm đó.
Sau khi quyết định	Theo dõi trạng thái tiếp theo của từng dự án thay thế dựa trên các tài liệu sẵn có, bao gồm liệu có thể huy động thêm vốn hay không, đầu tư thực tế, hoàn trả hoạt động, duy trì công suất, tổn thất và rút vốn cũng như những thay đổi liên quan trong hợp tác. Dữ liệu bị thiếu trong một cột.

So sánh và cơ chế tác dụng

Bắt đầu với quyết định ngân sách thực tế tiếp theo của bạn. Có thể có những dự án phù hợp cho cả việc xây dựng nội dung kiến thức và cung cấp cho khách hàng. Đầu tiên, hãy tập hợp cùng một loạt các dự án thay thế lại với nhau và so sánh chất lượng, nhu cầu, khoản thanh toán dự kiến và các điều kiện hợp tác đã được xem xét trước khi đưa ra quyết định. Sau đó xem xét giai đoạn cấp vốn, hạn chế về tiền mặt, điều khoản kiểm soát hoặc đầu tư trả góp và chúng liên quan như thế nào đến việc bảo trì, bàn giao, cập nhật và ngừng hoạt động tiếp theo. Các nhà quản lý lẽ ra sẽ cấp tiền cho những dự án có nhu cầu rõ ràng hơn và hứa hẹn hơn. Chỉ bằng cách theo dõi các dự án đã được phê duyệt cùng với các dự án có cơ hội được phê duyệt, chúng ta mới có thể giải thích được sự lựa chọn này được thực hiện như thế nào. Kế thừa nhiều quyết định cho cùng một dự án Khẩu độ xem lồng nhau。

Quyền phủ quyết và ranh giới

Nếu có bằng chứng cho thấy sự khác biệt về điều kiện tài trợ xuất phát từ các thỏa thuận độc lập với triển vọng dự án thì cần kiểm tra thời gian thực hiện và những thay đổi trong cùng thời kỳ để xem xét sâu hơn vai trò của chính nguồn tài trợ. Ví dụ, nếu ngân sách được phân bổ theo đợt, trước tiên cần kiểm tra xem các quy tắc phân kỳ đã được xác định trước khi đánh giá dự án hay chưa và kiểm tra xem lần phân bổ đầu tiên và cuối cùng có còn được xác định theo giá trị của dự án hay không. Nếu chúng ta chỉ có thể khôi phục lại người mà đội đã chọn và tại sao thì kết luận của vòng này sẽ được viết ở đây. Khi công cụ mô phỏng chưa đưa ra các quyết định về vốn thực tế thì nó được ghi nhận là đầu ra của phương pháp. Hoạt động giao dịch, định giá và vốn doanh nghiệp sẵn có được báo cáo riêng.

> Đầu ra của giai đoạn: sổ cái ra quyết định dự án, dòng thời gian đầu tư và tiền mặt, so sánh các điều khoản và quyền, phân tích sự kiện ra quyết định và báo cáo nghiên cứu.

Một thử nghiệm trực tiếp về hoạt động vốn hoạt động

Theo các điều kiện cụ thể, "không áp dụng một con đường nhất định", nguồn tài trợ bên ngoài, con đường niêm yết, các công cụ áp dụng sau niêm yết, STO và tái cơ cấu, v.v. được tập hợp lại thành các thỏa thuận ứng cử viên để so sánh. Quan sát những quỹ, tài sản hoặc quyền kiểm soát mà công ty thực sự có được và những thay đổi này ảnh hưởng như thế nào đến việc đầu tư năng lực, điều chỉnh tổ chức, rủi ro và các hoạt động tiếp theo. Chiến lược hoạt động lâu dài của Company Zero vẫn dựa trên Hình R24 Logic bốn vốn giải thích mối quan hệ giữa việc liên tục mua lại các nguồn lực chất lượng cao, quản lý tài sản và tái đầu tư.

Công ty Zero chỉ ghi lại các quyết định và sự kiện gia nhập thực tế. Những con đường chưa xảy ra sẽ được giữ lại dưới dạng kế hoạch hoặc nghiên cứu kịch bản và không được liệt kê là những mục bắt buộc phải có để thăng tiến. Nghiên cứu lắp ghép STR; định giá chứng khoán thuần túy, cơ cấu tài chính hoặc các vấn đề về hệ thống pháp luật, sau đó kết nối các ngành liền kề.

Việc đóng góp, kiểm soát và sắp xếp lợi ích ảnh hưởng như thế nào đến vòng đầu tư tiếp theo

Phần này chủ yếu kết nối B, C và E, và vấn đề cam kết vốn có liên quan đến D. Phần này nghiên cứu cách thức đóng góp, kiểm soát, thu nhập và sắp xếp rủi ro ảnh hưởng đến việc tích lũy năng lực doanh nghiệp, nắm bắt giá trị và hợp tác liên tục, đồng thời trả lời phần này của câu hỏi tổng thể. Vốn của các bên liên quan, quan hệ vốn dài hạn và thiết kế tài khoản là một trong những con đường lý thuyết, quản trị và thực tiễn. Cụ thể, nó phụ thuộc vào cách người tham gia độc lập lựa chọn chấp nhận và tiếp tục nắm giữ vốn cổ phần liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp, ghi nhận đóng góp, thu xếp thu nhập và rủi ro, hiệu suất thực tế và cách liên kết các hành vi đầu tư và hợp tác tiếp theo; trong khi vẫn giữ lại hiệu suất thông thường và các cách sắp xếp khác để so sánh có thể áp dụng. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần, hợp tác kinh doanh và trạng thái thực hiện vẫn được quan sát riêng biệt.

Hình R19 · Tài khoản vốn dài hạn: hiệu quả hoạt động thường xuyên so với phân loại vốn chủ sở hữu

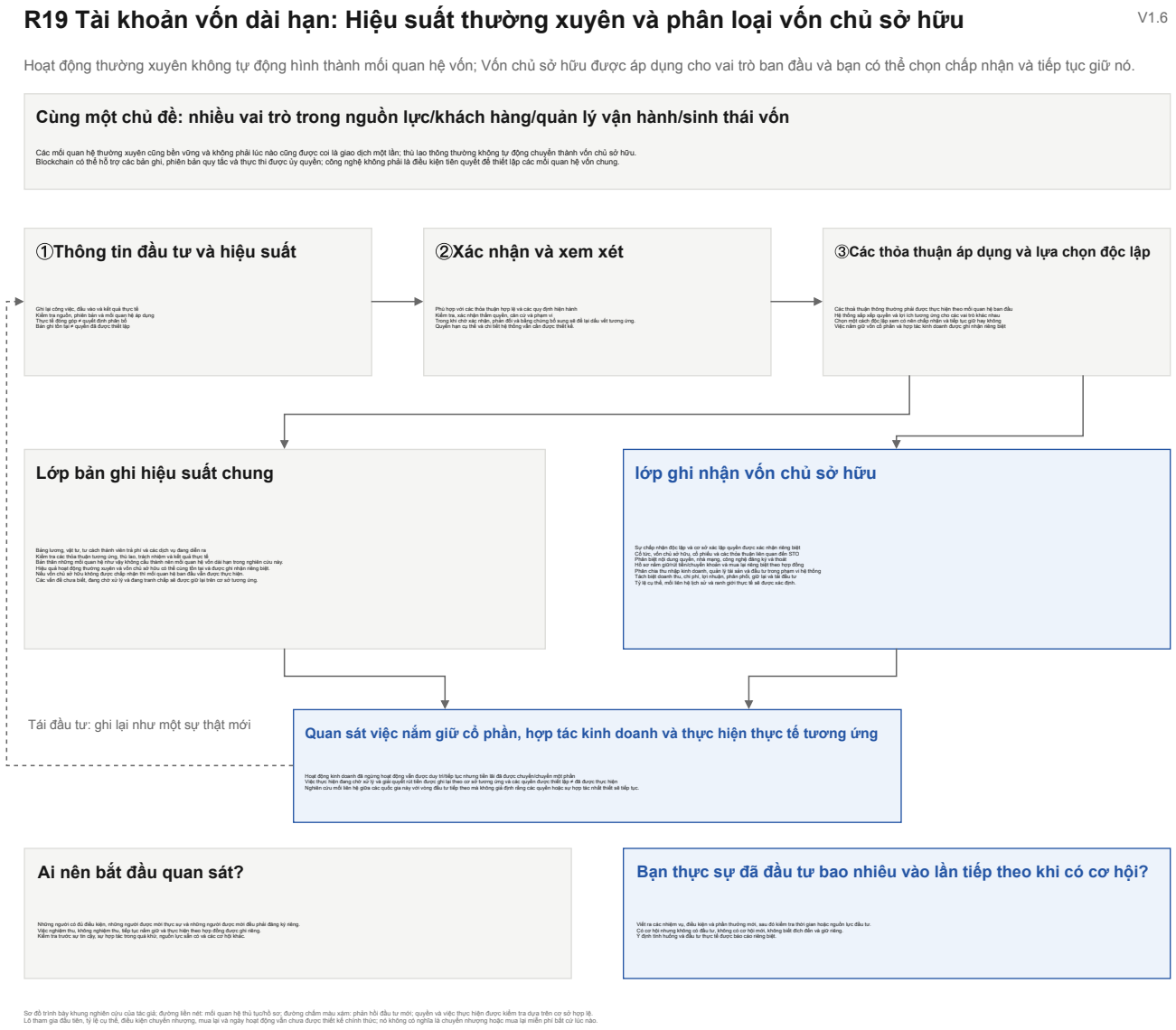

Các tài khoản được xếp lớp để làm cơ sở cho hiệu quả hoạt động thường xuyên và vốn chủ sở hữu. Nghiên cứu bắt đầu bằng việc đăng ký những người đủ điều kiện và những người thực sự được mời, đồng thời theo dõi việc chấp nhận, nắm giữ và mua lại độc lập tương ứng. Khi lần hợp tác tiếp theo diễn ra, chúng ta sẽ xem ai có cơ hội và ai thực sự đầu tư thời gian hoặc nguồn lực.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG · văn bản tương đương đầy đủ

Ghi chép theo cấp độ hiệu quả hoạt động và vốn chủ sở hữu thường xuyên

Tài khoản vốn dài hạn liên kết hai cấp độ hồ sơ để tránh nhầm lẫn giữa hoạt động kinh doanh đang diễn ra, ghi nhận đóng góp và vốn chủ sở hữu vào cùng một trạng thái.

phân cấp bản ghi	Nội dung tương ứng	Mối quan hệ và xác nhận ranh giới
Hiệu suất thường xuyên	Tiền lương, vật tư, tư cách thành viên được trả phí, các dịch vụ đang diễn ra và thù lao, trách nhiệm, sự chấp nhận và hiệu suất thực tế của họ.	Mối quan hệ này có thể kéo dài nhưng nó không cấu thành cái mà nghiên cứu này gọi là mối quan hệ vốn dài hạn và nó không nhất thiết phải là giao dịch một lần; khoản bồi thường thông thường không tự động trở thành vốn chủ sở hữu.
vốn chủ sở hữu	Hệ thống sắp xếp các quyền và lợi ích tương ứng cho các vai trò khác nhau và có thể được kết nối với cổ tức, vốn chủ sở hữu, cổ phiếu và các thỏa thuận liên quan đến STO.	Những người tham gia độc lập lựa chọn có chấp nhận và tiếp tục giữ nó hay không, điều này được áp dụng cho vai trò ban đầu; nội dung quyền, nhà cung cấp dịch vụ, công nghệ đăng ký, nắm giữ và mua lại được kiểm tra riêng biệt và không được thiết lập tự động bởi hồ sơ tài khoản hoặc xác nhận đóng góp.

Các quan sát riêng biệt về nắm giữ vốn cổ phần, hợp tác kinh doanh và thực hiện

Ngừng hợp tác kinh doanh nhưng vẫn tiếp tục nắm giữ lợi ích, tiếp tục kinh doanh nhưng chuyển nhượng lợi ích, chuyển nhượng một phần và chờ thực hiện đều được ghi nhận riêng biệt và không nhất thiết phải đồng bộ. Việc giải quyết chuyển nhượng, mua lại và rút tiền sẽ được xử lý theo hệ thống chính thức tiếp theo và cơ sở hợp lệ tương ứng và không có cam kết về chuyển nhượng tự do, mua lại hoặc mua lại vô điều kiện bất cứ lúc nào. Các nghĩa vụ hiện hành và việc thực hiện đang chờ xử lý không tự động được coi là hoàn thành chỉ do ngừng kinh doanh hoặc thay đổi tình trạng nắm giữ quyền lợi.

Hệ thống sau khi vận hành chính thức được định hướng đến thu nhập hoạt động tổng thể cũng như các quyền và trách nhiệm liên quan trong phạm vi hệ thống, bao gồm hoạt động kinh doanh, quản lý tài sản, đầu tư, thu nhập khác và kế toán một cách riêng biệt, không chỉ thu xếp thu nhập mới. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư được kiểm tra riêng và không được coi là tất cả doanh thu đã được phân phối. Tỷ lệ cụ thể, vốn chủ sở hữu hiện có, kết nối kinh doanh trước đây, ranh giới hiệu lực, đợt tham gia đầu tiên và ngày hoạt động đều phải được thiết kế chính thức tiếp theo; phần này không cho rằng vốn chủ sở hữu thực đã được kích hoạt dựa trên hồ sơ công việc.

> **Đóng góp đã được xác nhận, vốn chủ sở hữu đã được thiết lập và lợi nhuận đã được chuyển thành tiền mặt, có thể vào các thời điểm khác nhau.**

Đã có điểm xuất phát và sự kết hợp thiết thực

Bốn mô hình quản trị sinh thái, mối quan hệ vốn dài hạn và cơ chế mua lại vốn cổ phần, Tài liệu I, II, IV và công nghệ hệ thống blockchain; ví doanh nghiệp, thẻ đồng thương hiệu, thiết kế quản trị, đánh giá đóng góp và hoạt động sinh thái ngành cộng đồng.

buổi nghiên cứu	Sự thật cần phân biệt
Đủ điều kiện, Lời mời và Lựa chọn	Sau khi các quy tắc có hiệu lực, hãy ghi lại ai đủ điều kiện theo các điều kiện áp dụng, ai thực sự được mời, những điều kiện nào được nhận và liệu họ có tự nguyện chấp nhận hay không.
Đóng góp và bằng chứng	Đầu vào thực tế, kết quả, nguồn chứng cứ, đánh giá độc lập và phản đối.
quyền và kiểm soát	Ai có thể xác nhận quyền, quyết định phân bổ, xem xét hoặc sửa đổi các quy tắc. Ghi căn cứ để chấp nhận độc lập, xác lập quyền và tiếp tục nắm giữ tương ứng.
Rút tiền và rủi ro	Nguồn hoàn trả, các điều kiện đã thỏa thuận, hiệu suất thực tế, mức độ chờ đợi và tổn thất.
Cơ hội và hành vi tiếp theo	Liệu thực sự có một nhiệm vụ có thể được tham gia hay không, các điều kiện là gì, liệu nó có được chấp nhận hay không và thực tế đã thêm bao nhiêu thời gian hoặc nguồn lực dành riêng. Cũng lưu ý chia sẻ kiến thức, gia hạn hợp đồng, tranh chấp và thoát ra.

So sánh và kết nối

Trong quá trình chuẩn bị về thể chế, có thể sử dụng cùng một kịch bản hợp tác để so sánh hai sự kiện. Thứ nhất, sau khi kết thúc hoạt động kinh doanh trước đó, liệu công ty có cơ sở đáng tin cậy để thực hiện cam kết về các quyền và lợi ích hiện có hay không? Thứ hai, lợi nhuận bổ sung của khoản đầu tư chuyên dụng tiếp theo có rõ ràng không? Giữ các điều kiện khác như chi phí nhiệm vụ và thù lao cho vai trò ban đầu có thể so sánh được, đồng thời hỏi những người tham gia tương ứng về nhận định về cam kết của họ và lượng thời gian hoặc nguồn lực mà họ sẵn sàng cống hiến. Các lựa chọn trong kịch bản đầu tiên được ghi lại dưới dạng mong muốn.

Khi các quy định, quyền và lợi ích hiệu quả được thực hiện và các cơ hội hợp tác mới thực sự nảy sinh, khoản đầu tư tiếp theo vào cùng mối quan hệ sẽ được điều tra. Đầu tiên hãy ghi lại những người đủ điều kiện, kể cả những người không được mời; sau đó so sánh những người đã nhận được cơ hội tương tự và phải đối mặt với những điều kiện tương tự, đồng thời giữ lại các lựa chọn chấp nhận tự nguyện, không chấp nhận và những điều chỉnh tiếp theo. Niềm tin ban đầu của các bên tham gia, sự cân bằng nguồn lực, kinh nghiệm hợp tác trong quá khứ và các cơ hội bên ngoài đều sẽ đồng thời ảnh hưởng đến việc có chấp nhận các quyền và lợi ích hay không và có nên đầu tư lại hay không. Những khác biệt này cần được kiểm tra dựa trên các hồ sơ trước đó; nếu vẫn không thể phân biệt được thì chỉ có sự khác biệt về hành vi giữa các nhóm được báo cáo.

Có người có cơ hội nhưng không đầu tư, có người không nhận được nhiệm vụ mới. Cái trước ghi lại sự lựa chọn, trong khi cái sau được liệt kê riêng là không được trao cơ hội; nếu không biết đích đến hoặc lý do, hãy giữ nó không rõ. Cuối cùng, kiểm tra trạng thái nắm giữ, thực hiện hợp đồng, hợp tác kinh doanh thực tế và đầu tư mới trên cùng một mốc thời gian.

Quyền phủ quyết và ranh giới

Khi hồ sơ đầy đủ hơn nhưng không có thay đổi nào trong việc phân phối hoặc hành vi tiếp theo, hãy kiểm tra riêng các quyền, liên kết quy đổi và khuyến khích. Tính minh bạch tăng lên cũng bảo toàn những kết quả bất lợi

này khi có sự tập trung quyền kiểm soát hoặc suy giảm sự tham gia. Những thay đổi về mức độ sẵn lòng và những thay đổi trong đầu tư thực tế được báo cáo riêng.

> Đầu ra của giai đoạn: hồ sơ đóng góp và quyền, các sự kiện xem xét và tranh chấp, tiến trình hoàn thành doanh thu và tái đầu tư, tài liệu thử nghiệm hoặc trường hợp và báo cáo nghiên cứu.

Đánh giá sự chấp nhận giá trị của khách hàng và sự tham gia đóng góp

Cùng một dự án hoặc nhiệm vụ giữ lại cùng một dự án, thành tích và nhận dạng phiên bản, nhưng xử lý hai quy trình đánh giá riêng biệt. Sự chấp nhận giá trị của khách hàng trả lời liệu việc phân phối có đáp ứng các mục tiêu và thỏa thuận hợp lệ hay không và liệu việc sử dụng thực tế có tạo ra giá trị hay không; tham gia đánh giá đóng góp trả lời ai đã đảm nhận công việc gì, đầu vào và kết quả thực tế là gì và ai có quyền xác nhận theo quy định nào. Hai quy trình có thể được chạy song song và hồ sơ chấp nhận của khách hàng có thể được sử dụng làm một trong những bằng chứng có thể áp dụng được, nhưng nó không thể xác định trực tiếp sự đóng góp hoặc phân bổ của tất cả những người tham gia.

Hình R20 · Đánh giá sự chấp nhận giá trị của khách hàng và sự tham gia đóng góp



Sơ đồ trình bày khung nghiên cứu của tác giả; đường liền nét: quy trình đánh giá; đường chấm màu xám: làm lại/xác minh và xem xét bổ sung; đường chấm màu xanh: tương quan kết quả, kết luận không nhân quả.

Dự án tương tự chia sẻ nhận dạng và bằng chứng. Phía khách hàng ghi nhận lần lượt nghiệm thu bàn giao và giá trị sử dụng thực tế. Bên tham gia xác nhận đóng góp dựa trên thông tin đầu vào, kết quả, bằng chứng và thủ tục được ủy quyền; cả hai kết quả đều được liên kết với một tài khoản dài hạn và những thông tin không xác định cũng như tranh chấp sẽ được bảo lưu.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Dự án hoặc nhiệm vụ tương tự chia sẻ các mã định danh dự án, thành tích và phiên bản và giữ lại cơ sở ban đầu. Trước tiên, khách hàng làm rõ mục tiêu, phạm vi, thỏa thuận hợp lệ, đối tượng chấp nhận, tiêu chuẩn và điều kiện quan sát, sau đó kiểm tra phiên bản được giao, hồ sơ chất lượng, lỗi và sửa đổi, đồng thời ghi lại quyết định chấp nhận và giá trị sử dụng thực tế tương ứng. Trạng thái giao hàng đạt, không đạt hoặc đang chờ kiểm tra và trạng thái giá trị được hỗ trợ, không được hỗ trợ hoặc đang chờ quan sát; được nghiệm thu không có nghĩa là giá trị sử dụng thực tế đã được xác nhận. Nếu không thành công hoặc đang chờ quan sát, nó sẽ được làm lại hoặc kiểm tra lại với bằng chứng bổ sung. Người tham gia ghi lại các thỏa thuận về vai trò và nhiệm vụ, đầu vào và kết quả thực tế, nguồn bằng chứng và phiên bản cộng tác được chủ thể có thẩm quyền xác nhận và xem xét theo cơ sở áp dụng, phạm vi thẩm quyền và phiên bản của quy tắc; trường hợp phản đối, chứng cứ sẽ được bổ sung, xem xét lại theo thủ tục được ủy quyền. Những người tham gia giữ lại các vấn đề cần được xác nhận, xác nhận, tranh chấp và chờ xử lý tương ứng. Sự chấp nhận của khách hàng chỉ có thể được sử dụng như một trong những bằng chứng có thể áp dụng và không thể thay thế việc xem xét đóng góp hoặc xác định trực tiếp sự đóng góp và phân bổ của tất cả những người tham gia.

Hai tiến trình có thể chạy song song, không thay thế nhau và không bắt buộc phải hoàn thành cùng lúc; các kết quả tương ứng được liên kết với các tài khoản dài hạn theo mã nhận dạng chung, giữ lại nguồn, trạng thái và phiên bản, sau đó xác nhận các quyền và trách nhiệm hiện hành dựa trên các thỏa thuận, quy tắc và sự kiện cụ thể có hiệu lực tương ứng của họ, đồng thời kiểm tra chủ đề hiệu suất và trạng thái của hiệu suất, hiệu suất hoặc tranh chấp đang chờ xử lý. Xác nhận đóng góp không tự động tạo ra vốn chủ sở hữu. R17 Sự chấp nhận kép về cải tiến kinh doanh và duy trì năng lực trả lời một loạt câu hỏi khác và không được trộn lẫn với sơ đồ này.

quá trình	Kiểm tra căn cứ và thủ tục	Giữ kết quả riêng biệt
Sự chấp nhận giá trị của khách hàng	Mục tiêu, phạm vi, thỏa thuận có hiệu lực, đối tượng và tiêu chuẩn chấp nhận; phiên bản giao hàng, hồ sơ chất lượng và sửa đổi; quyết định chấp nhận và bằng chứng sử dụng thực tế. Làm lại hoặc điều chỉnh nếu thất bại và thực hiện các quan sát bổ sung nếu không đủ bằng chứng.	Giao hàng đạt, không thành công hoặc đang chờ kiểm tra; hỗ trợ giá trị sử dụng, không được hỗ trợ hoặc đang chờ quan sát; phản đối và các vấn đề đang chờ xử lý được liệt kê riêng. Chấp nhận không có nghĩa là giá trị sử dụng đã được xác nhận.
Tham gia đánh giá đóng góp	Các thỏa thuận về vai trò và nhiệm vụ, đầu vào và kết quả thực tế, nguồn bằng chứng và các phiên bản hợp tác; người có thẩm quyền xác nhận, xem xét theo thẩm quyền xác nhận, phạm vi áp dụng và phiên bản quy định, đồng thời giữ nguyên thủ tục phản đối, chứng cứ bổ sung và thẩm định lại.	Được xác nhận, xác nhận hoặc tranh chấp; phạm vi xác nhận, lý do và đơn vị chịu trách nhiệm được ghi riêng và việc tham gia, giao hàng đã hoàn thành và đóng góp đã được xác nhận không được coi là cùng một trạng thái.

Hai kết quả lần lượt được liên kết với các tài khoản dài hạn theo mã định danh chung, giữ nguyên nguồn, trạng thái, cơ sở và phiên bản tương ứng và không bắt buộc phải hoàn thành ở cùng một bước. Sau đó, các quyền, trách nhiệm và việc thực hiện thực tế sẽ được xử lý dựa trên các thỏa thuận có hiệu lực tương ứng, các quy tắc hiện hành và dữ kiện cụ thể, đồng thời các đơn vị thực hiện sẽ được kiểm tra về tình trạng thực hiện sẽ được thực hiện, thực hiện hoặc đang tranh chấp; những vấn đề chưa biết sẽ tiếp tục được đánh dấu là chưa biết, hồ sơ hoặc xác nhận đóng góp sẽ không tự động được hiểu là việc mua lại cổ phần và cũng sẽ không được giả định rằng những người tham gia khác nhau có cùng quyền thu nhập hoặc quyền biểu quyết. Những phản đối và những vấn đề chưa được giải quyết sẽ được xử lý theo các thủ tục hiện hành và một quy trình khác đã được thông qua không thể được sử dụng để thay thế phán quyết này.

Hai quá trình và Hình R19 Kết nối tài khoản vốn dài hạn.Hình R17 Một so sánh riêng biệt về cải tiến hoạt động và duy trì năng lực sẽ trả lời các câu hỏi khác nhau; mỗi bộ phán đoán sử dụng cơ sở riêng của nó. Đối với các dự án nội bộ, người dùng nội bộ chịu trách nhiệm chấp nhận giá trị tương ứng và việc xác minh tổng thể, đánh giá cuối cùng của người dùng và hiệu quả sử dụng thực tế được ghi lại riêng biệt.

Nguyên tắc xử lý việc chấp nhận giá trị của khách hàng và xem xét đóng góp tham gia một cách riêng biệt tiếp tục khái niệm hoạt động hiện tại. [31]

Kiểm tra trực tiếp tài khoản vốn dài hạn

Trong các mối quan hệ thực tế và sự sắp xếp hiệu quả của Công ty Zero, hãy thiết lập hồ sơ quan sát về các mối quan hệ nhận dạng, đóng góp đầu vào, quyền và trách nhiệm cũng như việc thực hiện quản trị. Nghiên cứu

cách các tài khoản và quy tắc ảnh hưởng đến việc ủy quyền, xem xét, mua lại, tin cậy và hành vi tiếp theo, đồng thời ghi lại các tranh chấp, chi phí bổ sung, chấm dứt mối quan hệ và các tình huống không thay đổi. Phân biệt rõ hơn giữa hiệu suất thường xuyên, chấp nhận và nắm giữ vốn cổ phần, rút tiền mặt thực tế và mua lại chuyển nhượng hiện hành, đồng thời theo dõi những thay đổi trong sự kết hợp của các trạng thái này, hợp tác kinh doanh và đầu tư tiếp theo. Liệu mối quan hệ vốn có được thiết lập và tiếp tục hay không sẽ được chứng minh dựa trên các dữ kiện tương ứng và các thỏa thuận hiệu quả và không được xác định chỉ bằng việc áp dụng công nghệ hoặc sự tồn tại của tài khoản.

Chủ yếu kết nối SIM, OMT và STR; cơ chế nền tảng và công việc kỹ thuật số xuyên suốt CTO, hành vi công bằng và tin cậy xuyên suốt OB. Thiết kế tài khoản, triển khai kỹ thuật, thiết lập quyền và hiệu quả thực hiện được báo cáo riêng.

Xuất phát điểm hiện tại được tác giả xác nhận

Sau đây là tình huống được tác giả xác nhận vào ngày 25 tháng 11 năm 2026.

Hoạt động kinh doanh truyền thống luôn được thực hiện và việc xây dựng nội dung kiến thức cũng như cung cấp dịch vụ kinh doanh cho khách hàng đều là những nhiệm vụ thực tế. Đã có một đội, một số người đang chú ý đến công việc liên quan và hy vọng được tham gia. Điều này cung cấp hai lối vào để nghiên cứu tiếp tục quan sát: một là cách hình thành, tổ chức, sử dụng và sửa đổi nội dung kiến thức, và hai là nhu cầu của khách hàng, phân phối thực tế và sử dụng tiếp theo. Đây là cơ sở kinh doanh được xác nhận vào ngày 25 tháng 11. Các thỏa thuận điều tra của V1.6 ưu tiên một loại hoạt động giao hàng cho khách hàng có thể quan sát được nhiều lần. Việc xây dựng nội dung tri thức tiếp tục được sử dụng để chuyển giao, bảo trì và tái sử dụng nghiên cứu.

Hệ thống đồng xây dựng mới vẫn chưa được ra mắt chính thức và các chức năng sản phẩm liên quan vẫn đang được thử nghiệm ở quy mô nhỏ. Việc mở các lần tiếp theo sẽ được xúc tiến dựa trên việc chuẩn bị hệ thống và thử nghiệm thực tế; sẵn sàng tham gia, tham gia chính thức, thực hiện nhiệm vụ, xác nhận đóng góp, xác lập quyền và lợi ích, hiệu quả hoạt động thực tế sẽ được ghi nhận theo cơ sở tương ứng. Có nhóm, người theo dõi hoặc chức năng kiểm tra không có nghĩa là các quyền và phân bổ tương ứng đã có hiệu lực.

Sau đó, các yêu cầu, phân công lao động, phiên bản, bàn giao, cách sử dụng, chi phí và tài liệu phản hồi có thể được tích lũy từ công việc thực tế. Các tác giả, nhóm con người và công cụ AI đóng các vai trò khác nhau và nhiều bộ hồ sơ cộng tác của các công cụ AI không thể được coi là nhiều mẫu nghiên cứu độc lập của con người. Tình trạng công việc, hồ sơ sự cố cụ thể và bằng chứng nghiên cứu so sánh cần được giải thích riêng.

Lô người tham gia tài khoản đầu tiên, quyền và lợi ích cụ thể, tỷ lệ phân bổ, chi tiết mua lại và chuyển nhượng, ngưỡng quản trị và ngày hoạt động sẽ không được công thức vào thời điểm này. Các sự kiện, thỏa thuận và kết quả liên quan sẽ được ghi nhận và nghiên cứu trên cơ sở tương ứng sau khi chúng được hình thành trên thực tế.

Mối liên hệ giữa đồng xây dựng nghiên cứu khoa học, tài sản vận hành và lợi nhuận tái đầu tư

Phần này phát triển mối liên hệ giữa kiến thức và năng lực chuyên môn, tài sản hoạt động và thu xếp vốn như một con đường nghiên cứu và thực hành có thể so sánh được, chủ yếu liên quan đến B, C, D và E. Nó cung

cấp các vấn đề cụ thể để nghiên cứu sự thích ứng của doanh nghiệp, thu được giá trị và đầu tư liên tục. Nó không phải là một hệ thống phải được áp dụng theo cả năm hướng, cũng không phải là lời giải thích duy nhất.

Hợp tác xây dựng nghiên cứu khoa học có thể liên kết các vấn đề nghiên cứu, kiến thức và năng lực chuyên môn, công tác nguồn lực có thể kết nối con người, tổ chức và các điều kiện thực tế có thể sử dụng được, còn doanh nghiệp có thể tổ chức các năng lực phù hợp vào sản phẩm, dịch vụ và giải pháp cho khách hàng. Kinh nghiệm phân phối, sử dụng, bảo trì và hợp tác thực tế cung cấp tài liệu cho khả năng vận hành liên tục và cơ sở tài sản. Những nỗ lực này có thể được thực hiện song song và lặp đi lặp lại, và không có giai đoạn vốn hóa nào mà mỗi khoản đầu tư phải trải qua tuần tự, cũng như không có một tập hợp các kích thước hoạt động riêng biệt.

Nghiên cứu không chỉ xem xét có bao nhiêu sản phẩm tri thức được hình thành và bao nhiêu doanh nghiệp được hoàn thành mà còn xem xét những kết quả và mối quan hệ nào có thể được sử dụng, duy trì và phục vụ liên tục trong những điều kiện rõ ràng, khoản đầu tư nào vẫn cần hỗ trợ và khoản đầu tư nào nên điều chỉnh hoặc dừng lại. Phạm vi cụ thể và cơ sở xác nhận của tài sản hoạt động phải được kiểm tra gắn với thực tế; tích lũy trong quá trình làm việc không thể tự động được coi là tài sản kế toán, quyền hợp pháp hoặc lợi ích chứng khoán được xác lập.

Làm thế nào các kết nối vốn có được vốn hoặc nguồn lực, các điều kiện này hỗ trợ việc mua và vận hành các tài sản phù hợp như thế nào cũng như cách sử dụng và vận hành tài sản hình thành lợi nhuận kinh doanh, lợi nhuận thực tế và tái đầu tư là những mối liên hệ mà nghiên cứu này sẽ theo dõi. Khi mua tài sản, hãy kiểm tra khả năng thích ứng với nhu cầu, điều kiện hoạt động, đầu tư và trách nhiệm; khi tiếp tục hoạt động, hãy xem xét việc sử dụng, bảo trì, hoàn trả, rủi ro và lựa chọn nguồn lực tiếp theo. Mỗi liên kết có thể bị gián đoạn hoặc bị lệch. Nó phải được so sánh với quá trình thực tế. Chu trình này không thể được coi là hiệu quả chỉ bằng cách có được tài sản hoặc hoàn thành việc tài trợ. Bốn nguồn vốn ở đây vẫn là logic nguyên tắc của chiến lược vận hành và quản lý tài sản dài hạn, không bao gồm các cam kết tài chính, phát hành hoặc giao dịch. Lợi nhuận, tiền mặt, định giá và lợi nhuận thực hiện được quan sát riêng biệt, thu nhập tài chính và thu nhập kinh doanh được hạch toán riêng.

Theo định hướng đề xuất của tác giả, hệ thống sau khi vận hành chính thức sẽ hướng tới thu nhập tổng thể và các quyền, trách nhiệm liên quan trong phạm vi áp dụng của hệ thống, bao gồm kinh doanh, quản lý tài sản, đầu tư và thu nhập khác, chứ không chỉ xoay quanh thu nhập mới. Tất cả các loại thu nhập đều được hạch toán riêng và nghiên cứu theo dõi doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư một cách riêng biệt và không giả định rằng tất cả doanh thu đều được sử dụng để phân phối. Tỷ lệ cụ thể, vốn chủ sở hữu hiện có, kết nối kinh doanh lịch sử và ranh giới hiệu lực sẽ được xác định bởi hệ thống tiếp theo.

Các thỏa thuận vốn chủ sở hữu tương ứng dành cho các vai trò khác nhau. Người tham gia có thể chọn có chấp nhận và tiếp tục giữ chúng hay không, đồng thời danh tính doanh nghiệp ban đầu của họ sẽ được ghi lại riêng. Việc nắm giữ cổ phần và sự hợp tác thực tế có thể không đồng bộ và các mối quan hệ vốn lâu dài không thể chỉ được giả định từ nguồn cung liên tục, tiền lương hoặc tư cách thành viên trả phí. Liệu lợi nhuận có hỗ trợ cho việc tiếp tục đầu tư hay không, khả năng hoạt động có được duy trì hay không và liệu có tiếp tục hợp tác hay không, tất cả đều cần được so sánh dựa trên quy trình thực tế; do đó, mối liên hệ giữa đồng xây dựng nghiên cứu khoa học và vốn hoạt động là một vấn đề cần được nghiên cứu chứ không phải là một chu kỳ hiệu quả đã đạt được.

> **Vòng này phân chia như thế nào và vòng sau sẽ làm gì tiếp theo phải được ghi vào biên bản.**

Thực tiễn nghiên cứu khoa học, cơ cấu hoạt động và tình trạng bằng chứng của Company Zero

Company Zero: đơn vị cung cấp kết quả nghiên cứu khoa học thực tế tổng thể

Việc quan sát Công ty Zero chỉ giới hạn ở tổ chức, nhiệm vụ, đầu tư, vận hành và hợp tác thực tế của chính WISERUNION. Các lý thuyết, mô hình, phương pháp và thiết kế hệ thống do nghiên cứu hình thành được sử dụng để điều chỉnh mô hình kinh doanh, phương pháp tổ chức và thu xếp vốn trong những thay đổi công nghệ, sau đó đưa các quy trình, kết quả, sai lệch, thất bại và điều chỉnh thực tế vào nghiên cứu. [25, 31]

Thông qua những hoạt động này, chúng tôi nghiên cứu cách tích lũy và cập nhật năng lực của công ty, cách tạo ra và thu được giá trị, cách phân bổ vốn và cách quản lý sự hợp tác. Lý thuyết về vốn của các bên liên quan, quan hệ và tài khoản vốn dài hạn, NST và quản trị sinh thái đã được tích lũy và sử dụng trong các chủ đề liên quan như lý thuyết, phương pháp, sắp xếp quản trị hoặc các lộ trình thực tế tương ứng và được so sánh với các giải thích và sắp xếp có thể áp dụng khác. Kết quả thực tiễn có thể hỗ trợ, xác nhận hoặc phủ nhận các yêu cầu cụ thể và mỗi hướng nghiên cứu vẫn được thực hiện theo vấn đề riêng của mình.

Hoạt động năm chiều: học thuật, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh, vốn

Công ty Zero tổ chức các hoạt động thực tế của mình theo năm khía cạnh được kết nối với nhau. Câu trả lời năm chiều “tổ chức hoạt động như thế nào”; năm hướng nghiên cứu A-E và mười lăm dòng chính trả lời “nghiên cứu cái gì”. Bốn hệ sinh thái chính được sử dụng để tổ chức những người tham gia và các mối quan hệ, còn bốn nguồn lực được sử dụng để giải thích cách các nguồn lực, tài sản, vốn và quỹ được phân bổ và chuyển đổi. Mỗi bộ phân loại này đều có cách sử dụng riêng và có thể liên quan đến cùng một dự án từ những quan điểm khác nhau.

> **Định hướng và lý thuyết đào tạo học thuật → hướng dẫn cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh, vốn và thực tiễn tổ chức tổng thể → ghi lại các quy trình, kết quả và phản ví dụ thực tế → xem xét và sửa đổi kết quả học tập → sau đó bước vào thực hành.**

Năm chiều có thể song song, giao nhau và lặp lại, và không tạo thành năm giai đoạn phát triển cố định.

Hình R21 · Vòng khép kín hoạt động năm chiều và thực hành nghiên cứu khoa học của Công ty Zero

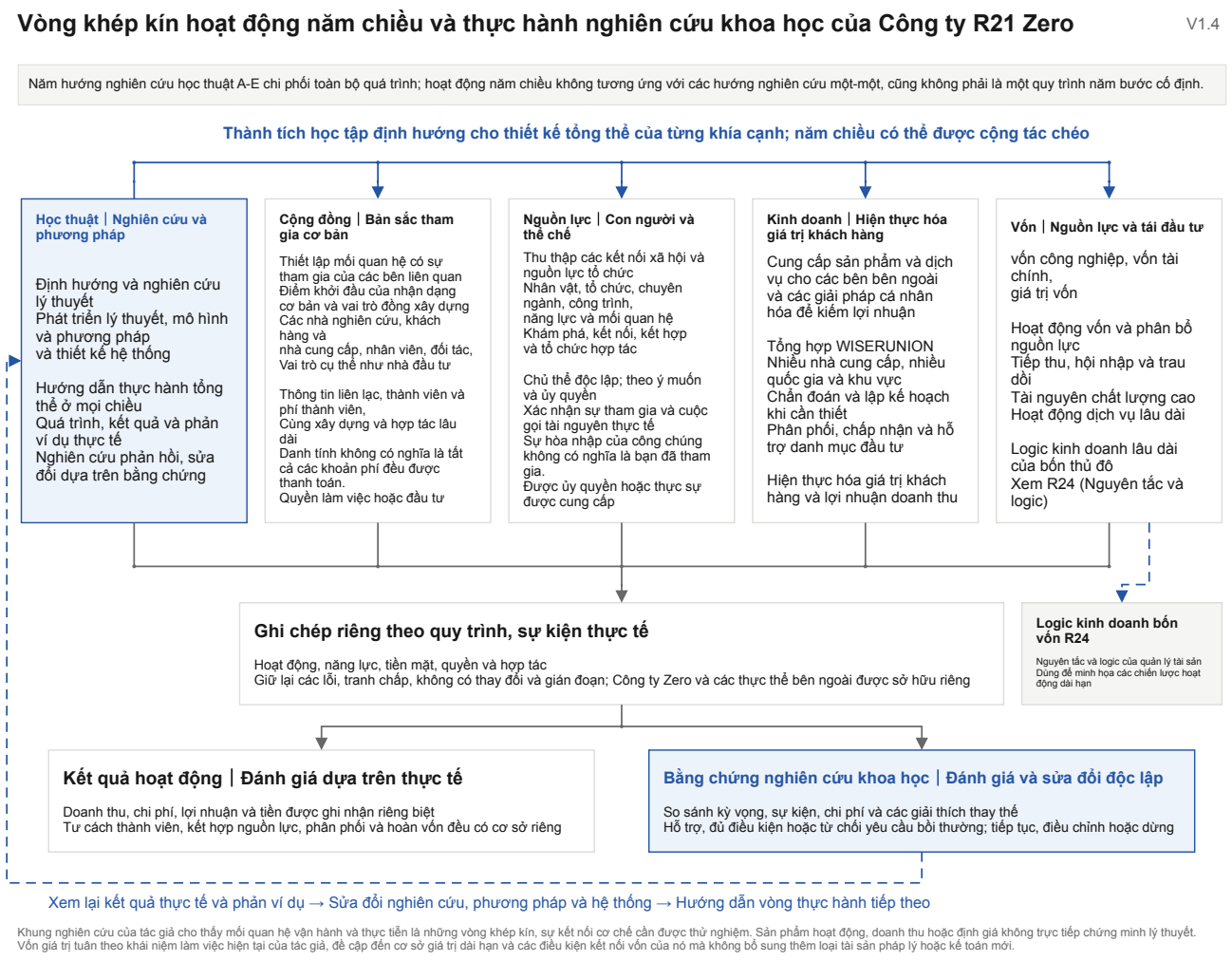

Company Zero hoạt động trên năm khía cạnh: học thuật, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh và vốn. Thành tích học tập hướng dẫn thực hành tổng thể của từng khía cạnh, đồng thời quy trình, kết quả và phản ví dụ thực tế được xem xét, sửa đổi và nghiên cứu một cách độc lập. Năm chiều có thể được cộng tác chéo và không tương ứng với các hướng nghiên cứu A-E một-một, cũng như không cố định trong năm giai đoạn; khía cạnh vốn đề cập đến R24 để giải thích các nguyên tắc quản lý tài sản và chiến lược hoạt động dài hạn, không cấu thành một kế hoạch thực hiện cụ thể.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Năm hướng nghiên cứu học thuật A-E chi phối toàn bộ quá trình; học thuật, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh và vốn là năm khía cạnh hoạt động, không tương ứng với các hướng nghiên cứu riêng lẻ, cũng không phải là năm bước cố định. Xây dựng một cách học thuật các lý thuyết, mô hình, phương pháp và thiết kế hệ thống để hướng dẫn thực hành tổng thể ở mọi khía cạnh và chấp nhận phản hồi từ các quy trình, kết quả và phản ví dụ thực tế. Cộng đồng là điểm khởi đầu để các bên liên quan thiết lập bản sắc cơ bản đầu tiên của họ và các vai trò đồng xây dựng tiếp theo. Nó có thể đảm nhận vai trò của các nhà nghiên cứu, khách hàng, nhà cung cấp, nhân viên, đối tác, nhà đầu tư, v.v. và duy trì liên lạc, phí thành viên và phí thành viên, đồng xây dựng và hợp tác lâu dài; danh tính không có nghĩa là thanh toán thống nhất, việc làm hoặc quyền đầu tư. Thứ nguyên Nguồn lực tập hợp các kết nối xã hội và nguồn lực tổ chức để khám phá, kết nối,

kết hợp và tổ chức sự hợp tác thông qua các ngành nghề, công việc, khả năng và mối quan hệ của các nhân vật và tổ chức; các nhân vật và tổ chức duy trì tính chủ quan độc lập, xác nhận sự tham gia và việc sử dụng nguồn lực thực tế dựa trên sự sẵn lòng và ủy quyền, và sự tham gia của công chúng không có nghĩa là tham gia, ủy quyền hoặc cung cấp thực tế. Các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giải pháp được cá nhân hóa cho thế giới bên ngoài để kiếm lợi nhuận. WISERUNION tập hợp nhiều nhà cung cấp, quốc gia và khu vực, chẩn đoán và lập kế hoạch phân phối kết hợp theo nhu cầu, đồng thời hiện thực hóa giá trị khách hàng và lợi nhuận doanh thu. Vốn bao gồm vốn công nghiệp, vốn tài chính, vốn giá trị và đầu tư, tài trợ, kiểm soát, hoàn vốn và tái đầu tư. Nó mua lại, tích hợp và khai thác các nguồn tài nguyên chất lượng cao thông qua vận hành vốn và phân bổ nguồn lực để phục vụ các hoạt động lâu dài; R24 chỉ là lời giải thích về các nguyên tắc và logic của việc quản lý tài sản bốn vốn dài hạn chứ không phải là một công cụ, giao dịch hay kế hoạch thực hiện cụ thể; vốn giá trị là khái niệm làm việc hiện có của tác giả và không bổ sung thêm các loại tài sản pháp lý hoặc kế toán mới. Năm chiều có thể được cộng tác chéo. Hoạt động thực tế, năng lực, tiền mặt, quyền và kết quả hợp tác được ghi nhận riêng. Những sai sót, tranh chấp, không có thay đổi, gián đoạn nào được giữ lại. Công ty Zero và các thực thể bên ngoài được sở hữu riêng. Kết quả hoạt động được đánh giá riêng biệt theo doanh thu, chi phí, lợi nhuận, tiền mặt và thành viên, nguồn lực phù hợp, phân phối và hoàn vốn; bằng chứng nghiên cứu khoa học so sánh độc lập các kỳ vọng, sự kiện, chi phí và các giải thích thay thế để hỗ trợ, xác định hoặc từ chối các tuyên bố, tiếp tục, điều chỉnh hoặc dừng dựa trên các điều kiện và sửa đổi nghiên cứu, phương pháp và hệ thống để hướng dẫn vòng thực hành tiếp theo. Doanh thu, định giá hoặc kết quả hoạt động không trực tiếp chứng minh một lý thuyết.

Kích thước hoạt động	nhiệm vụ thực tế	Các kết quả và quan sát chính	Cam kết nghiên cứu
học thuật	Xác định các hướng nghiên cứu và tiến hành nghiên cứu về lý thuyết, mô hình, phương pháp và thiết kế hệ thống; biến chúng thành thực tiễn thông qua giáo dục và ứng dụng, đồng thời tiếp thu phản hồi từ việc sử dụng và vận hành	Các câu hỏi cụ thể, so sánh lý thuyết, tuyên bố đóng góp, thiết kế và phiên bản, bằng chứng, phản ví dụ và sửa đổi	Tọa độ A-E và mười lăm đường chính
cộng đồng	Là bản sắc tham gia cơ bản đầu tiên và là điểm khởi đầu cho sự tham gia tiếp theo trong vai trò cùng xây dựng của tất cả các bên liên quan; giao tiếp tổ chức, thành viên và tính phí thành viên, đồng xây dựng và các mối quan hệ lâu dài	Gia nhập và tham gia, thay đổi danh tính và vai trò, dịch vụ thành viên, nhiệm vụ, đóng góp, quyền và trách nhiệm và tiếp tục hợp tác	Bản sắc, sự quản trị và hợp tác của E là cốt lõi, kết nối B, C và D
Tài nguyên	Thu thập các kết nối xã hội và nguồn lực tổ chức; tiếp tục khám phá, kết nối, kết hợp và tổ chức hợp tác thông qua các ngành nghề, công việc, khả năng và mối quan hệ của con người và tổ chức	Thông tin và nguồn, sự sẵn lòng liên hệ, sự tham gia thực tế, phạm vi ủy quyền, khả năng kêu gọi, nguồn cung cấp tài nguyên và chất lượng hợp tác	A3, B1, B3, C, D1, E3 được chấp nhận theo các vấn đề chính

Kích thước hoạt động	nhiệm vụ thực tế	Các kết quả và quan sát chính	Cam kết nghiên cứu
kinh doanh	Cung cấp sản phẩm, dịch vụ chuyên nghiệp và giải pháp cá nhân hóa cho thế giới bên ngoài để đạt được lợi nhuận; tổng hợp, lập kế hoạch, kết hợp, phân phối và hỗ trợ thông qua WISERUNION	Việc sử dụng và thanh toán của khách hàng, doanh thu, tổng chi phí, lợi nhuận, tiền mặt, chất lượng và tái sử dụng công suất	C là cốt lõi của giá trị và thu nhập, kết nối A, B, D và E
vốn	Tổ chức nghiên cứu và vận hành liên quan đến vốn công nghiệp, vốn tài chính, vốn giá trị; tiếp tục có được nguồn lực chất lượng cao với sự trợ giúp của hoạt động vốn và các công cụ tài chính, đồng thời giải thích việc quản lý tài sản và phát triển dài hạn theo logic của bốn thủ đô	Mối liên hệ giữa vốn và hoạt động, cơ sở nguồn lực, rủi ro lợi nhuận, lợi nhuận vốn và đầu tư tiếp tục	D1-D3 là lõi, nối B, C và E

Cộng đồng: bản sắc cơ bản và sự đồng xây dựng tiếp theo

Trong thiết kế bản sắc có sự tham gia của Company Zero, cộng đồng là bản sắc cơ bản chung của các bên liên quan khác nhau và cũng là điểm khởi đầu để tham gia sâu hơn vào quá trình đồng xây dựng. Trong công việc thực tế, các nhà nghiên cứu, khách hàng, nhà cung cấp, nhân viên, đối tác, nhà đầu tư, biên tập viên và các vai trò khác có thể được xếp chồng lên nhau; cùng một chủ đề có thể có nhiều vai trò.

Sự tham gia cơ bản của cộng đồng, tư cách thành viên trả phí, vị trí và nhiệm vụ cụ thể, giao dịch hoặc mối quan hệ đầu tư đều được ghi nhận riêng. Cộng đồng sẽ không giảm phí thành viên; danh tính và quyền theo hợp đồng của khách hàng, nhân viên, nhà cung cấp và nhà đầu tư hiện tại sẽ tiếp tục được xác nhận trên cơ sở độc lập của riêng họ. Xem lối vào công cộng có liên quan WISERUNION tham gia đồng xây dựng。[70]

Nguồn lực: Con người, Thể chế và Kết nối liên tục

Kết nối xã hội và nguồn lực tổ chức vượt qua cột người và Trung tâm Nguồn lực Con người và Thể chế Tập hợp lại với nhau, khám phá lẫn nhau về chuyên môn, công việc, khả năng và các mối quan hệ dựa trên bằng chứng, thiết lập các kết nối liên tục và sau đó tổ chức cung, cầu và hợp tác theo mong muốn thực tế. [68, 69]

Việc tham gia công khai, thiết lập liên hệ, đồng ý tham gia, ủy quyền hợp tác, có thể thực sự gọi điện và hoàn thành việc cung cấp phải được đăng ký riêng. Cộng đồng cung cấp một bản sắc chung và điểm khởi đầu cho sự tham gia, đồng thời công việc tìm nguồn lực tiếp tục kết nối những người và tổ chức cụ thể để làm rõ cách thức hợp tác có thể được thực hiện; doanh nghiệp tổ chức các khả năng thích hợp để hoàn thành việc giao hàng và sau đó vốn sẽ hỗ trợ việc mua lại và khai thác các nguồn tài nguyên.

Chuyển đổi nghiên cứu khoa học, giáo dục và ứng dụng thực tiễn

Nghiên cứu khoa học đặt ra các câu hỏi và hình thành các lý thuyết, phương pháp và quy tắc; giáo dục sau đó giải thích rõ ràng các kết quả phù hợp để mọi người có thể hiểu, học hỏi và sử dụng. Những nội dung này có thể được sử dụng trực tiếp cho việc học tập, thực hành hoặc có thể phát triển sâu hơn thành các công cụ tri

thức, sản phẩm, dịch vụ theo nhu cầu nhiệm vụ. Đối với các bộ phận phù hợp với nguồn cung cấp bên ngoài, việc bố trí sử dụng, bảo trì và trách nhiệm sẽ được xác định rõ ràng để hình thành nguồn cung thực tế.

Hình R22 · Chuyển đổi nghiên cứu khoa học, giáo dục và ứng dụng thực tiễn



Kết quả nghiên cứu được chuyển thành nội dung dễ hiểu, dễ học và kiến thức hay công cụ, sản phẩm, dịch vụ được hình thành theo yêu cầu. Sau khi Company Zero hoặc khách hàng sử dụng thực tế, các vấn đề, kinh nghiệm và bằng chứng sẽ được đưa về để nghiên cứu và sửa đổi nội dung. Giáo dục được thực hiện chung bởi năm khía cạnh hiện có.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Các câu hỏi, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu làm rõ cơ sở so sánh và các điều kiện áp dụng, đồng thời hình thành nội dung dễ hiểu, có thể học được và sử dụng được. Nội dung kiến thức có thể được sử dụng trực tiếp vào học tập và thực hành; dựa trên nhu cầu cụ thể, nó cũng có thể được hình thành thành công cụ tri thức, sản phẩm hoặc dịch vụ mà không yêu cầu mỗi nghiên cứu phải được thương mại hóa. Company Zero hoặc khách hàng thực sự sử dụng nó theo nhiệm vụ, phiên bản và điều kiện rõ ràng, đồng thời ghi lại các tác động, chi phí, sai lệch và việc không sử dụng. Các vấn đề, kinh nghiệm, bằng chứng và phản ví dụ được xem xét, đưa vào nghiên cứu, sửa đổi nội dung và được tiếp tục, điều chỉnh, đình chỉ hoặc dừng tùy theo điều kiện; nghiên cứu phản hồi sửa đổi cũng được phản hồi về nội dung học tập và cách sắp xếp công cụ. Nội dung và phương pháp đào tạo học thuật, tổ chức học tập, trao đổi và hợp tác xây dựng cộng đồng, các nguồn lực kết nối con người, thể chế và năng lực thực tế, tổ chức kinh doanh cung cấp và phân phối sản phẩm và dịch vụ theo yêu cầu, hỗ trợ vốn để đầu tư bền vững có bằng chứng; năm chiều được cùng thực hiện theo

yêu cầu, không phải năm giai đoạn chuyển đổi và giáo dục không bổ sung thêm chiều thứ sáu. Số lượng khóa học, bài đọc hoặc phổ biến chỉ phản ánh các hoạt động và không thể tự mình chứng minh sự thành công của ứng dụng; kết quả sử dụng và vận hành vẫn cần được nghiên cứu, xem xét lại.

Công ty Zero hoặc khách hàng sử dụng trong thế giới thực, đưa các vấn đề, kinh nghiệm, thành kiến và bằng chứng cụ thể trở lại nghiên cứu. Đánh giá không chỉ xem xét nội dung có được hiểu hay không và liệu nó có thể được sử dụng trong các nhiệm vụ thực tế sau khi học hay không, mà còn xem xét hiệu quả sử dụng, chi phí, hạn chế và lý do không sử dụng, sau đó sửa đổi phần giải thích nghiên cứu, nội dung học tập, công cụ và vật tư. Kết quả của chương trình giảng dạy, hoạt động đọc và giao tiếp được ghi lại, sự hiểu biết, ứng dụng thực tế và hiệu quả lần lượt được quan sát và nghiên cứu được phản hồi bằng các bằng chứng tương ứng.

Sự chuyển đổi này được thực hiện chung bởi năm khía cạnh hiện có theo yêu cầu: lý thuyết, phương pháp và nội dung đào tạo học thuật, học tập, trao đổi và hợp tác xây dựng tổ chức cộng đồng, các nguồn lực kết nối con người, thể chế và năng lực thực tế, việc cung cấp và phân phối các sản phẩm và dịch vụ phù hợp của tổ chức thương mại, và hỗ trợ vốn để đầu tư liên tục có bằng chứng. Giáo dục được cùng thực hiện như một công việc chuyển đổi giữa năm chiều và năm chiều có thể song song, giao nhau và lặp lại.

Sự chuyển đổi này tiếp tục khái niệm hiện có của Company Zero về “phản hồi nghiên cứu khoa học-ứng dụng-thực tiễn”. [31]

Kết nối công việc đa chiều giữa các dự án

Năm nhóm công việc trong bài viết cũ tiếp tục được sử dụng để kết nối các dự án cụ thể, mô tả những gì được nhận, những gì được làm, ai được giao và cách điều chỉnh sau khi nhận được phản hồi. Chúng không phải là những hướng nghiên cứu mới, những quy mô hoạt động hay những bộ phận cố định cũng như không được phân chia theo địa điểm. Cùng một dự án có thể liên quan đến nhiều nhóm công việc cùng một lúc, vai trò và trách nhiệm thực tế được xác nhận theo các thỏa thuận cụ thể.

kết nối làm việc	đầu vào	đầu ra chính	Bàn giao và phản hồi	Năm chiều liên quan
Nghiên cứu và Giáo dục	Câu hỏi nghiên cứu, phương pháp lý thuyết, vấn đề thực tiễn và bằng chứng hiện có	Nghiên cứu, tìm hiểu nội dung với nguồn, phiên bản và điều kiện áp dụng; các phương pháp hoặc công cụ có sẵn được phát triển khi cần thiết	Giải thích mục đích cho người học, người đồng xây dựng và dự án sử dụng; trả lại những rào cản cho sự hiểu biết, kết quả sử dụng và các phản ví dụ cho nghiên cứu và sửa đổi	Đào tạo học thuật và sửa đổi nội dung, học tập cộng đồng và hợp tác xây dựng; nguồn lực, kinh doanh và ứng dụng hỗ trợ vốn theo nhu cầu thực tế
Giải pháp dịch vụ sản phẩm	Mục tiêu và điều kiện của khách hàng, chẩn đoán nhu cầu, phương pháp nghiên cứu và cung cấp sẵn có	Sản phẩm, dịch vụ và giải pháp được cá nhân hóa với nhà cung cấp và trách nhiệm rõ ràng	WISERUNION tổng hợp nguồn cung cấp từ nhiều nhà cung cấp, đa quốc gia và khu vực; trách nhiệm lập kế hoạch, ký hợp đồng, giao hàng và hỗ trợ được làm rõ theo dự án; phản hồi được sử dụng để trả lại nguồn cung cấp và nghiên cứu	Tổ chức kinh doanh cung cấp, khả năng kết nối nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng; hỗ trợ học tập và vốn theo yêu cầu

kết nối làm việc	đầu vào	đầu ra chính	Bàn giao và phản hồi	Năm chiều liên quan
Trung tâm tài nguyên và sự tham gia đồng xây dựng	Thông tin cá nhân và tổ chức, chuyên ngành và công việc, nhu cầu thực tế, mức độ sẵn sàng tham gia và ủy quyền	Hồ sơ có thể xác minh được về các kết nối, sự phù hợp về năng lực, vai trò tham gia và sự hợp tác thực tế	Phân biệt giữa bao gồm, liên hệ, sẵn sàng tham gia, cung cấp thực tế và giao hàng hoàn thành; phản hồi về các dự án có liên quan dựa trên độ lệch phù hợp, chất lượng phân phối và đóng góp	Các nguồn lực và cộng đồng kết nối mọi người, các tổ chức và vai trò tham gia; hợp tác kinh doanh, học thuật và vốn theo dự án
Phần mềm NST và quản trị chia sẻ	Yêu cầu quản trị, quy tắc hiệu quả, quyền vai trò, hồ sơ quy trình và các vấn đề sử dụng	Các phương pháp, quy tắc và phiên bản phần mềm được thử nghiệm qua quá trình sử dụng thực tế cũng như các vấn đề cần sửa đổi	Cơ quan có thẩm quyền xây dựng, thay đổi các quy định, phần mềm hỗ trợ thực hiện, ghi chép trong phạm vi ủy quyền; đầu tiên nó phục vụ Công ty Zero để sử dụng cho riêng mình, sau đó đánh giá các bộ phận có thể được giao độc lập dựa trên việc kiểm tra thực tế; đóng góp, quyền và hiệu suất được xác nhận riêng	Giới học thuật, cộng đồng và các nguồn lực cùng tham gia vào việc thiết kế và sử dụng; thực hiện kinh doanh và vốn theo nhu cầu cung cấp, bảo trì và đầu tư thực tế
Nghiên cứu đầu tư, đầu tư, cấp vốn và sau đầu tư	Yêu cầu về hoạt động và nguồn lực, tài liệu nghiên cứu, điều kiện đầu vào và kết quả hiện có	Lựa chọn đầu tư có cơ sở, trách nhiệm chủ thể rõ ràng và hồ sơ theo dõi liên tục	Cơ sở, điều kiện, trách nhiệm lựa chọn sẽ được giao cho người ra quyết định và thực hiện trên thực tế; các thỏa thuận tiếp theo sẽ được phản hồi bằng các kết quả, rủi ro và trạng thái hoạt động thực tế, đồng thời bốn thủ đô sẽ duy trì logic nguyên tắc của các chiến lược vận hành và quản lý tài sản dài hạn.	Chủ yếu là vốn, kết nối nghiên cứu học thuật, khả năng nguồn lực, hoạt động kinh doanh và sự tham gia của cộng đồng; các mối quan hệ cụ thể được xác nhận riêng biệt

Năm chiều hỗ trợ lẫn nhau như thế nào

Thành tích học thuật giúp chẩn đoán vấn đề, lập kế hoạch giải pháp và lựa chọn hệ thống thông qua giáo dục, công cụ và ứng dụng thực tế; tham gia tổ chức cộng đồng, trao đổi học hỏi và hợp tác xây dựng; công việc nguồn lực kết nối các mối liên hệ, thể chế và khả năng thực tế; doanh nghiệp hiện thực hóa giá trị và lợi nhuận của khách hàng; vốn tổ chức đầu tư, quyền, rủi ro và phân bổ tiếp theo, đồng thời cũng có thể tiếp tục có được nguồn lực chất lượng cao thông qua các công cụ áp dụng. Sau đó, các vấn đề mới và kết quả thực tế phát sinh trong hoạt động sẽ được sử dụng để so sánh học thuật, xem xét bằng chứng và sửa đổi thành tích.

WISERUNION hợp nhất các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp của các nhà cung cấp khác nhau để kết nối cung và cầu. Mỗi trang web và công cụ có thể được sử dụng như một lối vào khác nhau và các hoạt động năm chiều

không bị phân chia theo trang web.

Ba loại tầm cỡ công việc trong chiều hướng vốn

Tầm cỡ vốn được tác giả thông qua	Cơ hội việc làm tại công ty Zero	Kết nối được kiểm tra liên tục
vốn công nghiệp	Tổ chức đầu tư, hợp tác kinh doanh, phân bổ tài sản và tích hợp ngành có thể áp dụng xung quanh các ngành, doanh nghiệp, dự án và năng lực thực tế	Đầu tư đi vào các nguồn lực, hoạt động kinh doanh và năng lực như thế nào, sự hợp tác diễn ra như thế nào và ai chịu đầu tư và thu được lợi nhuận
vốn tài chính	Kết nối nguồn cung vốn, cơ cấu tài chính và thị trường tài chính, đồng thời so sánh IPO, các công cụ áp dụng sau niêm yết, STO và các lộ trình giao dịch tài trợ khác theo đơn vị và điều kiện thị trường	Cách tài trợ và các điều khoản thay đổi việc mua lại nguồn lực, chi phí, thời hạn, kiểm soát, rủi ro, tính thanh khoản và điều kiện tái đầu tư
giá trị vốn	Với tiêu đề hoạt động là "Vốn của các bên liên quan", chúng tôi phân tích nền tảng giá trị lâu dài và các điều kiện kết nối vốn của nó, đồng thời làm rõ nội hàm, chỉ số và ranh giới trong nghiên cứu cụ thể. [03]	Các nguồn lực, năng lực, tài sản và quan hệ đối tác hỗ trợ giá trị bền vững như thế nào, nguồn vốn được kết nối như thế nào cũng như cách thức hiện thực hóa các lợi ích và quyền lợi

Năng lực hoạt động của ba loại vốn có thể chồng chéo lên nhau; Bốn loại vốn được hiểu là khuôn khổ logic để quản lý tài sản dài hạn và hai nhóm phân loại này không được cộng lại với nhau. “Vốn giá trị” tiếp tục được sử dụng theo khái niệm nghiên cứu của tác giả và không thêm loại tài sản pháp lý hoặc kế toán nào.

Kiểm tra lẫn nhau về hoạt động nghiên cứu khoa học

Kết quả nghiên cứu khoa học đi vào thực tế đưa ra quyết định, quy chế tổ chức và phân phối; tác động nhận thức và công việc của AI cũng như tác động kỹ thuật thể chế của blockchain được lựa chọn theo các vấn đề và được thử nghiệm riêng biệt. Sự sắp xếp cụ thể vẫn giữ nguyên cơ sở nghiên cứu, điều kiện áp dụng, phiên bản triển khai và lý do điều chỉnh cũng như hoạt động thực tế có thể hỗ trợ, hạn chế hoặc phủ nhận cách giải thích ban đầu.

Các sản phẩm học thuật, sự tham gia của cộng đồng, nguồn lực cá nhân và tổ chức, thu nhập kinh doanh và lợi nhuận vốn được đánh giá riêng biệt và liên quan đến cùng một sự kiện thực tế. Phí thành viên, thu nhập kinh doanh, đầu tư vốn, thu nhập tài chính, định giá và lợi nhuận thực tế vẫn tách biệt; Bản thân sự tăng trưởng, hòa nhập hoặc khởi động hệ thống không chỉ chứng minh được cơ chế lý thuyết.

Trạm tri thức cá nhân Zhixing: Thực hành tổ chức tri thức trực tuyến

yutengfei.com đã được ra mắt như một trạm kiến thức cá nhân để tổ chức nghiên cứu, tác phẩm, kỹ năng, nguồn và phiên bản. Công việc xây dựng website, dịch thuật và cơ sở tri thức cung cấp các công việc phân công, bàn giao, nghiệm thu, hiệu chỉnh và tái sử dụng tài liệu; Hiệu quả liên tục và chuyển giao giữa người với người của chúng cũng được kiểm tra theo thiết kế nghiên cứu. [27]

Ten Billion Maple: Thành tựu trong giai đoạn xây dựng thương hiệu và truyền thông

Các trường hợp công khai bao gồm chiến lược và thể hiện thương hiệu, VIS, khái niệm SI cửa hàng, trang web chính thức kỹ thuật số và các công trình truyền thông. Mối quan hệ giữa chiến lược và phân phối, phiên bản và bảo trì có thể được quan sát; Các khái niệm SI và thực tế xây dựng, hiệu quả truyền thông và vận hành được ghi lại riêng biệt. [26]

Trạng thái	có thể được nêu tương ứng
Mô hình và thiết kế nghiên cứu	Các khái niệm, cơ chế, phương pháp hoặc chủ đề được thử nghiệm được đề xuất.
Tài liệu và mẫu công cộng	Một tạo phẩm tài liệu, công cụ hoặc phương pháp có thể xem được đã hoàn thành.
Thực tế triển khai và nghiệm thu	Một công việc được thỏa thuận nhất định đã được thực hiện và có biên bản thực hiện, sửa đổi hoặc nghiệm thu.
Bằng chứng về việc sử dụng và kết quả	Các kết quả thực sự được sử dụng và những thay đổi được quan sát trong một khoảng thời gian giới hạn.
Bằng chứng so sánh và bền vững	Hỗ trợ giải thích thông qua so sánh rõ ràng, đánh giá và quan sát theo dõi.

> Các trường hợp bên ngoài và hoạt động kinh doanh của đối tác được ghi lại trên các đơn vị riêng của họ và không được đưa vào các cột mốc thăng tiến hoặc hiệu suất của Company Zero. Việc thu thập dữ liệu, giới thiệu mối quan hệ và tiết lộ kế hoạch đều giữ nguyên ranh giới thực tế của chúng.

Những quan sát chính theo mô hình mới

Trong hoạt động thực tế của năm khía cạnh học thuật, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh và vốn, Company Zero quan sát sự hình thành chỉ đạo và lý thuyết, vai trò nhận dạng và đồng xây dựng, sự kết nối của con người và tổ chức với các nguồn lực, hoạt động tổ chức và duy trì năng lực, giá trị khách hàng, vốn và hoạt động dài hạn cũng như các mối quan hệ liên quan đến tài khoản dài hạn. Lộ trình vận hành vốn, chức năng tài khoản và sắp xếp thể chế được phân biệt theo tình trạng lập kế hoạch, thiết kế, thí điểm, thực hiện và kết quả; hoạt động kinh doanh chưa xảy ra không được coi là hoàn thành dựa trên tên của kế hoạch.

Kết quả nghiên cứu và đánh giá thực tế

Mức độ kết quả	Sản phẩm chính và đánh giá
Kết quả nghiên cứu	Các khái niệm và ranh giới, thiết kế so sánh, bằng chứng cơ học, luận án và các trường hợp theo chiều dọc; cũng báo cáo những phát hiện không hỗ trợ những phát hiện dự kiến.
Kết quả phương pháp	SOP bốn chiều, thẻ nghiên cứu, sổ cái bằng chứng, đánh giá đóng góp, so sánh vốn và tiêu chí chấp nhận; ghi lại các điều kiện áp dụng và cơ sở sửa đổi.

Mức độ kết quả	Sản phẩm chính và đánh giá
Thành tựu kiến thức	Bản thảo, think tank, tài nguyên văn học và thuật ngữ, kỹ năng và tài liệu đào tạo; duy trì nguồn, phiên bản và khả năng trích dẫn.
Kết quả sản phẩm, dịch vụ và giải pháp	Dựa trên chẩn đoán và lập kế hoạch nhu cầu, kết hợp các sản phẩm và dịch vụ để tạo thành các giải pháp được cá nhân hóa và giao hàng theo thỏa thuận; đánh giá kết quả chấp nhận, sử dụng, bảo trì và theo dõi tương ứng.
Kết quả hoạt động của Company Zero	Việc sửa đổi lý thuyết và thực tiễn của định hướng học tập; bản sắc cơ bản, tư cách thành viên và sự đồng xây dựng của cộng đồng; sự kết nối và hợp tác thực tế của các nguồn lực, con người và tổ chức; thu lợi nhuận từ sản phẩm, dịch vụ, giải pháp thương mại; ba loại công việc vốn và sự hỗ trợ của nó cho hoạt động lâu dài, thu thập nguồn lực và đầu tư liên tục.
Thực tiễn phản hồi lại kết quả nghiên cứu khoa học	Kết nối kỳ vọng, kết quả thực tế, sai lệch, thất bại và thay đổi điều kiện trong hoạt động năm chiều với các đề xuất nghiên cứu cụ thể để hình thành các bản sửa đổi lý thuyết, phương pháp, hệ thống và giải pháp.

tuyên bố nghiên cứu

Nghiên cứu này lấy quản lý chiến lược làm cơ sở học thuật chính và đề xuất cấp cao hơn của nó là:**Sự thích ứng của doanh nghiệp và sự khác biệt trong thay đổi công nghệ.** Tên chung vẫn là "Nghiên cứu về năng lực doanh nghiệp và quản trị vốn trong sự thay đổi của công nghệ thông minh". Các câu hỏi cốt lõi là:

> Trước biến đổi công nghệ, doanh nghiệp điều chỉnh mô hình kinh doanh, cách tổ chức và cơ chế vốn như thế nào để xây dựng và đổi mới năng lực, đồng thời tạo ra và thu nhận giá trị? Vì sao các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tương tự lại có kết quả kinh doanh dài hạn và lộ trình phát triển khác nhau?

Năm hướng và mười lăm tuyến chính cùng nhau tổ chức nghiên cứu về mô hình kinh doanh, phương pháp tổ chức, tích lũy năng lực, tạo và mua lại giá trị, thu xếp vốn và quản trị hợp tác xã, đồng thời duy trì tên, mã số và cấp độ song song. AI là công nghệ nhận thức và làm việc, còn blockchain là công nghệ thể chế; các chủ đề cụ thể so sánh việc áp dụng, kết hợp, thay thế truyền thống và sự khác biệt về điều kiện, đồng thời theo dõi các kết quả hoạt động dài hạn và lộ trình phát triển khác nhau theo các công nghệ tương tự. Công nghệ mang lại khả năng. Khi giải thích việc áp dụng và kết quả, chúng ta cũng phải xem xét nhu cầu kinh doanh, sự cạnh tranh, tổ chức và sắp xếp vốn, không để lại sự thay đổi và thất bại.

Việc tích lũy vốn của các bên liên quan, quan hệ vốn dài hạn, tài khoản vốn dài hạn, NST, quản trị sinh thái và bốn nguồn vốn sẽ đi vào giải thích lý thuyết, phương pháp, sắp xếp quản trị và lộ trình thực tế cụ thể theo tính chất thực tế của chúng. Các vấn đề quan trọng trong việc duy trì mối quan hệ giữa các bên liên quan và nguồn vốn dài hạn là:

> Làm thế nào các bên liên quan có thể có được và tiếp tục nắm giữ các lợi ích liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp dựa trên sự lựa chọn tự nguyện và các quy định của thể chế, hình thành các mối quan hệ vốn lâu dài? Mối quan hệ này ảnh hưởng đến hình thức tổ chức, tích lũy năng lực, phân phối thu nhập và hợp tác liên tục như thế nào và nó được kế thừa, hiện thực hóa và tiếp tục thông qua hoạt động vốn như thế nào?

Con đường này chủ yếu nối E, D và so sánh các hệ quả B, C, A của nó chứ không phải là tiền đề chung cho tất cả các hướng. "Trong những điều kiện tổ chức và quản trị nào, kiến thức, năng lực chuyên môn, các mối quan hệ xã hội và quỹ có thể được phân tán thành năng lực và tài sản hoạt động mà doanh nghiệp có thể sử dụng bền vững? Lợi nhuận tương ứng có thể hỗ trợ đầu tư liên tục của người tham gia như thế nào?" tiếp tục là vấn đề hỗ trợ cho việc hình thành năng lực tổ chức và tài sản hoạt động. Hai đóng góp chính được đề xuất và bốn đóng góp hỗ trợ vẫn giữ nguyên trạng thái hiện tại và trạng thái bằng chứng, đồng thời mức tăng tương đối của chúng được thể hiện tương ứng. Điều này không làm cạn kiệt tất cả các nghiên cứu về đề cương chung, cũng như không giới hạn việc sử dụng bốn ứng cử viên hỗ trợ cho lộ trình các bên liên quan.

Mối quan tâm lâu dài là:**Các hình thức tổ chức của doanh nghiệp và các bên liên quan có thể phát triển như thế nào dưới những thay đổi về công nghệ thông minh và sắp xếp thể chế.** Đây là một câu hỏi nghiên cứu, đối tượng quan sát hiện nay vẫn là các doanh nghiệp và các mối quan hệ hợp tác cụ thể.

Nghiên cứu bắt đầu từ quản trị sinh thái hiện có, SOP bốn chiều, khả năng vận hành AI, cơ chế vốn và công nghệ thể chế. Company Zero thực hiện hoạt động tổng thể của tổ chức năm chiều gồm học thuật, cộng đồng, tài nguyên, kinh doanh và vốn: định hướng và hướng dẫn nghiên cứu lý thuyết, cộng đồng đảm nhận bản sắc cơ bản và đồng xây dựng của các bên liên quan, các nguồn lực thu thập các kết nối xã hội và nguồn lực tổ chức, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giải pháp cá nhân hóa để kiếm lợi nhuận, vốn tổ chức đầu tư, lợi nhuận và lưu thông bốn vốn và tiếp tục có được các nguồn lực chất lượng cao thông qua các hoạt động vốn và công cụ tài chính hiện hành. Các kết quả thực tế sau đó được phản hồi lại cho nghiên cứu khoa học. WISERUNION tổng hợp thống nhất các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp của các nhà cung cấp hiện tại và tiếp theo, tổ chức các kết hợp phù hợp và cá nhân hóa theo các vấn đề của khách hàng, quốc gia và khu vực, đồng thời làm rõ trách nhiệm của nền tảng và nhà cung cấp tương ứng. Các trường hợp khác được sử dụng để so sánh và xác định ranh giới. Tiến độ sẽ dựa trên các điều kiện, bằng chứng và kết quả theo từng giai đoạn và sẽ không có thời hạn cố định.

Đánh giá kết quả

Để đánh giá những đóng góp của nghiên cứu, chúng ta cần xem xét những giải thích, thiết kế, phương pháp hoặc phát hiện nào đã được thêm vào các nghiên cứu hiện tại, liệu sự so sánh có đáng tin cậy hay không và liệu mức độ cũng như ranh giới của các kết luận có rõ ràng hay không; hai trục xác minh tính nguyên gốc và hỗ trợ chứng cứ được ghi chép riêng biệt. Để đánh giá những đóng góp thiết thực, chúng ta cần xem liệu kết quả có thực sự được sử dụng hay không, liệu khả năng có thể được triển khai và duy trì liên tục trong những điều kiện rõ ràng hay không, liệu tiền mặt và rủi ro có thể chấp nhận được hay không và liệu hợp tác có thể tiếp tục như đã thỏa thuận hay không. Các kết luận tương ứng được cung cấp riêng cho sự tái phát giữa các cá nhân, sự di cư và sự phụ thuộc trong quan hệ. Hai loại đóng góp trước tiên sẽ được đánh giá riêng biệt và sau đó các mối liên hệ sẽ được giải thích.

> This outline is a research and practice plan. Các mô hình hiện tại, bản thảo thiết kế, tài liệu công cộng, trường hợp trực tuyến và giải pháp ứng viên đều giữ nguyên trạng thái tương ứng.

> **Hoạt động kiểm tra xem giá trị có thể được nhận ra hay không và nghiên cứu hỏi liệu lời giải thích có thể được thiết lập hay không.**

Attribution of original contributions

Lý thuyết, thiết kế, phương pháp và các sản phẩm thực nghiệm được phân loại tương ứng thành các yêu cầu đóng góp tương ứng, giữ nguyên cơ sở so sánh và trạng thái trục kép. Năm hướng và tuyến chính thứ mười lăm tiếp tục tổ chức và tích lũy, và danh mục, số lượng mô hình, việc áp dụng công nghệ hoặc quy mô kinh doanh không thể được sử dụng để thay thế sự gia tăng học thuật. Về đóng góp chính và đóng góp hỗ trợ, xem Định vị và kiểm tra các đóng góp ban đầu。

The results of operational connections

Nghiên cứu khoa học và chuyển đổi giáo dục giữ lại cơ sở nghiên cứu, nội dung có thể học được và phản hồi sử dụng thực tế; NST giữ lại các quy tắc, phần mềm, trạng thái sử dụng nội bộ, bảo trì và phân phối độc lập để tự sử dụng và sản xuất; giá trị chấp nhận và đánh giá đóng góp giữ lại bằng chứng, kết luận và phản đối tương ứng; hoàn thiện các ví dụ thực tế tích hợp phân phối, thu chi, quyền lợi và xét duyệt như cùng một dự án.

Các sản phẩm trên được đưa vào hướng nghiên cứu đã được thiết lập, hệ thống đánh giá thành tích và vận hành năm chiều, đồng thời giải thích riêng về nghiên cứu, học tập, ứng dụng, phân phối và tác dụng thực tế. Sau đó tiếp tục sửa đổi phương pháp, phần mềm và nghiên cứu dựa trên phản hồi thực tế.

Điều hướng Phụ lục

Các tài liệu sau đây được giữ lại toàn bộ và có sẵn để xem xét theo câu hỏi:

Kiểm tra nhu cầu	lối vào
Hình ảnh, tập tin nguồn và mô tả văn bản hoàn chỉnh	Danh mục hình ảnh · Update image equivalent text
Lĩnh vực học thuật và tích lũy nghiên cứu hiện có	Ánh xạ AOM/SMS · mô hình sinh thái · Bản thảo và giấy tờ · Existing methods take over
Phân tích vốn và nguyên tắc hoạt động dài hạn	Phân tích chung về ngôn ngữ và bốn thủ đô
Nền tảng, sản phẩm, dịch vụ và giải pháp	nền tảng tổng hợp · Sản phẩm · dịch vụ · mối quan hệ cung cấp · chương trình vốn · Kế hoạch kinh doanh kỹ thuật số
Thực hành tiến bộ và xử lý tài liệu	Điều kiện nâng cao · Chỉ số nghiên cứu và ví dụ nội bộ

Danh mục doanh nghiệp được sử dụng để kiểm tra các nguồn cung cấp tùy chọn và cam kết nghiên cứu, đồng thời các nguồn cung cấp cụ thể được dự án xác nhận. Phiên bản quy trình được đọc theo điểm giới hạn quan sát của chính nó và các hình ảnh mới được thêm tiếp theo sẽ không được ghi lại dưới dạng các mục đã hoàn thành của phiên bản lịch sử.

Tài liệu đọc minh họa và có thể chỉnh sửa

Các số bản vẽ là R01-R29 theo thứ tự hiển thị của các khối. R01 trình bày mô hình giải thích chung về công nghệ, tổ chức, năng lực, vốn và quản trị hợp tác, còn R02 trình bày các đề xuất cấp cao hơn, các vấn đề chung và năm dòng chính theo năm hướng. Bản đồ định hướng, bản đồ đóng góp cụ thể và bản đồ thực tiễn được xây dựng ở cấp độ tương ứng và bản đồ tương quan các bên liên quan giải thích các lộ trình lý thuyết và thực tiễn.

Mỗi hình ảnh cung cấp Draw.io, SVG và PNG có thể chỉnh sửa gốc.So sánh danh mục hình và số nhân vật lịch sử Bạn có thể kiểm tra số bản vẽ gốc. R29 tóm tắt các điều kiện thu thập bằng chứng cho từng chủ đề trong số ba chủ đề hàng đầu.

Số bản vẽ	Tên	văn bản
R01	Mô hình giải thích chung	Xem hình minh họa
R02	Năm hướng và mười lăm tuyến nghiên cứu	Xem hình minh họa
R03	A. Áp dụng công nghệ thông minh và tái cơ cấu tổ chức	Xem hình minh họa
R04	B. Tích lũy và cập nhật năng lực của công ty	Xem hình minh họa
R05	C. Giá trị khách hàng, cạnh tranh thị trường và thu được doanh thu	Xem hình minh họa
R06	D. Đầu tư, tài trợ và phân bổ vốn	Xem hình minh họa
R07	E. Phân bổ quyền, khuyến khích và quản trị hợp tác	Xem hình minh họa
R08	Blockchain là công nghệ thể chế: Đánh giá chung về các quy tắc và việc thực hiện	Xem hình minh họa
R09	Đóng góp và bằng chứng ban đầu	Xem hình minh họa
R10	Đóng góp 1: Cơ chế hình thành và bền vững của các mối quan hệ vốn lâu dài	Xem hình minh họa
R11	Đóng góp 2: Thiết kế thể chế tài khoản vốn dài hạn	Xem hình minh họa
R12	Đóng góp 3: Cơ chế tổ chức và thực thi ảnh hưởng như thế nào đến việc duy trì năng lực	Xem hình minh họa
R13	Đóng góp 4: Vai trò hai chiều của vận hành vốn và nâng cao năng lực	Xem hình minh họa
R14	Đóng góp 5: Phương pháp chấp nhận kép để cải thiện hoạt động kinh doanh và duy trì năng lực	Xem hình minh họa

Số bản vẽ	Tên	văn bản
R15	Đóng góp 6: Bằng chứng theo chiều dọc và ranh giới thất bại	Xem hình minh họa
R16	Cơ chế Công nghệ-Tổ chức-Năng lực	Xem hình minh họa
R17	Chấp nhận kép về cải tiến kinh doanh và duy trì năng lực	Xem hình minh họa
R18	Khả năng đầu tư và phản hồi vốn	Xem hình minh họa
R19	Tài khoản vốn dài hạn: hiệu suất thường xuyên so với phân cấp vốn chủ sở hữu	Xem hình minh họa
R20	Đánh giá sự chấp nhận giá trị của khách hàng và sự tham gia đóng góp	Xem hình minh họa
R21	Vòng khép kín hoạt động năm chiều và thực hành nghiên cứu khoa học của Company Zero	Xem hình minh họa
R22	Chuyển đổi nghiên cứu khoa học, giáo dục và ứng dụng thực tiễn	Xem hình minh họa
R23	Các chức năng và đường dẫn hoạt động vốn	Xem hình minh họa
R24	Logic bốn vốn trong chiến lược hoạt động dài hạn của Company Zero	Xem hình minh họa
R25	Nguồn cung tổng hợp WISERUNION	Xem hình minh họa
R26	Giải pháp cá nhân hóa	Xem hình minh họa
R27	Phương pháp và phần mềm quản trị NST: tự kiểm tra và sản xuất dần dần	Xem hình minh họa
R28	Ví dụ thực tế hoàn chỉnh: từ yêu cầu đến đánh giá	Xem hình minh họa
R29	Trình tự thu thập chứng cứ cho ba chủ đề trọng tâm	Xem hình minh họa

Các kết nối phân loại, quy trình nghiên cứu và cơ chế được thử nghiệm được giải thích theo chú thích của từng hình; danh mục hoàn chỉnh, tăng trưởng doanh thu, mua lại vốn hoặc áp dụng công nghệ không chỉ chứng minh tính hợp lệ của lý thuyết.

Phân loại AOM và thư từ nghiên cứu

định vị tổng thể

Nghiên cứu này lấy STR làm cơ sở học thuật chính, tập trung vào việc giao thoa với CTO, TIM, OMT và SIM, sau đó kết nối ODC, OB, MOC, HR và OSCM theo các vấn đề và cấp độ phân tích cụ thể. Tất cả các lĩnh vực này không được liệt kê là tài sản chính và cũng không được thêm vào hướng cấp một của nghiên cứu này.

Các tên tiếng Anh sau đây dựa trên mô tả phạm vi công cộng của AOM và tên tiếng Trung là bản dịch thống nhất của bản phác thảo này. Xem Danh mục khu vực nghiên cứu của AOM。

viết tắt	Tên tiếng Anh chính thức	Tên tiếng Trung	Nguồn
STR	Strategic Management	quản lý chiến lược	Mô tả miền chính thức
CTO	Communication, Digital Technology, and Organization	Truyền thông, Công nghệ số và Tổ chức	Mô tả miền chính thức
TIM	Technology and Innovation Management	Quản lý công nghệ và đổi mới	Mô tả miền chính thức
OMT	Organization and Management Theory	Lý thuyết tổ chức và quản lý	Mô tả miền chính thức
ODC	Organization Development and Change	Phát triển và thay đổi tổ chức	Mô tả miền chính thức
MOC	Managerial and Organizational Cognition	Người quản lý và nhận thức của tổ chức	Mô tả miền chính thức
OB	Organizational Behavior	hành vi tổ chức	Mô tả miền chính thức
HR	Human Resources	nguồn nhân lực	Mô tả miền chính thức
SIM	Social Issues in Management	Các vấn đề xã hội trong quản lý	Mô tả miền chính thức
OSCM	Operations and Supply Chain Management	Quản lý hoạt động và chuỗi cung ứng	Mô tả miền chính thức

Phân bố trường theo năm hướng

Hướng chính của nghiên cứu này	Miền AOM để kết nối tập trung	cửa khẩu hoặc biên giới lớn
A. Áp dụng công nghệ thông minh và tái cơ cấu tổ chức	CTO、TIM、ODC	STR、OMT、OB、OSCM
B. Tích lũy và cập nhật năng lực của công ty	STR、MOC、OB	OMT、TIM、HR
C. Giá trị khách hàng, cạnh tranh thị trường và thu được doanh thu	STR	OSCM、TIM、OMT、SIM
D. Đầu tư, tài trợ và phân bổ vốn	STR, định vị theo vấn đề chiến lược và tổ chức	TIM, OMT, SIM; tài chính doanh nghiệp và thị trường vốn là những ngành liền kề nhau
E. Phân bổ quyền, khuyến khích và quản trị hợp tác	OMT、SIM、STR	CTO、OB、HR、OSCM

Quyền sở hữu chính và điều kiện của mười lăm dòng chính

Sự ghi nhận chính là sự đánh giá định vị của bản phác thảo này. Một bài báo cụ thể được xếp vào lĩnh vực nào phụ thuộc vào vấn đề cốt lõi, cơ chế lý luận và mức độ phân tích; khi nó liên quan đến nhiều lĩnh vực, nó cũng phải giải thích vai trò của nó trong nghiên cứu.

đường chính liên tục	Quyền sở hữu chính được đề xuất	Các ngành xuyên suốt hoặc liền kề	điều kiện trao quyền
A1 Nhiệm vụ và thích ứng công nghệ	**CTO**	TIM、OSCM	Khi công nghệ số đi vào công việc tổ chức, CTO là người lãnh đạo chính; việc áp dụng đổi mới được liên kết với TIM, còn chất lượng và chi phí vận hành được liên kết với OSCM.
Quy trình A2 và sự hợp tác giữa con người và máy móc	**CTO**	ODC、OB、OSCM	Công việc và cộng tác kỹ thuật số bị chi phối bởi CTO; thay đổi tổ chức được kết nối với ODC, thiết kế công việc và nhóm được kết nối với OB và quy trình phân phối được kết nối với OSCM.
A3 Sự phụ thuộc vào công nghệ và ranh giới tổ chức	**STR**	OMT、CTO	Tác động của việc tự xây dựng, hợp tác bên ngoài và các ranh giới đối với chiến lược thuộc về STR; sự phụ thuộc của tổ chức thuộc về OMT và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số thuộc về CTO.
B1 Kết tủa kiến thức và chuyển đổi phản hồi	**MOC/STR (theo câu hỏi)**	OMT	Việc học tập, sự chú ý, diễn giải và trí nhớ thuộc về MOC; Phản hồi về các chương trình nghị sự chiến lược, lập ngân sách và cung cấp nguồn lực sẽ được chuyển tới STR; Các tổ chức và thói quen đi đến OMT.
B2 Học tập và thay đổi kỹ năng của con người-máy tính	**OB**	HR、MOC	Hành vi, nhóm và học tập của con người được kết nối với OB; phát triển kỹ năng và bố trí nhân sự được kết nối với bộ phận nhân sự và cơ chế phán đoán nhận thức được kết nối với MOC.
B3 Khả năng duy trì và chuyển giao năng lực	**STR**	MOC、TIM、HR	Khả năng liên tục và hiệu suất giao nhau STR; trí nhớ của tổ chức, đổi mới công nghệ và sự di chuyển của nhân sự đan xen nhau theo từng vấn đề.

đường chính liên tục	Quyền sở hữu chính được đề xuất	Các ngành xuyên suốt hoặc liền kề	điều kiện trao quyền
C1 Đáp ứng nhu cầu và đáp ứng thương mại	**STR (Vấn đề chiến lược)**	OSCM、TIM	Các mô hình kinh doanh và kết quả cạnh tranh được kết nối với STR; chất lượng giao hàng được kết nối với OSCM; thương mại hóa công nghệ được kết nối với TIM; các vấn đề thuần túy của người tiêu dùng được kết nối với Tiếp thị.
C2 Cạnh tranh và nắm bắt giá trị	**STR**	OMT、SIM	STR cạnh tranh, thương lượng và nắm bắt giá trị; thể chế thị trường và quyền lực được kết nối với OMT, trách nhiệm và sự công bằng của các bên liên quan được kết nối với SIM.
C3 Đo lường giá trị doanh nghiệp	**STR**	OSCM	Hiệu suất hoạt động và cạnh tranh chủ yếu dựa trên STR; chất lượng, hiệu quả hoạt động được kết nối với OSCM; khi chính phương thức đó tạo thành một đóng góp, nó sẽ được kết nối với trường phương thức.
D1 Đầu tư động và lựa chọn dự án	**STR**	TIM	Việc phân bổ, lựa chọn và điều chỉnh nguồn lực động chủ yếu dựa trên STR; đầu tư công nghệ và đổi mới được kết nối với TIM.
Phù hợp tài chính D2 và hạn chế về vốn	**STR (thư từ một phần)**	Các lĩnh vực lân cận như tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn và luật tài chính	Các điều kiện tài chính ảnh hưởng đến chiến lược và đầu tư năng lực khi kết nối với STR; giá phát hành thuần túy, cơ cấu chứng khoán và giám sát không thể được quy hoàn toàn cho AOM.
D3 Kiểm soát vốn, rủi ro và rút vốn	**STR**	OMT、SIM	Quản trị, kiểm soát và các hậu quả chiến lược của việc rút lui tiếp tục với STR; các thể chế và cơ cấu kiểm soát tiếp tục với OMT, và các vấn đề về trách nhiệm và quy định tiếp tục với SIM.

đường chính liên tục	Quyền sở hữu chính được đề xuất	Các ngành xuyên suốt hoặc liền kề	điều kiện trao quyền
E1 Kiến thức, dữ liệu và quyền ra quyết định	**OMT**	CTO、TIM、STR	Hệ thống tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu dựa trên OMT; quản trị kỹ thuật số, sở hữu trí tuệ và kiểm soát tài nguyên chiến lược giao nhau theo các vấn đề.
E2 Ghi nhận đóng góp và thu xếp thu nhập	**SIM**	OB、HR	Đóng góp đa bên, công bằng và trách nhiệm do SIM chi phối; sự công bằng, sự tin cậy và sự đóng góp tự nguyện được kết nối với OB và hệ thống lương thưởng cho nhân viên được kết nối với bộ phận nhân sự.
E3 Cam kết xuyên tổ chức và điều chỉnh hệ thống	**STR**	OSCM、OMT	Hậu quả chiến lược của cam kết và hợp tác giữa các tổ chức được kết nối với STR; Hiệu suất của Nhà cung cấp được kết nối với OSCM và Việc xây dựng và điều chỉnh quy tắc được kết nối với OMT.

ranh giới tiêu điểm

1. **B1 được định vị theo các vấn đề cốt lõi.** Việc học tập và ghi nhớ kiến thức của tổ chức, phản hồi trong chương trình nghị sự chiến lược và các quy tắc tổ chức tiếp nhận phản hồi được kết nối tương ứng với MOC, STR và OMT. Bài III ưu tiên các cuộc đối thoại với STR khi tập trung vào việc chuyển tải các hành động chiến lược.
2. **D2 giữ lại một phần sự tương ứng.** Các hậu quả về mặt chiến lược, tổ chức và quản trị của IPO, phương tiện chứng khoán sau niêm yết và STO được đưa vào AOM; Bản thân việc đưa ra giá, cấu trúc bảo mật và chế độ pháp lý của họ cũng đòi hỏi những nguyên tắc liền kề.
3. **Tài khoản vốn dài hạn được chia theo các câu hỏi nghiên cứu.** Vai trò và Quyền thuộc về OMT, Hệ thống kỹ thuật số thuộc về CTO, Đóng góp và Trách nhiệm thuộc về SIM, và Hậu quả chiến lược của việc hợp tác và phân bổ tài nguyên thuộc về STR.
4. **C1 Phân biệt giữa vấn đề chiến lược và tiếp thị.** Những diễn giải ở cấp độ doanh nghiệp về giá trị khách hàng và mô hình kinh doanh có thể được đưa vào STR; hành vi tiêu dùng thuần túy và các thước đo tiếp thị không thể gộp chung vào lĩnh vực này.
5. **Các công cụ nghiên cứu không tương đương với sự liên kết kỷ luật.** Việc phân loại không được xác định tự động bằng cách sử dụng blockchain, số liệu hoặc phương pháp thực nghiệm. Tính bền vững của sự hợp tác lâu dài cũng không phải là cơ sở để xác định sự đóng góp của nghiên cứu môi trường.

So sánh bổ sung với SMS

Phiên bản này chủ yếu đề cập đến AOM để xác định phân loại học thuật, sau đó tìm kiếm các nhóm nghiên cứu chiến lược có liên quan thông qua SMS. Mười lăm dòng chính vẫn không thay đổi. Xem Thư mục nhóm nghiên cứu SMS。

Định hướng cấp độ đầu tiên	Thư từ chính qua SMS	Điều kiện áp dụng
A	Knowledge and Innovation；Strategy Process；Corporate Strategy	Ứng dụng công nghệ và tri thức, thực hiện chiến lược, ranh giới doanh nghiệp và hợp tác bên ngoài
B	Knowledge and Innovation；Strategic Human Capital	Học tập và chuyển giao kiến thức trong tổ chức, tác động của kỹ năng và triển khai con người đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp
C	Competitive Strategy；Stakeholder Strategy	Thị trường sản phẩm và yếu tố, cạnh tranh và nắm bắt giá trị, và giá trị đa bên
D	Strategy Process；Strategic Leadership & Governance；Corporate Strategy	Quyết định đầu tư, nhà cung cấp vốn và quản trị; M&A, thoái vốn và phạm vi kinh doanh; các thành phần tài chính thuần túy vẫn yêu cầu các ngành liền kề
E	Stakeholder Strategy；Cooperative Strategies；Strategic Leadership & Governance	Quyền và giá trị của nhiều bên, cam kết và hợp tác xuyên tổ chức, giám sát và khuyến khích

Chiến lược công ty chủ yếu nghiên cứu phạm vi doanh nghiệp và danh mục đầu tư kinh doanh, không thể bao gồm tất cả các hoạt động tài chính; cộng đồng phương pháp nghiên cứu có thể cung cấp hỗ trợ về phương pháp, nhưng không thể xác định quyền sở hữu đối tượng của C3 dựa trên điều này.

Mô hình sinh thái và tích lũy tổng thể

Mô hình quản trị kỹ thuật số sinh thái của các bên liên quan và mô hình quản trị bốn hệ sinh thái được sử dụng để quan sát và thiết kế các mối quan hệ của người tham gia, các hoạt động có giá trị và sắp xếp quy tắc. Trong các chủ đề áp dụng, chúng có thể được sử dụng để phân tích cách các công ty tổ chức nguồn lực, thực hiện hoạt động và hợp tác trước những thay đổi về công nghệ, nhưng khuôn khổ này không bắt buộc đối với tất cả các chủ đề. [01–02]

Sinh thái tài nguyên

Nhân tài, kiến thức, công nghệ, nhà cung cấp và các nguồn lực khác của tổ chức

Sinh thái khách hàng

Nhu cầu, cách sử dụng, giao dịch, phản hồi và mối quan hệ khách hàng đang diễn ra

Sinh thái quản lý vận hành

Vai trò, nhiệm vụ, quy trình, bàn giao, thực hiện và cải tiến vận hành

vốn sinh thái

Đầu tư, vốn, quyền, rủi ro, lợi nhuận và tái đầu tư

sáu hệ thống giá trị

Giá trị cốt lõi, sản xuất giá trị, bán giá trị, vận hành và quản lý giá trị, thu nhập giá trị và khuếch đại giá trị. Nó được sử dụng để theo dõi giá trị mà doanh nghiệp ủng hộ, cách hình thành và hiện thực hóa giá trị, cách tổ chức thực hiện cũng như cách thu được lợi nhuận và hỗ trợ cho sự phát triển tiếp theo.

Bốn cấp độ cạnh tranh

Sản phẩm, nền tảng, tài chính, văn hóa. Khi các khía cạnh quan sát về vị trí cạnh tranh và mối quan hệ tổ chức, sản phẩm và dịch vụ, mạng lưới hợp tác, kết nối vốn và nhận thức chung được xem xét tương ứng. Vai trò của từng khía cạnh cần được kiểm tra dựa trên điều kiện của doanh nghiệp.

Ba loại vòng khép kín và cam kết nghiên cứu

Vòng quản lý khép kín xem xét công việc và kết quả; vòng đóng góp khép kín xem xét thực tế, xác nhận và áp dụng các quyền và lợi ích; vòng quản trị khép kín xem xét cách các vấn đề được quyết định, thực hiện và sửa đổi. Mô hình bốn hệ sinh thái có thể giúp các chủ đề áp dụng A-E xác định đối tượng và mối quan hệ. Nó không thiết lập các hướng nghiên cứu riêng biệt, cũng không yêu cầu mỗi hướng phải bắt đầu từ cùng một hệ sinh thái hoặc cách sắp xếp tài khoản.

> Mô hình này hiện đang được sử dụng làm khuôn khổ cho việc quan sát và thiết kế tổ chức. Sau khi hồ sơ tham gia, kết quả công việc hoặc đóng góp được xác nhận, các quyền cụ thể vẫn được thiết lập dựa trên các thỏa thuận hợp lệ và thực tế tương ứng.

Kết nối với hoạt động vốn và các mối quan hệ vốn dài hạn

Hệ sinh thái vốn không chỉ xem xét đầu tư vốn mà còn xem xét các kết nối thị trường vốn, các công cụ tài chính và cơ cấu giao dịch cũng như các điều chỉnh về tài sản và quyền kiểm soát. Khi nghiên cứu các mối quan hệ vốn dài hạn, bạn có thể sử dụng tài khoản vốn dài hạn để ghi lại đầu vào, đóng góp, quyền, trách nhiệm và hiệu suất của các nguồn lực, khách hàng cũng như các mối quan hệ hoạt động và quản lý, sau đó xem chúng có liên quan như thế nào đến việc tiếp tục hợp tác. Đối với các chủ đề khác, lựa chọn phương pháp quan sát và ghi chép theo bài toán của bản thân. Mô hình này giúp các tổ chức quan sát và thiết kế, đồng thời không giả định trước rằng tất cả các mối quan hệ tham gia đều hình thành vốn sở hữu hoặc lợi ích vốn tương tự.

Bản thảo và giấy tờ gốc

Các bản thảo và bài viết sau đây đã tích lũy những giải thích lý thuyết, phương pháp và con đường thực tiễn hiện có của tác giả, có thể được sử dụng để trả lời các câu hỏi cụ thể về sự thích ứng và sự khác biệt của doanh nghiệp trong những thay đổi công nghệ. Đề cương chung cũng bao gồm các nghiên cứu khác. Các vấn đề về công nghệ, năng lực, thị trường và vốn của A-D cũng có nhiệm vụ nghiên cứu riêng và không phải tất cả chúng đều được sử dụng làm công cụ hỗ trợ cho lộ trình của các bên liên quan. Tiếp tục ghi lại bản chất của từng tài liệu cũng như các lập luận và bằng chứng mà nó có.

“Chủ nghĩa tư bản các bên liên quan”

Tích hợp đồng sáng tạo, ghi nhận đóng góp, năng lực và mối quan hệ hợp tác lâu dài, đồng thời nghiên cứu các điều kiện theo đó đóng góp chung hình thành các nguồn lực, năng lực và mối quan hệ có thể được sử dụng theo thời gian cũng như cách thức công bằng và các thỏa thuận quản trị tương ứng hỗ trợ hợp tác. [03]

"Blockchain - công nghệ cơ bản của chủ nghĩa tư bản các bên liên quan"

Tiến hành nghiên cứu từ công nghệ thể chế, thông tin và tài sản, hồ sơ đóng góp, hình thành vốn, phân bổ vốn cổ phần và phát triển quản trị. Cách blockchain tổ chức xác minh, điều phối, ủy quyền, giám sát và hiệu suất diễn ra thông qua sự thích ứng về công nghệ và tổ chức của A, các quy tắc và tích lũy năng lực của B cũng như các vấn đề về giá trị, vốn và quản trị của C, D và E. [04]

Giấy gốc	Quyền sở hữu chính và tình trạng hiện tại
Từ tính ưu việt của cổ đông đến công ty có liên quan	E, hiệp hội D. Các lập luận quy chuẩn công và khung chính sách.
Bài I: Nghiên cứu cơ chế ảnh hưởng của nhận thức công bằng của các bên liên quan đến hành vi đóng góp tự nguyện	E2, liên kết với B2. Dự thảo thiết kế nghiên cứu, không có kết quả thực nghiệm được báo cáo.
Bài II: Nghiên cứu cơ chế phân bổ giá trị trong bối cảnh mất cân bằng giữa quyền lực của các bên liên quan và đóng góp chiến lược	E2, liên kết với C2. Dự thảo thiết kế nghiên cứu, không có kết quả thực nghiệm được báo cáo.
Bài III: Nghiên cứu cơ chế quá trình chuyển hóa phản hồi của các bên liên quan thành hành động chiến lược của doanh nghiệp	B1, liên quan đến A2, E1. Dự thảo thiết kế nghiên cứu, không có kết quả thực nghiệm được báo cáo.
Bài IV: Nghiên cứu tác động của xung đột lợi ích xuyên thời gian đến sự sẵn lòng tiếp tục hợp tác của các bên liên quan	E3; gắn liền với D2 khi thực tế đo lường các điều kiện tài chính. Dự thảo thiết kế nghiên cứu, không có kết quả thực nghiệm được báo cáo.

> Bản thảo có nhiệm vụ tích hợp lý thuyết, luận văn có nhiệm vụ trình diễn, kiểm nghiệm cụ thể. Bản thảo cuối cùng, ấn phẩm và thiết kế nghiên cứu đề xuất được ghi chép riêng biệt; kết luận thực nghiệm được xác nhận dựa trên dữ liệu thực tế và báo cáo nghiên cứu.

Về nguyên văn và trạng thái của bài báo, xem [05–09] ở cuối bài viết; về bản thảo, xem [03–04].

Kế thừa liên tục các hướng dẫn và phương pháp hiện có

> Đồng sáng tạo → Xác nhận đóng góp → Phân phối giá trị → Công bằng và quản trị → Hợp tác liên tục

Chuỗi cơ chế này tiếp tục được sử dụng cho nghiên cứu các bên liên quan và hợp tác lâu dài, chủ yếu kết nối E và D, sau đó so sánh tác động của nó đến năng lực, giá trị và tổ chức ở B, C và A. Đó là một lộ trình diễn giải

cụ thể trong đề cương chung. Mỗi hướng vẫn có những vấn đề nghiên cứu riêng, công nghệ và tổ chức nghiên cứu không chỉ giới hạn ở việc cung cấp cơ sở vật chất hỗ trợ cho chuỗi này.

Chủ đề hiện có	Chủ yếu đảm nhận
Tập đoàn các bên liên quan và quản trị vốn	Quyền và quản trị của E; điều kiện về vốn của D; và mối liên hệ với khả năng, kết quả hoạt động của B và C.
Ghi nhận đóng góp và phân phối giá trị	Bằng chứng và ưu đãi của E2; nắm bắt giá trị của C2; Sự đầu tư và sắp xếp rủi ro của D.
Chuyển đổi sự công bằng, tin cậy và phản hồi	Sự công bằng và tin cậy chủ yếu vào E2; chuyển đổi phản hồi chủ yếu đi vào B1, kết nối A2 và E1.
Hợp tác xuyên tổ chức và cam kết đáng tin cậy	E3 là cái chính; khi giai đoạn cấp vốn và các ràng buộc thực sự được đưa vào phép đo, hãy kết nối D2 và D3.
Blockchain như một công nghệ thể chế	E1, E3 và A3 là chính, còn D3 được kết nối theo các vấn đề về vốn và vốn cụ thể.

Phân chia tài sản phương pháp

Sự tích lũy hiện có bao gồm những giải thích lý thuyết, phương pháp, cơ chế quản trị và con đường thực tiễn, những thứ này phải được phân biệt theo bản chất thực tế của chúng và không thể gọi tất cả đều là công cụ. Lý thuyết về vốn của các bên liên quan và các mối quan hệ vốn dài hạn vẫn giữ nguyên các giải thích và cơ chế mang tính lý thuyết để được kiểm tra; liệu các phương pháp và phần mềm cụ thể có phù hợp hay không sẽ được đánh giá dựa trên các câu hỏi nghiên cứu và tài liệu thực tế.

Mô hình sinh thái mô tả những người tham gia và sự phụ thuộc; SOP bốn chiều kết nối hiệu suất, hoạt động kinh doanh, chức năng và hành động; ứng dụng và thí điểm hệ thống AI về nhận thức tổ chức và công nghệ làm việc; công nghệ hệ thống chuỗi khối kết nối xác minh được chia sẻ, phiên bản quy tắc, ủy quyền và thực hiện; công cụ vốn so sánh các lựa chọn đầu tư và tài chính; các công cụ đóng góp và quản trị ghi lại sự kiện, đánh giá, quyết định và quy đổi.

> Xác định quyền sở hữu chính của từng nội dung và giữ lại phiên bản, phạm vi áp dụng, bằng chứng hiện có và các vấn đề cần kiểm tra. Khi cùng một mô hình được sử dụng theo nhiều hướng thì được tích lũy và quản lý theo cùng một hạng mục.

Mối liên hệ giữa tích lũy nghiên cứu và các vấn đề học thuật

Hệ thống SOP và AI bốn chiều được sử dụng để nghiên cứu những thay đổi về tổ chức và điều hành; cơ chế, con đường và công cụ vốn được sử dụng để nghiên cứu hoạt động vốn chủ động; lý thuyết vốn của các bên liên quan và tài khoản vốn dài hạn được sử dụng để nghiên cứu các mối quan hệ và quản trị liên thời gian. Là một công nghệ tổ chức, blockchain có thể được sử dụng để hợp tác tổ chức, xác nhận đóng góp, tài khoản dài hạn và thực hiện quy tắc, đồng thời cũng có thể hỗ trợ các đường dẫn vốn như mã thông báo chứng khoán. Nghiên cứu cụ thể xem nó thay đổi việc xác minh, phối hợp, giám sát, hợp tác như thế nào rồi xác định quyền sở hữu theo các vấn đề chính.

Một ngôn ngữ phân tích chung về vốn và tài chính

khái niệm	Phạm vi quan sát trong nghiên cứu này
Tài nguyên	Tài năng, kiến thức, công nghệ, các mối quan hệ và các yếu tố khác có thể được tổ chức và huy động.
tài sản	Các tài nguyên và quyền có ranh giới kiểm soát hoặc sử dụng rõ ràng và tạo thành một giá trị kinh tế nhất định.
vốn	Sự đầu tư của tổ chức xoay quanh lợi nhuận trong tương lai, cũng như các mối quan hệ vốn sở hữu, rủi ro và lợi nhuận tương ứng.
quỹ	Khả năng thanh toán mà một thực thể cụ thể thực sự có thể kiểm soát và phân bổ.

Các khái niệm về bốn thủ đô đến từ các bài đọc liên quan và nghiên cứu toàn diện, và có thể trùng lặp với nhau. Tài sản hoặc vốn được đề cập trong phân tích hoạt động phải được kiểm tra riêng biệt với các xác nhận kế toán và các quyền pháp lý cụ thể. [15]

Hình R23 · Các chức năng và đường dẫn vận hành vốn

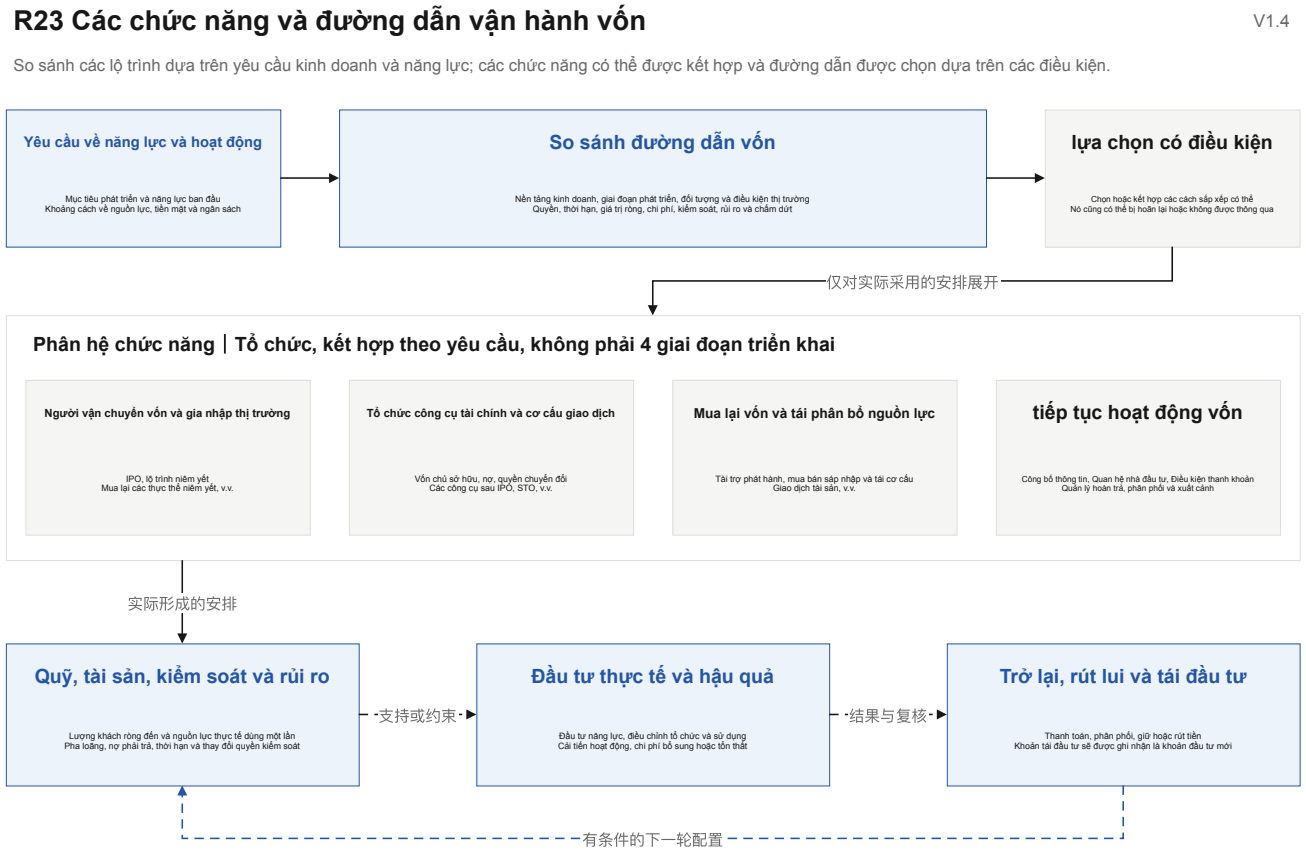

So sánh các đường dẫn vốn dựa trên nhu cầu về năng lực và hoạt động, đồng thời coi các nhà vận chuyển vốn và gia nhập thị trường, các công cụ và cơ cấu giao dịch, mua lại và tái phân bổ vốn cũng như các hoạt động vốn đang diễn ra là các chức năng có thể kết hợp được; những thay đổi về nguồn lực thực tế cũng như quyền và trách nhiệm sẽ được đưa vào phân bổ tiếp theo sau khi có ý kiến, kết quả và xem xét.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Các yêu cầu về hoạt động và năng lực dẫn đến việc so sánh các đường dẫn vốn. Dựa trên cơ sở hoạt động, giai đoạn, thực thể, thị trường, quyền, thời hạn, giá trị ròng, chi phí, quyền kiểm soát, rủi ro và điều kiện rút lui, các thỏa thuận khả thi có thể được lựa chọn hoặc kết hợp và có thể bị hoãn hoặc không được thông qua. Chỉ có bốn loại chức năng song song được thực hiện trong các cơ chế được áp dụng thực tế: người vận chuyển vốn và gia nhập thị trường, tổ chức cơ cấu giao dịch và công cụ tài chính, mua lại vốn và tái phân bổ nguồn lực, và hoạt động vốn liên tục. IPO, các công cụ sau niêm yết và STO là các phương tiện tùy chọn hơn là các giai đoạn bắt buộc. Việc hình thành thực tế các quỹ, tài sản, biện pháp kiểm soát và sắp xếp rủi ro để hỗ trợ hoặc hạn chế đầu tư năng lực và điều chỉnh tổ chức có thể dẫn đến cải tiến, tăng thêm chi phí hoặc tổn thất; kết quả sẽ tiến hành hoàn trả, phân bổ, nắm giữ hoặc thoát ra sau khi xem xét và có điều kiện bước vào vòng phân bổ tiếp theo. Khoản tái đầu tư được ghi nhận là khoản đầu tư mới; niêm yết, phát hành, tiếp cận giao dịch và tài chính thực tế được xác nhận riêng biệt.

Logic bốn vốn trong chiến lược hoạt động dài hạn của Company Zero

Company Zero dựa trên dòng phân tích chính từ "Bốn hoạt động thủ đô" của Shi Yuqiang và kết nối nó với Wei Tengfei Đọc sơ đồ hình ảnh đầu tiên, sử dụng sự chuyển đổi và lưu thông giữa bốn thủ đô để minh họa cho chiến lược quản lý tài sản và hoạt động lâu dài. [67]

> **Liên tục thu thập các nguồn tài nguyên chất lượng cao → tổ chức và vận hành tài sản → kết nối và phân bổ các yếu tố với vốn → hình thành dòng vốn quay trở lại → tái đầu tư vào việc thu thập, trồng trọt và quản lý tài nguyên.**

Bốn tài sản	vai trò trong hoạt động lâu dài
Tài nguyên	Cung cấp nền tảng cho sự phát triển bền vững và tập trung vào việc thu thập, mua lại và nuôi trồng các nguồn tài nguyên chất lượng cao
tài sản	Tổ chức các nguồn lực thích hợp thành các vật mang giá trị có thể quản lý được và liên tục tạo ra giá trị thông qua các hoạt động
vốn	Đầu vào của tổ chức, quyền và phân bổ nhân tố, sử dụng hoạt động vốn và kết nối tài chính để hỗ trợ phát triển
quỹ	Hỗ trợ phát triển, vận hành và doanh thu; tiếp tục phân bổ cho việc quản lý tài nguyên và tài sản sau khi đưa về nước

Nguyên tắc hoạt động lâu dài: Dựa trên các nguồn lực, tạo ra giá trị thông qua quản lý tài sản, hỗ trợ mở rộng tổ chức vốn và tiếp tục phát triển bằng cách hoàn vốn và tái đầu tư; sau đó tiếp tục có được các nguồn lực chất lượng cao thông qua hoạt động vốn và các công cụ tài chính để cơ sở nguồn lực, tài sản và năng lực có thể được cập nhật trong hoạt động.

Quỹ được sử dụng trong suốt quá trình phát triển tài nguyên, quản lý tài sản và giao dịch. Các hoạt động, nguồn tài chính và các lối thoát phù hợp đều có thể mang lại vốn và việc tái điều chỉnh lối thoát chỉ là một trong những nguồn. Vốn và hoạt động hỗ trợ lẫn nhau như thế nào và bốn nguồn vốn được chuyển hóa như thế nào còn tùy thuộc vào điều kiện thực tế.

Company Zero sử dụng khuôn khổ này để giải thích các nguyên tắc và chiến lược dài hạn về quản lý tài sản, giải thích "tại sao chúng tôi tiếp tục thu thập các nguồn lực, tại sao chúng tôi vận hành tài sản và cách vốn và quỹ hỗ trợ cho vòng phát triển tiếp theo". Nguồn của Four Capital Framework và tuyên bố ứng dụng của Company Zero tương ứng được ghi nhận. Phần này không đề xuất Lý thuyết Bốn Vốn mới dựa trên điều này.

Bản sắc độc lập của con người và các tổ chức vẫn rõ ràng; việc thu thập tài nguyên và quản lý tài sản được kết nối thông qua sự hợp tác thực tế và sử dụng hiệu quả.

Hình R24 · Logic bốn vốn trong chiến lược hoạt động dài hạn của Company Zero

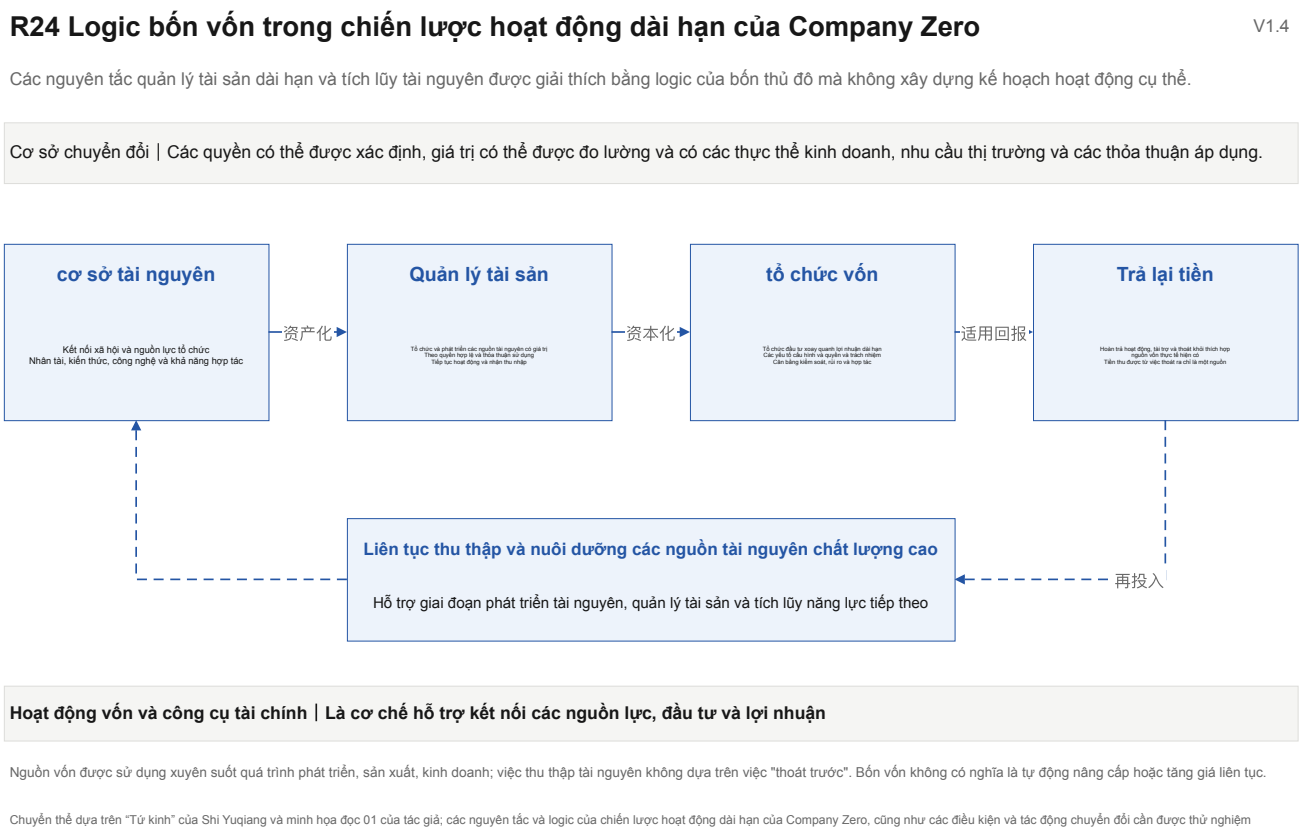

Các nguyên tắc quản lý tài sản dài hạn của Company Zero được giải thích bằng logic của bốn vốn: cơ sở tài nguyên hỗ trợ việc liên tục thu thập và phát triển các nguồn tài nguyên chất lượng cao thông qua quản lý tài sản, tổ chức vốn và hoàn vốn; hoạt động vốn và các công cụ tài chính đóng vai trò hỗ trợ chung.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Đây là sơ đồ nguyên lý và logic dùng để giải thích chiến lược hoạt động dài hạn của Company Zero chứ không phải một kế hoạch hoạt động cụ thể. Cơ sở nguồn lực bao gồm các kết nối xã hội, nguồn lực tổ chức, tài năng, kiến thức, công nghệ và khả năng hợp tác; nó tham gia vào việc quản lý tài sản thông qua phát triển tổ chức, các thỏa thuận về quyền và sử dụng hiệu quả, sau đó tổ chức vốn phân bổ các khoản đầu tư, các yếu tố, quyền và trách nhiệm xung quanh lợi nhuận dài hạn, có tính đến khả năng kiểm soát, rủi ro và hợp tác. Các khoản hoàn trả hoạt động, nguồn tài chính và các khoản thoái vốn thích hợp có thể tạo thành nguồn vốn sẵn có thực tế và số tiền thu được từ việc thoái vốn chỉ là một nguồn vốn. Nguồn vốn sẵn có được tái đầu tư để tiếp tục thu mua và khai thác các nguồn tài nguyên chất lượng cao, hỗ trợ vòng phát triển tài nguyên tiếp theo, quản lý tài sản và tích lũy năng lực, đồng thời quay trở lại cơ sở tài nguyên. Hoạt động vốn và công cụ tài chính là các cơ chế hỗ trợ chung giúp kết nối các nguồn lực, đầu vào và lợi nhuận chứ không liệt kê các công cụ hoặc đường dẫn cụ thể. Vốn được sử dụng trong suốt quá trình phát triển, sản xuất và kinh doanh và việc thu thập tài nguyên không được xác định trước khi thoát ra. Chuyển đổi đòi hỏi các quyền có thể xác định được, giá trị có thể đo lường được, đơn vị vận hành, nhu cầu thị trường và các thỏa thuận áp dụng; bốn thủ đô không có nghĩa là mỗi tài nguyên phải được tự động nâng cấp, cũng như không đảm bảo giá trị gia tăng liên tục.

Vòng lặp kép và bốn lớp đánh giá

Chu kỳ kinh doanh: Yêu cầu và Tài nguyên → Công việc và Giao hàng → Cách sử dụng và Giao dịch → Chi phí, Khoản bồi hoàn và Cải tiến. **Lưu thông vốn:** Đầu tư và Quyền → Phân bổ vốn → Lợi nhuận và Rủi ro → Hoàn trả, Phân phối, Rút lui và Tái đầu tư.

Đánh giá dựa trên bốn cấp độ giá trị, vốn chủ sở hữu, vốn và kết nối tài chính: liệu giá trị hoạt động có được thiết lập hay không, ai nắm giữ quyền, cách tổ chức vốn cũng như cách tiếp cận vốn và giao dịch.

So sánh chín chiều

So sánh các giai đoạn phát triển, vai trò của nhà đầu tư, loại quyền, thỏa thuận phát hành, mối quan hệ sơ cấp và thứ cấp, sản phẩm hoặc công cụ, rủi ro, lợi nhuận và kỹ thuật đăng ký. Điền rõ ràng từng thứ nguyên, sau đó so sánh các đường dẫn có sẵn cho cùng một mục tiêu kinh doanh.

Quỹ và quyền được theo dõi riêng biệt

Các tài khoản tiền mặt, hợp đồng khách hàng, quyền lợi người tiêu dùng, tài sản dự án, vốn chủ sở hữu hoặc đơn vị đầu tư được lập riêng; Các dòng tiền hoạt động, đầu tư và tài chính được kiểm tra riêng biệt. Số vốn tăng thêm thuộc về doanh nghiệp, số tiền thu được từ việc bán cổ phần cũ sẽ thuộc về người bán; tái đầu tư sau khi phân phối thu nhập được ghi nhận là một khoản đầu tư mới.

> Số lượng, tỷ lệ và thời hạn trong mô hình vẫn mang tính chất minh họa. Hiệu quả tài chính quan sát số tiền ròng, lượng đến, chi phí, sự pha loãng và các điều kiện; Hiệu quả rút tiền quan sát thời gian, giá cả có thể đạt được, chi phí và điều kiện thoát.

Ranh giới giữa hoạt động vốn và tài khoản dài hạn

Thị trường vốn kết nối các đơn vị nghiên cứu, thị trường và nhà đầu tư; các công cụ và cấu trúc giao dịch nghiên cứu các quyền, điều khoản, cơ sở định giá, rủi ro và trách nhiệm; hoạt động vốn liên tục nghiên cứu tiết lộ, quản trị, trả nợ và thoát. Tài khoản vốn dài hạn liên kết các mối quan hệ của người tham gia với các thỏa thuận đã được xác nhận và được đối chiếu riêng biệt với tài khoản chứng khoán, tài khoản vốn và các quyền hợp pháp.

Khi tổ chức các nguồn lực hoặc khả năng điều hành vào các mối quan hệ đầu tư, việc kiểm soát, sử dụng, lợi ích và trách nhiệm cần được kiểm tra riêng biệt. Không thể kết hợp định giá thị trường, trạng thái tài sản và số tiền khả dụng thực tế để tính toán.

Giải pháp tổng hợp và cá nhân hóa WISERUNION

WISERUNION là nền tảng tổng hợp thống nhất cho các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp. Nguồn cung hiện đã được tích hợp, cũng như nguồn cung từ nhiều nhà cung cấp hơn trong tương lai, đều ở trạng thái wiserunion.com Thống nhất hiển thị, tìm kiếm, so sánh, kết hợp và kết hợp. Danh mục này trước tiên được sắp xếp theo các vấn đề của khách hàng và cung cấp nội dung, sau đó được liên kết với các nhà cung cấp, quốc gia và khu vực. Các kích thước này có thể giao nhau.

Phần này mô tả thiết kế vận hành cuối cùng cho phiên bản V1.3. Cách tích hợp và di chuyển các cổng hiện có cũng như các bước thực hiện trong xây dựng chức năng đều được ghi lại theo tình hình thực tế. [20–25]

Hình R25 · Tổng cung WISERUNION

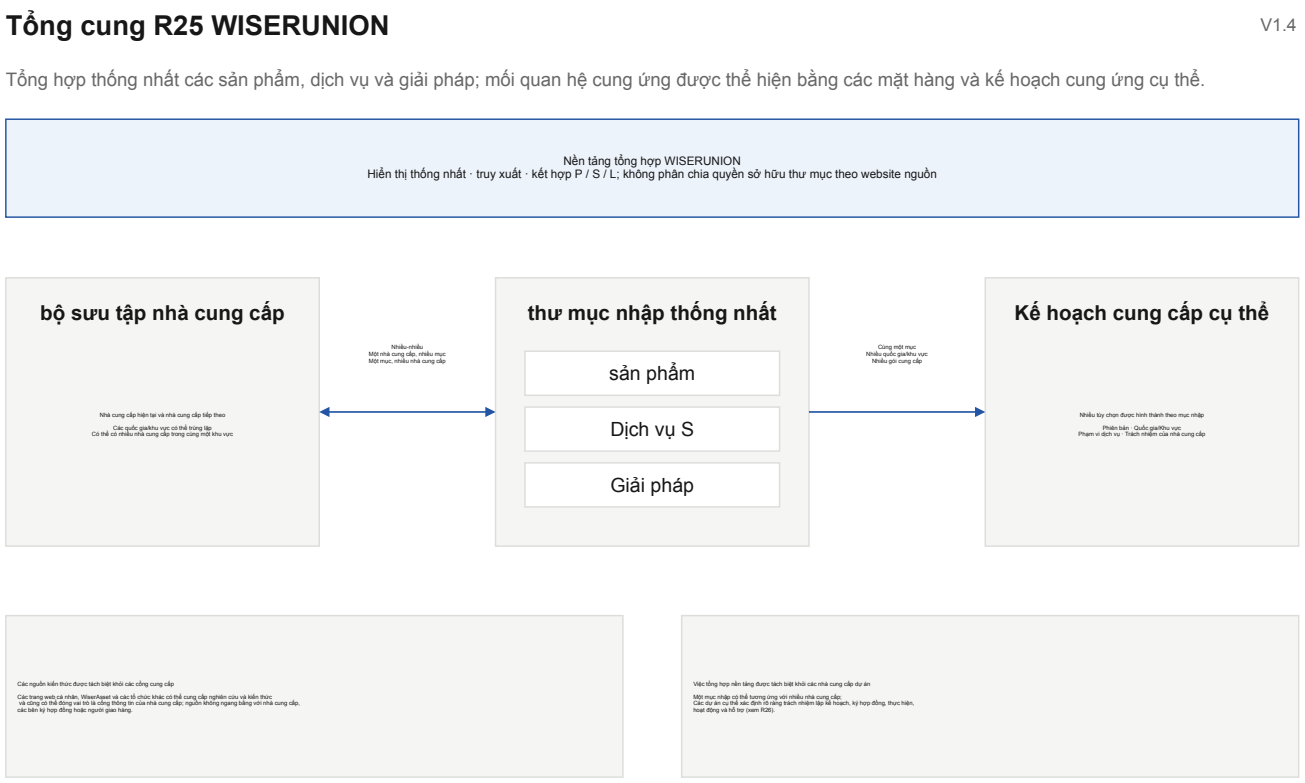

Chỉ định khung nghiên cứu của tác giả; chỉ dẫn phân loại và lập bản đồ cung cấp, phân bổ địa lý không độc quyền hoặc quan hệ nhân quả

WISERUNION tổng hợp P/S/L trong một thư mục thống nhất và trình bày các giải pháp cung cấp được phân biệt theo phiên bản, khu vực quốc gia, phạm vi dịch vụ và trách nhiệm thông qua việc ánh xạ nhiều nhà cung cấp và mặt hàng.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: WISERUNION hiển thị, truy xuất và kết hợp thống nhất các sản phẩm P, dịch vụ S và giải pháp L mà không phân chia danh mục theo nguồn từ trang hoặc nền tảng cá nhân. Bộ sưu tập nhà cung cấp chứa các nhà cung cấp hiện tại và kế nhiệm: có thể có nhiều mục nhập cho cùng một nhà cung cấp và có thể có nhiều nhà cung cấp cho cùng một mục nhập. Các quốc gia và khu vực có thể chồng chéo và có thể có nhiều nhà cung cấp trong cùng một khu vực; cùng một mục có thể tạo thành nhiều kế hoạch cung ứng được phân biệt theo phiên bản, khu vực quốc gia, phạm vi và trách nhiệm. Các trang web cá nhân, WiserAsset và các tổ chức khác có thể được sử dụng làm nguồn kiến thức nghiên cứu và cổng thông tin nhà cung cấp, nhưng các nguồn này không bằng nhà cung cấp, nhà thầu hoặc nhà cung cấp. Nền tảng chịu trách nhiệm tổng hợp; các dự án cụ thể xác định rõ trách nhiệm lập kế hoạch, ký kết hợp đồng, thực hiện, vận hành và hỗ trợ.

Tập hợp thống nhất và cung cấp nhiều nhà cung cấp

cấp độ	Sắp xếp nội dung	Mối quan hệ với các cấp độ khác
thư mục thống nhất	Nội dung, mục đích và khả năng tùy chọn của sản phẩm P, dịch vụ S, giải pháp L	Không phân chia danh mục theo website cá nhân gốc hoặc các website khác; giữ lại nguồn kiến thức, phiên bản và kết quả
mạng lưới nhà cung cấp	Các nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giải pháp hiện tại và tương lai	Cùng một mặt hàng có thể được cung cấp bởi nhiều nhà cung cấp và một nhà cung cấp có thể cung cấp nhiều mặt hàng.
Cung cấp toàn quốc và khu vực	Phạm vi dịch vụ, phiên bản, điều kiện giao hàng và hỗ trợ của từng nhà cung cấp ở các quốc gia hoặc khu vực cụ thể	Có thể có nhiều nhà cung cấp trong cùng một khu vực và cùng một nhà cung cấp cũng có thể phụ trách nhiều khu vực; phạm vi và trách nhiệm được làm rõ dựa trên kế hoạch cung cấp thực tế
Khách hàng và sắp xếp dự án	Lựa chọn nguồn cung cấp và tổ chức giao hàng dựa trên mục tiêu cụ thể của khách hàng, điều kiện hiện có và khu vực thực tế	Chọn từ các giải pháp hoàn chỉnh của nhà cung cấp hoặc kết hợp các sản phẩm và dịch vụ giữa các nhà cung cấp để tạo ra các thỏa thuận cá nhân hóa

Cùng một sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp có thể có nhiều nhà cung cấp hoặc có thể có giải pháp cung cấp cho các quốc gia và khu vực khác nhau. Ngay cả khi tên giống nhau, chức năng, phiên bản, phạm vi hỗ trợ và dịch vụ cũng có thể khác nhau. Nó tùy theo nội dung thực tế rồi mới liên hệ, so sánh; chỉ khi các điều kiện áp dụng được đáp ứng, chúng mới được liệt kê dưới dạng các tùy chọn có thể thay thế.

Sản phẩm, Dịch vụ và Giải pháp

cấp độ	độ nét	Vai trò trong tổng hợp và phân phối
P/sản phẩm	Các sản phẩm, công cụ, phần mềm, hệ thống, ứng dụng, nền tảng và tài khoản liên quan, thực thi quy tắc hoặc khả năng giao diện có thể lựa chọn và tái sử dụng	Nó có thể được cung cấp độc lập hoặc các phiên bản áp dụng có thể được cung cấp bởi các nhà cung cấp khác nhau để đưa vào nhiều giải pháp khác nhau.
S/Dịch vụ	Chẩn đoán, nghiên cứu, lập kế hoạch, thiết kế, điều phối, thực hiện, đào tạo, vận hành và hỗ trợ do người dân và tổ chức thực hiện	Có thể cung cấp độc lập hoặc kết hợp với các sản phẩm, dịch vụ khác và giải pháp hoàn chỉnh theo nhu cầu khách hàng
L/Giải pháp	Sau khi chẩn đoán và lập kế hoạch nhu cầu, một sự sắp xếp cá nhân hóa sẽ được hình thành bằng cách kết hợp nhiều sản phẩm và dịch vụ khi cần thiết cho các khách hàng hoặc dự án cụ thể.	Nó có thể được điều chỉnh dựa trên giải pháp hoàn chỉnh của nhà cung cấp hoặc có thể được lên kế hoạch giữa các nhà cung cấp; làm rõ vấn đề, mục tiêu, logic kết hợp, người chịu trách nhiệm, thực hiện, bàn giao và nghiệm thu

Bản thân việc lập kế hoạch giải pháp là một dịch vụ chuyên nghiệp và các giải pháp đưa ra phải phù hợp với từng khách hàng cụ thể. Bạn có thể tiếp tục lập kế hoạch dựa trên kế hoạch tham khảo hoặc kế hoạch hoàn

chỉnh của nhà cung cấp, sau đó làm rõ lựa chọn, khu vực, phiên bản, vai trò, nguồn lực và điều kiện giao hàng.

Hình R26 · Giải pháp cá nhân hóa

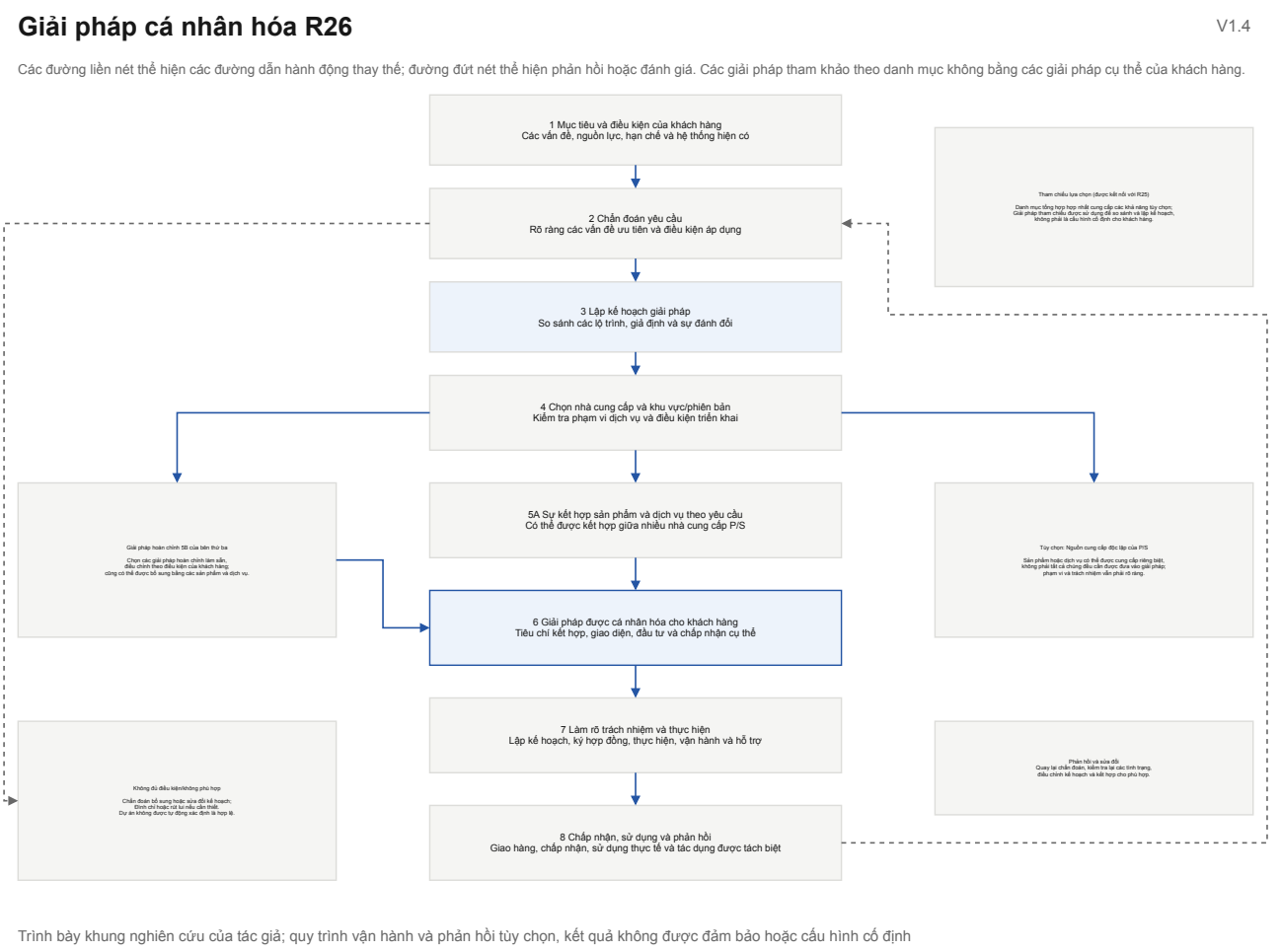

Trình bày khung nghiên cứu của tác giả; quy trình vận hành và phản hồi tùy chọn, kết quả không được đảm bảo hoặc cấu hình cố định

Bắt đầu từ mục tiêu và điều kiện của khách hàng, sau khi chẩn đoán, lập kế hoạch và lựa chọn nguồn cung cấp, chúng tôi kết hợp P/S hoặc điều chỉnh giải pháp hoàn chỉnh của bên thứ ba để hình thành kế hoạch dành riêng cho khách hàng và làm rõ trách nhiệm; nó được sửa đổi dựa trên phản hồi từ việc chấp nhận và sử dụng thực tế.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Mục tiêu của khách hàng và những hạn chế về nguồn lực được đưa vào chẩn đoán nhu cầu và sau đó là lập kế hoạch giải pháp; sau khi so sánh các lộ trình thay thế, các giả định chính và sự đánh đổi, hãy chọn nhà cung cấp, khu vực và phiên bản, đồng thời kiểm tra các điều kiện phạm vi. Bạn có thể kết hợp các sản phẩm, dịch vụ theo yêu cầu của nhiều nhà cung cấp hoặc có thể chọn giải pháp hoàn chỉnh của bên thứ ba và điều chỉnh, bổ sung P/S theo khách hàng; cả hai con đường đều có thể hình thành các giải pháp dành riêng cho khách hàng. Kế hoạch xác định rõ ràng giao diện kết hợp, tiêu chí đầu tư và chấp nhận, sau đó được triển khai theo kế hoạch, ký kết hợp đồng, trách nhiệm thực hiện, vận hành và hỗ trợ rõ ràng. Phân biệt giữa phân phối, chấp nhận, sử dụng và tác động thực tế cũng như phản hồi lại chẩn đoán và sửa đổi kế hoạch. P/S cũng có thể được cung cấp độc lập mà không cần hình thành chữ L và trách nhiệm vẫn rõ ràng. Khi chẩn đoán thấy điều kiện không đủ hoặc không phù hợp thì bổ sung chẩn đoán hoặc điều chỉnh lại kế hoạch, tạm dừng hoặc rút lui nếu cần thiết. Danh mục thống nhất và kế hoạch tham khảo danh mục chỉ được sử dụng để lập kế hoạch lựa chọn và không phải là cấu hình cố định cho khách hàng.

Từ nhu cầu đến giải pháp riêng lẻ

> **Mục tiêu và điều kiện của khách hàng → Chẩn đoán nhu cầu → Lập kế hoạch giải pháp → Chọn nhà cung cấp, khu vực và phiên bản áp dụng → Kết hợp nhiều sản phẩm và dịch vụ nếu cần → Hình thành các giải pháp được cá nhân hóa → Làm rõ trách nhiệm và thực hiện chấp nhận → Sử dụng, phản hồi và cải tiến liên tục.**

liên kết	Công việc và sản phẩm chính
Chẩn đoán yêu cầu	Hiểu các vấn đề, mục tiêu, khu vực quốc gia, cơ sở hoạt động, nguồn lực và hạn chế của khách hàng hoặc dự án, đồng thời làm rõ những gì cần ưu tiên
lập kế hoạch giải pháp	Sử dụng nghiên cứu, lý thuyết, mô hình và phương pháp để so sánh các lộ trình và làm rõ mục tiêu, giả định chính, điều kiện áp dụng và cơ sở cho các lựa chọn.
Lựa chọn và trộn nguồn cung cấp	Chọn sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp hoàn chỉnh tương ứng, so sánh nhà cung cấp, phiên bản, phạm vi khu vực, giao diện, phụ thuộc và hỗ trợ, đồng thời tổ chức hợp tác nhiều bên
Hình thành các giải pháp được cá nhân hóa	Tổ chức các mục tiêu, cơ cấu danh mục đầu tư, vai trò và trách nhiệm, đầu vào, thực hiện, bàn giao, nghiệm thu và bảo trì tiếp theo thành một sự sắp xếp hoàn chỉnh cho dự án
Triển khai, sử dụng và cải tiến	Lập kế hoạch, ký kết hợp đồng, thực hiện, phối hợp, vận hành và hỗ trợ rõ ràng cho các bên, đồng thời điều chỉnh cách thức kết hợp, làm việc trên cơ sở nghiệm thu và sử dụng thực tế

Nguồn kiến thức, nền tảng và nhà cung cấp thực tế

Nền tảng nghiên cứu cá nhân weitengfei.com （yutengfei.com) tiếp tục tích lũy nghiên cứu, bài báo, sách, phương pháp và kết quả; Wiser Asset và các nền tảng, tổ chức và tổ chức chuyên nghiệp khác có thể cung cấp sản phẩm, dịch vụ, công nghệ hoặc khả năng cộng tác. Các nguồn cung cấp liên quan được thống nhất vào hệ thống tổng hợp WISERUNION.

Kiến thức và kết quả đến từ đâu, chúng được hiển thị trên nền tảng nào, ai cung cấp chúng, ai ký hợp đồng và ai thực sự cung cấp chúng, phải được ghi lại riêng biệt. Các trang web và nền tảng hiện tại có thể tiếp tục đóng vai trò là lối vào cho hoạt động nghiên cứu, hiển thị, phân phối phần mềm hoặc công việc chuyên môn; WISERUNION thống nhất danh mục cung ứng của tổ chức và các mối quan hệ phù hợp, đồng thời các trách nhiệm cụ thể được xác định theo dự án.

Vai trò của danh mục giải pháp

Mười loại hướng giải pháp hiện có trước tiên cung cấp tài liệu tham khảo cho một danh mục thống nhất, liệt kê các vấn đề có thể áp dụng, các đường dẫn có thể và các thành phần tùy chọn. Giải pháp từ các lĩnh vực và nhà cung cấp khác có thể được bổ sung sau. Giải pháp cho khách hàng cụ thể phải được xác định thông qua chẩn đoán và lập kế hoạch. Danh mục không thể được coi trực tiếp như một cấu hình cố định cho tất cả khách hàng.

Đánh giá riêng biệt về giá trị người dùng và đóng góp tham gia

Giá trị bàn giao và sử dụng được khách hàng hoặc người dùng nội bộ đánh giá dựa trên mục tiêu, thỏa thuận và vật liệu thực tế được sử dụng; đóng góp tham gia được chủ thể có thẩm quyền xem xét dựa trên nhiệm vụ vai trò, kết quả đầu vào và các quy tắc áp dụng. Hai quy trình chia sẻ các mã định danh dự án, thành tích và phiên bản, giữ lại các kết luận và phản đối tương ứng, sau đó liên kết chúng với các tài khoản dài hạn, các quyền, trách nhiệm và hiệu suất cụ thể, xem Hình R20。

Làm thế nào để thực hành trở lại nghiên cứu?

Có thể quan sát cụ thể từ việc tổng hợp, lựa chọn, kết hợp đến phân phối và sử dụng tiếp theo, sự phụ thuộc vào nhà cung cấp, sự khác biệt theo khu vực, giá trị khách hàng, duy trì năng lực, thu xếp vốn và hợp tác lâu dài. Vai trò tổ chức của WISERUNION đóng vai trò như một nền tảng cũng như cách mỗi nhà cung cấp cung cấp và triển khai vai trò đó phải được xác định riêng biệt.

Company Zero tổ chức thực hành theo năm khía cạnh: học thuật, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh và vốn. Định hướng và lý thuyết hình thành học thuật, cộng đồng đảm nhận bản sắc cơ bản và sự đồng xây dựng của các bên liên quan, nguồn lực kết nối các kết nối xã hội và thể chế, doanh nghiệp nhận ra lợi nhuận của sản phẩm, dịch vụ và giải pháp cá nhân hóa, hỗ trợ vốn thu thập tài nguyên, đầu tư, lợi nhuận và bốn chu kỳ vốn; kết quả thực tế của năm chiều được phản hồi liên tục theo từng hướng nghiên cứu của A-E. Đầu vào, quyền và hiệu quả hoạt động của Company Zero, khách hàng và nhà cung cấp đều được trao tương ứng.

Danh mục sản phẩm polymer và cam kết nghiên cứu

WISERUNION cung cấp sản phẩm polymer thống nhất. Tiếp theo, bảy loại sản phẩm kỹ thuật hiện có được ánh xạ tới các vấn đề nghiên cứu và số P01-P07 được giữ lại để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham khảo các giải pháp; nhà cung cấp và kế hoạch cung cấp quốc gia và khu vực cũng có liên quan. Phiên bản, cấu hình và phạm vi sử dụng cụ thể được ghi lại theo dự án thực tế. [22]

Sản phẩm	Khả năng được tiết lộ chính và liên kết nghiên cứu
P01 · Nền tảng môi giới WBS	Tài khoản chứng khoán, trạng thái, lệnh và quy trình kết nối chứng khoán. **Chủ yếu: D2, D3; liên kết với E1.**
P02 · Sàn giao dịch Omin Market	Truy cập chứng khoán kỹ thuật số, cấu hình giao dịch, ví tài khoản và hồ sơ thị trường. **Tiểu học: D3; liên quan đến E1.**
P03 · Hệ thống công nghệ thanh khoản AssetX	Kết nối tài sản, khuyến khích tham gia, hồ sơ đóng góp và giao diện hệ thống. **Chủ yếu: D3, E2; liên quan đến E3.**
P04 · Hệ thống DApp tài sản kỹ thuật số và STO tùy chỉnh dành cho doanh nghiệp	Khách hàng thương hiệu, hiển thị quyền, quyền quy tắc và giao diện doanh nghiệp. **Chủ yếu: A2, A3, E1; liên kết với D3.**
P05 · Nền tảng quản trị và ví các bên liên quan của doanh nghiệp	Tài khoản vai trò, hồ sơ đóng góp, hiển thị quyền và cộng tác được ủy quyền. **Chủ yếu: E1, E2, E3; liên kết với B1.**
P06 · Quản lý thẻ đồng thương hiệu doanh nghiệp và dự án thẻ	Lối vào thương hiệu, quyền thẻ và vai trò, giao diện đối tác và hồ sơ. **Chủ yếu: C1, E2, E3.**

Sản phẩm	Khả năng được tiết lộ chính và liên kết nghiên cứu
P07 · Kinh doanh số SaaS và nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới	Trung tâm thương hiệu, đơn đặt hàng sản phẩm, điểm khách hàng, kênh và dữ liệu hoạt động. **Chủ yếu: C1, C3; liên quan đến A2, E3.**

Khả năng kỹ thuật và mục đích nghiên cứu

Quyền truy cập hệ thống cung cấp các điều kiện triển khai cho các thay đổi về quy trình, quyền và cộng tác. Người dùng thực tế, phạm vi nhiệm vụ, phiên bản quy tắc và phụ thuộc giao diện nhập A; kiến thức và bảo trì trong quá trình sử dụng nhập B; hành vi của khách hàng vào C; điều kiện vốn vào D; việc thực hiện quyền đi vào E.

> Danh mục sản phẩm mô tả hướng dẫn lựa chọn và giao hàng. Chỉ báo chức năng, chuẩn bị truy cập, triển khai thực tế và hoạt động liên tục được đăng ký riêng; Liệu AI có tham gia một công việc nhất định hay không được đánh giá dựa trên thực tế nhiệm vụ.

Sử dụng trong các giải pháp được cá nhân hóa

Khi lập kế hoạch, bạn có thể chọn các khả năng cần thiết từ danh mục sản phẩm. Lựa chọn, cấu hình, giao diện và kết hợp cụ thể phải được xác định dựa trên các vấn đề của khách hàng, điều kiện hiện có và giao hàng thực tế. Cùng một sản phẩm có thể được sử dụng cho các giải pháp cá nhân hóa khác nhau.

Phương pháp và phần mềm quản lý NST: đầu tiên là kiểm tra tự sử dụng, sau đó dần dần sản xuất

NST tuân theo các phương pháp quản trị, quy tắc và tiêu đề công việc phần mềm hiện có của tác giả. Nó không tương đương với toàn bộ kế hoạch tổng thể nghiên cứu và cũng không thay thế năm hướng nghiên cứu học thuật A-E. Các chức năng cụ thể, phương pháp triển khai và tiến độ của nó tùy thuộc vào các tài liệu thực tế và hồ sơ phiên bản.

Hình R27 · Phương pháp và phần mềm quản trị NST: kiểm tra tự sử dụng và sản xuất dần dần

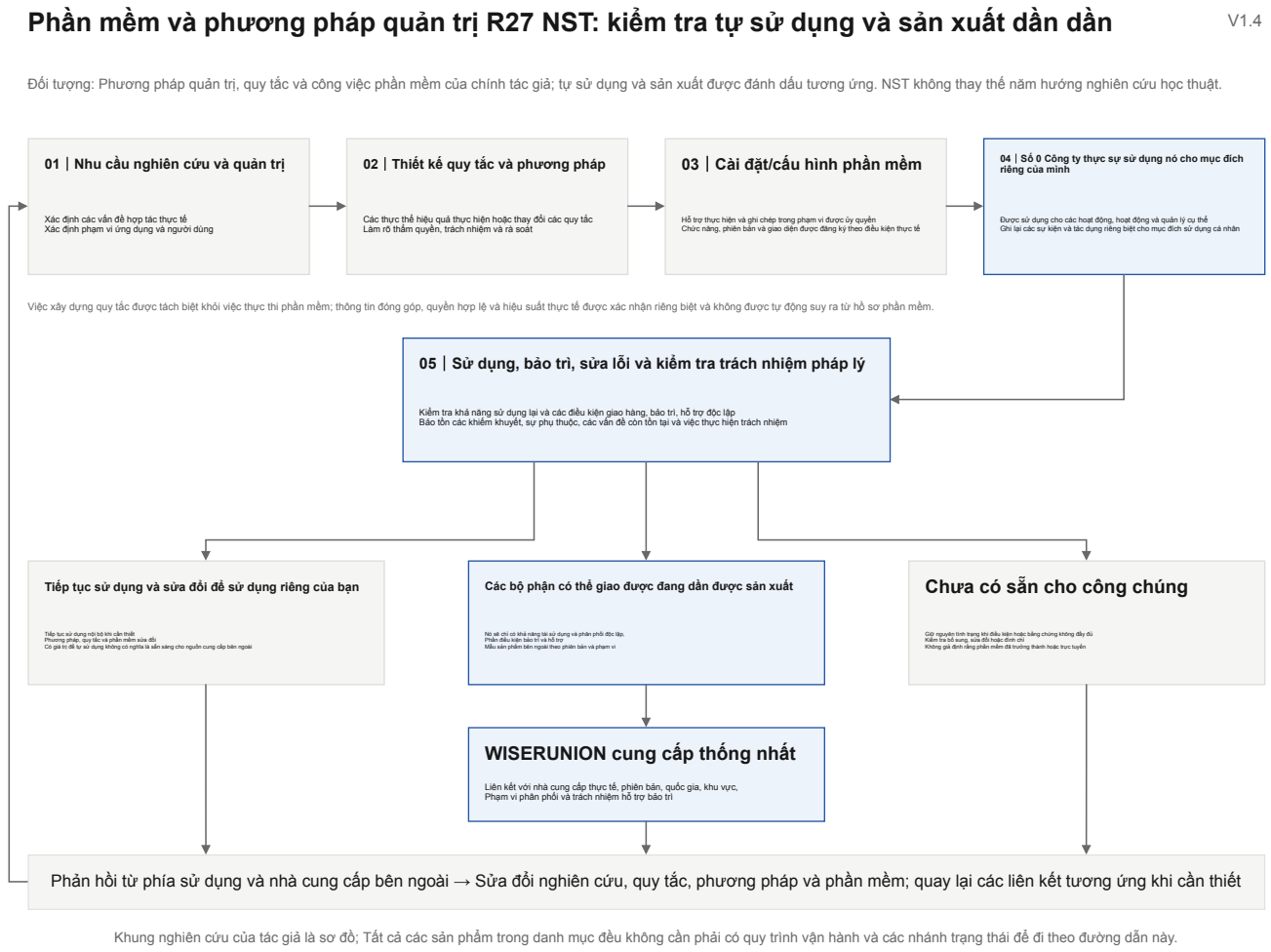

Khung nghiên cứu của tác giả là sơ đồ; Tất cả các sản phẩm trong danh mục đều không cần phải có quy trình vận hành và các nhánh trạng thái để đi theo đường dẫn này.

Các phương pháp và phần mềm quản lý NST của chính tác giả lần đầu tiên được Company Zero sử dụng thực sự và được kiểm tra theo quá trình sử dụng, bảo trì, sửa lỗi và thực hiện trách nhiệm. Các bộ phận đáp ứng điều kiện giao hàng độc lập dần dần được thương mại hóa và cung cấp cho WISERUNION; chúng được phép tiếp tục sử dụng, sửa đổi hoặc tạm thời không được cung cấp cho công chúng.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Bắt đầu từ nhu cầu nghiên cứu và quản trị, các thực thể hiệu quả sẽ xây dựng hoặc thay đổi các quy tắc và phương pháp thiết kế. Việc triển khai hoặc cấu hình phần mềm hỗ trợ thực thi và ghi lại trong phạm vi ủy quyền và lần đầu tiên được sử dụng cho hoạt động, vận hành và quản lý cụ thể của Company Zero. Sau khi sử dụng thực tế, hãy kiểm tra việc bảo trì, sửa lỗi, thực hiện trách nhiệm cũng như các điều kiện tái sử dụng và giao hàng, bảo trì và hỗ trợ độc lập. Trạng thái được ghi lại riêng để tự sử dụng và sản xuất. Nó có thể được tiếp tục sử dụng và sửa đổi, hoặc các bộ phận đủ tiêu chuẩn có thể dần dần được hình thành thành các sản phẩm bên ngoài theo phiên bản và phạm vi, hoặc có thể tạm thời không được phát hành ra công chúng khi không đủ điều kiện và bằng chứng. Phần sản xuất được cung cấp thống nhất thông qua WISERUNION và liên quan đến nhà cung cấp thực tế, phiên bản, khu vực quốc gia, phạm vi giao hàng và trách nhiệm hỗ trợ bảo trì. Các vấn đề và phản hồi trong việc sử dụng nội bộ và nguồn cung cấp thực tế bên ngoài sẽ được sửa đổi trong nghiên cứu, quy tắc, phương pháp và phần mềm và quay lại các liên kết tương ứng nếu cần. Việc đóng góp, các quyền hợp lệ và hiệu suất thực tế được xác nhận riêng biệt và không được tự động

suy ra từ hồ sơ phần mềm. Đường dẫn này dành cho công việc quản lý của chính tác giả và không yêu cầu tất cả các sản phẩm của nhà cung cấp trong danh mục đều phải được Công ty Zero sử dụng lần đầu tiên; NST không tương đương với quy hoạch tổng thể nghiên cứu, không thay thế năm hướng, cũng không được công nhận là phần mềm trưởng thành, trực tuyến hoặc các quyền và lợi ích đã được hình thành dựa trên hình minh họa.

Đối với các phương pháp và phần mềm quản trị của riêng tác giả, trước tiên tác giả thiết kế các quy tắc và phương pháp dựa trên nhu cầu nghiên cứu và quản trị thực tế của Company Zero, sau đó triển khai hoặc định cấu hình phần mềm cho các hoạt động, hoạt động và quản lý cụ thể. Các quy tắc do các cơ quan có thẩm quyền xây dựng hoặc thay đổi trên cơ sở các thỏa thuận có hiệu quả; phần mềm hỗ trợ thực thi và ghi chép trong phạm vi được ủy quyền. Việc đóng góp, các quyền hợp lệ và hoạt động thực tế được xác nhận riêng biệt và hồ sơ phần mềm không tự động hình thành vốn chủ sở hữu hoặc các quyền và lợi ích khác.

Sau khi sử dụng nội bộ, tiếp tục kiểm tra việc sử dụng, bảo trì, sửa lỗi và thực hiện trách nhiệm, kiểm tra xem bộ phận nào có thể được tái sử dụng và bộ phận nào có điều kiện giao hàng, bảo trì và hỗ trợ độc lập. Trạng thái được ghi lại riêng cho mục đích sử dụng cá nhân và sản xuất: nó có thể tiếp tục được sử dụng và sửa đổi, hoặc các bộ phận đủ tiêu chuẩn có thể dần dần được hình thành thành các sản phẩm bên ngoài theo phiên bản và phạm vi áp dụng; nếu chưa đủ điều kiện hoặc chứng cứ thì được phép tạm thời không cung cấp cho công chúng. Chỉ vì có tên phương thức, cách triển khai phần mềm hoặc bản ghi sử dụng nội bộ, không có nghĩa là phần mềm đã hoàn thiện, đã được khởi chạy hoặc có khả năng chuyển giao cho các bên bên ngoài.

Tạo thành phần cung cấp bên ngoài, nhập thư mục tổng hợp thống nhất WISERUNION và liên kết các nhà cung cấp, phiên bản, khu vực quốc gia, phạm vi phân phối và trách nhiệm hỗ trợ bảo trì thực tế. Phản hồi về các vấn đề, chi phí, kinh nghiệm và trách nhiệm trong việc sử dụng nội bộ và nguồn cung cấp bên ngoài thực tế sẽ tiếp tục sửa đổi các phương pháp, phần mềm và nghiên cứu liên quan. Con đường này hướng tới công tác quản lý NST của chính tác giả. Nó không yêu cầu tất cả các nhà cung cấp hoặc tất cả các sản phẩm trong danh mục phải được Company Zero sử dụng, cũng như không thay đổi nguyên tắc đa nhà cung cấp, đa quốc gia và khu vực và cung cấp kết hợp dựa trên nhu cầu.

Hình R27 được sử dụng để minh họa quy trình hoạt động trên, các nhánh có điều kiện và các mối quan hệ phản hồi. Điều đó không có nghĩa là mỗi liên kết đã được triển khai hoặc mỗi sản phẩm phải bước vào giai đoạn tiếp theo theo trình tự. Tình trạng tự sử dụng, kiểm tra, sản xuất và cung cấp bên ngoài thực tế được đăng ký riêng.

Con đường sản xuất dần dần và tự sử dụng này kế thừa quan điểm vận hành hiện có của Công ty Số 0 và tiến độ cụ thể được đăng ký dựa trên nguyên liệu thực tế. [31]

Sản phẩm kiến thức và phương pháp

Các sản phẩm kiến thức và phương pháp như bản thảo sách, công cụ nghiên cứu, tài liệu đào tạo, tài nguyên và kỹ năng của think tank cũng có thể được đưa vào danh mục sản phẩm thống nhất dựa trên tình trạng cung cấp thực tế. Kiến thức công cộng, giới thiệu phương pháp, các công cụ có sẵn và các sản phẩm đã thỏa thuận phân phối được xác định riêng biệt và hồ sơ nguồn, phiên bản, phạm vi sử dụng và bảo trì được lưu giữ. [03, 04, 28]

Mặt hàng sản phẩm và kế hoạch cung cấp

Danh mục giải thích công dụng và khả năng của sản phẩm, đồng thời kế hoạch cung cấp cụ thể nêu rõ nhà cung cấp, phiên bản, khu vực quốc gia, phạm vi phân phối, giao diện và hỗ trợ. Cùng một mặt hàng có thể có nhiều kế hoạch cung ứng và nhà cung cấp mới cũng như sản phẩm mới có thể tiếp tục được thêm vào. Sau khi sản phẩm được đưa vào danh mục thống nhất, vẫn phải tìm ra nguồn kiến thức hoặc công nghệ cụ thể.

Danh mục dịch vụ thống nhất và cam kết nghiên cứu

Các chiến lược, nguồn vốn, thương hiệu hiện có và các dịch vụ chuyên nghiệp của WISERUNION được tích hợp vào cùng một danh mục dịch vụ và được trình bày thống nhất trong WISERUNION. Phần sau đây được nhóm theo các vấn đề của khách hàng và công việc chuyên môn, và các tên hiện có được giữ lại để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm nội dung gốc; khi lựa chọn, hãy kiểm tra các tên tương tự và phạm vi trùng lặp, đồng thời khớp các nhà cung cấp theo công việc cụ thể. [20, 23]

nhóm dịch vụ	Nội dung tích hợp hiện có	Công tác nghiên cứu chính
Chiến lược, hoạt động và quản trị	Dịch vụ hoạch định chiến lược cấp cao nhất; chẩn đoán chiến lược và lập kế hoạch kinh doanh; thiết kế mô hình kinh doanh và kinh tế; thiết kế quản trị các bên liên quan	Tọa độ A-E; xác định quyền sở hữu chính dựa trên mục tiêu kinh doanh, các vấn đề về tổ chức và quản trị
Vốn công nghiệp, tài chính và chiến lược vốn	Chiến lược và vốn hóa công nghiệp; tài chính quốc tế và giá trị lâu dài; tư vấn tài chính và vận hành vốn; tài chính kỹ thuật số và liên kết toàn cầu	D1-D3, quyền và trách nhiệm liên quan của E
IPO, M&A và Chứng khoán hóa	Niêm yết và mua bán sáp nhập; lập kế hoạch niêm yết và mua lại các đơn vị niêm yết; Thiết kế cấu trúc STO và triển khai phát hành	D1-D3; quan sát các thực thể, tài sản, giao dịch, biện pháp kiểm soát và đầu vào hoạt động
Thanh khoản và quan hệ nhà đầu tư	Hỗ trợ xây dựng thanh khoản và quản lý giá trị thị trường; quan hệ nhà đầu tư và chuyển vốn	Đ2, D3; Công khai hợp tác và kết nối trách nhiệm E
Phối hợp chuyên môn và triển khai kỹ thuật	Tuân thủ và phối hợp với các tổ chức chuyên môn; tư vấn kỹ thuật và thực hiện tùy chỉnh; niêm yết trao đổi và lắp ghép tiền tệ	A2、A3、D3、E3
Sản phẩm, thương hiệu và thị trường	Dịch vụ lập kế hoạch sản phẩm; dịch vụ hoạch định thương hiệu; dịch vụ thể hiện hình ảnh; quảng bá thương hiệu và tiếp thị	C1-C3; mối liên hệ giữa truyền đạt và ghi nhớ kiến thức A2, B1

nhóm dịch vụ	Nội dung tích hợp hiện có	Công tác nghiên cứu chính
Tri thức, đào tạo và hoạt động sinh thái	Trạm kiến thức cá nhân Zhixing; giáo dục tài chính và đào tạo quản lý mới; hoạt động sinh thái cộng đồng và công nghiệp; vận hành, bảo trì nền tảng và hỗ trợ khách hàng	B1—B3、C1、E3
Mở rộng quốc tế và hoạt động ở nước ngoài	Hỗ trợ hoạt động doanh nghiệp ở nước ngoài và ở nước ngoài	C1, C2, D1, kết nối tổ chức liên vùng

Tên dịch vụ giúp mô tả công việc được thực hiện và không thể sử dụng trực tiếp để tính số lượng kết quả không trùng lặp. Việc sáp nhập hay không tùy thuộc vào phạm vi dịch vụ, sản phẩm và trách nhiệm; tên cũ có thể được giữ lại làm bí danh tìm kiếm hoặc mô tả phạm vi và không thể thêm trực tiếp số lượng thư mục cũ. Lập kế hoạch sản phẩm và dịch vụ vẫn giữ nguyên phạm vi công việc tương ứng của chúng; sáp nhập, mua lại, tổ chức lại và tích hợp hoạt động trên diện rộng cũng nhận được hướng dẫn riêng từ các đơn vị niêm yết.

Danh mục dịch vụ tiếp tục được mở và các nhà cung cấp tiếp theo có thể bổ sung các khả năng mới hoặc cung cấp giải pháp cung cấp cho các dịch vụ hiện có ở các quốc gia, ngôn ngữ, phạm vi và điều kiện giao hàng khác nhau.

Lập kế hoạch, danh mục đầu tư và trách nhiệm

Khách hàng có thể lựa chọn một dịch vụ duy nhất hoặc kết hợp nhiều dịch vụ, sản phẩm thông qua việc hoạch định giải pháp. Ai sẽ cung cấp nó, nó sẽ được thực hiện với số lượng bao nhiêu, nó sẽ được phân phối và cộng tác như thế nào, nó sẽ được chấp nhận như thế nào và ai sẽ hỗ trợ nó và đảm nhận các trách nhiệm tiếp theo, tất cả sẽ rõ ràng dựa trên dự án thực tế. Dịch vụ tương tự có thể được cung cấp bởi các nhà cung cấp khác nhau. Chỉ vì nó được hiển thị trên nền tảng, không có nghĩa là nó phải được phân phối bởi chính nền tảng đó.

Cơ sở phương pháp và tài liệu nghiên cứu

Chẩn đoán và lập kế hoạch có thể sử dụng các think tank, bản thảo, công cụ, kỹ năng, đánh giá đóng góp, sổ cái bằng chứng dự án và tài liệu thương hiệu. Cần lưu giữ hồ sơ về các câu hỏi ban đầu, các lựa chọn so sánh, sản phẩm, văn bản chấp nhận, sửa đổi, sử dụng thực tế và hỗ trợ tiếp theo, sau đó đánh giá những gì kế hoạch đã thực hiện, những gì đã được thực hiện và những hiệu quả đã đạt được.

Mối liên hệ giữa giáo dục với nghiên cứu, ứng dụng khoa học

Giáo dục phải giải thích rõ ràng các kết quả nghiên cứu phù hợp để người dân hiểu, học hỏi và sử dụng. Bản thảo, hướng dẫn, khóa học, đào tạo và mô tả công cụ có thể được kết nối với các nhiệm vụ thực tế; học tập cộng đồng, các nguồn lực chuyên môn và dịch vụ kinh doanh có thể giúp bạn sử dụng chúng khi cần thiết, sau đó mang trở lại để nghiên cứu những gì bạn chưa hiểu, cách áp dụng nó trên thực tế và hiệu quả là gì. Giáo dục được thực hiện chung bởi năm khía cạnh hiện có và mối quan hệ chuyển đổi có thể được nhìn thấy trong Hình R22。

Nhà cung cấp, khu vực quốc gia và tổ chức chịu trách nhiệm

Hệ thống tổng hợp phải quản lý riêng nội dung cung cấp và ai thực sự cung cấp nó. Cùng một sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp có thể được liên kết với nhiều nhà cung cấp, nhiều quốc gia và khu vực; cùng một nhà cung cấp cũng có thể cung cấp nhiều loại vật tư trên nhiều khu vực.

mối quan hệ cung cấp nhiều-nhiều

vật thể	Ghi lại nội dung	Phương thức kết nối
mục nhập thư mục	Nhận dạng độ ổn định, loại P/S/L, vấn đề của khách hàng, chức năng hoặc phạm vi công việc, kiến thức và nguồn phiên bản	Liên kết một hoặc nhiều lựa chọn cung cấp và so sánh các mối quan hệ tương tự, thay thế hoặc kết hợp theo nội dung
nhà cung cấp	Thực thể, địa điểm, năng lực chuyên môn, vai trò cung ứng, địa chỉ liên hệ và phạm vi trách nhiệm	Có thể cung cấp nhiều mặt hàng hoặc có thể cung cấp cùng một mặt hàng hoặc gói khách hàng với sự cộng tác của các nhà cung cấp khác; vị trí và khu vực có thể sử dụng được ghi riêng
Các quốc gia và khu vực	Khu vực có thể sử dụng, ngôn ngữ, phiên bản áp dụng, điều kiện giao hàng và hỗ trợ	Là một khía cạnh bao quát của kế hoạch cung ứng, không bắt buộc phải hình thành mối quan hệ một địa điểm một doanh nghiệp.
Kế hoạch cung cấp cụ thể	Mặt hàng, nhà cung cấp, quốc gia, phiên bản, phạm vi, giao hàng, hỗ trợ và các điều kiện tương ứng	Mô tả những gì được cung cấp bởi ai và trong những điều kiện nào; có thể có nhiều lựa chọn cung cấp tương đương cho cùng một mặt hàng
Giải pháp cá nhân hóa của khách hàng	Mục tiêu của khách hàng, nguồn cung cấp và nhà cung cấp được lựa chọn, lý do kết hợp, vai trò và trách nhiệm, việc thực hiện và chấp nhận	Các giải pháp hoàn chỉnh có thể được áp dụng và điều chỉnh hoặc các sản phẩm và dịch vụ có thể được kết hợp giữa các nhà cung cấp hoặc khu vực

Trách nhiệm tổng hợp và phân phối

WISERUNION tổ chức trình bày danh mục, kết hợp nhu cầu, lựa chọn giải pháp và cộng tác. Công việc cụ thể do nền tảng thực hiện và được nhà cung cấp xác nhận theo thỏa thuận dự án. Việc lập kế hoạch, ký hợp đồng, phân phối và hỗ trợ vận hành có thể là trách nhiệm của cùng một thực thể hoặc công việc có thể được phân chia.

Nguồn, khả năng cung cấp, khu vực áp dụng và trách nhiệm của nhà cung cấp phải đúng sự thật và có thể kiểm chứng được. Danh mục tham khảo, tính sẵn có, giao dịch thực tế, chấp nhận giao hàng và hoạt động tiếp tục phải được ghi lại riêng biệt. Nếu các sản phẩm có sự khác biệt đáng kể về chức năng, quyền hoặc việc phân phối thì chúng phải là các mục độc lập và có thể chỉ ra mối quan hệ thay thế hoặc kết hợp. Chúng không thể được hợp nhất chỉ vì tên hoặc chức năng tương tự. Khi mối quan hệ cung cấp thay đổi, các thỏa thuận tiếp theo cho các phiên bản hiện hành và dự án của khách hàng cũng phải được duy trì.

giá trị nghiên cứu

Thực tiễn tổng hợp cung cấp các đối tượng quan sát về các ranh giới và phụ thuộc bên ngoài của A3, sự di chuyển năng lực của B3, giá trị khách hàng và các lựa chọn so sánh của C, các nguồn lực và điều kiện vốn của D cũng như các cam kết và thực hiện giữa các tổ chức của E.

Khi so sánh các nhà cung cấp khác nhau hoặc các thỏa thuận khu vực, cần ghi lại các điều kiện của khách hàng, lý do lựa chọn, sự khác biệt về nhiệm vụ, mức đầu tư bổ sung và phạm vi dịch vụ. Những khác biệt do việc lựa chọn nhà cung cấp hoặc khu vực gây ra không thể được hiểu trực tiếp là tác động của một công nghệ nhất định.

Hướng tham khảo giải pháp: đường dẫn vốn và kết nối thị trường

Sáu loại hướng giải pháp sau đây được đặt trong thư mục tổng hợp thống nhất WISERUNION để tham khảo lập kế hoạch cá nhân hóa. Mỗi hướng có thể được liên kết với các nguồn cung cấp cụ thể từ các nhà cung cấp và khu vực quốc gia khác nhau. Khi tiếp cận những khách hàng cụ thể, các sản phẩm và dịch vụ được kết hợp dựa trên các dự án, ngành, nhà cung cấp vốn và điều kiện thị trường, đồng thời làm rõ các điều kiện áp dụng và nội dung giao hàng. [21, 24]

L01 · Dự án STO

Đánh giá vốn hóa dự án, cơ cấu chứng khoán và chuẩn bị triển khai dựa trên các công nghệ, mô hình kinh doanh hoặc nguồn lực công nghiệp hiện có.

Nghiên cứu được thực hiện: D1—D3, liên kết E. Quan sát giai đoạn phát triển, việc sử dụng vốn và cơ cấu quyền ảnh hưởng như thế nào đến khoản đầu tư tiếp theo vào dự án.

L02 · TK công nghiệp

Sắp xếp hoạt động, tài sản và mối quan hệ hợp tác của các ngành trưởng thành, đồng thời nghiên cứu cơ cấu vốn phù hợp và xúc tiến hợp tác.

Nghiên cứu được thực hiện: D, liên kết E3. So sánh phạm vi hội nhập ngành, ranh giới tài sản, đầu tư của nhiều bên và sắp xếp rủi ro.

L03 · STO vốn hóa độc lập

So sánh các thỏa thuận mua lại và kiểm soát nền tảng vốn, các khoản đầu tư đang diễn ra cũng như các điều kiện quản trị và vận hành.

Nghiên cứu được thực hiện: Đ1, D3. Kiểm tra chi phí, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động của các nền tảng tự sở hữu và hợp tác bên ngoài.

L04 · Công ty niêm yết STO

Dựa trên các đơn vị niêm yết và quản trị hiện có, đánh giá kết nối chứng khoán, hoạt động vốn và giao tiếp với nhà đầu tư.

Nghiên cứu được thực hiện: Đ2, D3. Theo dõi mối liên hệ giữa thu xếp vốn, thông tin và đầu vào hoạt động thực tế.

L05 · Kế hoạch xây dựng thanh khoản chứng khoán

Kết hợp WBS, Omin Market, AssetX và các công nghệ khác với hoạt động thanh khoản và quan hệ nhà đầu tư.

Nghiên cứu được thực hiện: Đ2, D3. Quan sát việc hoàn thành khả năng tiếp cận, điều kiện thị trường, chi phí vốn và tài chính thực tế của doanh nghiệp tương ứng.

L06 · Niêm yết sàn giao dịch và kế hoạch ươm tạo ba tháng

Tổ chức kết nối công nghệ, phối hợp chuyên môn, cộng đồng thương hiệu và vận hành sân khấu; ba tháng là thời gian ủ bệnh.

Nghiên cứu được thực hiện: D3, liên kết với E3. Phân biệt giữa việc chuẩn bị, quyết định niêm yết, thực hiện hoạt động và kết quả tiếp theo.

Tên danh mục và tiến bộ nghiên cứu

Phần này giữ nguyên tên của kế hoạch kinh doanh hiện tại và thời gian phục vụ được ghi trong đó không được coi là thời gian thực hiện nghiên cứu này. Đường dẫn vốn phải được so sánh dựa trên điều kiện thực tế và tiến bộ nghiên cứu không được xác định dựa trên việc hoàn tất việc niêm yết, phát hành, niêm yết hoặc STO.

Hướng tham khảo giải pháp: vận hành và hợp tác số hóa

Bốn loại hướng giải pháp sau đây được đặt trong thư mục tổng hợp thống nhất WISERUNION để tham khảo lập kế hoạch cộng tác và kinh doanh. Các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp hoàn chỉnh cụ thể có thể đến từ các nhà cung cấp và khu vực quốc gia khác nhau. Lựa chọn và kết hợp các sản phẩm, dịch vụ dựa trên vai trò, quyền, nền tảng và điều kiện hoạt động của khách hàng để tạo thành các giải pháp cá nhân hóa; phân bổ nghiên cứu vẫn được xác định dựa trên các vấn đề chính. [21, 24]

L07 · Giải pháp ví cổ đông và thẻ đồng thương hiệu của công ty niêm yết

Kết hợp ví doanh nghiệp, quyền vai trò, giao diện dự án thẻ, cấu hình quy tắc và hoạt động liên tục.

Nghiên cứu được thực hiện: E1-E3, liên kết với C1. So sánh cách các tài khoản và sắp xếp lợi ích thay đổi cách sử dụng, mức độ tương tác và mức độ tương tác của khách hàng.

L08 · Giải pháp quản trị kỹ thuật số cho các bên liên quan

Thiết kế quản trị kết hợp, mô hình khuyến khích, cấu hình phần mềm và vận hành sinh thái, đóng góp của tổ chức, quyền và thẩm quyền ra quyết định.

Nghiên cứu được thực hiện: E, liên kết A2, B1. Kiểm tra xem thủ tục xem xét độc lập, thực thi quy tắc và phản đối có ảnh hưởng đến việc phân bổ và tái đầu tư hay không.

L09 · Giải pháp kinh doanh kỹ thuật số toàn cầu và vốn hóa

Kết hợp nền tảng kinh doanh kỹ thuật số, kênh thương hiệu, hoạt động ở nước ngoài và phối hợp chuyên môn để nghiên cứu đường dẫn vốn dựa trên các điều kiện.

Nghiên cứu được thực hiện: C, các cộng sự A, B, D. Đầu tiên hãy quan sát nhu cầu, việc thực hiện hợp đồng, thanh toán và hoạt động, sau đó phân tích hỗ trợ tài chính và tích lũy năng lực.

L10 · Kế hoạch xây dựng và vận hành nền tảng sinh thái Web3

Là cơ sở cho các giải pháp ứng viên và thiết lập dự án, nó tổ chức mô hình, DApp, hợp đồng, phụ trợ, xác minh và bàn giao vận hành.

Nghiên cứu được thực hiện: A, E, nối B, C, D theo dự án. So sánh các lựa chọn công nghệ, quy định về quyền và hoạt động đang diễn ra trong các tình huống cụ thể.

Sự kết hợp trong quy hoạch

Phần sau đây chỉ minh họa các thành phần tùy chọn và các mục cụ thể có thể thêm, thay thế hoặc điều chỉnh sản phẩm và dịch vụ.

P05 Ví doanh nghiệp + thiết kế quản trị và các dịch vụ khác → Giải pháp quản trị kỹ thuật số được cá nhân hóa. P07 Nền tảng kinh doanh kỹ thuật số + thương hiệu, hoạt động ở nước ngoài và các dịch vụ khác → Giải pháp kinh doanh kỹ thuật số được cá nhân hóa ở nước ngoài. Hệ thống chứng khoán và tài sản + tư vấn vốn, IR và các dịch vụ khác → Giải pháp về vốn hoặc thị trường phù hợp với điều kiện của khách hàng.

> Mười danh mục hướng giải pháp đóng vai trò là tài liệu tham khảo hiện có cho danh mục tổng hợp thống nhất của WISERUNION, danh mục này có thể được các nhà cung cấp và nhà cung cấp mở rộng sau này. Việc phân phối khách hàng cụ thể được cá nhân hóa dựa trên chẩn đoán và lập kế hoạch. Chức năng hệ thống, quyền truy cập chuyên nghiệp, quyền hiệu lực, vốn thực tế và kết quả hoạt động được kiểm tra riêng.

Điều kiện thăng tiến hành nghề tại Công ty Zero

Công ty Zero là đơn vị cung cấp thực tế tổng thể các kết quả nghiên cứu khoa học và là đối tượng chính của nghiên cứu theo chiều dọc. Nghiên cứu và hoạt động thực tế thúc đẩy lẫn nhau. Thông qua năm khía cạnh học thuật, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh và vốn, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về định hướng tổ chức, bản sắc tham gia, con người và nguồn lực của tổ chức, kinh doanh tạo ra lợi nhuận và phân bổ vốn, sau đó mang lại quy trình và kết quả thực tế cho nghiên cứu. Bước nào đạt được còn tùy thuộc vào điều kiện, bằng chứng, kết quả và không có thời hạn cố định. Các liên kết sau có thể song song, lặp lại, giảm phạm vi hoặc dừng tùy theo tình hình thực tế.

Liên kết khuyến mãi	Nhiệm vụ nghiên cứu và thực tiễn của Công ty Zero	Cơ sở để vào hoặc tiếp tục
Biến kết quả nghiên cứu khoa học thành các hoạt động thiết thực	Xác định rõ kết quả nghiên cứu nào sẽ được áp dụng, quyết định kinh doanh, quy tắc tổ chức, sản phẩm, dịch vụ hoặc thu xếp vốn nào sẽ được chuyển đổi thành; ghi lại các điều kiện áp dụng, cơ chế dự kiến và cơ sở điều chỉnh	Kết quả phù hợp với vấn đề thực tế, đối tượng thực hiện, người chịu trách nhiệm, nguồn lực và phạm vi quan sát rõ ràng
Đối tượng nghiên cứu và chuẩn bị đo lường	Chọn nhiệm vụ thực tế, chuỗi kinh doanh hoặc mối quan hệ hợp tác của riêng bạn và làm rõ các đối tượng, quyền, dữ liệu, người dùng kết quả và sắp xếp so sánh.	Các đối tượng và phạm vi rõ ràng, đầu vào và kết quả có thể được theo dõi, đồng thời có sẵn các điều kiện ghi chép và xem xét cần thiết.
Hoạt động năm chiều và phản hồi thực tế	Theo dõi đầu vào, cách sử dụng, kết quả và sửa đổi, đồng thời liên hệ các câu hỏi nghiên cứu trên các sản phẩm học thuật, cộng đồng và hoạt động đồng xây dựng, kết nối giữa con người và tổ chức, phân phối thương mại và các vấn đề về vốn	Có công việc thực tế và hồ sơ có thể kiểm chứng, có thể phân biệt kết quả hoạt động, quyền sở hữu đối tượng và giải thích nghiên cứu.
So sánh cơ chế tổ chức và thực hiện	So sánh các thỏa thuận về AI, quy trình, ủy quyền, bàn giao và bảo trì kiến thức, đồng thời quan sát những thay đổi về năng lực tổ chức và thực thi	Các nhiệm vụ cơ bản và có thể so sánh được có sẵn để phân biệt giữa công nghệ, sắp xếp tổ chức và lao động bổ sung.
Duy trì khả năng và quan sát hoạt động vốn	Kiểm tra hiệu suất sau khi thay thế, dụng cụ và bảo trì; theo dõi ngân sách thực tế, đường dẫn vốn, điều kiện tài chính và quyết định đầu tư	Khả năng đạt được mức sử dụng và hiệu suất tiếp theo; ghi lại những thay đổi về vốn, tài sản, kiểm soát và rủi ro khi các quyết định thực tế diễn ra
Kiểm tra tài khoản vốn dài hạn và quản trị hợp tác xã	Trong các mối quan hệ thực tế và các thỏa thuận hiệu quả, hãy theo dõi danh tính, khoản đầu tư, đánh giá đóng góp, quyền và trách nhiệm, hiệu suất và khoản đầu tư tiếp theo	Các quy định và thẩm quyền rõ ràng, cơ sở xác nhận có thể được xem xét và có thể phân biệt được việc thiết kế, xác lập quyền và lợi ích và việc thực hiện thực tế
Rà soát, tích hợp và các vấn đề mới	Xem xét các nhiệm vụ, quy trình hoặc mối quan hệ khác nhau, so sánh các kết quả bất lợi và cập nhật các mô hình, phương pháp và phạm vi nghiên cứu	Bằng chứng hỗ trợ các kết luận đủ điều kiện trong khi vẫn để ngỏ các giải thích thay thế, các điều kiện vô hiệu và các câu hỏi mở

Sự sắp xếp về công nghệ và tổ chức, khách hàng và kết quả hoạt động, đầu tư vốn và năng lực, tài khoản vốn dài hạn và quản trị hợp tác đều có thể hình thành các lộ trình nghiên cứu có thể so sánh được của riêng chúng. Các liên kết trong bảng được nhóm theo các vấn đề cụ thể và việc quảng cáo tài khoản hoặc thiết kế hệ thống không thể thay thế việc so sánh và kiểm tra các chủ đề khác.

Chỉ những vấn đề thực tế của Company Zero mới được đưa vào chỉ số thăng hạng. Các trường hợp bên ngoài được sử dụng để so sánh và xác định ranh giới, đầu vào và hiệu suất của đối tác và khách hàng được ghi lại riêng biệt. IPO, phát hành chứng khoán, STO, mua bán và sáp nhập, v.v. đều là những con đường có điều kiện và không được coi là những sự kiện bắt buộc phải có để thăng tiến.

Kết nối công việc với các ví dụ thực tế hoàn chỉnh

Chọn một dự án nội bộ hoặc khách hàng có phạm vi phù hợp và kết quả phân phối rõ ràng, đồng thời sắp xếp các yêu cầu, vai trò, phiên bản, phân phối và sử dụng, chấp nhận giá trị, đánh giá đóng góp, doanh thu và chi tiêu, quyền áp dụng và đánh giá thành một chỉ mục chung để giúp hiểu cách Company Zero thực sự hoạt động.

Dưới đây, vòng xây dựng văn bản và đồ họa V1.3 đã phân phối được liệt kê dưới dạng ví dụ về tài liệu nội bộ, với các dữ kiện hiện có và trạng thái đang chờ xử lý được nêu rõ ràng. Các dự án tiếp theo sẽ được tích lũy theo cơ cấu tương tự. Xem Hoàn thành ví dụ thực hành. Chỉ vì các lĩnh vực có thể được kết nối không có nghĩa là mọi vấn đề kinh doanh đã được hoàn thành. Hai điều này được giải thích riêng biệt; sự thăng tiến vẫn dựa trên các điều kiện và bằng chứng.

Chỉ số và đánh giá nghiên cứu của công ty Zero

đơn vị quan sát chung

đơn vị	Ghi liên tục
Nhiệm vụ và quy trình	Điều kiện nhiệm vụ, người thực hiện và công cụ, trách nhiệm và quyền hạn, nguồn lực, bàn giao, kết quả, chấp nhận, sử dụng tiếp theo, bảo trì và tái sử dụng
Dự án thương mại và quan hệ khách hàng	Chẩn đoán nhu cầu, lựa chọn sản phẩm hoặc dịch vụ, lập kế hoạch và kết hợp giải pháp, lựa chọn nhà cung cấp, quốc gia và khu vực, thỏa thuận trách nhiệm, chấp nhận giá trị của người dùng, sử dụng thực tế, thanh toán của khách hàng, lợi nhuận chi phí, tiền mặt, mua lại và tái sử dụng năng lực
Bản sắc cộng đồng và cùng xây dựng các mối quan hệ	Trạng thái tham gia cơ bản, danh mục miễn phí hoặc trả phí, vai trò đồng xây dựng tiếp theo, phí thành viên và dịch vụ, ủy quyền nhiệm vụ, đóng góp, thực hiện, duy trì và thoát khỏi
Sự hợp tác của con người, tổ chức và nguồn lực	Nguồn thông tin, kiến thức chuyên môn và các mối quan hệ, sự sẵn sàng liên hệ và tham gia, sự ủy quyền, khả năng sẵn có, sự phù hợp với nhu cầu, kết quả cung cấp và hợp tác thực tế
Sự kiện đầu tư và vốn	Mục tiêu, lộ trình ứng cử viên, chủ đề và điều kiện thị trường, ngân sách, điều khoản, những thay đổi thực tế về quỹ hoặc nguồn lực, cơ sở quyết định và hậu quả
Quan hệ và tài khoản các bên liên quan	Nhiều vai trò, kết quả đầu vào và bằng chứng, xác nhận và xem xét các đóng góp tham gia, quyền và trách nhiệm được xác nhận hoặc thiết lập, hiệu suất, phản đối, tiếp tục và thoát khỏi; gắn liền với việc chấp nhận giá trị thông qua việc xác định dự án chung
Phiên bản thực tế của kết quả nghiên cứu khoa học	Cơ sở nghiên cứu, giải thích của ứng viên, điều kiện áp dụng, quyết định áp dụng, phiên bản thực hiện, sai lệch, kết quả thực tế, phản ví dụ và sửa đổi phản hồi

đơn vị	Ghi liên tục
Phiên bản tổ chức và quy tắc	Đối tượng và phạm vi áp dụng, người ra quyết định, cơ sở hiệu lực, lý do thay đổi, ủy quyền, trách nhiệm và tác động đến công việc thực tế

Ví dụ thực tế hoàn chỉnh: ví dụ lập chỉ mục và xây dựng nội bộ

Ví dụ thực hành hoàn chỉnh trước tiên chọn một dự án nội bộ hoặc khách hàng với phạm vi phù hợp và kết nối các yêu cầu, vai trò, phiên bản làm việc, phân phối và sử dụng, chấp nhận giá trị của khách hàng, đánh giá đóng góp tham gia, doanh thu và chi tiêu, quyền áp dụng và đánh giá. Mỗi mục được liên kết với một dự án chung và mã định danh thành tích và có thể được ghi song song.

Sự đầy đủ được đề cập ở đây có nghĩa là các vấn đề, trạng thái và cơ sở có thể được tham khảo lẫn nhau. Đã xảy ra, chưa xảy ra, dữ liệu chưa được cung cấp và chưa được xác nhận phải được đánh dấu riêng. Các dự án nội bộ phải được người dùng nội bộ chấp nhận giá trị và được tổ chức theo tài liệu thực tế. Không giả định rằng đã có giao dịch với khách hàng bên ngoài.

Hình R28 · Ví dụ thực hành hoàn chỉnh: từ yêu cầu đến đánh giá

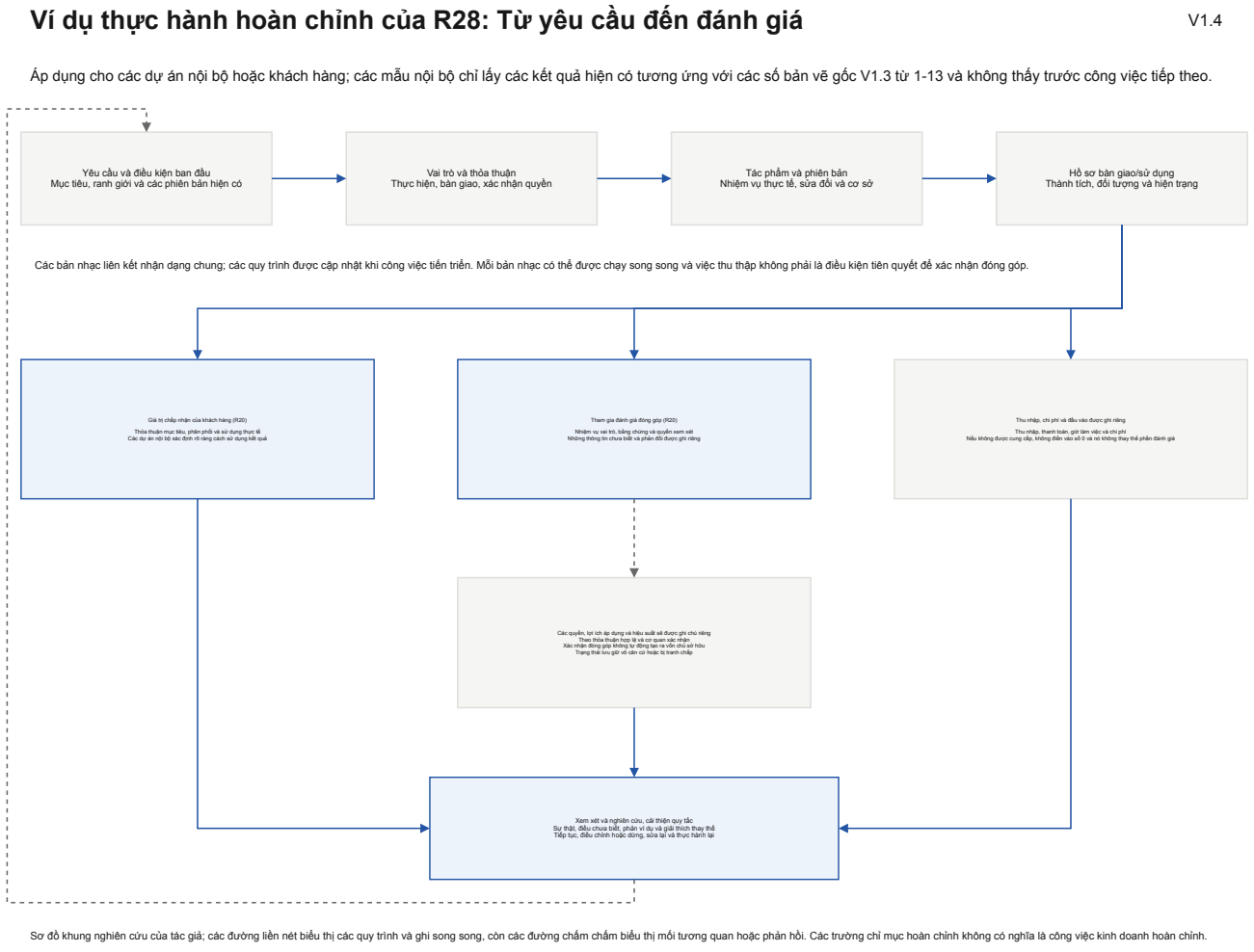

Sử dụng cùng một dự án và nhận dạng thành tích để kết nối các yêu cầu, phân công lao động, phiên bản công việc và phân phối; sự chấp nhận giá trị của khách hàng, đánh giá đóng góp tham gia, doanh thu và chi tiêu cũng như các quyền và lợi ích áp dụng được ghi lại riêng biệt, sau đó được xem xét và sửa đổi các quy tắc và nghiên cứu. Mỗi bản nhạc có thể được chạy song song và các mục đang chờ xử lý sẽ giữ nguyên trạng thái của chúng.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Thiết lập danh tính chung cho dự án nội bộ hoặc khách hàng ở phạm vi thích hợp, ghi lại các yêu cầu ban đầu, vai trò và thỏa thuận tham gia, quyền được xác nhận, công việc và phiên bản thực tế, sản phẩm bàn giao và trạng thái sử dụng. Các tài liệu xử lý được cập nhật với các nhiệm vụ và mỗi rãnh có thể được chạy song song. Đóng góp không thể được xác nhận cho đến khi nhận được thanh toán. Sự chấp nhận giá trị của khách hàng dựa trên thỏa thuận mục tiêu, việc giao hàng và sử dụng thực tế. Các dự án nội bộ xác định rõ ràng người sử dụng kết quả. Việc xem xét đóng góp tham gia dựa trên nhiệm vụ vai trò, bằng chứng thực tế và xác nhận của các đơn vị có thẩm quyền. Những ý kiến chưa biết và phản đối được giữ lại và hai quy trình R20 được thông qua. Thu nhập và chi phí, giờ làm việc và chi phí được ghi riêng và không được phép sử dụng số 0 nếu không được cung cấp. Các quyền, lợi ích áp dụng và việc thực hiện được xử lý riêng biệt dựa trên các thỏa thuận hợp lệ và cơ quan xác nhận. Xác nhận đóng góp không tự động tạo ra vốn chủ sở hữu. Kết quả của mỗi lộ trình được xem xét và các kỳ vọng, sự kiện, chi phí, ví dụ phản biện và giải thích thay thế được so sánh và các quyết định được đưa ra để tiếp tục, điều chỉnh hoặc dừng và được phản hồi lại cho nghiên cứu,

quy tắc và vòng yêu cầu tiếp theo. Các ví dụ thực tế nội bộ tại thời điểm đó chỉ bao gồm bản thảo V1.3 và bản vẽ gốc số 1-13, tác phẩm mới của bản vẽ gốc số 14-17 sẽ không được đưa vào trước; sự tương ứng giữa các số lịch sử và phiên bản này được thể hiện trong bảng so sánh số bản vẽ. Một chỉ mục đầy đủ không có nghĩa là tất cả các hoạt động đã được hoàn thành.

Chỉ mục mẫu có thể tái sử dụng

chỉ mục	Những gì cần được kết nối
Dự án, yêu cầu và ranh giới	Ai hỏi câu hỏi gì, mục tiêu và điều kiện ban đầu, phạm vi dự án, những thay đổi về yêu cầu, điểm giới hạn quan sát
Vai trò và thỏa thuận tham gia	Ai đề xuất yêu cầu, thực hiện, phối hợp, sử dụng, nghiệm thu và đánh giá; ủy quyền, trách nhiệm và bàn giao
Công việc, phát hành và giao hàng	Công việc thực tế và sửa đổi, đầu vào và phiên bản, sản phẩm, đối tượng phân phối, hỗ trợ bảo quản và theo dõi
Sự chấp nhận giá trị của người dùng	Mục tiêu và thỏa thuận, chất lượng giao hàng, ý kiến chấp nhận, sử dụng thực tế và giá trị tiếp theo
Tham gia đánh giá đóng góp	Nhiệm vụ vai trò, đầu vào và kết quả thực tế, bằng chứng, quyền xác nhận và xem xét, phản đối và trạng thái
Thu nhập, chi tiêu và đầu tư	Thực tế thu, chi, thời gian làm việc, công cụ dụng cụ và các chi phí khác, chứng từ và chuẩn mực kế toán; số tiền không cung cấp sẽ được giữ lại.
Quyền, trách nhiệm và hiệu suất áp dụng	Các thỏa thuận có hiệu lực, các loại quyền và trách nhiệm, điều kiện thành lập, hoạt động thực tế, tranh chấp và liên kết tài khoản dài hạn
Xem xét, sửa đổi và theo dõi	Kỳ vọng và thực tế, vấn đề và phản ví dụ, quy tắc phương pháp luận và sửa đổi nghiên cứu, các vấn đề đang chờ xử lý và các cam kết tiếp theo

Sự chấp nhận giá trị của khách hàng và xem xét đóng góp và áp dụng Hình R20 Có hai quá trình; doanh thu, chi phí và vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo cơ sở tương ứng. Thực tế phân phối, sử dụng thực tế, xác nhận đóng góp và hoàn thành vốn chủ sở hữu được giữ lại ở các trạng thái riêng biệt và sau đó được liên kết thông qua cùng một dự án.

Ví dụ xây dựng nội bộ: Bản sửa đổi V1.3 về hoạt động năm chiều và sơ đồ chiến lược bốn vốn

Ví dụ này lấy vòng kết nối vận hành này để bổ sung cho vòng sửa đổi V1.3 đã phân phối trước đó làm tài liệu thực sự cho hoạt động nghiên cứu nội bộ và xây dựng kiến thức. Vòng này bao gồm bản thảo và 13 bức tranh kèm theo với số bản vẽ gốc từ 1-13 của V1.3; xem sự tương ứng giữa các số gốc và phiên bản này.Bảng so sánh số hình. Các kết nối vận hành mới được thêm vào trong vòng này được ghi lại riêng biệt để tránh tính trước công việc tiếp theo là kết quả đã hoàn thành.

vấn đề	Các tài liệu và sự kiện hiện có	Tình trạng và theo dõi
Yêu cầu dự án	Tác giả yêu cầu thay đổi hoạt động ba bên thành năm khía cạnh học thuật, cộng đồng, nguồn lực, kinh doanh và vốn trong V1.3, đồng thời việc thể hiện bốn vốn được thắt chặt thành logic nguyên tắc của quản lý tài sản và chiến lược hoạt động lâu dài	Duy trì số phiên bản; năm hướng nghiên cứu, mười lăm dòng chính và định vị đóng góp ban đầu sẽ tiếp tục
Vai trò và sự hợp tác	Tác giả đề xuất mục tiêu, phản hồi và chịu trách nhiệm rà soát, tổ chức phân công, tích hợp và tiếp thu, hoàn thiện đồ họa, văn bản theo nhóm	Nhiệm vụ và chuyển giao có thể được xác minh; đầu vào đầy đủ và kết quả xác nhận đóng góp chính thức đang chờ xử lý.
Công việc và phiên bản	Sửa đổi văn bản có liên quan; V1.3 hình ảnh gốc 11 cập nhật hoạt động năm chiều, hình ảnh gốc 13 mới rút ra logic chiến lược lâu dài của bốn thủ đô và mười một hình ảnh còn lại tuân theo phiên bản được chấp nhận	Trong vòng này, các hình ảnh 11 và 13 gốc của V1.3 đã thực sự được xuất và xem, đồng thời các bản ghi xác minh hình ảnh, văn bản và tệp vẫn được giữ lại.
Giao hàng và sử dụng nội bộ	Bản thảo V1.3, 13 hình ảnh nguồn Draw.io, SVG, PNG, danh sách hình ảnh, hồ sơ nghiệm thu và gói hoàn chỉnh đã được lưu; bản thảo tiếp tục được sử dụng để tác giả thảo luận và sửa đổi tiếp theo	Việc gửi tài liệu và sử dụng nội bộ có thể được xác nhận; dữ liệu về hiệu quả thương mại và sử dụng của khách hàng bên ngoài không được cung cấp
Sự chấp nhận giá trị của người dùng nội bộ	Phối hợp và hoàn thành việc xuất Draw.io thực, xem từng hình ảnh, xác minh văn bản, hình ảnh và liên kết cục bộ, đồng thời sửa đổi các yêu cầu năm chiều và bốn chiều do tác giả đề xuất	Việc giao hàng và xác minh nội dung đã được hoàn thành; Đánh giá cuối cùng của tác giả và các hiệu ứng tiếp tục sử dụng được ghi lại riêng biệt
Tham gia đánh giá đóng góp	Phân công lao động, phiên bản, sản phẩm đồ họa và tài liệu nghiệm thu có thể được sử dụng làm đầu vào đánh giá và liên quan trong cùng một dự án	Cơ quan xác nhận đóng góp, đầu tư hoàn chỉnh và kết quả đánh giá chính thức đang chờ xử lý; lối vào phản đối và xem xét được bảo lưu.
Thu nhập và chi tiêu và các quyền áp dụng	Các tài liệu hiện tại không cung cấp doanh thu, thanh toán, số giờ làm việc hoàn chỉnh, số tiền chi phí và các thỏa thuận phân bổ vốn hoặc thù lao cụ thể.	Ghi “Thông tin chưa được cung cấp/cần xác nhận”; không thay thế những điều chưa biết bằng 0, các quyền, trách nhiệm và việc thực hiện cụ thể sẽ được xử lý trên cơ sở thực tế
Xem xét và cải tiến	Phản hồi của tác giả đã dẫn đến việc điều chỉnh từ ba chiều thành năm chiều, thắt chặt ranh giới chiến lược của bốn thủ đô và điều phối viên đã kiểm tra lại đồ họa và văn bản.	Tài liệu quy trình "phản hồi-sửa đổi-xác minh" đã được hình thành; quá trình theo dõi sẽ tiếp tục ghi lại phản hồi sử dụng, trạng thái đầu vào và xác nhận

Ví dụ này hiển thị quy trình làm việc và trạng thái chờ xử lý có thể được kiểm tra. Việc phân phối và xác minh trực quan, đánh giá của tác giả, hiệu quả sử dụng thực tế và bằng chứng lý thuyết được đánh giá riêng biệt;

các dự án thực tế tiếp theo có thể tích lũy các tài liệu quản lý, đóng góp và thực hiện hoàn thiện hơn theo cùng một chỉ số.

Hình R29 · Trình tự thu thập chứng cứ cho ba chủ đề chính

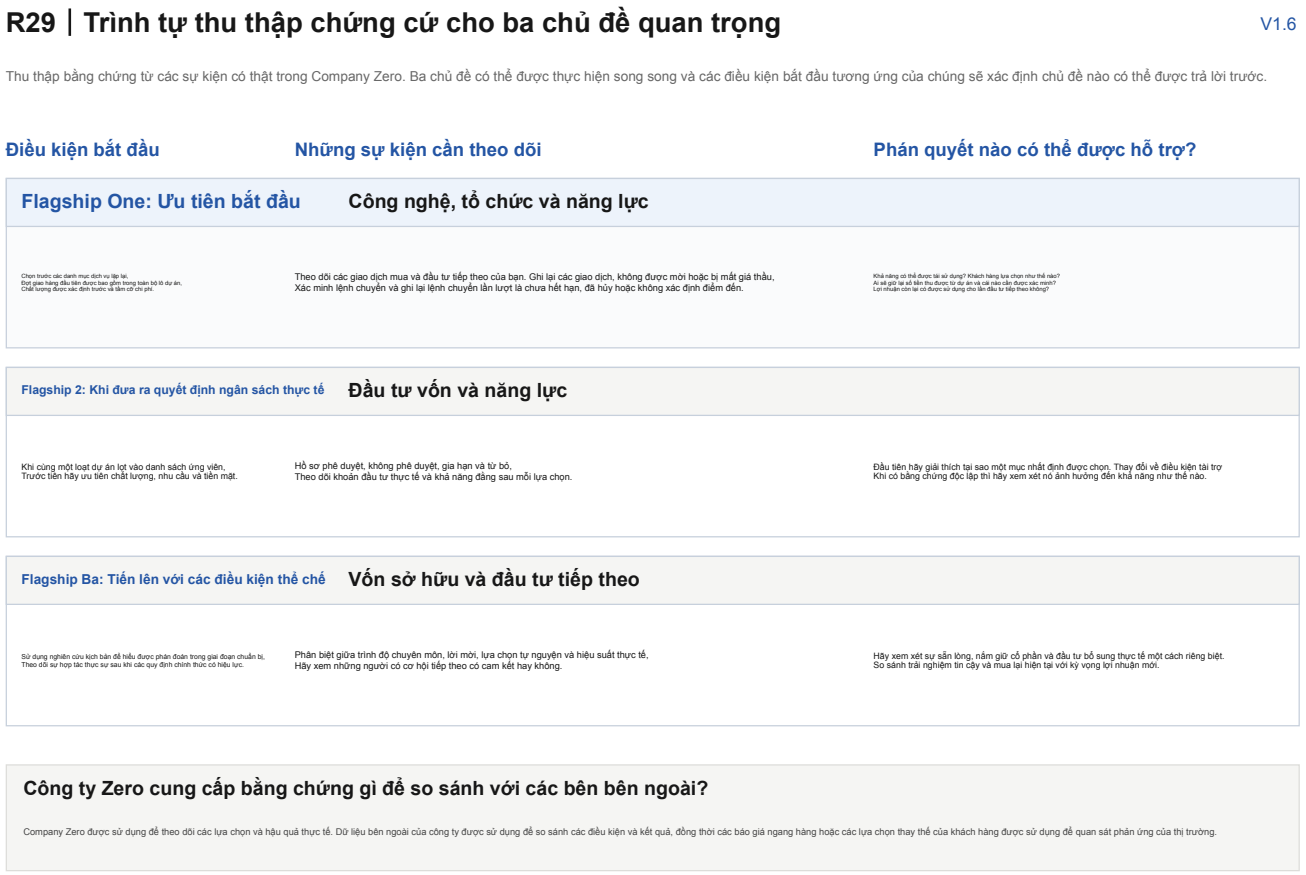

Flagship One ưu tiên lấy chứng chỉ ngay từ đợt giao hàng đầu tiên từ khách hàng và tiếp tục theo dõi toàn bộ lô dự án. Flagship 2 thu thập bằng chứng dựa trên các quyết định ngân sách thực tế và Flagship 3 nghiên cứu các ý định và hành vi tương ứng dựa trên việc chuẩn bị hệ thống và triển khai chính thức. Cả ba có thể được thực hiện song song.

Draw.io có thể chỉnh sửa · Xem trước SVG · xem trước PNG

Văn bản tương đương: Flagship chọn trước các danh mục dịch vụ có thể lặp lại cũng như các tiêu chuẩn về chất lượng và chi phí rồi đưa chúng vào toàn bộ lô dự án ngay từ đợt giao hàng đầu tiên. Theo dõi lựa chọn mua hàng và đầu tư tiếp theo, đồng thời ghi lại giao dịch, giao dịch mua không được mời, giá thầu không thành công, chưa hết hạn, nhu cầu bị hủy và điểm đến không xác định. Xác nhận có chuyển đơn hàng khi có bằng chứng và giữ dự án ngay cả khi không báo giá lại. So sánh xem các khả năng có thể được tái sử dụng hay không, cách khách hàng lựa chọn, ai nhận được lợi ích của dự án, lợi ích ròng nào cần được xác minh và liệu có nên đầu tư lại vào lần sau hay không. Flagship 2 đăng ký cùng một loạt dự án thay thế và chất lượng, nhu cầu cũng như kỳ vọng về tiền mặt tại thời điểm đó trước khi quyết định ngân sách thực được đưa ra và ghi lại việc phê duyệt, không phê duyệt, hoãn lại, từ bỏ và những thay đổi tiếp theo. Khi có cơ sở độc lập về sự khác biệt trong điều kiện tài trợ, vai trò của tài trợ sẽ được xem xét lại. Flagship Three sử dụng nghiên cứu kịch bản để quan sát và đánh giá trong giai đoạn chuẩn bị và sau khi các quy tắc có hiệu lực, nó sẽ theo dõi trình độ chuyên môn, lời mời, lựa chọn tự nguyện, mức độ thực hiện và đầu tư thực tế cho cơ hội tiếp theo. Cả ba có thể được thực hiện song song. Company Zero cung cấp các lựa chọn và kết quả thực tế, dữ liệu bên ngoài của

công ty được sử dụng để so sánh các điều kiện và kết quả, đồng thời báo giá ngang hàng hoặc lựa chọn thay thế của khách hàng được sử dụng để quan sát phản ứng của thị trường.

Quay lại cách sắp xếp thu thập bằng chứng cho ba chủ đề hàng đầu

Đánh giá do sự kiện kích hoạt

Sau khi kết quả nghiên cứu khoa học được chuyển thành các thỏa thuận thực tế, bàn giao nhiệm vụ quan trọng, chấp nhận của khách hàng, thay đổi bản sắc cộng đồng hoặc vai trò đồng xây dựng, thay đổi dịch vụ thành viên và hợp tác tài nguyên, thay đổi quy tắc, quyết định về vốn, thực hiện quyền, giải quyết tranh chấp, tiếp tục hoặc rút lui hợp tác, v.v., kiểm tra kỳ vọng, sự kiện, chi phí, giải thích thay thế và cơ sở điều chỉnh. Đánh giá được bắt đầu dựa trên các sự kiện và bằng chứng và không có tần suất hoặc thời hạn cố định.

Tiếp tục, điều chỉnh hoặc dừng

Việc tiếp tục, điều chỉnh hay dừng tùy thuộc vào việc mục tiêu có rõ ràng hay không, liệu có thể thu được dữ liệu cần thiết hay không, so sánh có hợp lệ hay không, liệu kết quả sử dụng có thể được theo dõi hay không và liệu chi phí và rủi ro có thể được chấp nhận hay không. Khi không đủ điều kiện, hãy thực hiện các phép đo bổ sung, thu hẹp phạm vi, điều chỉnh thiết kế hoặc dừng dự án tương ứng.

Đánh giá độc lập và kết quả bất lợi

Phân biệt giữa ý định thiết kế và hoạt động thực tế. Các đánh giá quan trọng được giữ lại để xem xét các tài liệu và được phép phản đối để đánh giá đóng góp; chất lượng suy giảm, đầu tư bổ sung, tập trung kiểm soát, thất bại trong hoạt động, đình chỉ hợp tác và không có sự cải thiện nào được ghi nhận. Những quan sát lặp đi lặp lại của một tổ chức duy nhất được giải thích ở cấp độ nghiên cứu của họ.

Đầu vào, quyền và kết quả của Company Zero, khách hàng, đối tác và nhà cung cấp phần mềm được trao riêng và các vấn đề bên ngoài sẽ không được đưa vào hoạt động của Company Zero.

Kết nối và phân bổ kết quả năm chiều

Thiết lập mối tương quan giữa hồ sơ học thuật, cộng đồng, tài nguyên, kinh doanh và vốn cho cùng một dự án, giao dịch, chủ đề hoặc thành tích, đồng thời kiểm tra các sản phẩm nghiên cứu, danh tính và vai trò, con người và tổ chức, nguồn cung cấp tài nguyên thực tế, thu nhập kinh doanh, phí thành viên, đầu tư vốn và các quyền và trách nhiệm tương ứng tương ứng để tránh đo lường lặp lại cùng một vấn đề. Chất lượng tài nguyên được kiểm tra dựa trên kết quả về khả năng thích ứng, độ tin cậy, mức sử dụng thực tế và năng lực vận hành. Số tiền tài trợ được đối chiếu với thu nhập kinh doanh, hồ sơ tài khoản bằng tiền mặt thực tế và định giá với lợi nhuận thực hiện.

Việc đánh giá cũng phải trả lời: hoạt động có tạo ra và nhận ra giá trị không; giải thích nghiên cứu nào đã được hỗ trợ, sửa đổi hoặc từ chối bởi thực tiễn này. Sau đó, những điều chỉnh thực tế sẽ được sử dụng cho phiên bản tiếp theo của kết quả nghiên cứu khoa học và đợt triển khai tiếp theo.

Mục lục nguồn · Nghiên cứu và phương pháp

Sau đây là phần giới thiệu các kết quả và phương pháp công khai tương ứng với đề cương. Các liên kết có thể nhấp được; nội dung trang web và phiên bản tập tin có thể được cập nhật liên tục. Ngày xác minh dữ liệu: ngày 25 tháng 11 năm 2026.

- **[01] Mô hình quản trị kỹ thuật số sinh thái của các bên liên quan** https://yutengfei.com/zh/journal/stakeholder-ecosystem-governance/
- **[02] Bốn mô hình quản trị sinh thái: Đóng góp, quyền và hợp tác khép kín** https://yutengfei.com/zh/journal/four-ecology-governance-model/
- **[03] Chủ nghĩa tư bản các bên liên quan** https://yutengfei.com/zh/books/stakeholder-capital/
- **[04] Blockchain - công nghệ nền tảng của vốn cổ đông** https://yutengfei.com/zh/books/blockchain/
- **[05] Từ quyền ưu tiên của cổ đông đến công ty có liên quan** https://yutengfei.com/zh/papers/from-shareholder-primacy-to-stakeholder-corporation/
- **[06] Bài I: Nhận thức về sự công bằng và đóng góp tự nguyện** https://yutengfei.com/zh/papers/stakeholder-fairness-voluntary-contribution/
- **[07] Bài II: Quyền lực, đóng góp chiến lược và phân phối giá trị** https://yutengfei.com/zh/papers/stakeholder-power-strategic-contribution/
- **[08] Bài III: Biến phản hồi thành hành động chiến lược** https://yutengfei.com/zh/papers/stakeholder-feedback-strategic-action/
- **[09] Tài liệu IV: Xung đột liên thời gian và hợp tác liên tục** https://yutengfei.com/zh/papers/intertemporal-conflict-cooperation/
- **[10] Hệ thống tái thiết năng lực kinh doanh AI của doanh nghiệp** https://yutengfei.com/zh/journal/enterprise-ai-capability-reconstruction/
- **[11] SOP bốn chiều** https://yutengfei.com/zh/journal/four-way-sop/
- **[12] Từ SOP đến Kỹ năng** https://yutengfei.com/zh/journal/sop-to-ai-skill/
- **[13] Hành động, kết quả và lượng mưa** https://yutengfei.com/zh/journal/action-results-organizational-capability/
- **[14] Mô hình vốn hình thành một vòng khép kín như thế nào?** https://yutengfei.com/zh/journal/capital-mechanism-model/
- **[15] Logic vốn và con đường lý thuyết vốn của các bên liên quan** https://yutengfei.com/zh/blog/stakeholder-capital-logic-and-paths/
- **[16] Phân tích một dự án sử dụng bốn nguồn lực và chu trình kép** https://yutengfei.com/zh/journal/four-assets-dual-cycle-project-analysis/

Chỉ mục nguồn · Kinh doanh & Thực hành

- **[17] Bảng so sánh chín chiều đường dẫn vốn** https://yutengfei.com/zh/journal/capital-path-nine-dimension-comparison/
- **[18] Hoạt động công nghiệp và thu xếp vốn hỗ trợ lẫn nhau như thế nào?** https://yutengfei.com/zh/journal/industry-operations-capital-alignment/
- **[19] Từ ghi nhận đóng góp đến hiện thực hóa vốn chủ sở hữu** https://yutengfei.com/zh/journal/from-contribution-to-rights-fulfillment/
- **[20] Dịch vụ cá nhân: Chiến lược, Vốn và Thương hiệu** https://yutengfei.com/zh/services/

- **[21] Giải pháp website cá nhân** https://yutengfei.com/zh/solutions/
- **[22] WISERUNION bảy loại sản phẩm kỹ thuật** https://wiserunion.com/products/
- **[23] WISERUNION mười bảy dịch vụ** https://wiserunion.com/services/
- **[24] WISERUNION mười loại giải pháp** https://wiserunion.com/solutions/
- **[25] Định vị WISERUNION, phân công lao động và vị thế của công ty số 0** https://wiserunion.com/about/
- **[26] Ten Billion Maple Group: Kết quả giai đoạn thương hiệu và truyền thông** https://wiserunion.com/cases/baiyifeng/
- **[27] Trường hợp trạm tri thức cá nhân Zhixing** https://wiserunion.com/cases/weitengfei/
- **[28] Danh mục kỹ năng và phương pháp AI** https://yutengfei.com/zh/skills/
- **[29] Biên bản góp ý và phiếu phản biện** https://yutengfei.com/zh/journal/contribution-record-review/
- **[30] Cơ chế hình thành mối quan hệ vốn lâu dài giữa các bên liên quan** https://yutengfei.com/zh/journal/stakeholder-long-term-capital-mechanism/
- **[31] Tiếp theo Công ty Zero sẽ hoạt động như thế nào?** https://yutengfei.com/zh/blog/company-zero-operating-model/

> Tổ chức nghiên cứu, chủ đề ứng viên, các thỏa thuận so sánh và quảng bá thực tế của Công ty Zero trong văn bản chính thuộc về tuyên bố lập kế hoạch của đề cương này. Trang nguồn được sử dụng để kiểm tra các mô hình, tài liệu, danh mục và trạng thái công khai hiện có.

Mục lục nguồn·Định vị học thuật và mô hình bổ sung

Sau đây là quyền truy cập công khai vào các định nghĩa lĩnh vực chính thức của Hiệp hội, vị trí bổ sung và các khái niệm thể chế. Ngày lập biên bản xác minh nguồn gốc là ngày 25/11/2026; ngày được sử dụng cho phiên bản và bản ghi dữ liệu và không có thời hạn xúc tiến nghiên cứu nào được ấn định.

- **[32] Thư mục khu vực nghiên cứu của AOM** https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/
- **[33] Strategic Management（STR）** https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/strategic-management/
- **[34] Communication, Digital Technology, and Organization（CTO）** https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/communication-digital-technology-and-organization/
- **[35] Technology and Innovation Management（TIM）** https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/technology-and-innovation-management/
- **[36] Organization and Management Theory（OMT）** https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/organization-and-management-theory/
- **[37] Organization Development and Change（ODC）** https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/organization-development-and-change/

- **[38] Managerial and Organizational Cognition（MOC）**
  https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/managerial-and-organizational-cognition/
- **[39] Organizational Behavior（OB）**
  https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/organizational-behavior/
- **[40] Human Resources（HR）**
  https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/human-resources/
- **[41] Social Issues in Management（SIM）**
  https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/social-issues-and-management/
- **[42] Operations and Supply Chain Management（OSCM）**
  https://www.aom.org/divisions-and-interest-groups/operations-and-supply-chain-management/
- **[43] Danh bạ các nhóm nghiên cứu SMS**
  https://www.strategicmanagement.net/connect-participate/interest-groups-communities/
- **[44] SMS Knowledge and Innovation**
  https://www.strategicmanagement.net/group/knowledge-and-innovation-interest-group/
- **[45] SMS Strategy Process**
  https://www.strategicmanagement.net/group/strategy-process-interest-group/
- **[46] SMS Corporate Strategy**
  https://www.strategicmanagement.net/group/corporate-strategy-interest-group/
- **[47] SMS Competitive Strategy**
  https://www.strategicmanagement.net/group/competitive-strategy-interest-group/
- **[48] SMS Stakeholder Strategy**
  https://www.strategicmanagement.net/group/stakeholder-strategy-interest-group/
- **[49] SMS Strategic Leadership & Governance**
  https://www.strategicmanagement.net/group/strategic-leadership-governance/
- **[50] SMS Cooperative Strategies**
  https://www.strategicmanagement.net/group/cooperative-strategies-interest-group/
- **[51] SMS Strategic Human Capital**
  https://www.strategicmanagement.net/group/strategic-human-capital-interest-group/
- **[52] Hệ thống tạp chí AOM**
  https://www.aom.org/publications/journals/
- **[53] Hệ thống nhật ký SMS**
  https://www.strategicmanagement.net/publications-resources/sms-journals/
- **[54] Danh sách tạp chí xếp hạng của Trường nghiên cứu kinh doanh UT Dallas**
  https://jsom.utdallas.edu/the-utd-top-100-business-school-research-rankings/?page=list-of-journals
- **[55] SEC: Công ty đại chúng, chào bán chứng khoán và nghĩa vụ tiếp tục**
  https://www.sec.gov/resources-small-businesses/capital-raising-building-blocks/public-companies
- **[56] Ủy ban Chứng khoán và Tương lai Hồng Kông: Các hoạt động liên quan đến Token hóa chứng khoán**
  https://apps.sfc.hk/edistributionWeb/api/circular/list-content?lang=EN&refNo=23EC52

- **[57] WISERUNION: Thiết kế tài khoản vốn dài hạn**
  https://wiserunion.com/community/

> Định nghĩa tên miền trích dẫn thông tin công khai; thuộc tính, mối quan hệ cơ chế, chủ đề cụ thể và điều kiện xúc tiến của nghiên cứu này thuộc về tổ chức nghiên cứu và lập kế hoạch của đề cương này và không phải là chứng nhận của xã hội về nghiên cứu này hoặc kết luận thực nghiệm đã hoàn thành.

Chỉ mục nguồn · Đóng góp gốc và tài liệu so sánh

Sau đây là tài liệu nghiên cứu được sử dụng để đánh giá đóng góp và so sánh đầu tiên. Năm được ghi vào số tạp chí và năm phát hành; thời gian xuất bản trực tuyến có thể thay đổi. Thông tin thư mục đã được kiểm tra dựa trên các mô tả công khai có thể truy cập được và các so sánh chi tiết về tính mới vẫn cần có sự chứng minh đặc biệt.

- **[58] Whetten, D. A.（1989）. What Constitutes a Theoretical Contribution? Academy of Management Review, 14(4), 490–495.**
  https://doi.org/10.5465/amr.1989.4308371
- **[59] Corley, K. G., & Gioia, D. A.（2011）. Building Theory about Theory Building: What Constitutes a Theoretical Contribution? Academy of Management Review, 36(1), 12–32.**
  https://doi.org/10.5465/amr.2009.0486
- **[60] Gregor, S., & Hevner, A. R.（2013）. Positioning and Presenting Design Science Research for Maximum Impact. MIS Quarterly, 37(2), 337–355.**
  https://aisel.aisnet.org/misq/vol37/iss2/3/
- **[61] Bridoux, F., & Stoelhorst, J. W.（2022）. Stakeholder Governance: Solving the Collective Action Problems in Joint Value Creation. Academy of Management Review, 47(2), 214–236.**
  https://doi.org/10.5465/amr.2019.0441
- **[62] Gibbons, R., & Henderson, R.（2012）. Relational Contracts and Organizational Capabilities. Organization Science, 23(5), 1350–1364.**
  https://doi.org/10.1287/orsc.1110.0715
- **[63] Lumineau, F., Wang, W., & Schilke, O.（2021）. Blockchain Governance—A New Way of Organizing Collaborations? Organization Science, 32(2), 500–521.**
  https://doi.org/10.1287/orsc.2020.1379
- **[64] Brynjolfsson, E., Rock, D., & Syverson, C.（2021）. The Productivity J-Curve: How Intangibles Complement General Purpose Technologies. American Economic Journal: Macroeconomics, 13(1), 333–372.**
  https://doi.org/10.1257/mac.20180386
- **[65] Myers, S. C.（1977）. Determinants of Corporate Borrowing. Journal of Financial Economics, 5(2), 147–175.**
  https://doi.org/10.1016/0304-405X(77)90015-0

Các tài liệu này được sử dụng để xác định các giải thích hiện có, phạm vi đóng góp và các nhiệm vụ so sánh. Không thể cho rằng một đánh giá đầy đủ đã được hoàn thành hoặc các khoảng trống nghiên cứu đã được xác định dựa trên số lượng của chúng.

- **[66] Davidson, S., De Filippi, P., & Potts, J.（2018）. Blockchains and the economic institutions of capitalism. Journal of Institutional Economics, 14(4), 639–658.**
  Nhà xuất bản Đại học Cambridge: Bài báo & Tóm tắt · DOI

Bài viết này cung cấp cơ sở lý thuyết hiện có cho blockchain như một công nghệ thể chế và không khẳng định rằng nghiên cứu này là nghiên cứu đầu tiên đề xuất khái niệm dựa trên vị trí của nó.

- **[67] Ngụy Đằng Phi: Đọc "Tứ Kinh" | Làm thế nào để kết nối các nguồn lực, tài sản, vốn và quỹ. Dựa trên "Tứ kinh hoạt động" của Shi Yuqiang; vòng này sử dụng hình ảnh minh họa đầu tiên của bài đọc.**
  Bài viết và nguồn ảnh gốc
- **[68] Trung tâm tài nguyên WISERUNION: Con người, thể chế và nguồn lực hợp tác.**
  Tiếp cận chuyên môn, mối quan hệ, khám phá và cộng tác cho mọi người và tổ chức
- **[69] Nhân vật WISERUNION: Mối quan hệ chuyên môn, tổ chức và tọa độ tài nguyên.**
  cột người
- **[70] WISERUNION Tham gia đồng xây dựng: cộng đồng, vai trò đồng xây dựng và tài khoản vốn dài hạn.**
  Tham gia đồng xây dựng

Hiện đã có nguồn để tái chế bốn thủ đô và phác thảo này sẽ khởi động ứng dụng cụ thể của Company Zero; hoạt động năm chiều và ứng dụng bốn chữ hoa sẽ không được công nhận là những đóng góp lý thuyết mới chỉ vì chúng được đưa vào sơ đồ.

nguồn so sánh gần nhất [71]—[74]

Sau đây là một mục so sánh bổ sung hạn chế. Chỉ sử dụng nguồn chính của nhà xuất bản hoặc cơ quan của tác giả để kiểm tra thông tin thư mục và tóm tắt công khai; không kiểm tra phần tóm tắt để viết một bài đánh giá có hệ thống toàn văn và không đưa ra những đánh giá về tính mới toàn cầu dựa trên điều này.

- **[71] Rajan, Raghuram G., and Luigi Zingales (1998). Power in a Theory of the Firm.** *The Quarterly Journal of Economics*, 113(2), 387–432. Nguồn chính của nhà xuất bản； DOI。

  Phạm vi xác minh: tác giả, năm, tập, số phát hành, số trang, DOI và tóm tắt của nhà xuất bản. Bản tóm tắt thảo luận về quy định về quyền tiếp cận các nguồn tài nguyên quan trọng, đầu tư dành riêng, quyền lực và ưu đãi. Được sử dụng như một lời nhắc nhở: Có cơ sở lý thuyết về tầm quan trọng của tính sẵn có của tài nguyên, quyền hoặc sự đầu tư chuyên tâm. Nghiên cứu này vẫn cần chứng minh các cơ chế mới cụ thể để mua, nắm giữ và lựa chọn kinh doanh các quyền và lợi ích đa vai trò, và đây không phải là nghiên cứu đầu tiên viết lại các lập luận tài liệu.

- **[72] Blair, Margaret M., and Lynn A. Stout (1999). A Team Production Theory of Corporate Law.** *Virginia Law Review*, 85(2), 247–328. Cơ quan tác giả giữ nguyên nguồn chính và toàn văn； Kiểm tra tập tạp chí và mục lục số phát hành； DOI。

  Phạm vi xác minh: Hồ sơ tác giả của tổ chức, năm, tạp chí và bản tóm tắt công khai, số trang xác minh danh mục tạp chí. Bản tóm tắt thảo luận về các vấn đề về đầu vào dành riêng cho nhiều người, đầu ra

không thể phân chia và phân phối phần thưởng. Các giải thích hiện có để so sánh các thỏa thuận đóng góp và lợi ích.

- **[73] Hart, Oliver, and John Moore (1990). Property Rights and the Nature of the Firm.** *Journal of Political Economy*, 98(6), 1119–1158. Nguồn chính của nhà xuất bản; Trang chủ học thuật của tác giả; DOI。

  Phạm vi xác minh: thông tin thư mục, DOI, bản tóm tắt của nhà xuất bản và sự bao gồm của tác giả. Tóm tắt Liên kết cơ cấu quyền sở hữu và kiểm soát tài sản với động lực của các chủ thể khác nhau. Đây không phải là trường trống để làm rõ quyền tài sản và ưu đãi đầu tư, đồng thời các loại quyền thu nhập, đăng ký tài khoản hoặc hợp tác kinh doanh khác nhau không thể được coi là quyền sở hữu tài sản.

- **[74] Dyer, Jeffrey H., and Harbir Singh (1998). The Relational View: Cooperative Strategy and Sources of Interorganizational Competitive Advantage.** *Academy of Management Review*, 23(4), 660–679. Nguồn chính của nhà xuất bản; Danh mục số tạp chí và số phát hành; DOI。

  Phạm vi xác minh: tác giả, năm, tập, số phát hành, số trang, DOI và tóm tắt của nhà xuất bản. Bản tóm tắt thảo luận về các tài sản dành riêng cho mối quan hệ, thực tiễn chia sẻ kiến thức, tài nguyên bổ sung và quản trị hiệu quả, hỗ trợ sự gắn kết của mối quan hệ như một chuẩn mực được thiết lập để so sánh. Điều này đặt ra nhiệm vụ so sánh của nghiên cứu này: tính bền vững của năng lực trong các điều kiện của mối quan hệ và sự chuyển giao giữa các mối quan hệ cần được đánh giá riêng biệt; gợi ý đánh giá này thuộc phạm vi của nghiên cứu này và chúng tôi không giả vờ rằng bài báo đã xác minh khuôn khổ nghiên cứu này.

Ngày xác minh: 25-11-2026. Nguồn chính có thể hỗ trợ cho sự so sánh hạn chế ở trên, nhưng không hỗ trợ các kết luận như “các lý thuyết hiện tại không có các chức năng này”, “xác nhận toàn diện về tính mới đã được hoàn thành” hoặc “cơ chế nghiên cứu này đã được chứng minh bằng thực nghiệm”.

Tài liệu so sánh về cạnh tranh và phân bổ lợi ích

- **[75] Teece, D. J. (1986).** Profiting from technological innovation: Implications for integration, collaboration, licensing and public policy. *Research Policy*, 15(6), 285–305. nhà xuất bản
- **[76] Coff, R. W. (1999).** When Competitive Advantage Doesn’t Lead to Performance: The Resource-Based View and Stakeholder Bargaining Power. *Organization Science*, 10(2), 119–133. nhà xuất bản

Hoàn thành văn bản tương đương kèm theo hình ảnh

Phần sau đây được sắp xếp theo số biển và biểu thức văn bản hoàn chỉnh được giữ lại. Văn bản tương đương cho các hình khác vẫn còn ở các chương tương ứng.

R02 · Kiến trúc năm hướng và mười lăm đường chính

Phụ đề trong hình nêu rõ đề xuất cấp cao hơn "Thích ứng và khác biệt hóa doanh nghiệp trong những thay đổi công nghệ" và giải thích rằng năm hướng song song và không phải là năm giai đoạn phát triển doanh nghiệp. Tên chung là "Nghiên cứu về năng lực doanh nghiệp và quản trị vốn trong sự thay đổi của công nghệ thông minh". Câu hỏi cốt lõi là: Trước những thay đổi về công nghệ, các công ty phải điều chỉnh mô hình kinh doanh, phương pháp tổ chức và thu xếp vốn như thế nào để hình thành và cập nhật năng lực, tạo ra và thu được giá

trị? Tại sao các công ty sử dụng công nghệ tương tự lại có kết quả hoạt động và lộ trình phát triển dài hạn khác nhau? Năm hướng song song là: A. Áp dụng công nghệ thông minh và tái cơ cấu tổ chức, bao gồm nhiệm vụ A1 và thích ứng công nghệ, quy trình A2 và cộng tác giữa con người và máy móc, sự phụ thuộc vào công nghệ A3 và các ranh giới tổ chức; B. Tích lũy và cập nhật năng lực doanh nghiệp, bao gồm kết tủa kiến thức B1 và chuyển đổi phản hồi, học tập con người-máy B2 và thay đổi kỹ năng, khả năng duy trì và chuyển giao năng lực B3; C. giá trị khách hàng, cạnh tranh thị trường và thu được doanh thu, bao gồm sự thỏa mãn nhu cầu C1 và hiện thực hóa hoạt động kinh doanh, cạnh tranh C2 và thu được giá trị, C3 Đo lường giá trị hoạt động; Đầu tư D, cấp vốn và phân bổ vốn, bao gồm đầu tư năng động D1 và lựa chọn dự án, kết hợp tài chính D2 và hạn chế về vốn, kiểm soát vốn D3, rủi ro và rút lui; Phân bổ quyền, khuyến khích và quản trị hợp tác E1, bao gồm kiến thức, dữ liệu và quyền ra quyết định của E1, ghi nhận đóng góp và thu xếp thu nhập của E2, cam kết giữa các tổ chức E3 và điều chỉnh hệ thống. Năm phương không phải là năm giai đoạn phát triển; các chủ đề nghiên cứu cụ thể sẽ tiếp tục được hoàn thiện theo mười lăm dòng chính, đồng thời các lý thuyết, kế hoạch, phương pháp và bằng chứng sẽ được hình thành và thử nghiệm. Câu hỏi chính xác định thuộc tính nghiên cứu và mối tương quan chéo minh họa cơ chế hoặc ranh giới. Cột bên trái bên dưới hình trước tiên so sánh cách các công ty phải đối mặt với nguồn cung cấp công nghệ tương tự lựa chọn và áp dụng, sau đó so sánh các doanh nghiệp có điều kiện sử dụng thực tế tương tự để xem cách tổ chức và sắp xếp vốn ảnh hưởng đến khả năng, lợi nhuận và vòng đầu tư tiếp theo. Cột bên phải hỏi những người tham gia với những điều kiện nào việc tự nguyện nắm giữ cổ phần liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp sẽ thay đổi việc chia sẻ kiến thức, đầu tư tận tâm và tiếp tục hợp tác. Cột bên trái thể hiện mối quan tâm nghiên cứu của toàn bộ chương trình và cột bên phải minh họa lộ trình nghiên cứu mà tác giả đã tích lũy kinh nghiệm sâu sắc.

Trở về ảnh gốc

R04·B. Tích lũy và cập nhật năng lực của công ty

Hướng B nghiên cứu cách sử dụng kiến thức phân tán, năng lực chuyên môn và nguồn lực hợp tác thông qua công việc và sắp xếp tổ chức để hình thành khả năng huy động bền vững của doanh nghiệp. Nhiệm vụ thực tế, phản hồi thực hiện, sắp xếp tổ chức và hợp tác tiếp theo tạo thành tình huống quan sát; Công nghệ nhận thức và làm việc AI cũng như công nghệ hệ thống blockchain có thể được sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp để xác định vai trò của chúng tương ứng. B1 Kết quả kiến thức và chuyển đổi phản hồi phân biệt giữa bộ nhớ giải thích, kế thừa các quy tắc và thực tiễn, phản hồi đi vào chương trình nghị sự chiến lược và phân bổ nguồn lực, kiểm tra quyền, phiên bản, thực hiện thay đổi và sử dụng thực tế. Việc lưu trữ tăng lên không thể thay thế những thay đổi trong hành động. B2 Sự thay đổi kỹ năng và học tập của con người-máy tính tương ứng tuân theo các kỹ năng và phán đoán độc lập của con người, sự phân bổ và trách nhiệm kiến thức của tổ chức, so sánh các thỏa thuận xem xét, tiếp quản, đào tạo và chia sẻ, đồng thời duy trì sự xuống cấp về học tập và phán đoán. B3 Khả năng duy trì và chuyển giao khả năng được đánh giá riêng biệt theo hoạt động liên tục, tính bền vững của bảo trì, sự lặp lại giữa các cá nhân, sự di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ, ghi lại sự hỗ trợ cần thiết, hiệu suất lặp lại, đầu tư bảo trì, chi phí chuyển đổi và các điều kiện mối quan hệ; khi cần di chuyển và có điều kiện so sánh, hiệu suất sau khi thay thế công nghệ sẽ được kiểm tra lại. Có thể tồn tại sự bổ sung ổn định giữa con người và máy móc hoặc các khả năng dành riêng cho mối quan hệ và không yêu cầu tất cả các khả năng phải tách biệt khỏi các công cụ hoặc mối quan hệ ban đầu mới được thiết lập; hoạt động liên tục nhưng việc di chuyển hạn chế có thể được thiết lập cùng một lúc. Ba dòng chính hỗ trợ lẫn nhau chứ không phải là các giai đoạn cố định. Sự tích lũy, duy trì, suy thoái hoặc không đủ bằng chứng về khả năng được đánh giá theo các khía cạnh áp dụng. Số lượng file kiến thức, mã số, tài khoản và sổ tay không trực tiếp bằng khả năng. So sánh các nhiệm vụ, đường cơ sở, khả năng hiện có, lao động bổ sung và hiệu suất tiếp theo; kết nối việc

cải thiện hoạt động và duy trì năng lực của R17, đồng thời đừng nhầm lẫn hai loại đánh giá này với R20. Hướng nghiên cứu và năm khía cạnh hoạt động ở các cấp độ phân loại khác nhau và cơ chế cụ thể vẫn cần được thử nghiệm.

Trở về ảnh gốc

R07 · E. Phân bổ quyền, ưu đãi và quản trị hợp tác

Hướng E nghiên cứu các quyền, ưu đãi và thỏa thuận hợp tác chung của doanh nghiệp để ứng phó với những thay đổi công nghệ. E1 Kiến thức, dữ liệu và quyền ra quyết định nghiên cứu việc sử dụng dữ liệu kiến thức, cơ sở để ra quyết định, xác nhận phạm vi áp dụng ủy quyền và trách nhiệm, đồng thời phân biệt nội dung quyền, nhà cung cấp dịch vụ và công nghệ đăng ký. E2 Xác nhận đóng góp và thu xếp thu nhập kiểm tra kết quả đầu vào, cơ sở đóng góp, ưu đãi thù lao, phân phối thu nhập, xác lập quyền và hiệu suất thực tế, đồng thời so sánh mối liên hệ của chúng với khoản đầu tư tiếp theo. E3 Cam kết liên tổ chức và điều chỉnh thể chế xem xét việc tiếp tục, điều chỉnh hoặc đình chỉ hợp đồng, sắp xếp mối quan hệ, cam kết, hiệu suất và hợp tác, duy trì tranh chấp, sửa đổi và hiệu suất đang chờ xử lý. Ba chủ đề chính là những vấn đề song song và liên quan với nhau chứ không phải ba giai đoạn; cơ chế này cần được thử nghiệm để so sánh hậu quả của các thỏa thuận khác nhau về tổ chức, năng lực, lợi ích và hợp tác. Các mối quan hệ và tài khoản vốn dài hạn là một trong những cách giải thích về mặt lý thuyết, sắp xếp quản trị và các con đường thực tế. Chúng không phải là tiền đề chung cho tất cả các chủ đề, cũng không phải là những công cụ đơn giản. Bản thân tiền lương, vật tư, tư cách thành viên và dịch vụ thông thường không tạo thành mối quan hệ vốn lâu dài cho nghiên cứu này và khoản bồi thường thông thường không tự động chuyển thành vốn chủ sở hữu. Con đường này mở ra cho nhiều vai trò khác nhau. Người tham gia có thể chọn chấp nhận và tiếp tục giữ vai trò, chồng lên vai trò ban đầu; giữ lại hoạt động kinh doanh đã ngừng, tiếp tục hoạt động kinh doanh nhưng quyền đã được chuyển giao, chuyển nhượng một phần và đang chờ thực hiện. Trong phạm vi của hệ thống đường vốn, tổng thu nhập từ kinh doanh, quản lý tài sản, đầu tư, v.v. được tính riêng. Không chỉ thu nhập mới mà cả doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư đều được kiểm tra riêng và tất cả phân phối doanh thu không được giả định; tỷ lệ cụ thể, vốn chủ sở hữu hiện có, mối quan hệ kinh doanh trước đây, ranh giới hiệu lực và các điều kiện mua lại chuyển nhượng vẫn cần được thiết kế chính thức. AI và blockchain có thể hỗ trợ công việc và triển khai hệ thống. Các chủ đề cụ thể so sánh vai trò của chúng với các thỏa thuận thay thế truyền thống và không phải là điều kiện tiên quyết để thiết lập các mối quan hệ vốn chung. Sơ đồ không đặt ra ngưỡng quản trị hoặc ngày hoạt động cũng như không chỉ ra rằng các quyền hoặc sự hợp tác đã được thiết lập.

Trở về ảnh gốc

R10 · Đóng góp 1: Cơ chế hình thành và bền vững của các mối quan hệ vốn lâu dài

Đóng góp 1 duy trì trạng thái đóng góp chính về mặt lý thuyết được đề xuất, thuộc về sự kết hợp đóng góp được đề xuất của tác giả trong đề cương chung và không bao gồm tất cả các nghiên cứu về sự thích ứng và khác biệt hóa của doanh nghiệp trong những thay đổi công nghệ. Câu hỏi nghiên cứu của cách tiếp cận này là: Làm thế nào để các bên liên quan có được và tiếp tục nắm giữ các quyền và lợi ích liên quan đến giá trị lâu dài của doanh nghiệp dựa trên sự lựa chọn tự nguyện và các quy tắc thể chế, hình thành các mối quan hệ vốn lâu dài? Mối quan hệ này ảnh hưởng đến hình thức tổ chức, tích lũy năng lực, phân phối thu nhập và hợp tác liên tục như thế nào và nó được kế thừa, hiện thực hóa và tiếp tục thông qua hoạt động vốn như thế nào? Nghiên cứu đã được thiết lập về quản trị các bên liên quan và hợp đồng quan hệ tạo thành một chuẩn mực so sánh công bằng. Con số tương ứng quan sát đầu tư chung, sự kiện đóng góp, cơ sở xác nhận, mua lại quyền, hiệu

suất thực tế và các lựa chọn tiếp theo; đường chấm chấm chỉ thể hiện cơ chế ứng viên cần được chứng minh và thử nghiệm, đồng thời quá trình này có thể được lặp lại, bị chặn hoặc bị gián đoạn. Hệ thống sắp xếp các quyền và lợi ích tương ứng liên quan đến giá trị lâu dài và chiến lược vốn của doanh nghiệp cho nhiều vai trò khác nhau. Người tham gia có thể độc lập lựa chọn có chấp nhận và tiếp tục giữ các quyền và lợi ích hay không. Các quyền và lợi ích được đặt chồng lên vai trò ban đầu; bản thân tiền lương thường xuyên, nguồn cung cấp dài hạn, tư cách thành viên được trả phí và các mối quan hệ dịch vụ liên tục không tạo thành cái mà nghiên cứu này gọi là mối quan hệ vốn dài hạn. Phía doanh nghiệp quan sát khả năng gọi điện và tài sản vận hành bền vững, đồng thời việc vận hành liên tục, bảo trì, lặp lại, di chuyển và phụ thuộc vào mối quan hệ được đánh giá riêng theo các điều kiện; phía người tham gia quan sát vốn chủ sở hữu, rủi ro trách nhiệm pháp lý, rút tiền mặt thực tế và các lựa chọn nắm giữ. So sánh các quỹ đạo khác nhau của việc nắm giữ liên tục nhưng ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh nhưng chuyển nhượng quyền lợi, chuyển nhượng một phần, quyền lợi còn lại và hoạt động đang chờ xử lý được ghi riêng và hoạt động kinh doanh không được coi là tiếp tục dựa trên việc nắm giữ cũng như không được coi là được nắm giữ dựa trên việc tiếp tục kinh doanh. Sau khi vận hành chính thức, hệ thống sẽ bao gồm thu nhập tổng thể trong phạm vi hệ thống, bao gồm thu nhập kinh doanh, hoạt động tài sản và thu nhập đầu tư, và sẽ được hạch toán riêng; doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư sẽ được tách biệt và tỷ lệ, vốn chủ sở hữu hiện có, kết nối kinh doanh lịch sử và ranh giới hiệu quả sẽ được xác định. Các điều kiện chuyển nhượng và mua lại được xác định bởi hệ thống tiếp theo và không có chuyển nhượng hoặc mua lại miễn phí được đặt trước bất cứ lúc nào. Phần dưới đặt hai dự báo để quan sát khoản đầu tư dành riêng thực tế cho cùng một cơ hội hợp tác tiếp theo. Khi các thỏa thuận hoàn trả mới tương tự nhau, việc đảm bảo các quyền và lợi ích hiện có được thực hiện như đã hứa có thể khiến các cam kết mới trở nên đáng tin cậy hơn và khuyến khích đầu tư bổ sung. Khi các quyền và lợi ích cũ đều đáng tin cậy như nhau, nếu việc tiếp tục nắm giữ và tiếp tục nhận đơn đặt hàng có thể tách biệt và lợi nhuận bổ sung từ các khoản đầu tư mới không rõ ràng, thì người tham gia có thể giữ lại quyền của mình và đầu tư thời gian hoặc nguồn lực vào nơi khác. Cả hai vai trò có thể tồn tại đồng thời và phải kiểm tra sự tin cậy ban đầu, tiền thù lao và các cơ hội khác. Việc xác lập quyền và lợi ích không có nghĩa là hoạt động thực tế và việc duy trì năng lực không có nghĩa là tiếp tục mối quan hệ. Đầu tư chuyên dụng, sự phụ thuộc lẫn nhau hoặc trả tiền mặt trả chậm được sử dụng làm điều kiện tranh luận; yêu cầu đóng góp được thu hẹp khi lời giải thích hiện tại là đủ. Trạng thái ứng cử viên ban đầu và xác minh tính nguyên gốc cũng như hỗ trợ bằng chứng vẫn được duy trì và không có xác nhận về tính hiệu quả hoặc ra mắt thực tế nào được thêm vào.

Trở về ảnh gốc

R11 · Đóng góp 2: Thiết kế thể chế tài khoản vốn dài hạn

Đóng góp 2 duy trì trạng thái đóng góp thiết kế hệ thống chính sẽ được thiết lập, sử dụng hồ sơ quan hệ khách hàng và thành viên, sổ cái đóng góp, hợp đồng và chia sẻ thù lao, hồ sơ chủ sở hữu, DAO và cơ sở dữ liệu dùng chung làm chuẩn so sánh và so sánh công bằng dựa trên các quy tắc, quyền, sử dụng và chi phí bảo trì thực tế. Bốn mô-đun thể chế trong hình liên tục liên quan đến nhiều vai trò của cùng một chủ đề, đầu vào không đồng nhất, bằng chứng đóng góp, xác nhận và phân bổ thẩm quyền trong các thỏa thuận hiệu quả, các phiên bản quy tắc, quyền và trách nhiệm cũng như việc triển khai thực tế. Phân loại vai trò ban đầu và quyền vốn: Bản thân mối quan hệ hiệu suất thường xuyên không tự động trở thành mối quan hệ vốn lâu dài. Hệ thống sắp xếp các quyền và lợi ích tương ứng cho các vai trò khác nhau và người tham gia có thể chọn chấp nhận và tiếp tục giữ chúng hay không. Được xác nhận, có điều kiện, được thiết lập, được thực hiện, được thực hiện và tranh chấp được ghi lại theo căn cứ tương ứng và không cấu thành thang nâng cấp tự động. Việc nắm giữ cổ phần và hợp tác kinh doanh được quan sát riêng biệt. Vốn chủ sở hữu có thể được giữ lại và hoạt động kinh

doanh bị dừng hoặc hoạt động kinh doanh có thể tiếp tục nhưng vốn chủ sở hữu đã được chuyển nhượng. Chuyển nhượng một phần, vốn chủ sở hữu còn lại và kết quả hoạt động đang chờ xử lý được giữ lại riêng biệt. Sau khi vận hành chính thức, hệ thống bao gồm thu nhập hoạt động tổng thể cũng như các quyền và trách nhiệm liên quan chứ không chỉ thu nhập mới; giá trị mới có thể được giữ lại như một khái niệm đo lường phân tích. Hoạt động kinh doanh, quản lý tài sản, đầu tư và thu nhập khác trong phạm vi hệ thống được hạch toán riêng; doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư được ghi nhận riêng và toàn bộ doanh thu không được coi là được phân phối; tỷ lệ cụ thể, vốn chủ sở hữu hiện có, kết nối kinh doanh trước đây và ranh giới hiệu lực sẽ được xác định bởi hệ thống tiếp theo. Quyền và lợi ích có thể được kết nối với cổ tức, vốn chủ sở hữu, cổ phiếu và các thỏa thuận liên quan đến STO. Nội dung quyền, nhà cung cấp dịch vụ, công nghệ đăng ký và rút tiền được xác nhận riêng. Các điều kiện chuyển nhượng và mua lại phải được xác định. Không có chuyển đổi tự động, chuyển nhượng miễn phí hoặc mua lại bất cứ lúc nào. Kiểm tra các cam kết ban đầu sau khi tài trợ, tái cơ cấu và kiểm soát các thay đổi, đồng thời kết nối các tài khoản, chứng khoán, quỹ và các mối quan hệ pháp lý tương ứng. Các quy tắc cố định so sánh blockchain với các hệ thống hồ sơ khác, công nghệ cố định so sánh các xác nhận, quyền và thỏa thuận thực hiện khác nhau, quan sát và xem xét sửa lỗi, chi phí thực hiện, sự rõ ràng về quyền và trách nhiệm cũng như hợp tác tiếp theo cũng như gánh nặng bảo trì hồ sơ, tranh chấp và quản trị. Trạng thái ứng viên ban đầu được duy trì và tính mới cũng như hiệu quả của thiết kế được kiểm tra riêng.

Trở về ảnh gốc

R12 · Đóng góp 3: Cơ chế tổ chức và thực thi ảnh hưởng như thế nào đến việc duy trì năng lực

Tiêu chuẩn so sánh là nghiên cứu về sự bổ sung của công nghệ và tổ chức, học tập của tổ chức, thiết kế công việc và khả năng nguồn lực và không coi tác động của công nghệ đối với bản thân tổ chức là một khám phá mới. Các chức năng nhận thức và làm việc của AI cũng như các chức năng thể chế và kỹ thuật của blockchain được xác định riêng biệt và được phép sử dụng riêng lẻ, kết hợp hoặc không sử dụng; công nghệ là tình huống nghiên cứu, điều kiện tổ chức hoặc phương tiện thực hiện, chức năng, điều kiện được đánh giá riêng biệt và không phải là điều kiện tiên quyết để thiết lập các mối quan hệ vốn chung. Các điểm đóng góp được đề xuất trong hộp màu xanh là các quy trình trung gian như thẩm quyền ra quyết định định vị, nguồn lực đến, chuyển giao giữa các vai trò, phản hồi bất thường và cập nhật kinh nghiệm. Việc tiếp tục và duy trì cải tiến được giải thích theo các điều kiện kỹ thuật và mối quan hệ. Quyền lực tổ chức, quyền lực thực thi và năng lực doanh nghiệp liên thời gian được xác định và quan sát tương ứng. Hoạt động liên tục của các khả năng, tính bền vững của việc duy trì, sự lặp lại giữa các cá nhân, chuyển giao công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ được đánh giá riêng biệt và việc thay đổi công cụ hoặc tách khỏi các mối quan hệ không được sử dụng làm ngưỡng cần thiết thống nhất để thiết lập hoặc duy trì tất cả các khả năng. Có thể tồn tại sự bổ sung ổn định giữa con người và máy móc cũng như khả năng cụ thể của mối quan hệ và các điều kiện áp dụng cũng như gánh nặng bảo trì phải được ghi lại. Thông qua việc so sánh các sắp xếp về mặt kỹ thuật và tổ chức, khả năng xác minh hồ sơ quy trình và hoạt động thực tế, việc thay thế con người và công cụ được sử dụng để kiểm tra các điều kiện tái diễn hoặc di chuyển cụ thể; so với các cách giải thích khác như lựa chọn nhiệm vụ, lao động bổ sung, năng lực hiện có và sự phụ thuộc không bền vững. Nếu nó chỉ được thiết lập trong công cụ ban đầu hoặc mối quan hệ ban đầu, hãy giới hạn phạm vi di chuyển và ứng dụng mà không phủ nhận trực tiếp khả năng trong các điều kiện ban đầu; khi hoạt động thực tế bị gián đoạn, việc bảo trì không bền vững hoặc không thể phát huy được khả năng có điều kiện thì yêu cầu bồi thường sẽ bị giới hạn dựa trên bằng chứng tương ứng. Khung, thiết kế, SOP, kỹ năng và tài liệu quy trình địa phương đều có sẵn, đồng thời hiệu quả thực hiện

của tổ chức, duy trì năng lực và sự gia tăng về mặt lý thuyết cụ thể cần phải được nghiên cứu riêng. Là một trong bốn ứng cử viên hỗ trợ trong nghiên cứu này, việc xác minh tính nguyên gốc và hỗ trợ bằng chứng được ghi chép riêng biệt; đường chấm chấm thể hiện cơ chế cần thử nghiệm và đường liền nét thể hiện quy trình nghiên cứu quan sát và thử nghiệm.

Trở về ảnh gốc

R14 · Đóng góp 5: Phương pháp chấp nhận kép để cải thiện hoạt động kinh doanh và duy trì năng lực

So sánh quản lý quy trình hiện có, thực tiễn tổ chức, đánh giá hiệu suất, quản lý kiến thức, theo dõi quy trình và đo lường năng lực, xác định các bước tăng trưởng theo sự khác biệt và cách sử dụng thực tế và không cho rằng các phương pháp hiện tại thiếu các chức năng này. Các điểm đóng góp theo kế hoạch của hộp màu xanh là để phân biệt giữa kết nối và chấp nhận bản ghi: thông qua SOP bốn chiều, trách nhiệm công việc và hướng dẫn sử dụng, hoàn thành thực hiện và bàn giao kết quả, kết quả vận hành và sử dụng thực tế, bản ghi bảo trì và tái sử dụng tiếp theo, nhiệm vụ liên kết, phiên bản, người dùng và thời gian cũng như các công cụ ghi lại, phân công lao động giữa con người và máy móc và các điều kiện quan hệ. Kiểm tra và chấp nhận các cải tiến hoạt động hoặc phân phối hiện tại cũng như khả năng tiếp tục sử dụng chúng trong các điều kiện rõ ràng trong tương lai. Sau này đánh giá hoạt động liên tục, tính bền vững của bảo trì, sự lặp lại giữa các cá nhân, chuyển giao công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ một cách riêng biệt và không thay thế kết quả của một chiều bằng tất cả các đánh giá về khả năng. Nó không sử dụng các công cụ thay đổi, phá vỡ các mối quan hệ hoặc thoát khỏi sự sắp xếp bổ sung giữa con người và máy móc như những ngưỡng cần thiết cho sự thống nhất. Sự bổ sung ổn định giữa con người và máy móc và khả năng cụ thể của mối quan hệ có thể được thiết lập dựa trên các điều kiện và hiệu suất vận hành thực tế, gánh nặng bảo trì cũng như phạm vi tái sử dụng và di chuyển có thể áp dụng phải được ghi lại. Điều này tạo thành một tầm cỡ quan sát có thể kiểm chứng lại để đánh giá việc sử dụng bảo trì, tái sử dụng và di chuyển một cách đáng tin cậy. Kiểm tra tính nhất quán và khả năng thực thi các hoạt động của những người dùng khác nhau, phát hiện mọi kết quả còn thiếu chỉ dựa trên số giờ hoặc số lượng làm việc, đồng thời báo cáo các điều kiện bảo trì và mối quan hệ, gánh nặng ghi lại và các tình huống thất bại. Tên chấp nhận kép hoặc bảng ghi chép không chỉ chứng minh tính mới, so sánh bốn nhóm hoặc 2 × 2 là phương pháp được thiết lập. Mức tăng tương đối của trục nguyên gốc vẫn cần có sự so sánh đặc biệt; trục bằng chứng đã có các phương pháp và một số tài liệu chuyển giao, đồng thời cần đánh giá độ tin cậy, khả năng thực hiện và sử dụng của nó. Là một trong bốn ứng cử viên ủng hộ trong nghiên cứu này, đường liền nét chỉ thể hiện mối liên hệ giữa ghi nhận và chấp nhận và không khẳng định rằng hiệu quả đã được chứng minh.

Trở về ảnh gốc

R16 · Cơ chế năng lực-công nghệ-tổ chức-tổ chức

Không chọn công nghệ, chỉ AI, chỉ blockchain hoặc kết hợp theo nhiệm vụ. AI hỗ trợ nhận thức và công việc, còn blockchain hỗ trợ các bản ghi được chia sẻ, phiên bản quy tắc, thực thi ủy quyền và đánh giá hiệu suất. So sánh giữa áp dụng và không áp dụng xem xét các quy trình, quyền, tài nguyên, chuyển giao, đánh giá, phản hồi ngoại lệ và duy trì kiến thức. Chúng tôi kiểm tra riêng khả năng tổ chức và thực thi, cũng như các cơ chế xác minh, điều phối, giám sát và triển khai, đồng thời sử dụng R17 để kiểm tra mức độ cải thiện hoạt động trong giai đoạn hiện tại và khả năng duy trì năng lực theo thời gian. Lần phân phối đầu tiên dựa trên chất lượng, tổng chi phí và mức sử dụng tiếp theo, còn lần phân phối tương tự tiếp theo dựa trên các cuộc gọi liên tục và chi phí bảo trì. Sự tái diễn giữa các cá nhân, chuyển giao công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ được đánh giá có điều kiện và sự bổ sung ổn định cũng có thể hình thành nên khả năng. Các dự án của khách hàng tiếp tục

ghi điểm đến mua hàng và đầu tư tiếp theo. Trong trường hợp hủy, chuyển đơn hàng hoặc không xác định được điểm đến sẽ được giữ riêng. Khi có báo giá, hãy kiểm tra các dịch vụ thay thế tùy chọn của khách hàng và các điều kiện kết thúc. Giao hàng, so sánh thị trường và kinh nghiệm thất bại Phản hồi sắp xếp tổ chức, học tập và lựa chọn công nghệ. Vai trò của công nghệ thể chế phụ thuộc vào các quy tắc hiệu quả, cơ sở quyền, thông tin đầu vào và quản trị. Lao động bổ sung, gánh nặng điều phối, bảo trì không bền vững hoặc suy thoái chất lượng có thể hạn chế kết luận.

Trở về ảnh gốc

R17 · Chấp nhận kép về cải tiến kinh doanh và duy trì năng lực

Trước tiên, hãy xác định nhiệm vụ, người dùng, phạm vi công việc, chất lượng và mức độ chi phí cũng như các dự án của khách hàng sẽ được đưa vào đợt giao hàng đầu tiên theo các danh mục dịch vụ đã chọn trước. Ghi lại các điều kiện kỹ thuật và tổ chức, phương pháp định giá, sắp xếp so sánh và thời gian quan sát. Kiểm tra ủy quyền, tài nguyên, bàn giao, ngoại lệ, mức sử dụng thực tế và lao động bổ sung trong quá trình thực hiện. Việc chấp nhận cải tiến hoạt động xem xét chất lượng, sự chờ đợi, làm lại, tất cả các chi phí và việc sử dụng thực tế trong nội bộ hoặc của khách hàng. Các dự án của khách hàng làm tăng hóa đơn thực tế, chi tiêu và việc sử dụng số giờ rảnh rỗi. Việc chấp nhận duy trì khả năng sẽ được tiếp nối với lần phân phối tiếp theo cùng loại, đồng thời việc vận hành và bảo trì liên tục cũng như sự lặp lại giữa các cá nhân, di chuyển công nghệ và sự phụ thuộc vào mối quan hệ sẽ được kiểm tra tương ứng. Ghi lại các điều kiện hỗ trợ dưới sự bổ sung ổn định. Hai mục được đánh giá lần lượt là được hỗ trợ, không được hỗ trợ hoặc không đủ bằng chứng. Khi có đủ bằng chứng, sẽ có bốn kết quả: cả cải thiện ở giai đoạn hiện tại và duy trì khả năng, chỉ cải thiện ở giai đoạn hiện tại, chỉ duy trì khả năng và không cả hai. Thực hiện các quan sát bổ sung khi không chắc chắn, ghi lại các kết quả bất lợi và tranh chấp, tiếp tục, điều chỉnh hoặc dừng và kiểm tra lại dựa trên bằng chứng. Các dự án của khách hàng theo dõi điểm đến mua hàng tiếp theo và khoản đầu tư tiếp theo. Khi được mời, hãy kiểm tra lại báo giá, các lựa chọn thay thế và kết quả giao dịch, đồng thời hạn chế kết luận về dự án nếu thiếu tham khảo thị trường.

Trở về ảnh gốc

R19 · Tài khoản vốn dài hạn: hiệu quả hoạt động thường xuyên và phân loại vốn chủ sở hữu

Cùng một thực thể có thể đảm nhận nhiều vai trò về nguồn lực, khách hàng, quản lý hoạt động và hệ sinh thái vốn. Ghi lại các sự việc, kiểm tra cơ sở xác nhận và thẩm quyền, sau đó phân biệt giữa hiệu quả hoạt động thường xuyên và vốn chủ sở hữu theo các thỏa thuận hiện hành. Tiền lương thông thường, vật tư, tư cách thành viên trả phí và các dịch vụ liên tục có thể tồn tại theo thời gian, nhưng bản thân chúng không tạo thành mối quan hệ vốn lâu dài cho nghiên cứu này và cũng không nhất thiết được mô tả là giao dịch một lần. Hệ thống sắp xếp các quyền và lợi ích vốn tương ứng cho các vai trò khác nhau và người tham gia có thể chọn có chấp nhận và tiếp tục giữ chúng hay không, đồng thời các vai trò ban đầu có thể được xếp chồng lên nhau; quyền, lợi ích vốn không được chấp nhận vẫn được thực hiện theo quan hệ ban đầu, căn cứ để chấp nhận độc lập và xác lập quyền cũng phải được xác nhận riêng. Cổ tức, vốn chủ sở hữu, cổ phiếu và các thỏa thuận liên quan đến STO phải phân biệt giữa nội dung quyền, nhà cung cấp dịch vụ, công nghệ đăng ký và lối ra. Thù lao thông thường không được tự động chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu. Xác nhận đóng góp không có nghĩa là xác lập quyền, xác lập quyền không có nghĩa là quyền đã được thực hiện. Hệ thống điều hành chính thức hướng đến thu nhập hoạt động tổng thể cũng như các quyền và trách nhiệm liên quan trong phạm vi hệ thống, bao gồm hoạt động kinh doanh, quản lý tài sản, đầu tư và thu nhập khác, và được hạch toán riêng chứ không

chỉ thu nhập mới; doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phân phối, giữ lại và tái đầu tư được tách biệt. Việc nắm giữ, rút tiền mặt, mua lại chuyển nhượng hiện hành, hợp tác kinh doanh, hoạt động đang chờ xử lý và tranh chấp được ghi lại riêng biệt và các kết hợp như vẫn duy trì hoạt động kinh doanh đã ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh nhưng quyền và lợi ích đã được chuyển giao và chuyển nhượng một phần vẫn được giữ lại. Đầu vào mới được ghi lại dưới dạng dữ kiện mới. Phía dưới bên trái bắt đầu với những người đủ điều kiện, phân biệt ai thực sự được mời, điều kiện lời mời, chấp nhận và không chấp nhận, giữ và thực hiện, đồng thời quan sát các lựa chọn tự nguyện kết hợp với sự tin tưởng trước đó, hợp tác trong quá khứ, nguồn lực và cơ hội bên ngoài. Ở bên phải, kiểm tra các nhiệm vụ, điều kiện, lợi nhuận mới và đầu tư thực tế của cơ hội hợp tác tiếp theo, ghi lại các cơ hội chưa được đầu tư, không có cơ hội mới và chưa biết đích đến, đồng thời báo cáo riêng tình hình sẵn sàng và đầu tư thực sự. Việc tiếp tục mối quan hệ cần phải được thử nghiệm. Blockchain có thể hỗ trợ các bản ghi, phiên bản quy tắc và thực thi được ủy quyền, nhưng nó không phải là điều kiện tiên quyết để thiết lập các mối quan hệ vốn chung. Tỷ lệ cụ thể, kết nối kinh doanh hiện tại và lịch sử, ranh giới hiệu lực, đợt tham gia đầu tiên, điều kiện chuyển nhượng và mua lại cũng như ngày hoạt động phải tuân theo thiết kế vận hành chính thức và không có cam kết tự do chuyển nhượng hoặc mua lại bất cứ lúc nào.

Trở về ảnh gốc

Nghiên cứu và thực tiễn

Nghiên cứu năng lực doanh nghiệp và quản trị vốn trong thời kỳ biến đổi công nghệ thông minh

蔚腾飞
ANDREW DAVID W.Y. · Nghiên cứu và thực hành cá nhân

weitengfei.com ↗
yutengfei.com ↗

Cùng kiến tạo, cùng phát triển
WISERUNION

wiserunion.com ↗
wiserasset.com ↗

V1.6 · Bản cuối cùng của đề cương nghiên cứu
Ngày 26 tháng 11 năm 2026